

NGUYỄN GIAO CỤ-PHAN DIÊN VŨ-SƠN HÀ
(Sưu tầm và Biên soạn)

KHO TÀNG VĂN HỌC DÂN GIAN VIỆT NAM

TRUYỆN NÓI TRANG



TRẠNG QUỲNH - TRẠNG LỢN - MÂN NHUY - PHỦ TUẤN - XIỂN BỘT
ÔNGÓ - ÔNG TUYN - CHÀNG CUỘI - CHÀNG CU - Y LÓA
THOM MÊNH CHÂY - BÁC BA PHI - NGUYỄN KINH



NHÀ XUẤT BẢN ĐÀ NẴNG

NGUYỄN GIAO CƯ – PHAN DIÊN VĨ – SƠN HÀ
Sưu tầm và Biên soạn

**KHO TÀNG
VĂN HỌC DÂN GIAN
VIỆT NAM**

TRUYỆN NÓI TRẠNG

NHÀ XUẤT BẢN ĐÀ NẴNG

Buồn sao
nay của
Đường Giang
Nhân

KHO TÀNG VĂN HỌC DÂN GIAN VIỆT NAM
TRUYỆN NÓI TRẠNG

Quan Trang 12
v/v

LỜI NÓI ĐẦU

"Nói trạng quá" hoặc "Đó là một tay trạng!" Câu cảm thán kia mà nhân dân ta vẫn hay dùng là một cách để chỉ một con người hoạt bát, ưa thích nói chuyện khôi hài, rất thích dùng thể "thậm xung" khi nói và cả nói khoác. Người miệt đồng bằng Nam bộ thì lại nói: "Ôi, thằng chả nói chuyện Ba Phi đó mà!", hay: "Nói như ông Ó!", cũng là một cách để chỉ những người thích kể các câu chuyện trên.

Thực ra "truyện trạng" trong kho tàng văn học dân gian Việt Nam là một thể loại rất đặc sắc và vô cùng phong phú. Một vài nhà nghiên cứu và sưu tầm còn xếp cả chuyện các "**quan Trạng thật trong lịch sử dân tộc**" vào mảng đề tài này (như các quan Trạng Nguyễn Hiền, Mạc Đĩnh Chi, Nguyễn Bỉnh Khiêm, Lê Quý Đôn...) với ý kiến cho rằng tất cả các "truyện trạng" đều phát xuất từ những truyện thật được dân gian hóa thành giai thoại. Dĩ nhiên khi xếp chung như vậy, câu "nói trạng", hay "nói chuyện Ba Phi" như chúng tôi nói ở trên đã không còn thích hợp nữa!

Những năm gần đây, với xu thế phát triển thông tin toàn cầu, những cảnh báo về sự "xâm lấn văn hóa" là có cơ sở và vì vậy sưu tầm và in lại một cách chọn lọc và có hệ thống những vốn quý của dân tộc là một điều rất có ý nghĩa và vô cùng cần thiết.

Khi biên soạn cuốn sách nhỏ này, chúng tôi không chủ định sưu tầm và đưa vào tất cả những **truyện trạng có thật** mà chỉ chọn những **gai thoại dân mang tính**

bài huoc, châm biếm... xoay quanh một “nhân vật trang” thông minh, tài giỏi, yêu sự công bằng và chống bọn cưỡng quyền. Ngoài tính chất giải trí, gây cười, phần lớn các giai thoại mà chúng tôi chọn để in lần này đều hàm chứa một ý nghĩa nhân văn sâu sắc trong ấy tiếng cười là vui khi chính mà dân gian ta dùng để chia vào tầng lớp thống trị, bọn nhảm giàu hanh tiến, dốt nát, những thành phần cản bá của xã hội và một số tầng lớp đặc biệt khác (như bọn thây bói, đồng cốt, sư săn biển chất...).

Dân tộc chúng ta là một dân tộc hay cười, có khiếu bài huoc và biết cười để sửa sai. Dòng giai thoại này càng ngày càng phát triển và gần gũi với thực trạng đời sống hơn qua các truyện cười của **Bác Ba Phi** mang phong cách rất Nam bộ. Dùa chuyện cười Ba Phi vào Truyện Trạng, chúng tôi hy vọng bạn đọc sẽ có được những so sánh lý thú giữa các cách cười của dân gian ba miền và nhận ra sự phát triển của thể loại này.

Tuy nhiên, dù đã cố gắng thật nhiều với mong muốn có một bản thảo tốt để phục vụ bạn đọc nhưng chắc rằng không thể tránh được những thiếu sót, nhà xuất bản và những người biên soạn mong nhận được những ý kiến đóng góp quý báu từ phía bạn đọc.

NHÀ XUẤT BẢN
NHỮNG NGƯỜI BIÊN SOẠN

TRUYỆN TRANG QUỲNH

ĐẦU TÓ BẰNG CÁI BỒ

Chuyện kể rằng lúc Quỳnh còn nhỏ, mới bảy, tám tuổi, Quỳnh đã tỏ ra thông minh đinh ngô nhưng cũng là một đứa trẻ chúa nghịch. Hồi ấy, bọn trẻ thường chơi trò xước xách, lấy tàu chuỗi làm cờ, lá sen làm lọng. Trong trò chơi, quỳnh bao giờ cũng lấn lướt.

Một đêm mùa thu, trăng tháng tám sáng vàng vặc, đang chơi với đám trẻ ở sân nhà, Quỳnh bảo:

– Chúng bay làm kiệu cho tao ngồi, rồi tao đưa đi xem một người mà cái đầu to bằng cái bồ!

Lũ trẻ tưởng thật, liền tranh nhau làm kiệu rước Quỳnh đi vòng vòng quanh sân, mệt thở muối dứt hơi. Xong, chúng nhất định bắt Quỳnh phải giữ lời hứa. Lúc ấy trăng đã mờ, Quỳnh bảo:

– Tui bây đứng đợi ở cả đây, tôi đi đốt lửa soi cho mà xem!

Bọn trẻ nhỏ hơi sợ, không dám ở lại, chỉ những đứa lớn hơn, bạo dạn đứng chờ. Quỳnh lấy lửa thắp đèn xong đâu đấy, rồi thò đầu che ngọn đèn, bảo:

– Kìa, trông trên vách kìa. Ông to đâu đã ra đấy!

Anh nào cũng nhìn nhơn nhơ nhơn nhác, thấy bóng đầu Quỳnh ở vách to bằng cái bồ thật. Lũ trẻ biết Quỳnh xỏ, quay ra bắt Quỳnh làm kiệu đèn, Quỳnh chạy vào buồng đóng cửa lại, kêu ầm lên. Ông bố tưởng là trẻ đánh, cầm roi chạy ra, lũ trẻ chạy tán loạn.



ĐẤT NỨT CON BỘ HƯNG

Từ thuở bé, ngoài tính nghịch ngợm, hiếu động,

Quỳnh còn tỏ ra thông minh xuất chúng khi học rất giỏi và đối đáp hay, nhất là khi ứng khẩu.

Trong làng cậu bé Quỳnh có một người hay chửi nhưng tính tình kiêu ngạo, đi đâu cũng khoe khoang, tên gọi là ông Tú Cát. Tất nhiên, từ nhỏ Quỳnh đã ghét những người có bản tính như vậy. Một hôm, Quỳnh đang đứng xem đàn lợn ăn cám thì Tú Cát đi qua. Đã được nghe người ta đồn đại về thằng đồng này, Tú Cát không ưa gì Quỳnh, ông ta ra vẻ kẻ cả gọi Quỳnh đến bảo:



- Ta nghe thiên hạ đồn mày là đứa thông minh, ứng đáp rất giỏi. Böyle giờ ta ra cho mày một vế đố, nếu

mà không đổi được thì sẽ biết tay. Nhất định ta sẽ đánh đòn cho chừa các tật láo, nghe chưa!

Nói xong, không đợi Quỳnh thua lại, Tú Cát liền gật gù đọc:

– *Lợn cắn ăn cám tối.*

Đây là một câu đồi rất hắc búa bởi “cán” và “cám” vừa chỉ lợn và thức ăn của lợn, lại vừa là hai quẻ trong kinh Dịch, người có học nhiều còn thấy khó. Thế nhưng, không nao núng, Quỳnh đọc lại ngay:

– *Chó không chờ cắn càn.*

Quả là một vế đồi vừa chỉnh vừa có ý xô xiên. “Khôn” và “càn” cũng là hai quẻ trong kinh Dịch, Quỳnh lại còn ngầm ý chừa Tú Cát là đừng có mà rắc rối. Bị thằng nhỏ hơn mình chơi lại một đòn đau, Tú Cát tức lẩm, hầm hầm bảo:

– Được để coi mày thông minh đến cỡ nào. Tao còn một vế nữa, phải đổi ngay thì tao phục!

Nói xong Tú Cát đọc ngay:

– *Trời sinh ông Tú Cát!*

Vé vừa ra mang tính cách ngọa nghẽ, phách lối. Nào ngờ, Quỳnh chỉ ngay xuống đất, dưới lớp phân heo dùn lên những ụ nhỏ mà đáp:

– *Đất nứt con bọ hung!*

Đến nước này thì dù tức đến hộc máu mồm, Tú Cát cũng đành cút thẳng.

CHUYỆN ĐỀ ĐỨC CHỨA

Tiếng tăm về một thần đồng nhanh chóng được truyền tụng khắp nơi, ngày càng lan rộng và đến tận kinh đô. Nhà vua muốn biết hư thực ra sao, nhưng là người chuộng nhân tài, sau khi suy nghĩ, vua bèn ban lệnh: Cả phủ Thanh Hóa, mỗi làng phải đem nộp một con dê đực đang chửa. Sau hai tháng, nếu làng nào không có sẽ bị trị tội. Cái lệnh tréo ngoe ấy tất nhiên làm dân chúng phủ Thanh hốt hoảng sợ hãi. Cả làng Quỳnh ở, ai cũng nhốn nhác lo âu. Tìm đâu ra dê đực chửa? Mà từ xưa đến giờ đã nghe ai nói cái chuyện lạ lùng ấy đâu! Thế nhưng, khi biết chuyện đó, Quỳnh nói với bố:

– Chuyện gì chớ chuyện này xin bố đừng lo. Bố cứ bảo dân làng chuẩn bị cho con một trăm quan tiền và gạo ăn đường, con sẽ kiếm được dê đực chửa cho làng.

Nghe Quỳnh nói vậy, ông bố không tin, nhưng cũng thưa lại với dân làng. Người tin kẻ nghi nhưng không có cách nào khác, mọi người đành làm theo yêu cầu của Quỳnh. Sáng hôm sau, hai cha con Quỳnh lên đường. Họ đến kinh đô đúng lúc nhà vua có việc đi qua cửa Đông. Quỳnh nép xuống cổng sát vệ đường chờ. Khi xa giá nhà vua đến gần, Quỳnh khóc rống lên. Nghe tiếng khóc có vẻ lạ, vua sai lính lôi đưa trẻ đang khóc

lên hỏi nguyên do. Quỳnh vờ như không biết đây là vua, càng gào to, kể lể:

– Mẹ tôi đã chết mấy năm nay, tôi nói mãi mà bố tôi vẫn không chịu để em bé cho tôi bế...

Vua nghe nói câu ấy, bật cười bảo rằng:

– Ôi chao, quả là một thằng bé đần độn. Ba mày là đàn ông mà để làm sao được?



Chỉ đợi cho vua nói vậy, Quỳnh liền nín ngay, rồi đứng chắp hai tay lại, nói thật trang nghiêm:

– Thưa ông, vậy mà nhà vua bắt dân làng tôi phải nộp dê đực chữa!

Nghe nói vậy, nhà vua giật mình, biết ngay đây là đứa bé thần đồng mà bấy lâu mình vẫn nghe đồn.

MIỆNG KÈ SANG

Bấy giờ Quỳnh đã hơi lớn, đang độ thiếu niên. Trên đường từ phủ về khát quá, Quỳnh vào một quán nước bên đường. Trong quán đã có một viên quan, dáng oai vệ, đang nhai trầu bóm bẽm. Cạnh đó, có một lính vệ đang đứng hầu. Quan nhai xong, hách dịch vút miếng bã trầu ra đất.

Quỳnh đang ngồi uống nước, thấy ngứa mắt liền bước lại cúi nhặt lên, ngắm nghía như muốn tìm kiếm cái gì, rồi đút vào túi.

Quan thấy lạ, hỏi:

– Mày là ai ? Làm gì vậy?

Quỳnh làm bộ khùm num, đáp:

– Bẩm, con là học trò nghèo, lâu nay thường nghe người ta nói “Miệng nhà quan có gang có thép” muốn nhặt lên đem về coi thử có đúng thế không?

Biết mình bị xỏ, lại không biết tên học trò có vẻ xác xược này là Quỳnh, quan liền bảo:

– Đã xung là học trò thì người phải đổi ngay câu tục ngữ mà người vừa nói đó đi, hay thì ta thường, dở

sẽ đánh đòn. Mà nhớ là tục ngữ phải đổi bằng tục ngữ, nghe chưa!

Quỳnh giả bộ rụt rè, thưa thưa bẩm bẩm:

– Con sợ mang tiếng xược... không dám đổi.

Tưởng anh chàng học trò đang bí, quan bảo:

– Ta cho người cứ nói, còn đổi không được thì nằm xuống để ta đánh đòn.

– Nếu thế thì con xin đổi ạ.

– Được. Đổi ngay đi, ta nghe thử !

Quỳnh thong thả đọc về đổi:

– *Dồ nhà khó vừa nhọ vừa thâm.*

Nghe xong, mặt quan xám lại như tro bếp: Câu đổi lại đúng là câu tục ngữ, không thể bắt bẻ vào đâu được.

Biết ngồi lâu không tiện, quan giục lính hầu ra đi, quên bằng lời hứa thưởng tiền cho anh học trò nghèo.

Chẳng bao lâu, chuyện ấy lan ra khắp vùng, tên quan kia thì xấu hổ vì làm miệng cười cho thiên hạ còn tiếng tăm của Quỳnh càng nổi như cồn.

PHƠI SÁCH, PHƠI BỤNG

Ở làng Quỳnh có một lão trọc phú. Lão này đã dốt lại thích học làm sang, thỉnh thoảng mò đến nhà Trạng, đòi mượn sách. Tất nhiên lão có mượn được sách về thì cũng biết gì đâu đọc. Quỳnh bực lẩm, một bận, thấy lão lấp ló đầu cổng, Quỳnh vội vác ngay chiếc chông tre ra sân, cởi áo nǎm phơi bụng. Lão trọc phú bước vào, thấy lạ, hỏi:

– Thầy làm gì thế?

Quỳnh đáp:

– À ! Có gì đâu ! Hôm nay được cái nắng tôi đem phơi sách cho khô móc.

– Sách ở đâu?

Quỳnh chỉ vào bụng:

– Sách chứa đầy trong này !

Biết mình bị đuổi khéo, trọc phú lùi thui ra về.

Bận khác, lão cho người mời Quỳnh đến nhà. Để rửa mồi nhục cũ, lão cũng bắt chước, đánh trắn, nǎm ngừa bụng sẵn sẵn giữa sân đợi khách...

Quỳnh vừa bước vào, lão cất giọng con vẹt, bắt chước...

– Hôm nay được cái nắng tôt nambi phơi sách cho khỏi mốc.

Bất ngờ Quỳnh cười toáng, lấy tay vỗ bình bịch vào cái bụng phệ mà nói:

– Ruột nhà ông toàn chứa những của ngon chưa tiêu hết phải đem phơi, chứ làm cóc gì có sách mà phơi!



Lão trố mắt kinh ngạc:

– Sao thày biết ?

Quỳnh lại cười toáng lên, lấy tay lắc lắc cái bụng béo ụ ị của lão:

– Ông nghe rõ chứ ? Bụng ông nó đang kêu “ong óc” đây này ! Tiếng cơm, tiếng gà, tiếng cá, lợn... chứ có phải tiếng chū, tiếng sách đâu. Thôi ngồi dậy, mặc áo vào nhà đi.

Lão trọc phú lùi thui làm theo lời Quỳnh, và ngồi tiếp khách một cách miến cưỡng.

CHÚA LIỄU MẮC LỒM

Lúc Quỳnh còn là học trò nhà nghèo, phải ra đền Sòng xin cây rẽ. Đền Sòng quê ông là nơi thờ Bà Chúa Liễu nổi tiếng rất linh thiêng, không ai là không kinh sợ. Chúa Liễu có nhiều ruộng và bà chúa cũng chó cây rẽ để lấy lợi. Lần ấy, Quỳnh vào đền khấn mượn đất xong thì khấn quẻ âm dương hỏi Chúa là bà sẽ lấy gốc hay lấy ngọn trong vụ thu hoạch tới. Lần đầu Chúa bảo lấy ngọn, thế là vụ ấy Quỳnh trồng khoai lang. Đến khi khoai đã có củ, đào khoai xong, Quỳnh đem hết củ về nhà còn bao nhiêu dây khoai đem để đền bà Chúa.

Lần thứ hai, xin âm dương, Chúa đòi lấy gốc để ngọn cho Quỳnh. Mùa ấy Quỳnh liền trồng lúa. Đến mùa gặt, Quỳnh cắt hết bông và đem gốc rạ trả cho bà Chúa!

Chúa Liễu hai lần bị Quỳnh lừa, tức giận lắm song đã trót hứa rồi, không biết làm thế nào được. Lần thứ ba, Quỳnh đến xin thì Chúa bảo lấy cả gốc lẫn ngọn, còn khúc giữa cho Quỳnh, Quỳnh giả vờ kêu ca:

– Chị lấy thế thì em còn được gì nữa!

Khấn đi khấn lại mãi, Chúa nhất định không nghe, Quỳnh về trồng ngô, đến kỳ bẻ ngô bao nhiêu bắp Quỳnh giữ lại, còn ngọn và gốc thì đem nộp Chúa.

Chúa mặc mưu Quỳnh ba lần, đòi lại ruộng, song trong ba vụ ấy, Quỳnh đã kiếm cũng được cái vốn kha khá rồi.

VAY TIỀN CHÚA LIỄU

Lại một lần Quỳnh vào yết đền, thấy Chúa Liễu có nhiều tiền, lại đang lúc túng quẫn, liền nghĩ cách vay tiền, Quỳnh khấn:

- Em độ này túng lăm, mà chị lại đang có tiền để không, xin cho em vay để em mua bán, kiếm ít lời sẽ trả lại.

Nói rồi, khấn dài âm dương: "Sắp thì chia tư, chị cho em vay một phần, ngửa thì chia ba, chị cho một phần, chị mà thuận cho một nửa thì xin nhất âm nhất dương".

Thấy đằng nào Quỳnh cũng vay được, mà ý Chúa Liễu thì không muốn cho vay, vì biết được là cho Quỳnh vay, cũng như lần cấy rẽ ruộng, Chúa Liễu nhất định sẽ thiệt, liền cứ làm cho hai đồng tiền quay tít, chẳng sấp mà cũng chẳng ngửa.

Quỳnh thấy thế vỗ tay reo:

- Tiền múa Chúa cười, thế là chị băng lòng cho em vay cá rồi!

Nói xong, lấy hết cả tiền, bỏ vô bao mà về.

TRÀƠN BÀ CHÚA LIỄU

Gặp khoa thi, Quỳnh ra ứng thí. Đường đi qua
đèn Sòng, Quỳnh vào yết Chúa Liễu, xin Chúa
phù hộ cho, dỗ thì xin trả lễ. Quỳnh ra thi, quá nhiên
dỗ thật. Vinh qui về, Quỳnh mua một con bò mẹ, một
con bò con đem đến lễ. Quỳnh quỳ xuống lạy, rồi dắt
con bò mẹ đến buộc vào tay ngài mà khấn rằng:

– Chúa có lòng thương phù hộ cho Quỳnh được dỗ,
nay gọi là có một con bò để trả lễ. Xin Chúa nhận cho.
Chúa là chị, xin lễ con lớn, còn con nhỏ, em xin đem về
khao dân.

Nói rồi, dắt bò con về. Con bò mẹ thấy dắt mất
con đi, lồng lên chạy theo, làm ngài Chúa dỗ lồng
chồng, long gầy cá. Quỳnh cười nói:

– Chị thương em nghèo, trả không lấy, thì em xin
đem về vậy.

Nói rồi dắt cả hai mẹ con bò về.

TÀ CHÚA LIỄU BA BÒ

Chuyện Quỳnh lừa Chúa Liễu chỉ cúng bò bằng lời khấn suông, lại còn làm đổ gãy cả tai ngai, làm Chúa giận lắm, nên Chúa Bắt vợ Quỳnh ốm lăn ốm lóc. Theo yêu cầu của vợ, Quỳnh đành phải đến đền khấn, để Chúa Liễu giải hạn cho, Quỳnh đến, khấn:

– Em lỡ đùa với chị, em có lỗi, thì chị quở em, sao chị lại đi phạt vợ con em bắt phải ốm, mà họ có tội tình gì? Em xin chị tha cho vợ con em, và xin lần này sê tạ chị ba bò, em sê để ở ngoài sân, chứ không dám vào đền, chị yên tâm, khỏi phải lo gãy đổ.

Chúa Liễu nghe Quỳnh nói lễ những ba bò thì mừng lắm. Lại hứa cúng ở ngoài sân, như thế, thì Quỳnh cũng tỏ ra biết điều.

Khi vợ con hết ốm, Quỳnh lững thingo đến đền với đôi tay không, rồi đứng trước bàn thờ Chúa Liễu, chắp tay khấn:

– Chị đã phù hộ cho vợ con em tai qua nạn khói, biết ơn chị, nay giữ đúng lời hứa, em xin tạ chị đủ “ba bò” ở ngay tại sân đền.

Nói xong, Quỳnh từ từ lui ra, rồi quỳ xuống, bò đúng ba vòng trước sân. Bò xong, Quỳnh phuôi tay, đứng dậy, ngoanh mặt vào phía bàn thờ Chúa Liễu cười:

ruyện nói trạng

— Thế là chị sướng nhá! Em tạ chị lần này những “ba bò” đây!

Xong, Quỳnh ung dung bước ra về, để lại nỗi tức giận tràn hông cho Chúa Liễu.



QUỲNH CÙNG THẦN HÒANG

Lần khác, vợ Quỳnh ốm, thuốc thang chữa mãi không khỏi, xem bói, thì ra không phải tại Chúa Liễu mà so động Thành hoàng bắn thó. Quỳnh ra đình khấn vái, xin Thành hoàng cho khỏi, sẽ sửa gà lẽ tạ. Khấn xong, về đến nhà thì vợ đã khỏi rồi. Bà vợ giục làm gà lẽ tạ, Quỳnh bảo:

– Được, nhà không có gà ta có cái khác để lẽ tạ rồi.

Rồi Quỳnh vào ổ gà, thu hai quả trứng, đem luộc. Người nhà tưởng luộc để đánh gió. Một lúc, Quỳnh khăn áo chững chac, cầm cái đĩa và hai quả trứng đi. Người nhà lấy làm lạ, đi theo xem, thì thấy Quỳnh vào đình để đĩa trứng lên hương án rồi đứng đọc bài văn tế nôm rằng:

*Chú là kẻ cả trong làng,
Ta là người sang trong nước,
Đôi bên chức tước chả kém gì nhau.
Vì trẻ nó đau, phải ra khấn vái.
Phiên chợ thì trái, không mua được gì.
Nhà có con ri nó vừa nhảy ổ,
Bắt ra mà mổ, nghĩ cũng thương tình,
Chú có anh linh, xơi hai trứng vậy.*

Khấn xong, chǎng lẽ, chǎng vái gì trở ra về nói với vợ là yên tâm dưỡng cho thật lành bệnh bởi Thần hoàng đã nhận lẽ mà băng lòng rồi.

BÀ BANH HẾT CẢ LINH THIÊNG

Hồi ấy, gần xứ Quỳnh Ô, có một pho tượng đá
rất kỳ lạ, trần truồng đứng giữa đồng, miệng
túm tím cười, tay trỏ xuống chỗ kín, gọi là tượng bà
Banh.

Pho tượng kỳ cục vậy nhưng linh lăm, ai đi qua
trông thấy, nhéch mép cười thì không xéch mồm cũng
méo miệng. Đồn rằng đó là chỗ người Tàu giấu của,
thiêng lăm. Quỳnh nghe đồn, đi xem. Đến nơi thấy
tượng trần truồng mà chân lại đi giày, cổ đeo hạt.
Quỳnh không cười không nói, cầm bút đề ngay vào ngực
tượng một bài thơ nôm rằng:

Khen ai dèo đá tạc nên này!

Khéo đứng ru mà đứng mãi đây?

Trên cổ đếm đeo đăm chuỗi hạt.

Dưới chân đứng chéo một đôi giày,

Áy đã phát cờ trêu ghẹo tiếu,

Hay là bốc gạo thử thanh thẩy?

Có ngửa gần đây nhiều gốc dừa,

Phô phang chi ở đám quan này.

Quỳnh đề thơ xong, bỏ đi. Tượng đá bỗng toát mồ
hôi ra, từ đó mất thiêng.

PHẬT SAY

Làng Thụy Chương xưa là một làng nổi tiếng về nghề nấu rượu. Rượu ở đây thơm ngon đặc biệt.

Mé trước làng ở ven hồ Tây có một ngôi chùa nhỏ. Thời Lê trung hưng, chùa đổ nát chỉ còn剩 một pho tượng tay chống gậy, xiêu vẹo, nghiêng ngả.

Một hôm Quỳnh vào làng mua rượu, thấy pho tượng như vậy, mới làm mấy câu thơ đùa:

Ông đứng chi mà đứng mãi đây?

Dập đèn như tinh lại như say,

Vai nào dâ chuốc cho ông rượu?

Còn có cho vay một nâm đây?

Tương truyền từ đó, dân làng ai cũng gọi tượng là “phật say”.

ĐÒM NHÌ QUAN BẮNG

Tương truyền rằng Quỳnh sinh cùng thời với nữ sĩ nổi tiếng, người đã dịch Chinh Phụ Ngâm của Đặng Trần Côn ra thơ Nôm là Đoàn Thị Điểm.

Ngày ấy, Quỳnh đã thành niên, nhà quan Băng sinh ra thị Điểm, dạy học trò đông lăm. Quỳnh ngày ngày giả vờ đến xem bình văn, để ngáp nghé cô Điểm. Học trò biết ý, vào thưa với quan Băng, ngài liền cho bắt vào hỏi:

– Anh kia, anh muốn gì mà cứ thầm thò thầm thút vào ra nơi đây?

Quỳnh thưa:

– Tôi là học trò, thấy trường quan lớn bình văn, tôi đến nghe trộm.

Quan Băng nói:

– Ta biết rồi, anh đừng giả danh học trò mà bắt chước tuồng chim chuột. Có phải học trò thì ta ra cho một câu đồi, không đồi được thì đánh đòn!

Quỳnh vâng.

Quan Băng ra một câu:

– *Thằng quỉ ôm cái đầu đứng cửa khôi nguyên.*

Quỳnh ứng khẩu đối ngay:

- Con mộc dựa cây bàng dòm nhà Bảng nhän.

Quan Bảng ngạc nhiên vô cùng. Câu đối phải nói vào loại "hóc" thế mà Quỳnh đọc ngay không cần phải nghĩ ngợi gì chứng tỏ hải là người thông minh xuất chúng. Ông có bụng yêu, bèn giữ Quỳnh lại nuôi cho ăn học. Từ ngày đó, như rồng gặp mây, Quỳnh học tần tới lầm, kỳ nào văn cũng được đọc mẫu. Từ ngày trường quan Bảng có Quỳnh, bao nhiêu học trò danh sĩ đều phái nhận Quỳnh là tài giỏi hơn cả.

Quan Bảng thấy Quỳnh học giỏi, có ý muốn gả cô Điểm cho, mà cô Điểm cũng thuận.

Quỳnh biết rằng cô Điểm chắc vào tay mình rồi, thỏa được ước nguyện, song tính tinh nghịch, cứ đùa cợt luôn. Cô Điểm đứng đắn, thùy mị lại không ưa kiểu chót nhả, Quỳnh lại càng ghẹo dai. Chính vì vậy mới có những cuộc đối đáp lý thú về sau này ...



ĐỐI ĐÁP VỚI ĐOÀN THỊ ĐIỂM

Thuở còn đi học, Quỳnh càng ngày càng mê cô con gái thầy học là Đoàn Thị Điểm là người vừa xinh đẹp, doan trang lại giỏi văn thơ.

Nhưng trêu chọc với nàng không dễ bởi ngoài tính tình nghiêm trang, Thị Điểm còn rất giỏi văn thơ nhất là ứng đối. Có lần Quỳnh từ phố Mía về, Thị Điểm thấy Quỳnh đang ngồi, liền ra ngay một vế đối có ý trêu:

Lên phố Mía, gặp cô hàng mật, cầm tay kéo lại hỏi thăm đường. (Kéo tiếng địa phương còn có nghĩa là kéo lại).

Gặp câu đối ra toàn mía, mật kẹo, đường, Quỳnh nghĩ mãi không ra vế đối, bí quá, đành phải đánh bài chuồn.

Một hôm, thấy cô Điểm vào buồng tắm, nhà vắng, Quỳnh nghịch ngợm gõ cửa đòi vào. Cô Điểm vốn hay chữ, tức cảnh, ra ngay một vế đối, bảo Quỳnh đối được thì cho vào. Câu đối như sau:

-Da trắng vỏ bì bạch!

(Bì bạch, chữ Hán cũng có nghĩa là da trắng).

Quỳnh nát óc vẫn không tìm ra câu để đối, đành lùi thui bỏ đi nhưng nghĩ bụng sẽ tìm dịp lорм lại Thị Điểm.

Một lần khác, Quỳnh ngồi đối diện với Thị Điểm qua cửa sổ Thị Điểm lại đọc một câu:

Hai người ngồi song song hai cửa sổ (Song là hai, song cũng có nghĩa là song cửa). Lại một lần nữa, gặp câu quá hóc búa, Quỳnh bí quá dành lảng ra chỗ khác.

Một hôm tối trời, thừa lúc Thị Điểm ra ngoài, Quỳnh lén vào giường Thị Điểm nằm trước. Thị Điểm không biết, vào buồng sờ soạng, vô tình quờ ngay tay vào... Thị Điểm biết ngay là Quỳnh nghịch ngợm, liền ra cho một vế đối, bảo không đối được sẽ mách thầy học về tội sàm sỡ.

Vế đối ra như sau:

Trường nội vô phong phàm tự lập

(Trong phòng không có gió mà cột buồm lại dựng lên).

Lần này Quỳnh đối được ngay:

Hưng trung bất vũ thủy trường lưu .

(Trong bụng không có mưa mà nước vẫn chảy dài).

Lần đó Quỳnh thoát tội.

Nhân ngày xuân, thầy sai Thị Điểm đem lẽ lên chùa. Quỳnh được thầy cho theo cùng. Trên đường, Thị Điểm chỉ cây xương rồng bảo Quỳnh:

- *Cây xương rồng, trồng đất rắn, long vẫn hoàn long* (Long là lồng leo, chữ Hán long nghĩa là rồng, mà chữ rồng đã dùng ở trên).

Về ý, Thị Điểm nói bóng, Quỳnh ngang ngạnh, có dạy dỗ thế nào cũng không chuyển được.

Chữ đối đã khó, ý lại sâu xa. Thế mà Quỳnh đối lại được rất chỉnh, lại tỏ được cái ý nhất quyết giữ cái tính ấy và còn thách thức Thị Điểm nữa.

Quỳnh đối như sau:

- *Quả dưa chuột, tuột thảng gang, thử chơi thì thử*
(Thử chữ hán nghĩa là chuột, mà chữ chuột cũng đã dùng trên).

Cũng qua lần đối đáp này, hai người thấy tư tưởng không hợp nhau nên từ đây thôi xướng họa.



TẤT CẢ ĐỀU CÂM ĐIỀC

Sinh thời, lúc còn thanh niên, nổi tiếng là người thông thái, hiểu rộng, biết nhiều, nhưng Quỳnh không ưa gì chuyện cù nghiệp bởi chính ông là người luôn châm chọc cái cảnh phải luôn cúi của các "bậc công hầu". Vì vậy, mỗi lần triều đình mở khoa thi, nhiều người giục chàng lèu chông ứng thí, chàng đều gạt phăng, tìm cách nói lảng sang chuyện khác.

Lần ấy vì nể thầy học, lời khuyên của bạn bè, và cả lòng kỳ vọng của dân làng, Quỳnh dành đi thi cho phép. Năm đó, nhà chúa mừng sinh nhật con trai, các quan trường bèn nảy ra ý định ninh hót chúa, bàn nhau ra để thi nói về diêm lành của đất nước. Đoán được ý ấy, Quỳnh nghĩ ra cách làm một bài văn phải hàm được hai nghĩa: bê ngoài, đọc lên nghe như lời ngợi ca công đức của chúa và sự an vui của mọi người, nhưng nghĩa ẩn của nó lại là một sự phủ định. Trong bài văn ấy có hai câu khái quát hiện trạng đất nước như sau:

"Quan tắc cổ, dân tắc cổ, đái hàm quan Nghiêu Thuấn chi dân" (Nghĩa là: Quan cũn theo phép xưa, dân cũng theo phép xưa, đội ơn quan, dân được sống đời Nghiêu Thuấn) và đối lại:

"Thượng ung tai, hạ ung tai, ý đâu lai Đường Ngu chi đức" (Nghĩa là: Trên cũng vui vậy thay, dưới cũng vui vậy thay, dựa vào đám đầu lai có đức độ thời Đường Ngu).



Mới nghe đọc lên lần đầu chúa Trịnh đã khen: Hay quá, người làm hai câu này thật xứng đáng cho giải nhất!

Quan chủ khảo đứng bên cạnh cũng đã từng nghe danh tiếng của Quỳnh, liền tâu với chúa:

– Khải chúa! Trong hai câu ấy, thần thấy có ẩn cái ý không thuận.

– Quan thật đa nghi quá. Ca tụng công đức của chúa như vậy có gì mà không thuận?

– Khải chúa, cứ theo cái nghĩa chữ Hán thì hai câu ấy đúng là hay thật, nhưng Quỳnh là loại thâm nho, từng đã dùng chữ nghĩa chơi khăm nhiều người, và chắc hẳn không bao giờ bằng lòng thứ văn chương một nghĩa. Theo sự hiểu biết cạn hẹp của thần, thì hai câu ấy xướng theo nghĩa đồng âm trực tiếp nghe ra ngại lầm, không dám đọc lên để chúa thưởng lâm.

– Ta cho phép quan cứ nói.

– Khải chúa, nếu vậy thần xin nói, hai câu ấy có dụng ý phi báng, táo tợn. Nếu đọc theo kiểu nôm, thì rõ ràng là câu chửi tục.

– Chửi tục cũng không sao, nhà người cứ trình bày ta nghe thử!

– Vậy thần mạo muội thưa: “Quan tắc cổ, dân tắc cổ” có nghĩa là “trên cũng câm, dưới cũng câm” (thưa: tất cổ là câm không dám nói đấy ạ!). Còn “đái hàm quan Nghiên Thuần chi dân” tức là “đái vào hàm bợn

Truyện nói trạng

quan lại dám bảo rằng dân chúng đang sống dưới thời Nghiêu Thuấn”.

– Nếu quả vậy thì Quỳnh lão thật!

– Khải chúa, chưa hết đâu. Câu sau này còn hàm ý báng bổ tệ hại hơn. “Thượng ung tai, hạ ung tai”, nghĩa là “Đứa trên thối tai, đứa dưới cũng thối tai” (ung tai tức thối tai; là cả trên dưới đều là một lũ điếc đáy ạ). Vì điếc hết nên không biết rằng “ý đầu lai Đường Ngu chí sĩ” nghĩa là hắn bảo “ia vào đầu lũ nha lại dám bảo rằng kẻ sĩ đang mở mặt giữa đời Đường Ngu”.

– Láo quá! Thật láo quá! Vậy thì nên xử lý như thế nào?

– Khải chúa! Đôi với Quỳnh phải hết sức thận trọng. Không dễ bắt bẻ hắn ta, vì trên giấy trắng mực đen không thể luận tội được. Chỉ có một các bí mật đánh hỏng y. Thần là chủ khảo, nên điều ấy không khó, xin chúa hãy yên lòng.

Mà đánh hỏng Quỳnh có nghĩa là làm theo đúng ý của Quỳnh đâu có cần đỗ đạt. Quỳnh đi thi là để đáp lại tấm thịnh tình của mọi người thân, lại có cơ hội đả kích vào thói xu nịnh của đám quan trường và “chọc” nhà chúa một trận nên thân, còn mình thì vẫn giữ tròn khí tiết.

THỬA GIẤY VẼ VOI

Trong lần thi hội, Cống Quỳnh không có ý định ứng thí, nhưng vì nể lời chúa Trịnh ép đi thi để lấy Trạng Nguyên, nên Quỳnh nhận lời.

Lúc vào trường thi, Quỳnh làm bài rất nhanh, xong sớm trước nhiều thí sinh khác. Lẽ ra Quỳnh đem nộp quyển, nhưng vì chẳng thiết chuyện đỗ đạt, nên tẩy máy giờ bài ra xem lại. Thấy còn một đoạn giấy trăng bên dưới, Quỳnh liền chấm bút vẽ một bầy voi, rồi tiện tay dề luôn bên cạnh mấy câu thơ ngẫu hứng:

Văn chương phú túc đã xong rồi.

Thùa giấy làm chi chẳng vẽ voi ?

Tớ có một điều xin bảo thật

Đứa nào cười tớ, nó ăn bòi.

Quỳnh làm như vậy là cố ý chọc tức các quan chủ khảo, họ sẽ điên tiết lên khi đọc những dòng này và sẽ đánh hỏng Quỳnh với tội “phạm trường quy”. Thực ra Quỳnh đâu cần sự thăng quan tiến chức.

Lúc ấy, có viên quan giám thị theo dõi, liếc thấy bài thơ tú tuyệt ngạo mạn của Quỳnh, bèn chạy đi báo với quan giám khảo. Quan sơ khảo và quan phúc khảo rón rén đến dòm thử thì quả đúng như vậy. Quỳnh biết các hành động của ban giám khảo, nhưng cứ tảng lờ coi như không. Đợi đến lúc các quan trưởng xúm lại đồng

đảo, Quỳnh mới đưa bút viết tiếp hai câu thơ nữa vịnh bức tranh voi vừa vẽ:

Voi mẹ, voi con, voi lúc nhúc

Chú sờ, chú phúc, rúc mà coi.

Đám quan viên lúc này căm thấy sượng sùng nên bầm nhau rút lẹ, đứng lâu ở đó e không khéo lại bị Quỳnh chơi khăm, mất mặt nữa.



NGỌC NGƯỜI

Chúa Trịnh có một viên ngọc quý, suốt ngày nâng niu, giữ gìn rất cẩn thận. Nhân một buổi dạ tiệc, Chúa đem ngọc ra khoe. Các quan nhiều kẻ có thói hay nịnh bợ, đua nhau tán tung. Kẻ thì nói: "Ngọc của chúa quý hơn ngọc của rắn, mang vào người, có thể nghe được tiếng chim kêu, tiếng sâu, kiến!". Kẻ khác lại nói: "Ngọc của chúa quý hơn ngọc rết, giữ ngọc rết trong người dáo chém không đứt, tên bắn không trúng, xông pha trận mạc như đi vào chỗ không người!". Kẻ khác lại ngọt ngào: "Ngọc của chúa quý hơn ngọc ba tiêu, lấy trong cây chuối, ba nghìn năm mới có một lần, giữ được ngọc này thì thoát tục, tới được cõi bồng lai, lại có thể phân biệt được đâu là yêu quái, đâu là người trần tục!". Nhiều kẻ thi nhau tán tung, nào đó là ngọc kỵ thủy, ngọc kỵ hỏa v.v...

Thầy Quỳnh vẫn đứng yên không nói nǎng gì, chúa bèn hỏi. Quỳnh chấp tay cung kính thưa:

– Bẩm chúa, trong cõi trời đất này, không có gì quý bằng người. Ngọc rắn, ngọc rết có quý, những sao dám sánh cùng ngọc người? Ngọc người thì chỉ nằm trong óc người. Nhưng chỉ kẻ nào ngu ngốc mới có ngọc, con khôn ngoan, thông minh thì lại không thể có được!

Chúa hỏi:

– Vì sao người ngu ngốc mới có ngọc?

Quỳnh đáp:

– Chúa chả nghe người ta bảo người khôn thì anh hoa phát tiết ra ngoài đó ư? Còn kẻ ngu ngốc vì bao nhiêu cái khôn không xuất ra được nên hun đúc trong óc rồi lâu ngày dẫn thành ngọc!

Chúa nghe vậy thì tin, thích lắm bảo rằng:

– Người nói nghe có lý. Vậy thì người mau tìm cho ta một viên ngọc người vậy!

Quỳnh lại tâu:

– Kẻ hạ thần tuy là người trần mắt tục nhưng vẫn thấy hào quang đang tỏa rạng quanh mình chúa.

Đám bá quan văn võ ưa xu nịnh nghe thế được dịp dập đầu đồng thanh hô vang:

– Muôn tâu, hào quang tỏa rạng quanh mình chúa thương. Hào quang tỏa rạng quanh mình chúa thương! Chúng thần nhìn rõ lắm!

Nghe lời nịnh ấy, chúa vô cùng thích chí, mặt mày rạng rỡ. Quỳnh tiếp ngay:

– Tâu chúa thương, đó chính là hào quang của viên ngọc. Nếu chúa muốn thấy nó, xin chúa hãy truyền cho ngự y tìm cách mở óc ra sẽ được ngọc ngay!

Chúa chợt hiểu ra mình bị chơi xỏ, tức uất người nhưng chỉ dành cảm lặng trong khi bọn quan nịnh thì cha hiểu sao chúa vừa vui vẻ đã quay sang bức bối.

ĐƠN TRÌNH BÒ CHẾT CỦA CÔ GÁI KẺ NGHÌ

Giai thoại này kể về lúc Quỳnh chưa ra làm quan. Trên đường từ huyện về Kẻ Nghi, Quỳnh gặp một cô gái từ Kẻ Nghi lên huyện. Đường đi phải qua một quãng đường đồng lầy lội. Hỏi chuyện, Quỳnh biết cô gái lên huyện để đưa đơn trình quan về việc con bò bị chết, xin được đem chôn. Quỳnh hỏi mượn đơn xem, rồi giả vờ lỡ tay đánh rơi đơn xuống bùn. Cô gái Kẻ Nghi bắt đèn, Quỳnh làm ngay đơn khác để cô trình quan. Lá đơn ấy, Quỳnh viết:

Tôi là con gái Kẻ Nghi

Có con bò chết đem đi trình người

Lội đồng, vẩy ướt, đơn rơi

Tôi phải mượn người làm cái đơn ni

Đem vào trình với chú Tri

Mong chú chấp lấy đơn ni làm bằng

Nếu mà chú nói mần răng

Thì chú bú c... cho thằng mần đơn.

Cô gái đến cửa quan và nộp đơn, hầu chờ phán xét.

Đọc xong, mặt tím bầm, quan quát:

– Thằng nào viết đơn này cho mày?

- Bấm quan một người đi đường ạ!
- Sao lại một người đi đường?

Bấm quan người ấy biết con làm đơn trình quan về việc bò chết, người ấy mượn đọc, không may lỡ tay, làm rơi lá đơn của con xuống nước, người ấy sợ quan quở, phải viết lại lá đơn này cho con đến trình quan.

- Hình dạng người ấy ra sao?

- Dạ, bấm quan, người to, bụng hơi phệ, mặc áo nǎm thân, quần lá làn, và ...

- Và cái mả cha mày à, lần sau đơn có rơi cũng không được để cho người ấy viết lại nữa nghe không?

Nói rồi, quan gọi lính đuổi cô gái ra khỏi công đường.



MẸO TRÂY KINH

Mùa đông nam ây, Quỳnh có việc cần đi gấp
người bà con đang sinh song ở Thăng Long.
Đường về kinh thì xa, cuộc hô phai mai ca tuan, mà
Quỳnh vốn vẹn có một quan tiền giắt lưng. Mới ngày thứ
ba túi đã hết nhẫn tiền, chiều xuống, trời ám u, lại điểm
mưa lâm thâm, gió bắc. Đến đầu làng kia, bụng đói cồn
cào, vừa may gặp một đứa bé mục đồng dắt trâu về xóm,
Quỳnh mừng rỡ hỏi thăm lối vào nhà ấp trưởng.



Áp trưởng làng này vừa giàu sụ, vừa nổi tiếng qui quyết. Qua vài lời chuyện trò với người lỡ độ đường, hắn đoán thầm khách không phải là hạng tầm thường, bèn vồn vã mời nghỉ lại và sai gia nhân làm mâm cơm thịnh soạn để thết đãi. Nhưng mấy ngày liền, khách cứ đi dì lại lại, rồi đến bữa nằm dài đợi cơm rượu hỏi đến chưa danh công vụ thì cứ âm âm ờ ờ. Chủ nhà sốt ruột, sinh nghi. Như thường lệ, tối hôm ấy ăn xong một lúc, Quỳnh cáo lui về phòng riêng giáp với phòng ngủ của chủ nhân. Được một chặp, Quỳnh tắt đèn lên giường nằm. Biết ở phòng bên có người vẫn thức rình mò mọi hành vi của mình, lát sau Quỳnh vờ thức dậy rón rén thấp đèn, sau đó cẩn thận lẩn dưới vạt áo, lấy ra một bọc nho nhỏ bên trong đựng ba gói vuông, bắn băng nhau. Khách cầm bút lông chấm chấm, mút mút đầu ngòi, hí hoáy viết vào từng gói như để đánh dấu cho khỏi nhầm lẫn (thực ra chẳng viết gì cả), miệng lẩm nhẩm đọc, cố ý cho kẻ đang rình bên kia khe vách vừa đủ lắng nghe: Độc dược (thuốc độc) của nhà chúa... Độc dược của bà chính cung ... Độc dược của thái tử. Làm như vậy, đoạn Quỳnh đem gói chung thành một bọc như cũ, giắt vào lưng áo. Xong rồi tắt đèn, lên giường nằm trở lại. Khi phòng bên này bắt đầu tiếng ngày đều đều, thì phòng bên vọng sang tiếng động khe khẽ. Tên áp trưởng bí mật mở chốt cửa ra ngoài, lén đến chuồng ngựa ... hộc tốc lao đi trong đêm.

Sáng hôm sau, mới hửng sáng, quan quân từ đâu ập tới nhà trưởng áp đông nghịt, gươm giáo tua tủa vây

kín mọi phía. Quỳnh mở mắt, chưa kịp búi tó đã bị trói nghiền lại, quăng lên một chiếc xe có bốn ngựa kéo, trẩy về kinh.

Trước phủ chúa, Quỳnh bị điệu ra xét xử với nhân chứng và vật chứng rành rành. Chúa đích thân tự tay mở tang vật. Té ra chẳng có gì ghê gớm! Chiếc bọc được gói kỹ lưỡng trong mấy lần mo cau, phủ ngoài bằng một vuông vải điều là chiếc bọc chứa ở bên trong mấy gói cơm khô nhỏ, Chúa lấy mũi hài đá té nấm cơm về phía Quỳnh, hất hàm tỏ vẻ khinh miệt:

– Ta tưởng thế nào... Tài giỏi như Trạng mà cũng ăn cả cái vứt đi này à?

– Khại chúa – Quỳnh đáp lại không chút ngần ngại, nhà chúa thừa thãi mới gọi đó là của vứt đi. Còn thần dân bên dưới đâu dám phung phí một hạt, họ gọi cơm gạo là ngọc thực.

Nói rồi, Quỳnh trân trọng nhất lấy mấy hạt cơm khô bỏ vào mồn nhai rào rạo. Chúa biết mình lỡ lời, đỏ bừng mặt, lại thêm một phen mắc lõm, tức lộn ruột. Không có cơ gì buộc tội Quỳnh, chúa truyền nọc tên áp trưởng ra, bắt lính đánh ba chục trượng vì tội nói láo và báo sai.

Trước cảnh tượng ấy, Trạng chỉ biết mỉm cười. Mặc dầu đã được tha bổng, trước khi bái biệt bề trên, Quỳnh vẫn không quên giêu chúa bằng những lời can khéo:

– Xin chúa rộng lượng tha thứ cho áp trưởng. Và cho thần được cảm ơn hấn cùng quan quân triều đình.

TRÀ NỢ ANH LÁI ĐÒ

Quỳnh đi đò ngang thường chịu tiền, lâu quá
hóá nhiều, không trả được.

Lúc anh lái đò đến đồi, Quỳnh bảo:

– Ủ đợi đấy, mai ta trả.



Rồi mua tre nứa, lá gõi làm một cái nhà bè ở giữa sông, trong đê một câu:

“ Đ... mẹ thằng nào bảo thằng nào!”

Và phao âm lên rằng đó là lần yết thơ của Trạng.

Thấy nói thơ Trạng, thiên hạ nô nức kéo nhau đi xem. Đi đò ra đến nơi, thấy độc một câu như thế, chán quá lại đi đò về. Người khác gặp hỏi thì câu, chỉ trả lời:

- Ra mà xem!

Thế là thiên hạ càng thấy là, càng xô nhau ra xem. Anh lái đò chở hết chuyến nợ đến chuyến kia không kịp, trong ba bốn ngày, được không biết bao nhiêu tiền.

Được mấy hôm, Quỳnh dỡ nhà bè, bán lại cho anh lái đò. Anh lái trừ nợ, Quỳnh mắng:

- Anh còn nợ ta thì có, ai làm cho anh mấy hôm chở được bấy nhiêu tiền?

Anh lái đò mới nhận ra, liền cám ơn Quỳnh rối rít và xin trả đủ tiền.

ÔNG NỌ BÀ KIA

Ở làng Quỳnh có mấy người tấp tểnh công danh
nay cậy mai cục nhờ Quỳnh gây dựng cho, may
ra được tí phẩm hàm để khoe với làng nước. Một hôm,
Quỳnh ở kinh đô về, sai người mời mấy anh ấy lại bảo:

– Giờ có dịp may, nào các anh có muốn làm ông nọ
bà kia thì nói ngay.

Thấy Quỳnh ngỏ lời thế, anh nào cũng như mở cờ
trong bụng, tranh nhau nhận trước.

Quỳnh bảo:

– Được các anh về nhà thu xếp khăn gói, rồi lại
dây uống rượu mừng với ta, mai theo ta ra kinh đô sớm.

Anh nào anh nấy lật đật về nhà, vênh váo, đắc chí
lầm, có anh về đến cổng, thấy vợ đang làm lụng lam lũ
liên bảo vợ:

– Ít nữa làm nên ông nọ bà kia, không được lam lũ
thế mà người ta chê cười cho.

Vợ hỏi:

- Bao giờ làm quan mà khoe vàng lên thế?
- Nay mai thôi, sắp sửa khăn gói để mai đi sớm!

Nói xong, vội vàng lại nhà Quỳnh đánh chén. Anh
nào anh nấy uống say tít rồi mỗi anh nằm một xó. Đến
khuya, Quỳnh sai người đem vông, vòng anh nọ về nhà

anh kia, anh kia về nhà anh nọ, nói dối rằng: Say rượu ngộ cảm phải bôi dầu xoa thuốc ngay không thì oan gia!

Các “bà lớn” đang mơ màng trong giấc mộng, thấy người gõ cửa mà lại nói những chuyện giật mình như thế, mắt nhắm mắt mở, tưởng là chồng, ôm xốc ngay vào nhà, không kịp châm đèn đóm, rồi nào bôi vôi, nào xoa dầu, miệng lẩm bẩm: “Rượu đâu mà rượu khốn, rượu khổ thế! Ngày mai lên đường mà bây giờ còn say như thế này! Nhờ phúc ấm có làm được ông nọ bà kia thì cũng lại tiềntoi thôi!”

Xoa bóp cho đến sáng, nhìn thì hóa ra anh láng giềng, các bà ngán người mà các anh đàn ông kia lại càng thẹn, vội cúi gầm mặt xuống cút thẳng. Về đến nhà, thấy vợ mình cũng đang đỏ mặt tía tai vội nói ngay:

– Ai ngờ nó xỏ thế. Tưởng ông nọ bà kia là thế nào. Thôi từ nay kệch đến già!

LỒM QUĀN THI

Có một ông quan thị đại nịnh thần, được Chúa Trịnh yêu lắm. Ông ta thường đến chơi nhà Quỳnh, thấy sách thì cũng mượn xem, mà ít khi trả. Quỳnh ghét cay ghét đắng, định chơi xỏ một bận cho chùa. Quỳnh bèn lấy giấy trắng đóng thành quyển sách để săn. Một hôm, thấy bóng quan thị dang xa, Quỳnh giả vờ cầm sách xem, đợi khi ông ta đến nơi thì giấu đi. Quan thị thấy Quỳnh giấu, ngờ là sách lạ, đòi xem, Quỳnh bảo:

– Sách nhảm có gì mà xem.

Quan thị năn nỉ mãi cũng không được, về tâu với chúa. Chúa đòi Quỳnh sang hỏi, Quỳnh đoán chắc là đòi về chuyện quyển sách, mới lấy bút viết mấy câu vào sách bỏ vào tráp khóa lại, rồi sang hầu. Quả nhiên như thế. Quỳnh tâu:

– Không có sách gì lạ, chắc thị thần tâu man với Chúa đó.

Chúa thấy Quỳnh chối, lại càng tin là Quỳnh có sách lạ, bắt phải đem trình. Quỳnh sai người về đem tráp sang, mở ra, chỉ thấy có một quyển sách mỏng, Quỳnh rụt rè không dám đưa. Chúa bảo:

– Cứ đưa ra. Chúa mở ra xem chỉ thấy có mấy câu:

– Chúa vị thị thần viết: “Vi cốt tử địch, vi cốt tị địch. Thị thần quy nhị tấu viết: Thần phùng chỉ phu, thần phùng chỉ phát”.

Chúa ngẫm nghĩ đi lại không biết nghĩa ra làm sao, bảo Quỳnh cắt nghĩa thì Quỳnh rụt rè tâu:

– Sách ấy là sách nhảm nhí của tiểu thần chỉ xem khi buồn, sợ cắt nghĩa ra, rác tai chúa!

Chúa nhất định không nghe, bắt Quỳnh cắt nghĩa cho dù t.

Quỳnh vâng lệnh tâu với chúa, câu ấy nghĩa là:

“Chúa hỏi thị thần rằng: làm xương cho sáo, làm xương cho sáo, thì thần quỳ mà tâu rằng: tôi may ngón tóc, tôi may ngón tóc”.

Quỳnh cắt nghĩa, nhưng chúa cũng chưa hiểu ra lại hỏi

– Đã dành nghĩa đen là thế, nhưng mà ý tứ thế nào?

Quỳnh túm tím không dám nói. Chúa và quan thị đứng hầu bên càng gặng hỏi.

Quỳnh mới tâu:

– Xin chúa đọc đảo ngược lại thì ra nghĩa, nhưng mà tục lấm. Bấy giờ chúa với quan thị mới biết Quỳnh lốm, bảo Quỳnh mang sách về.

Quỳnh ra, quan thị chạy theo trách Quỳnh nhạo cả chúa, thực là người vô phụ, vô quân. Quỳnh đáp lại:

– Ngài nói tôi vô phụ, vô quân thì bọn thập trưởng thị đời Hậu Hán là gì? Tôi đã giàu mà ngài cứ nịnh để đòi ra cho được thì lỗi tại ai?

Quan thị tịt mắt.

ĐÁ GÀ VỚI QUAN THỊ

Bọn quan thị, nơi phủ chúa “gà” thật không có mà lại cứ hay đá gà. Chúng bỏ ra nhiều tiền, lùng cho được những con gà hay đem về nuôi rồi đem ra đá độ với nhau. Nghe nói Quỳnh chơi gà với sứ Tàu thắng, họ liền mang gà đến nhà Quỳnh, đá thử một vài cựa chơi. Quỳnh vốn ghét bọn quan thị, từ chối nói là không có gà, nhưng họ nhiều mài, phải ừ và hẹn đến mai đi bắt gà về chơi. Bên láng giềng có một con gà trống thiến, Quỳnh liền qua mượn mang về.

Sáng sớm, mở mắt dậy, đã thấy quan thị đem gà lại rồi. Quỳnh sai bắt gà trống thiến đem ra chơi. Tất nhiên, vừa so cựa được một vài nước, thì gà quan thị đá cho gà trống thiến một cựa lăn cổ ra chết ngay còn gà bọn hoạn quan thì vỗ cánh phành phạch lấy uy, gáy vang cả sân nhà. Bọn chúng khoái cui vỗ tay reo:

– Thế mà đồn rằng gà của Trạng hay, chơi được gà Tàu, giờ mới biết đồn láo cả!

Quỳnh chẳng cãi lại, chỉ ôm gà trống thiến mà rắng:

– Các ngài nói phải, trước con gà này đá hay lăm, nhưng từ khi tôi thiến đi, thì nó đốn đời ra thế!

Rồi ôm gà mà than thở: “Khốn nạn thân mày, gà ôi! Tao đã bao phận mày không dái thì chịu trước đi cho

thoát đời, lại còn ngứa nghẽ làm gì cho đến nỗi thế này!
Thôi mày chết cũng đáng đời, còn ai thường nữa, gà ôi!".

Các quan thi nghe thế, xấu hổ, ôm gà cút thẳng.



TẶN TRỘM MÈO

Nhà vua có nuôi một con mèo tam thể quý lấm, xích bằng xích vàng và cho ăn toàn những đồ cao lương mỹ vị.

Quỳnh vào chầu, trông thấy, liền tìm cách bắt trộm về, cất xích vàng đi buộc bằng xích sắt, nhốt lại. Đến bữa, đợi cho con mèo thật đói, Quỳnh để hai cái đĩa, một đĩa cơm trộn thịt cá và một đĩa cơm trộn rau. Mèo nhà vua quen ăn miếng ngon chạy đến chỗ thịt cá chực ăn. Quỳnh cầm sẵn roi, hễ ăn thì đánh. Mèo đói quá, phải ăn đĩa cơm rau. Dạy như vậy được một thời gian, mèo quen dần, không bao giờ dám ăn gì ngoài rau nữa mới thả ra. Vua mắng mèo, tiếc quá, cho người đi tìm, thấy nhà Quỳnh có một con mèo tam thể giống như hệt, nghi lấm, bắt Quỳnh mang mèo vào chầu. Vua xem mèo, hỏi:

– Sao nó giống mèo của trẫm thế? Hay khanh thấy mèo của trẫm đẹp bắt về, nó cho thật!

– Tâu bệ hạ, bệ hạ nghi cho hạ thần bắt trộm, thật là oan, xin bệ hạ đem ra thử thì biết.

– Thủ thế nào? Nó cho trẫm nghe.

– Muôn tâu bệ hạ, bệ hạ phú quý thì mèo ăn thịt ăn cá, còn hạ thần nghèo túng thì mèo ăn cơm trộn với đầu tôm, rau luộc. Böyle giờ để hai bát cơm ấy, xem nó ăn bát nào thì biết ngay.

Vua sai làm thử. Con mèo chạy thẳng đến bát cơm rau, ăn sạch. Quỳnh nói:

– Xin bệ hạ lượng cho, người ta phú quý thì cao lương mỹ vị, bần tiện thì cơm hầm rau dưa. Mèo cũng vậy, phải theo chủ.

Rồi lạy ta, đem mèo về.

MÓN NGÓN NHÀ TRẠNG

Có thời gian, chúa Trịnh bỗng mắc một căn bệnh không chữa khỏi, đó là bệnh ăn không ngon. Tất nhiên chúa quanh năm sơn hào hải vị, món ăn vật lạ trong thiên hạ đều ê hề thừa mứa, vậy mà chúa vẫn không cảm thấy ngon miệng được. Một hôm, trạng Quỳnh vào hầu, chúa than thở:



– Độ rày miệng ta đắng lạ. Dù là của ngon vật lạ
cũng thấy dứng dung. Trạng có biết món nào ngon
không thì nói cho ta hay?

Trạng nghe nói liền cười mỉm mà tâu ngay:

– Tâu chúa, xin hỏi chúa đã từng dùng món mầm
đá chưa?

– Mầm đá? Chà, món đó thì ta chưa cả nghe đến.
Chắc là vị ngon lắm?

– Muôn tâu, quả là có vậy. Thầy vẫn dùng khi
chán ăn. Ngon lắm ạ!

Chúa nghe vậy hớn hở:

– Vậy mà ta không biết sớm. Khanh về lo chuẩn bị
đi. Ngay chiều nay ta sẽ đến thử món ăn này cho biết!

Mới xế chiều chúa ngự đến nhà Quỳnh thật. Lúc
ấy Quỳnh mới sai người lập tức đi lấy mầm đá đem về
ninh cho chúa dùng. Nồi được nấu ngay trước mặt
Chúa. Quỳnh bảo đốt lửa thật to cho nước sôi lên sùng
sục và ngồi hầu chuyện chúa hết giờ này sang giờ khác.
Gần tôi, nồi hầm đá vẫn sôi chưa cạn, chúa chỉ uống
nước trà suông, xót ruột mới hỏi:

– Mầm đá hầm đã lâu chắc là sắp chín?

Quỳnh thưa ngay:

– Muôn tâu, xin chúa đợi thêm lát nữa, chưa được ạ!

Chúa chờ nhưng đã đó lấm rồi, chốc chốc lại hỏi
thăm. Trạng tâu:

– Món này chưa hầm chín thì lâu tiêu lấm. Xin chúa gắng chờ thêm!

Gần đến khuya, khi chúa đã chờ đợi đến đói rát ruột, Quỳnh mới thưa rằng:

– Thần e mầm đá vẫn chưa chín tới. Vậy xin chúa hãy dùng tạm vài món dã vị của nhà thần, khi mầm đá chín, thần sẽ dâng lên ngay!

Nói xong sai người nhà bưng lên một mâm cơm trắng nóng với một lọ tương lớn, thật thơm. Chúa đang đói, ăn một hơi mấy chén thật ngon miệng. Trông thấy cái lọ, Quỳnh có viết hai chữ “Đại Phong” dán trên nắp, chúa thắc mắc:

– Đại Phong là món ngon gì mà ta chưa từng dùng?

– Muôn tâu, đó chỉ là món ăn thường ngày của mọi người dân thôi ạ !

– Nhưng đó là món gì?

– Bẩm là ... món tương ạ !

– À, tương. Nhưng sao khanh lại đề là “Đại Phong”?

– Bẩm “đại” là lớn, “phong” là gió, tức là gió lớn. Gió lớn thì đồ chùa, đồ chùa thì tượng lo, mà tượng lo tức là ... lo tương ạ !

Chúa nghe Quỳnh giảng vòng vo vậy cười vui vẻ rồi nói:

– Tương thì ta có ăn nhưng ... lâu rồi. Mà vì lâu nên quên cả vị, không ngờ ăn lại thấy ngon miệng quá!

Truyện nói trạng

Quỳnh tâu:

- Chúa nói quả không sai. Nhưng chúa ngon miệng là do chúa đã đói bụng. Khi lúc nào cũng no thì của dù ngon mấy cũng chán ăn ạ !

Chúa Trịnh hiểu ra, cười bảo:

- Vậy ta hiểu món mầm đá của khanh rồi. Chờ cho đói thì ăn ngon chớ đá thì hầm bao giờ cho chín được.



BÀ CHÚA MẮC LỒM

Một bà Chúa nhăn sắc mặn mà nhưng tính kiêu ngạo, hễ đi ra chơi phố phường thấy ai trái ý là sai lính bắt đánh liền. Một lần, Quỳnh lững thững đi chơi, gặp kiệu Chúa. Gần đấy có cái ao bèo, Quỳnh vội vàng chạy xuống cầu ao đứng đá nước chơi.

Chú biết Quỳnh, thấy chơi lẩn thẩn như thế mới hỏi:

– Ông làm gì đó?

Quỳnh ngẩng lên thưa:

– Tôi ở nhà buồn quá, ra đá bèo chơi!

Bà Chúa đò mặt tía tai, tức lăm nhưng chẳng dám nói gì.

.

CHỦI VUA

Một hôm, Quỳnh cho người ra bão các hàng thịt là ngày mai Trạng đặt tiệc thết các quan, cần mỗi hàng bán cho mấy cân, nhưng phải thái săn cho đỡ mất công người nhà. Các hàng thịt mừng rõ, sáng sớm đã thái thịt để đầy chờ người nhà Trạng đến lấy. Ai ngờ đợi mãi đến trưa mà cũng chẳng thấy ai, họ bèn tới nhà Trạng thì nhà vắng tanh, chẳng có khách khứa gì cả. Hỏi Trạng thì Trạng bảo không biết: "Chắc là có đứa nào muốn lỡm bà con đây. Cứ gọi thằng nào bảo thái mà chửi".

Bọn hàng thịt tức mình về cứ gọi thằng bảo thái mà chửi:

- Tiên sư thằng "bảo thái"! Tiên sư thằng "bảo thái".

Bảo Thái là niêm hiệu nhà vua. Thành thử vua bị dân hàng thịt chửi một bữa inh cá phố. Đương nhiên ai cũng biết cái chuyện xó xiên này chỉ có Trạng Quỳnh mới nghĩ ra được nhưng cũng đành làm thịnh vì biết hấy bằng cớ gì mà bắt tội Quỳnh?

TRẠNG CHỮA BỆNH

Chúa Trịnh có cô con gái út rất được cưng chiều, chẳng may bị bệnh sởi. Nàng quận chúa bị sốt li bì, nằm liệt giường cả bảy ngày, tất cả các quan Ngự y giỏi đều đã được vời đến mà bệnh vẫn không lui. Thế cùng, chúa nghĩ đến Trạng Quỳnh và gọi ông đến thăm bệnh cho quận chúa và bảo:

– Bệnh của con ta có vẻ nặng lắm. Khanh mà hết lòng chữa khỏi được thì nhất định ta sẽ trọng thưởng.

Trạng vào thăm, qua kinh nghiệm, biết ngay quận chúa bị bệnh sởi. Bệnh này thì còn phải sốt cao năm ba ngày nữa, đến khi sởi mọc hết mới giảm sốt. Nhưng vốn không ưa gì nhà chúa và bọn nịnh quan bất tài, trạng tâu ngay:

– Bệnh quận chúa rất nặng, chúa phải làm lê dâng sao thì mới khỏi. Thần xin làm sớ tế, nhưng tên các sao thì nhiều và lạ, vì vậy xin chúa cho phép thần chọn người học rộng, kiến thức uyên bác trong các quan để đọc sớ tế.

Chúa Trịnh chuẩn túu, xuống chiếu cho các quan chờ nghe trạng gọi ai, thì người đó phải tuân lệnh mà đọc sớ té.

Các quan tất nhiên là rất lo lảng bởi sợ không đủ sức để mà đọc sớ Trạng viết. Bọn họ liền cho người nhà đi dò la nhưng chỉ thấy Trạng đang sai người nối giấy cuộn lại thành cuộn to như cái bồ để chuẩn bị viết sớ. Quan nào quan nấy được tin báo sớ vừa to vừa dài khủng khiếp như vậy đều hoảng sợ, chỉ lo Trạng gọi đến mình mà đọc không xong hẳn là phen này mất hết chức tước, đặc quyền, đặc lợi. Vì vậy, các ông quan bắt tài áy thay nhau mang đủ thứ lễ vật đến nhà Trạng mà lo lót đồng thời viện cớ đau lưng, mỏi gối, nhức mắt, khàn giọng v.v... khẩn khoản xin Trạng miễn cho mình đọc sớ !

Trạng điềm nhiên nhận lễ vật, điềm lại tất cả quan triều đều tới nhà mình lo lót, bèn vào tâu:

– Thần xem phen này trong các quan không một ai có đủ kiến văn để mà đọc sớ. Vậy thì thần xin đích thân vì chúa mà đọc sớ té lần này.

Chúa nghe vậy rất cảm động, an ủi:

– Cứu bệnh như cứu hỏa, khanh hãy rán sức vì ta mà làm thật tốt, át là ta sẽ đền ơn!

Đêm hôm lê dâng sao, Trạng sai lính tháo cuộc giấy to bằng cái bồ ra. Giấy vừa mở ra, Trạng nhìn vào và đọc ngay:

Trên trời có muôn vì sao

Đọc xong Trạng đứng yên chờ. Giấy tháo ra mải, ra mải, cho đến gần cuối cuộn mới thấy có thêm mấy dòng chữ, Trạng liền đọc tiếp:

Có phải vị nào, xin vào ăn xôi

Ăn xong, sao lại lên trời.

Độ cho quận chúa phục hồi sức xuân

Cẩn cáo!

Các quan cực kỳ kinh ngạc vì bài sớ kỳ dị của Quỳnh. Hết nhưng cúng xong được một ngày thì sởi mọc hết, quận chúa hạ sốt ngay. Rồi sởi bay, quận chúa khỏi bệnh.

Chúa Trịnh mừng lắm, cho là Trạng có tài cảm hóa được quí thần, trọng thưởng Trạng rất nhiều. Riêng Trạng vừa được thưởng, vừa được “hồi lộ”, về nhà đóng cửa cứ cười tum tím một mình.



HÚT CHẾT VÌ QUÀ ĐÀO

Quỳnh rất cậy tài, đùa cả, không từ ai. Một hôm, túc trực trong cung, có người đem dâng vua một mâm đào, gọi là “đào trường thọ”. Quỳnh thủng thỉnh lại gần, lấy một quả, ngồi ăn, giữa đông đủ mặt vua quan, mà làm như không trông thấy ai cả. Vua quở, giao xuống cho các quan nghị tội. Các quan chiếu theo luật “mạn quân” tâu nghị trám. Quỳnh quỳ xuống tâu rằng:

– Đinh thần nghị tội hạ thần như vậy, thật là đúng luật, không oan, song xin Hoàng thượng rộng dung cho hạ thần được nói vài lời rồi chết cho thỏa!

Vua phán:

– Ừ, muôn nói gì cho nói!

– Muôn tâu bệ hạ, hạ thần có bụng tham sinh, sợ số chết non thấy quả gọi là quả “trường thọ” thèm quá, tưởng ăn vào được sống lâu như Bành Tố, để được thờ nhà vua cho tận trung. Không ngờ nuốt chưa khôi mồm mà chết đã đến cổ! Hạ thần trọng nghĩ nên đặt tên quả ấy là quả “đoản thọ” thì phải hơn, và xin nhà vua trị tội đưa dâng đào để trừ kẽ xu nịnh.

Vua nghe Quỳnh tâu phai, bật cười tha tội cho.

CHÚA NGỦ NGÀY

Một buổi trưa, Quỳnh vào hầm Chúa, không thấy Chúa ở cung, hỏi thị vệ, thì ra Chúa đương giấc, Quỳnh không được tiếp, sẵn bút nghiên, đề ngay hai chữ vào tường rồi trở ra về.

Lúc chúa dậy ra công đường, thấy ở tường có hai chữ “ngoa sơn” nét mực hẫy còn ướt, không biết ai đề và cũng không biết nghĩa ra làm sao, hỏi thị vệ mới hay Quỳnh đề. Đến buổi hầm chiều, đông đủ các quan, chúa hỏi, không ai tán được, phải triệu Quỳnh đến.

Quỳnh đến, chúa hỏi, Quỳnh thưa:

- Hai chữ ấy có nghĩa gì sâu sắc đâu, hạ thần cứ lấy nghĩa đen mà viết, không dám có ý tứ gì hiểm hóc cả.

- Cứ cắt nghĩa cho ta nghe, không hề chi mà ngại.

Quỳnh ngập ngừng mãi mới nói:

- Chữ “ngoa” nghĩa là “nằm” hẳn không ai nằm không, tất phải ngáy, chữ “sơn” nghĩa là “núi” tất phải có đèo, vậy hợp hai chữ làm một thì nghĩa là “ngáy đèo”.

Cả triều ai cũng cười. Chúa cũng bật cười. Tan hầm các quan trách Quỳnh:

- May mà Chúa rộng lượng, chứ không thì hôm nay ông mất đầu!

Quỳnh cười không nói gì.

CÂY NHÀ LÁ VƯỜN

Quỳnh nhiều lần dùng trí thông minh, tài đối đáp để trêu chọc chúa Trịnh, nên trước chúa quý trọng bao nhiêu thì sau lại ghét bấy nhiêu. Chúa càng ghê, Quỳnh càng trêu tợn.

Một lần, chúa sai lính đến kéo đổ nhà Quỳnh. Thấy lính đến Quỳnh bảo:

– Chúa sai các anh đến kéo đổ nhà ta, các anh cứ làm, nhưng không được reo, cười, ai mà reo cười ta cắt lưỡi.

Ở đời, hễ kéo nặng thì phải reo hò, không dỗ ta, hò khoan sao mà kéo nổi? Bọn lính đành chịu thua về trình báo lại. Lần khác chúa sai bọn lính đến ỉa vào vườn nhà Quỳnh, Quỳnh thản nhiên cầm dao ra bảo:

– Chúa sai các anh đến ỉa thì cứ ỉa nhưng ta cầm đái. Thằng nào đái thì dao đây, ta cắt ngay!

Ỉa ai không đái bao giờ? Bọn lính lại phải về tâu lại. Chúa truyền cho chúng mang gáo dùa theo và đái vào đó. Quỳnh đành chịu thua nhưng vẫn nghĩ cách chơi lại chúa. Một tháng sau, Quỳnh ra chợ, thấy người ta bán cải tốt, liền mua thật nhiều về, mang lên biếu chúa. Chúa thấy cải ngon, sai đầu bếp nấu canh, và quên chuyện cũ liền hỏi Quỳnh cải đâu mà ngon vậy. Quỳnh thưa ngay:

– Dạ, đó là cải nhà trồng. Trước nó không tốt lắm nhưng từ khi chúa sai lính “bón phân” vườn nhà thần, nên nó tốt tươi như vậy. Cây nhà lá vườn thôi, thần mới dám dâng cho chúa xơi!

MỪNG CHÚA THẮNG TRẦN

Chúa Trịnh sau khi tuần du một vùng biên ải miền tây, trở về kinh sư huênh hoang khoe rằng “quân nó” vừa thua to, và bị quân nhà chúa nửa đêm bất thần phá lũy đánh thốc vào... phụ họa với nhà chúa, bọn quan nội và lũ nịnh thần đua nhau dâng biểu chúc tụng. Nhân cơ hội này, Quỳnh cũng làm một bài thơ gửi mừng chúa. Thơ rằng:

*Nửa đêm giờ tí trống canh ba
Thoắt tiến lên thành phá lũy ra
Một tướng thẳng vào trong cửa hiểm
Hai quân đứng núp chực bên hàn
Quân ta đổ lộn cùng quân nó
Nước nó giao hòa với nước ta
Đánh đoạn rút về lau khí giới
Tìm nơi vũ khố để can qua.*

Nghe nói mới đọc qua lần đầu, chúa đắc ý. Nhưng xem kỹ lại, ngẫm nghĩ, nhà chúa bỗng nhăn mặt nó với thị thần: “Trạng lại dùng “cái áy” để lõm ta rồi, thế mà tụi bay không đánh hơi thấy à?”

LỄ TẾ SÀO

Chúa Trịnh lâm bệnh ngày một nặng. Lúc đầu cớm nắng, cớm gió, dần dần nửa tỉnh, nửa mê, tâm thần hoảng loạn. Chứng bệnh nhà chúa thật tai ác. Mỗi ngày lên cơn năm bảy bận. Mỗi bận lại bắt bọn quan lại đem một người đàn bà đẹp vào cung cấm, lột trần truồng trước mặt chúa, để chúa càu úu, cắn xé... Có như thế con bệnh mới chóng lui. Nhiều thiếu nữ đã chết oan uổng, hoặc chịu mang thương tích suốt đời, Quỳnh biết chuyện này, hết sức phẫn nộ. Quỳnh tự nhủ không để tình cảnh ấy kéo dài, bèn lập mưu trị bệnh chúa...

Có tin bẩn đến tai bà chính cung: Chỉ có Trạng Quỳnh mới chữa khỏi căn bệnh hiểm nghèo kia của chúa.

Bà chính cung tức tốc cho vời Trạng đến:

– Tính mệnh của chúa đang như ngàn cân reo sợi tóc. Ta dùng đủ tay ngự y danh tiếng, đã lê cầu các vị tiên liệt ở nhà thái miếu và các đấng thần. Phật tối linh khắp miếu xa, miếu gần mà bệnh tình vẫn không thuyên giảm. Nay giờ chỉ còn trông cậy vào Trạng.

Quỳnh vào thăm bệnh chúa, lúc trở ra, làm bộ lảng tâu với chính cung:

– Tâu lệnh bà, đúng như lời người dạy, sự sống của đức ngài chỉ còn le lói trong muôn một. Tiếc là lệnh bà cho gọi thần hơi muộn. Nhưng còn nước còn tát, thần xin

dốc sức vì chúa một phen. Thần chẳng cần tiền bạc, danh vọng gì, chỉ thỉnh cầu lệnh bà chuẩn y cho mấy điều.

Quỳnh ra hiệu để chính cung đuổi hết quan thị và bọn hầu cận đi khỏi, mới nói tiếp:

– Biết sắp vào chầu Đức bà và thăm bệnh nhà chúa, đêm qua thần đã tắm gội sạch sẽ, vào cầu mộng ở đền Trần Vũ.

Chính cung vội hỏi:

– Đức thánh ngài dạy sao?

– Thần cầu mộng lúc giờ tí đến giờ súu ứng mộng ngay. Đức thánh truyền cho thần biết, muốn cứu nhà chúa, trước hết phải làm hai việc. Đức bà phải tha hết những con gái nhà lành và tất cả những người đàn bà khác đang bị giam giữ ở các nơi trong phủ chúa để đợi đưa tiếp vào cung tiến. Đức bà phải lập một đàn sao giữa trời đất để thần làm lễ tế sao. Trong bảy ngày đêm liền, thánh truyền phải dùng dây lụa buộc chặt nhà chúa vào sập rồng. Ngoài chính cung lệnh bà và kẻ hạ thần với hai tên hầu cận, tịnh không một ai được đến gần đức ngài.

Bà chính cung ngẫm nghĩ một lát rồi chấp thuận. Ngay hôm sau, mọi việc bắt đầu. Quỳnh đứng ra làm lễ tế sao. Đến đến, trên dàn cao, bà chính cung và các hàng quan văn võ đại thần mặc lễ phục, hai tay dâng hương, quỳ mọp gối chung quanh chủ tế. Quỳnh tay cầm nghi trượng, tay “bắt quyết”, mồm luôn đọc bài văn tế sao:

– Ô hô Ngàn sao! Sao Loan, sao Mè! Sao Dập, sao Dung! Sao Ú, sao Ngang! Sao Bao, sao Thạm! Sao Hạn, sao Tai! Mau cút lên trời! Chúa tôi khỏi bệnh! Ô hô cút mau!...

Sau mỗi lần đọc, Quỳnh lại bắt mọi người đồng loạt nhắc lại.



Thật kỳ lạ, chỉ tết sao trong vài đêm, bệnh chúa lui tròng thấy. Đến ngày thứ năm, chúa van vỉ kêu rên như một phạm nhân xin giảm tội: “Ta hết cơn rồi. Các người mau cởi trói cho ta!” Quỳnh nghiêm giọng, đe nạt:

– Tùy chúa đây thôi! Nếu chúa nóng lòng, không chịu phép đủ kỳ hạn, sau này thánh quở phạt, đừng trách cứ vào Trạng.

Nhà chúa đành phải nghe theo.

Sau bảy ngày đêm, chúa gần khôi, người tinh táo, ăn ngon miệng. Chính cung cả mừng, mở tiệc khoản dãi Trạng. Trong thành, ngoài cõi đồn dậy lên: “Trạng Quỳnh có thuật tế sao vô cùng mầu nhiệm!”

Các quan chiêm tinh đọc bao nhiêu sách chưa hề thấy có tên những vì cao lạ như vậy, lục tục rủ nhau đến khấn khoản cầu xin Trạng truyền cho bí quyết, Trạng nói:

– Tôi không phải thầy cúng, cũng không phải thầy lang. Chẳng qua nhà chúa từ lâu đã mắc chứng ham mê tửu sắc, ăn, uống, thức, ngủ vô điều độ. Các ngự y đến xem mạch lại đua nhau bốc thuốc bổ thận, bổ dương, càng đẩy con bệnh đến chỗ cường dục, loạn tâm, loạn trí. Tôi bày mẹo cầu mong là cố mượn uy thần thánh, bắt nhà chúa nằm bất động, kiêng khem mọi thứ, cho thể trạng trong người bình thường lại. Còn bài văn tế kia cũng chẳng có gì đáng bí truyền cả. Cứ đọc ngược, khắc rõ nghĩa. Tôi xin tể lại các ngài nghe.

– Ô hô! Ngàn sao! Sao Loan, sao Mê là sao Mê, sao Loạn, sao Dập, sao Dung là sao Dục, sao Dâm, sao Ú, sao Ngang là sao Ác sao Ngu...

Các chiêm tinh nghe Trạng kể như vậy đều cười bò, cười lăn.

– Các ngài thừa hiểu một khi các thứ sao xấu, sao độc kia không còn ám ảnh nhà chúa nữa, đã “Cút lên trời” thì nhà chúa hết bệnh chứ còn gì nữa.

Họ phục Trạng vừa giàu trí thông minh, vừa giàu lòng nhân ái, xứng danh là “Ngôi sao sáng xứ Thanh”.

TRANG CHẾT CHÚA CŨNG THĂNG HÀ

Từ bận ấy, Chúa có bụng ghét Quỳnh. Được mười hôm, chúa đòi Quỳnh vào thị yến, định đánh thuộc độc cho chết, Quỳnh biết chúa căm về mấy chuyện trước, lần này đòi vào thị yến, chắc là có chuyện. Lúc đi dặn vợ con rằng:

– Hôm nay ta vào hầu yến Chúa, lành ít, dữ nhiều. Ta có mệnh hệ nào, thì không được phát tang ngay, cứ phải để ta vào võng, cắt hai đứa quạt hầu, rồi gọi nà trò về hát, đợi bao giờ phủ chúa phát tang thì ở ngoài hãy phát tang.

Dặn xong, lên võng đi.

Quỳnh vào đến cung, đã thấy chúa ngồi đây rồi. Chúa bảo:

– Lâu nay không thấy mặt, lòng ta khát khao lắm. Vừa rồi, có người tiến hải vị, ta nhớ đến ngươi, đòi vào ăn yến, ngươi không được từ.

Quỳnh biết chúa thù về cây cải hôm nọ, không ăn không được. Vừa ném một miếng thì chúa hỏi:

– Bao giờ Quỳnh chết?

Quỳnh thưa:

– Bao giờ chúa thăng hà thì Quỳnh cũng chết?

Ăn xong, Quỳnh thấy trong người khang khác, cáo xin về. Vừa về đến nhà thì tắt hơi. Vợ con cứ theo lời Quỳnh dặn mà làm. Chúa sai người dò xem Quỳnh có việc gì không, thấy Quỳnh đương nằm vỗng nghe nhà trò hát, mà người nhà thì đi lại vui vẻ như thường, về tâu với chúa. Chúa liền đòi đầu bếp lên hỏi xem đánh thuốc thế nào mà Quỳnh không việc gì.

Chúa ăn thử, được một chốc thì chúa lăn ra chết.

Nhà Quỳnh nghe thấy trong dinh chúa phát tang thì ở nhà cũng phát tang. Chúa và Trạng đưa ma một ngày. Thế mới biết Quỳnh chết đến cổ còn lừa được chúa mới nghe.

Người đời sau có thơ rằng:

Trạng chết Chúa cũng thăng hà

Dưa gang đẻ đít thì cà đẻ trôn.



TRUYỆN TRẠNG LỢN

CHUYỆN KỂ

Làng Dừa thuộc tỉnh Hà Nam, có nhà họ Dương vốn dòng khoa bảng. Đến đời ông Dương Đình Lương thì phải xoay ra làm nghề mổ lợn. Hai vợ chồng sinh được một trai, nhưng đứa bé học dốt. Ông Lương thường lấy làm buồn phiền, ngày đêm chỉ cầu mong có được một thằng con thông minh để nối nghiệp tổ.

Ít lâu sau, quả nhiên bà Lương thụ thai và sinh được một trai nữa. hai vợ chồng vui sướng vô cùng, bày tiệc ăn mừng và đặt tên là Dương Đình Chung, tục gọi là Chung Nhi.

Năm Chung Nhi lên ba tuổi, triều đình mở khoa thi. Có một ông Trạng nguyên và một ông Bảng nhãn vinh quy về qua làng Dừa. Già trẻ lớn bé kéo nhau ra xem. Chung Nhi trông thấy đám rước liền chỉ vào người mặc áo trào, hỏi bố:

– Ông kia là ông gì, hở bố?

Bố đáp:

– Ông ấy là quan Trạng.

Chung Nhi lại chỉ vào ông mặc áo trào đi sau hỏi:

- Bốơi! Thế còn cái ông kia là ông gì?

Bố đáp:

- Ông ấy là quan Bảng.

- Ông nào hơn ông nào?

- Quan Trạng hơn.

- Thế thì ngày sau con cũng làm quan Trạng.

Ông Lương cười nói:

- Góm, mày tưởng làm quan Trạng dễ lắm đấy à?

Phải học hành khổ sở lắm mới làm nên Trạng chứ!

- Ngày sau con lớn, con làm Trạng cho mà xem!

Từ đấy Chung Nhi cứ mơ tưởng hai chữ trạng nguyên, hễ mở miệng nói là xưng Trạng, khi chơi với trẻ thì lấy lá sen làm lọng, lá chuối làm cờ, lấy mo nang làm biển, rồi bắt trẻ khoanh tay làm kiệu rước. Một hôm có khách đến chơi, thấy thế hỏi đứa:

- Trạng dở hay Trạng nguyên?

Chung Nhi đáp lại:

- Khách quen hóa khách lạ!

Khách rất đổi ngạc nhiên, thấy thằng bé trả lời không những trôi chảy mà lại đối rất chỉnh, khách khuyên ông Lương nên cho theo học.

THIỀN TÍCH THÔNG MẠNH

Năm Chung Nhi sáu tuổi, ông Lương cho theo học thầy đồ ở làng bên. Chung Nhi hỏi mẹ:

– Mẹ ơi! Thầy đồ hơn Trạng hay Trạng hơn thầy đồ?

Mẹ trả lời:

– Trạng hơn thầy đồ chứ!

– Thế thì con chả học thầy đồ đâu!

– Không được con ạ! Muốn làm Trạng thì trước phải làm học trò thầy đồ đã!

Thấy mẹ nói thế, Chung Nhìn mới vui vẻ chịu cắp sách đi học.

Hôm sau, ông Lương làm gà thối xôi đem con sang nhà thầy đồ xin nhập tràng.

Thầy bảo Chung Nhi vào lễ. Chung Nhìn liền hỏi:

– Thầy bảo lễ ai ạ?

– Lễ trình Đức Thánh.

Chung Nhi lại nói:

– Đức Thánh có hơn Trạng không ạ?

– Nhất Thánh nhì Trạng.



Bấy giờ Chung Nhị mới chịu vào lẽ. Lẽ xong, ông Lương bảo vào lẽ thầy, Chung Nhìn cho rằng thầy kém Trạng nên có ý không muốn lẽ. Ông Lương lại phải dỗ

mãi. Chung Nhi mới chịu vào lê. Khi lê xong, thầy cười nói với ông Lương:

– Thứ nhất hay chữ, thứ nhì dũ đòn.

Chung Nhìn nghe, không bằng lòng liền nói với bố:

– Thế thì con không học đâu!

Ông Lương dỗ:

– Con cứ chăm học thì can chi thầy đánh!

– Thế, học mấy hôm thì thành Trạng!

Thầy đồ bật cười, nói:

– Học dăm ba hôm thì thành Trạng thôi!

Chung Nhi ra chiều thích lăm. Hôm thầy đọc một câu trong Tam tự kinh cho học: “Thiên tích thông minh. Thánh phù công dụng”. Thầy đọc xong, thì Chung Nhi quên đọc treo là “*Thiên tích thong manh, Thánh nambi chong gong*”. Học đi học lại năm bảy lần mà cứ vẫn treo như thế. Thầy giận lăm, nọc ra đánh. Nhưng hễ thầy vừa giơ roi lên thì Chung Nhi đã nằm ngửa mặt trời, đọc rồi rít:

–*Thiên tích thong manh, Thánh nambi chong gong.*

Thầy đồ bật cười tha cho.

TRỜI CÓ HAI NGƯỜI, ĐẤT CÓ MỘT

Tính Chung Nhi hay mải chơi. Ở nhà học, khi vắng mặt thầy thường rủ bạn bè làm cơ, quạt, chiêng trống, rồi giả bộ rước như kiểu người ta vinh qui nghe thật inh ỏi. Một lần đùa nghịch kiểu như vậy thì thầy học bất ngờ trở về và bắt gặp quả tang. Cảnh tượng lúc ấy thì khỏi nói: lăng xăng đứa cầm cờ, đứa vác tàn, gõ trống ầm ī.



Truyện nói trạng

*

Nghe tiếng ông thầy tằng hăng, cả đám quay lại rồi thất kinh bỏ chạy vứt hết đồ chơi. Chỉ có Chung Nhi là vẫn đứng yên như chịu trận. Thầy liền bắt vào, hỏi:

– Tại sao khi vắng ta, con lại cùng chúng bạn bày trò đùa nghịch như vậy hả?

Chung Nhi trả lời tinh khôn:

– Thưa thầy, chúng con đang tập lễ nghi mà!

Thầy nghe nói vậy cũng bật cười mà tha cho không bắt lõi.

Lại có hôm thầy qua nhà bạn chơi, giao cho Chung Nhi giữ nhà. Lát sau có một ông khách đến chơi vào đến sân đã hỏi:

– Thầy đồ có nhà hay đi vắng vậy hả?

Chung Nhi ở trong nói vọng ra:

– Thầy đi vắng rồi. Nhưng có Trạng ở nhà đây. Mời ông vào!

Ông khách nghe vậy nhìn vào chỉ thấy có một thằng bé còn không thấy ai nữa, rất ngạc nhiên hỏi lại:

– Trạng đâu?

Chung Nhi liền đáp ngay rằng:

– Trạng đây chứ Trạng đâu!

Nói chưa dứt lời thì thầy đồ về. Ông khách đem kể chuyện lại, thầy đồ lúc này đã có vẻ không dám coi thường học trò mình nữa, vội bảo bạn:

– Thưa ông, nó là con nhà hàng thịt đấy ạ. Tuy học chưa ra gì cả nhưng ăn nói thì rất đổi thông minh, nhất là cái tài ứng đối thì ăn hết cả bạn bè cùng học!

Ông khách không mấy tin lăm, bắt bẻ:

– Ông cứ là quá lời. Con nhà hàng thịt thì xưa nay đã được ai ra cơm cháo gì, hạng ấy chỉ giỏi nhất là làm lòng với tiết canh!

Nói rồi ông khách quay qua Chung Nhi và hỏi giỗ:

– Ô, xin chào quan Trạng. Trạng đã học đến đâu rồi?

Chung Nhi ung dung trả lời:

– Học đến trời đất!

Khách giả vờ ngó ngắn, hỏi tiếp:

– Trời là gì, đất là gì?

Chung Nhi vỗ tay cười âm lên rắng:

– Vậy đích thị là ông chưa đi học bao giờ. Ông chẳng biết trời, biết đất là gì ư? Trời là “thiên”, đất là “địa” mà cũng hỏi thì còn ra cái gì nữa.

Ông khách giận lẩm, nói lắp liếm:

– Thằng này còn trẻ con lầm!

Truyện nói trạng

– À, tôi trẻ con còn ông là người lớn. Vậy tôi đố ông nhé: Trên trời có gì, dưới đất có gì?

– Trời thì có trăng sao, đất thì có sông núi chớ gì mà phải đố.

– Ông nói chưa phải rồi. Trên trời có hai người còn đất chỉ có một người học trò.

– Sách nào dạy như vậy?

– Thánh dạy chữ ai. Ông chưa học chữ “thiên” chữ “địa” à? “Nhị nhân” là chữ thiên, còn “sĩ dã” là chữ địa, thế chẳng phải như tôi nói là gì?

Nguyên chữ “thiên” tựa như gồm hai chữ “nhị” và “nhân” nghĩa là hai người; Chữ “địa” lại gồm hai chữ “sĩ” (dứng ra là chữ thổi) và chữ “dã”. Mà chữ “sĩ” là học trò. Vậy là Chung Nhi đã biết cách lắt léo để chơi chữ theo lối chiết tự.

Ông khách nghe vậy, lấy làm phục, không giận nữa mà lại hỏi:

– Vậy theo trò thì hai người trên trời và một người dưới đất là ai?

Chung Nhi đáp ngay:

– Hai người ở trên trời là ông trời, bà trời. Còn một người học trò dưới đất chính là tôi vậy!

MỤA LỘN

Một hôm, Chung Nhi bỏ trường trốn về bảo với bố mẹ:

– Con học hết sách thầy rồi, nay về nhà nghỉ để sắp sửa đi thi Trạng đây!

Ông Lương phì cười nói:

– Chưa mọc lông ống đã đòi bay bổng. Một cầu trong Tam tự kinh còn chưa thuộc thì thi với cử thế nào được !

Chung Nhi vung vằng nói:

– Thế sao thầy bảo học dăm hôm thì làm được Trạng?

– Đó là thầy nói để con chịu học, chứ Trạng đâu lại dễ thế ?

Tuy vậy, Chung Nhi vẫn yên chí là đã học xong rồi.

Lúc Chung Nhi mười ba tuổi, học hành vẫn dốt nát, nhưng đùa nghịch thì hơn quỷ sứ, ông Lương thấy vậy buồn rầu tự nhủ: “giỗ nào, quai ấy”, cung cách này dành cho theo nghề mổ lợn vậy?

Từ đây, Chung Nhi bỏ học theo bố làm nghề mổ lợn. Chung Nhi thích lăm, thuộc vanh vách từ cách mời chào, những câu nói lái, cho đến việc pha thịt, bồ thủ.

Một hôm, hai bố con sang làng bên vào dinh một viên quan hưu trí mua lợn. Quan ông thì đang ngủ mà quan bà thì đi vắng. Bố con xin cho ra chuồng xem lợn. Khi ấy quan vừa dậy. Ông Lương vái chào rồi bẩm:

– Chúng con ở làng bên, nghe nói quan có lợn bán nên đến mua.

Quan mắt nhắm mắt mở, không trả lời, lững thững bước ra cửa, lấy khăn chùi mặt, vuốt bộ râu rẽ sang hai bên, đoạn búi lại tóc, rồi quay vào.

Chung Nhi thấy thế, bèn cố kéo bố vào chuồng bắt lợn. Ông Lương vội bảo con:

– Quan đã truyền giá cả bao nhiêu đâu mà vào bắt?

Chung Nhi nói:

– Thế bố không biết à? Quan khinh cha con mình là người mồ lợn nên không thèm nói, chỉ giơ tay làm hiểu, giá mười tám quan đấy!

Dứt lời, Chung Nhi đem tiền chồng đủ mười tám quan giữa sân, rồi vào bắt lợn. Vừa gặp lúc quan bà về, hỏi:

– Ai bán lợn cho các anh mà dám tự tiện vào bắt?

Chung Nhi nhanh nhau đáp:

– Bẩm ông lớn đã bằng lòng bán rồi đấy ạ!

Quan bà chạy vào gắt với chồng:

– Sao lợn to thế mà ông bán có mười tám quan?

Quan ngạc nhiên, cho gọi bố con Chung Nhìn vào quát:

– Ai bán mà bay dám nói là ta bảo mười tám quan?

Chung Nhi liền thưa:

– Bẩm khi nãy con thấy quan lấy khăn chùi ngang mắt, lại vuốt râu từ trán xuống, rồi rẽ râu sang hai bên, rõ ràng là chữ “thập bát”. Quan lại giơ tay búi tóc ra hiệu rằng: thuận mười tám quan thì vào mà bắt lợn. Chúng con đã chồng đủ tiền ở sân rồi.

Quan thấy Chung Nhi biện bác giỏi, phì cười bảo:

– Ta không định bán, nhưng khen chú bé thông minh, nên ta cũng bằng lòng bán cho. Thôi hai cha con vào mà khiêng lợn về.



BẮT TRỘM

Mùa đồng năm sau, ông Lương mất. Hết ba năm tang tóc rồi mà Chung Nhi vẫn buồn rầu cứ đi lang thang nơi này nơi khác, chẳng thiết làm ăn. Mẹ thấy thế càng thương càng chiêu, nhưng Chung Nhi không chịu ở nhà rồi dâm hư, rượu chè be bét.

Người anh khuyên:

– Bố mẹ sinh ra hai anh em ta, chẳng may vẫn dốt vú dát, không làm nên cơm cháo gì, song cũng phải lo cho yên nghiệp nhà chứ! Nay bố chết rõ, chỉ còn mẹ già chú cũng nên tu tinh làm ăn cho vui lòng mẹ, chứ cái đà này thì nhà ta đến thất cơ lỡ vận mất. Tôi bất hiếu bất mục áy, ai chịu cho?

Chung Nhi vờ như người điếc, chẳng nói chẳng rằng.

Chị dâu thấy thế bèn nói:

– Chú cứ rượu chè hư hỏng như thế chẳng sợ mang tiếng sao? Còn phải tính đến chuyện vợ con chứ! Như thế này thì ai người ta dám lấy.

Chung Nhi ngắt ngưỡng đáp:

– Anh chị cứ yên tâm. Mai kia em đồ trang thì khôi vợ, khôi tiền, tha hồ nênhênh giá!

Chị dâu thấy Chung Nhi nói ngông liền nhiếc:

– Chú thì Trạng gì? Trạng rượu, Trạng thịt thì có!
Chung Nhi vẫn cứ nhởn nhơ, đáp:

– Rồi anh chị xem, thế nào em cũng làm được Trạng!

Hôm sau Chung Nhi vừa đi chơi về, người chị dâu đã nói mát:

– À chú đỗ trạng, vinh quy về đó à! Trạng rượu hay Trạng thịt đây?

Thấy chị dâu cứ nói mỉa mai như thế, Chung Nhi trong lòng bức bối, quyết bỏ nhà ra đi, bèn vào lạy mẹ mà rắng.

– Con xin từ tạ mẹ. Phen này nếu không làm nên danh giá, thì con quyết không trông thấy mẹ nữa.

Nói xong, nước mắt chan hòa, lạy mẹ rồi đi.

Vừa ra đến cổng thì gặp hai người khăn áo chỉnh tề, trước thảy sau tớ, vác lều chõng đi qua. Chung Nhi liền hỏi:

– Chẳng hay hai ngài đi đâu mà thảy tớ đê huề vậy?

Hai người kia liền đáp:

– Chúng tôi trẩy kinh đi thi đây. Còn thày thì đi đâu?

Chung Nhi cười nói:

– Thế thì may mắn quá! Chúng ta cùng đi cho vui. Tôi cũng trẩy kinh đi thi đây.

Mọi người nhập bọn cùng đi.

Tính Chung Nhi cởi mở, vui vẻ, hay nói hay cười, hai người kia rất mến, dọc đường mọi chi phí, họ đều đỡ cho cả.

Trời tối rồi mà đường còn xa, ba người tìm vào một cái quán để nghỉ. Suốt ngày đi mệt, cả bọn lăn ra ngủ say như chết. Đêm đến, có hai tên kẻ trộm mò vào, giữa lúc đó Chung Nhi nằm mơ thấy mình đang bắt lợn mà con lợn lại sống mất, liền hét to lên:

– Đây rồi, bắt, bắt trói... lại... cắt tiết!

Hai tên trộm tưởng khách trọ hô hoán bắt mình, hốt hoảng vứt bỏ đồ đạc lại mà chạy. Hai người kia cũng nhầm dậy, kiểm lại hành lý thấy không suy suyển gì mừng quá, rồi rít cảm ơn Chung Nhi.



THÂM TÌNH HUYỀN LÝ

Di qua một ngôi chùa thâm nghiêm, tĩnh lặng, thấy phong cảnh đẹp, Chung Nhi và hai người bạn rủ nhau vào vãn cảnh. Họ dạo quanh một lúc thì đã tối. Vừa khi trăng lên, nhà sư ra mời vào trai phòng uống trà. Ba người mừng lắm, nhận lời. Trai phòng sạch sẽ, phong quang, gió đưa mùi hương thơm ngát. Nhìn cảnh trăng soi đáy nước, liền rủ phát phơ, thấp thoáng sen hồ, ba người tưởng như lạc vào nơi bồng lai tiên cảnh.

Nhà sư thấy khách vãn cảnh chùa ra dáng học trò đi thi, bèn đem giấy bút ra, xin ba thầy đề thơ làm kỷ niệm.

Hai người bạn lĩnh giấy bút đề luôn hai bài thơ tức cảnh. Chung Nhi nghĩ bụng, không nhẹ mình cứ ngồi ý ra, e



không tiện, liền cầm bút định viết bốn chữ tiếng lóng của lái lợn: “Thâm tinh lập lái”, nghĩa là “Ba quan và mười hai quan”. Nhưng vì không nhớ mặt chữ, nên chữ “lập” viết ra chữ “huyền”, chữ “lái” viết ra chữ “lý”. Thế là định viết “Thâm tinh lập lái” thì lại thành ra “Thâm tinh huyền lý”, nghĩa là “Hiểu sâu lẽ nhiệm mầu”.

Nhà sư nhìn bốn chữ tuy nét bút không phải rồng bay phượng múa, nhưng ý nghĩa thì thật sâu sắc, tấm tắc khen mãi:

– Văn từ hàm súc mà ý nghĩa lại rất hợp với cảnh chùa. Bần tăng lấy làm ái mộ lắm.

Hai người bạn đồng hành cũng hết sức khâm phục và tôn đùa Chung Nhi là Trạng, còn Chung Nhi cũng nghiêm nhiên tự cho mình là Trạng thật. Hôm ấy nhà sư lưu ba thầy trò ở lại thết đãi trọng thể, tất nhiên là ăn chay.

Ngâm vịnh thơ văn, luận bàn thi phú hết một đêm, Chung Nhi nhập tâm được nhiều lý lẽ cao siêu của nhà sư và hai bạn đồng hành. Sớm mai, ba người cáo từ lên đường, nhà sư đem oản chuốt nhét đầy một tay nải, gọi là có chút lễ mọn tiễn hành. Chắc cũng là bởi quá xúc động vì cái câu “Thâm tinh lập lái” viết sai mà lại thành “Hiểu sâu lẽ nhiệm mầu” ấy. Thật là “Thâm tinh huyền lý” vậy !

ĐỐT CHỮ ... THÀNH THẨN

Hôm sau, ba người đi đến một làng kia, trời nhá nhem tối. Ba người bàn nhau vào trong làng tìm nhà trọ. Khi qua cổng làng họ thấy ở cổng đê ba chữ: "Thủ chư dự" nghĩa là "lấy trong quẻ dự", chữ ở Kinh Dịch. Chung Nhi thấy bạn đọc như thế lại lầm ra là "thủ trư" là "thủ lợi" nên bảo ngay:

– Tôi nay, anh em ta được chén thủ lợi!

Thật ra là Chung Nhi dốt, chỉ theo âm mà đoán mò, lại không biết cả ngữ pháp tiếng hán. Thủ lợi thì phải là "trú thủ" chứ không phải thủ trư. Hai người kia đang cơn đói nghe thoảng qua là có người khoán đãi thì rất mừng.

Họ không ngờ là họ đang ở trọ nhà ông tiên chỉ, gặp ngày té xuân, làng đem biếu ông ta cái thủ lợi. Nhân có khách ông ta pha thủ lợi thết khách. Hai người kia đâm ra phục lăn, nói với Chung Nhi:

– Bác có phép tiên tri hay sao? Thật quá chúng tôi được nhờ bác nhiều lắm.

Chiều hôm sau, ba người qua một làng khác, thấy đầu làng có biển đá khắc hai chữ "Hạ mã" chữ Hán, nghĩa là "Xuống ngựa". Do nhìn sót mấy nét, Chung Nhi lại đọc "Hạ mã" thành ra "Bất yên" cũng là chữ Hán, rồi lại hiểu lầm là "chẳng lành" bèn khuyên hai

bạn đồng hành: Làng này sắp có chuyện chẳng lành. Chúng ta nên đi qua làng khác rồi hãy nghỉ lại, an toàn hơn.

Hai người bạn mỉm cười không tin, nhưng nể Chung Nhi, cũng chiều theo. Ai ngờ vừa đi được một quãng thì nghe tiếng kêu la và trống mõ ầm ī. Thì ra làng đó đang có đám cháy lớn.

Từ đây, hai ông bạn phục lăn, cho rằng việc gì Chung Nhi cũng biết trước cả, giỏi như thần, gieo que nào ứng nghiệm que ấy!



LỜI THƠ

Buổi nọ, cả bọn đi qua một trang trại, tùng cúc
tốt tươi, trúc mai sầm uất. Giữa cảnh ấy,
Chung Nhi trông thấy một tiểu thư nhan sắc tuyệt vời
đang cùng hai người thị tỳ hái hoa trong vườn. Chung
Nhi ngắm nghía, mê mẩn tâm thần. Hiềm vì tường cao
cổng kín, khó nôii tìm vào.

Đi một quãng, Chung Nhi bèn lập mèo từ biệt hai
người bạn kia, nói dối là phải vào thăm một người bà
con ở gần đấy, nhân thể mời hai bạn cùng rẽ vào chơi.

Hai người kia đang lo về thi cử, vội vàng từ chối:

– Đường còn xa, nhật kỳ gần tối, quá vui lỡ bước,
sau nữa làm sao. Thôi bác ở lại, chúng tôi đi trước.

Lúc chia tay, Chung Nhi dặn:

– Vậy thì xin mời nhị huynh trả kinh trước, mai
kia đê sê theo sau. Ngày hội ngộ hẳn cũng không xa.

Trở lại nơi trang trại, Chung Nhìn hỏi thăm mới
hay trại đó là của quan trí sĩ họ Bùi.

Bùi tướng công chỉ sinh được một gái, đặt tên là
Phấn Khanh. Tiểu thư rất doan trang, lại làu thông
kinh sử và khéo léo trong mọi công việc tề gia, nên Bùi
tướng công có ý kén rể hiền. Bữa ấy, tướng công đang
ngủ trưa, chợt nằm mơ thấy có người gọi: "Tướng công

dây! Đón Trạng rể mới lại chơi vườn". Tỉnh giấc, lấy làm kỳ dị lăm, nghĩ bụng: "Xưa nay ta có người rể nào là Trạng mà mơ lạ thế? Hay ta thử ra xem sao". Đúng lúc Chung Nhìn đang nghiêng nghiêng ghé mắt dòm vào chỗ tiểu thư và đám thị tỳ đang hái hoa, chợt tướng công chống gậy ra thăm vườn. Trông thấy người lạ, tướng công liền sai gia nhân ra gọi vào hỏi:

– Thầy người đâu lại? Đúng đây muốn hỏi gì?

Chung Nhi luống cuống, toát hôi, áp úng trả lời:

– Bẩm, tôi là học trò. Nhân trẩy kinh qua đây, thấy cảnh đẹp, trộm đứng ngoạn cảnh, có điều gì sơ xuất, xin tướng công tha tội cho.

Tướng công thấy Chung Nhi ăn nói nhύn nhường lại thấy mặt mũi khôi ngô, liền mời vào "Uyên ương đình" là nơi tướng công dựng lên để kén rể hiền, rồi sai dọn rượu thết đãi.

Rượu ngày say, Chung Nhi nhìn "Uyên ương đình" thấy phong cảnh hữu tình, sức nhớ tới mấy bài thơ của hai người bạn đường làm khi vãn cảnh chùa, bèn rung dùi ngâm lên. Bùi tướng công nghe thơ hay, vui lẩm, sai gọi tiểu thư lấy giấy hoa tiên chép lại để họa vân. Thật là một cuộc gặp gỡ kỳ thú, trăm năm mới có một lần. Giữa cảnh trăng gió trong mát, người đẹp hoa thơm, Chung Nhi cảm thấy hân hoan trong lòng dạ. Thế là tay nâng chén, miệng ngâm thơ, tuy chỉ là thơ nhập tâm của người khác, song cũng bội phần tâm đắc.

Còn Phấn Khanh thì nâng bút họa lại, lời thơ cũng uyển chuyển, tỏ ra con nhà dòng dõi thi thư.

Họa xong, tướng công ướm hỏi Chung Nhi:

– Lão có tiện nữ đây, muốn cùng tuấn sĩ gá nghĩa sắt cầm, liệu có nên chăng, xin cho lão rõ?

Chung Nhi khiêm tốn trả lời:

– Kẻ hèn này được tướng công thương đến, đâu dám chối từ. Hiếm vì khoa thi sắp tới, xin tướng công cho hẹn đến ngày ra bảng. Nếu kẻ hèn này công thành danh tạo, lúc đó sẽ trở về bái kiến tướng công, tướng công không muộn.

Tướng công vui vẻ gật đầu, càng phục Chung Nhi là người có chí, không vì nữ nhi thường tình mà quên nghiệp lớn. Phấn Khanh cũng từ tốn thưa rằng:

– Dẫu năm chờ tháng đợi, thiếp mong chàng bê quế vinh quy, sẽ được nương chờ dưới gốc.

Thật là :

Một phen tri kỷ gặp người

Ba sinh chắc có duyên trời chi đây.

XEM BÓI

Chung nhi đến kinh, mở một ngôi hàng xem bói. Thế nào lại gặp hai ông bạn đồng hành khi trước vào nhờ xem một quẻ. Ba người gặp nhau vui mừng khôn xiết. Hai người bạn kia liền bảo Chung nhi gieo cho một quẻ xem phận rồng mây phen này thế nào. Chung Nhi khấn khứa, xem qua rồi đoán:

– Trong quẻ này thánh dạy: “Quần long vô chủ” tất kỳ thi năm nay hoàn.



Thì ra mấy hôm trước, có hai vị quan đến xem bói nói chuyện riêng với nhau để lộ ra, Chung Nhi nghe lỏm được nên mới đoán già như thế, hai người bạn, tuy biết tài Chung Nhi nhưng trong lòng thì chưa tin lắm còn những người xem bói khác thì hoàn toàn bảo lão thầy bói nói láo. Khi sắp đến kỳ thi, quả nhiên có giấy niêm yết báo hoãn. Ai nấy giật mình, cho là Chung Nhi là bậc tiên tri. Từ đó tiếng đồn gần xa, khắp kinh kỳ rủ nhau đến xem bói đông nghìn nghịt...

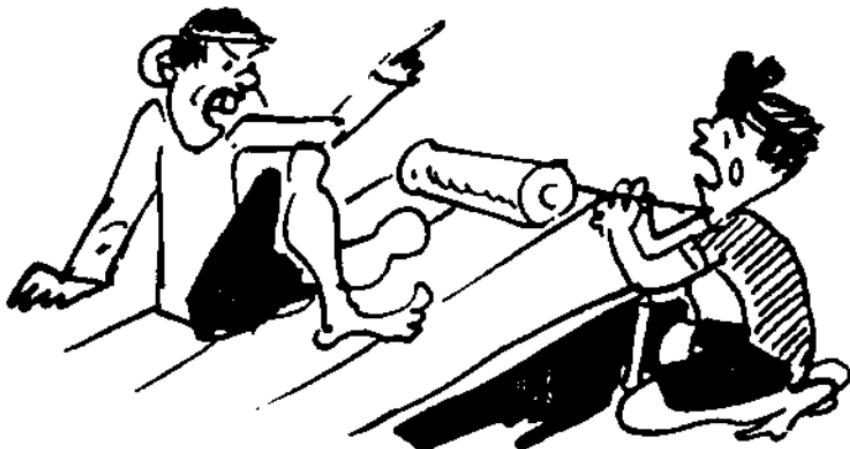
Một hôm, quan thượng thư bộ Bình lặc mất con thiên lý mã. Quan tiếc larmor, vì là con ngựa rất quý. Nghe đồn có thầy bói giỏi, quan sai cho gọi Chung Nhi vào dinh. Nằm trong dinh quan thượng, được cung đón đầy đủ mọi thứ, nhưng Chung Nhi lo larmor, ăn ngủ không ngon, ngủ không yên giấc trằn trọc suốt đêm, bụng luôn nghĩ đến chuyện mất ngựa. Bất giác Chung Nhi nhớ đến mấy câu trong Tam tự kinh học hồi còn nhỏ, liền ngâm to lên cho khuây khỏa: "Mã ngư dương, thủ lục súc, nhân sở tự...". Chẳng dè tên lính hầu trong dinh đúng là tên trộm ngựa. Khi mới nghe tin quan thượng mời Chung Nhi vào, hắn đã lo, nên ngày đêm lai vãng gần đó để nghe ngóng. Đêm hôm ấy, hắn chui xuống gầm giường Chung Nhi nằm, xem động tĩnh ra sao, đương hồi hộp đợi chờ, bỗng nghe thấy Chung Nhi đọc vanh vách nào là "mã" với "tự". "Mã" là ngựa, còn "tự" thì đúng là tên hắn. Hắn sợ quá, cho là Chung Nhi đã hô đích danh mình rồi, bèn llop ngóp bò ra khỏi gầm

giường, vừa vái vừa kêu, xin khai hết sự thật, nhưng xin Chung Nhi đừng nói rõ tên với quan thương.

Chung Nhi được thể, thét bảo:

– Ủ, mày lấy trộm ngựa ngày nào, giờ nào, bấy giờ giấu ngựa ở đâu? Muốn sống khai ra ngay, không tao hô lên tất cả thì chết đến nơi bây giờ!

Tên ăn trộm khai hết đầu đuôi. Hôm sau, Chung Nhi vào hầu quan thương, giả cách khấn khứa gieo quẻ, rồi cứ lời tên kẻ trộm khai mà nói ra vanh vách. Quan cho người đến tận nơi, quả thấy ngựa quý, mừng lắm, thưởng cho Chung Nhi rất nhiều vàng bạc. Từ đó, tiếng tăm Chung Nhi càng lừng lẫy, ai ai cũng gọi là Trạng ... bói!!!



QUÝ LÀM CAM CHỊU

Một hôm trong cung, công chúa mất đôi vòng ngọc. Đôi vòng này nguyên của vua Nhân Tôn khi bình xong nước Thủy Xá, vua Thủy Xá sai sứ đem triều cống. Đôi vòng có đặc tính ai đeo vào thì rời xuống nước, không chìm, xông vào lửa, không cháy. Vua ban đôi vòng quý đó cho công chúa. Công chúa ở trong cung cấm, canh phòng cẩn mật là thế, bỗng dung đôi vòng không cách mà bay.

Nghe đồn có Trạng Bói, công chúa cho dời Trạng vào cung gieo quẻ. Trạng bí quá, bèn nghĩ ra một kế hoãn binh, tâu rằng việc đó khó lăm, phải làm cho một cái lầu thật cao để xem thiên văn trong mười lăm ngày, mới có thể biết được.

Công chúa sai dựng lầu và cắt hai tênh lính thị vệ túc trực ngày đêm bên Trạng. Nằm tới mười ngày, Trạng thở dài sờn sượt, ngao ngán cho mình gấp bước khó khăn, nghĩ bụng nếu không tìm ra manh mối thì đến phải đâm đầu xuống lầu mà chết cho rảnh. Canh khuya, Trạng vẫn còn thao thức, tay phe phẩu quặt, nghĩ mãi không ra kế gì. Chợt Trạng phì cười, cho mình là cái thân tội, chưa biết chừng phen này vì đôi vòng mà mắc vạ lây, liền nói:

– Thật là quý làm cam chịu!

Lúc bấy giờ đúng lượt tên thị vệ là Cam phải túc trực. Hắn vừa thò đầu lên thang, chợt nghe Trạng hô đích danh mình, liền sụp xuống lạy, xin khai cung:

– Con cắn rơm cắn cỏ xin Trạng tha cho con. Việc này quả đúng là thằng Quýt nó chủ mưu, nay Trạng hô cả tên con vào đấy thì con chết mất.

Trạng cố nhịn cười, quát:

– Ư, đã biết Trạng tha cho, nhưng thằng Quýt ăn trộm đầu đuôi như thế nào, phải kể ra cho hết, giấu giếm ở đâu, phải khai cho thực.

Thấy Trạng nói tha mạng, thằng Cam mừng quá, kể mọi việc cho Trạng nghe. Hôm sau, đến trước công chúa, Trạng vẽ vời gieo quẻ, rồi cứ theo lời thằng Cam mà nói thao thao như nước chảy.

Lấy lại được đôi vòng, công chúa mừng lắm. Từ đấy, Trạng càng nổi tiếng.

KẾT NGHỊP

Một hôm, có ba người học trò đi thi, nghe tiếng Trạng Bói, liền rủ nhau vào xem quẻ. Lúc mọi chuyện mới biết ba người cùng có danh là Trạng cả. Một người ăn khỏe ghê gớm gọi là Trạng Ăn, một người vật trâu, trâu ngã gọi là Trạng Vật, và một người cờ cao ngang Đế Thích gọi là Trạng Cờ.

Họ kết nghĩa anh em và đồng thanh tôn Trạng Bói làm anh cả.

CỦU VŨNG

Bốn ông Trạng đương sống với nhau yên vui thì bỗng một đêm, vào khoảng canh ba, tự nhiên hoàng cung phát hỏa, lửa cháy rực trời. Quân nổi loạn kéo vào đánh phá kinh thành. Nhân dân ngoài phố xôn xao náo động, kêu khóc như ri, kẻ chạy ngược người chạy xuôi, hỗn loạn.

Bốn ông Trạng đang đi lang thang ngoài đường phố, thấy biến cung vội vã giắt nhau chạy về phía cửa Đông. Lửa cháy chiếu sáng. Trạng Bói trông thấy một người mặc áo bào màu xanh, từ trên mặt thành nhảy xuống kêu cứu, liền đến ghé vai công người đó, chạy trốn. Gặp một bọn mang binh khí cản lại vây đánh.

Trạng Vật, Trạng Ăn, Trạng Cờ ra sức phá vòng vây cho Trạng Bói cung vị áo xanh chạy tít về mạn chùa Thầy. Mấy ngày sau, binh hỏa nghe đã tạm yên, Trạng Bói cắt Trạng Vật và Trạng Ăn ở lại hộ giá, còn mình cùng Trạng Cờ trở về kinh thành dò la tin tức. Mới biết Nghi Dân tiếm vị, sát hại trung thần, may nhờ có Nguyễn Xí và Đinh Liệt chiêu bình mộ sĩ trừ được loạn Nghi Dân, rồi tâu với thứ hậu sai người đi tìm Hoàng đế, nhưng tìm đâu cũng không thấy.

Trạng Bói nghĩ kế, dâng sớ xin thứ hậu cho vào gieo quẻ. Thứ hậu mừng lắm, truyền gọi Trạng vào. Trạng thấy có hai vị quan đứng đó, còn trù trừ, thì thứ hậu đã nói:

– Nhị vị trung thần đây là những người một lòng vì nước trù gian. Người cứ nói, không e ngại điều chi!

Trạng liền tâu:

– Trong khi binh biến, chúng tôi đã nghênh tiếp. Điện hạ đến chùa Thầy, xin thứ hậu cho người tới đón.



CHÂN TRẠNG NGUYÊN

Thứ hậu mừng lăm, vội sai quan lớn đi đón
Hoàng đế về, rồi lập đàn lên ngôi vua lấy hiệu
là Thánh Tông. Vua Thánh Tông phong thưởng cho hết
thảy công thần duy có Chung Nhi, vua phong gì cũng
không nhận chỉ một mực tâu rằng:

– Muôn tâu Thánh thượng, quan sang chức trọng,
xin sê phong cho những người có công lớn, kẻ hạ thần
chỉ xin Thánh thượng ban cho hai chữ Trạng nguyên để
hạ thần vinh quy là đủ.

Vua Thánh Tông vui lòng giáng chỉ phong Chung
Nhi là Trạng nguyên, ra vào chầu chực dưới bệ rồng. Có
một quan văn quì tâu:

– Muôn tâu Thánh thượng, chức vị Trạng nguyên
là dành cho bậc văn tài, còn kẻ có công thì thưởng vàng
bạc vóc nhiễu hay phong quan tước là cùng, lẽ nào lại
phong Trạng nguyên cho kẻ không hiểu việc văn từ.

Vua Thánh Tông bác đi.

Giữa lúc đó, theo lệnh vua, chùa Thầy đã được tu
sửa xong. Vua ngự giá đến chùa làm lễ tạ Phật.

Lúc treo chuông lên gác, chuông nặng quá, không
sao treo nổi. Chung Nhi liền cho Trạng Vật và Trạng
Ăn vào giúp một tay, mới treo được. Vua thấy vây bèn

Truyện nói trang

đọc một câu: “Thiên lý trong kim chung” và bảo các quan đổi lại. Ai đầy đứng đực như phỗng không nghĩ ra.

Chung Nhi nhớ tới câu của Phấn Khanh khi trước, vội đọc ngay: “Bát đao phân mê phấn”.

Vua khen nức nở và bảo các quan:

– Ứng đối như mây bay nước chảy, tài áy thật đáng Trạng nguyên!

Sau khi xa giá hồi cung, vua xuống chiếu phong cho Chung Nhi ba chữ “Chân Trạng nguyên”, ban cờ biển cho Trạng vinh qui bái tổ.

Lúc lễ vinh qui ngang qua trang trại Bùi tướng công. Trạng dừng lại vào thăm nhạc phụ. Bùi tướng công vui mừng khôn xiết truyền mở tiệc hoa đón tiếp rể hiền. Trạng lưu lại làm lễ thành hôn cùng nàng Phấn Khanh rồi về làng làm lễ bái yết tổ tiên.

Trạng lại cho mở tiệc linh đình khao bà con, làng xóm.

Mẹ Trạng khi đó đã đầu bạc răng long, thấy con và dâu thì rất đỗi vui mừng. Anh và chị dâu cũng không nén được xúc động khi thấy em làm rạng rỡ cho tổ tiên như cha khi còn sống hằng mong ước...

CHỒNG GIẶC

Trang cùng nàng Phấn Khanh ở quê nhà vài tháng, rồi từ tạ mẹ và anh chị lai kinh. Khi qua trang trại Bùi tướng công hai vợ chồng vào thăm. Chưa được một ngày thì nhận được chiếu chỉ vua sai đi dẹp giặc.



Trạng biết ngay cơ sự, thưa với nhạc phụ:

– Việc này do âm mưu của thái sư họ Dương, bởi vì trước lão ép gả con gái cho tiểu tể không được nay thấy sánh duyên cùng lệnh ái nên để tâm thù. Nhân có giặc đương thả voi trận quấy rối miền biên cương vùng Thanh – Nghệ, lão muối đầy tiểu tể đến nơi nguy hiểm, Nhưng xin nhạc phụ chớ lo!

Hôm sau, Trạng cùng vợ rong ruổi lai kinh, vua ban cho Trạng cờ biển mà dặn rằng:

– Khanh đi kinh lược vùng Thanh – Nghệ, Trẫm trao cho chức “Tiết chế quân vụ”. Trong hàng quân, kẻ nào trái lệnh, khanh được phép “tiền trảm hậu tấu”.

Trạng cho mời Trạng Cờ, Trạng Vật, Trạng Ăn đến bàn kế chống giặc. Xong đâu đầy, phong Trạng Vật làm tướng tiên phong. Trạng Cờ đốc thúc thủy bộ, Trạng Ăn coi việc đường bộ và binh lương. Nàng Phấn Khanh cũng cương quyết lĩnh án đeo gươm theo chồng đi dẹp giặc.

Tới Thanh – Nghệ, phân thành cơ đội rồi đóng trại quanh núi. Thám tử về báo: “Giặc đóng tại Bố Chính, Quy Hóa trở vào, đông như kiến cỏ, thả voi phá hoại mùa màng, quấy nhiễu nhân dân, mà địa thế lại rất hiểm trở”.

Trạng Vật nói:

– Làm trai có chí lập công lớn thì dấu nguy hiểm bao nhiêu cũng không quan. Ta quyết đem thùng xô mui chúng lôi về!

Trạng mừng lấm, giáo cho Trạng Vật ba nghìn quân đi tiên phong, gấp rừng mở lối, gấp suối bắt cầu. Buổi trưa, Trạng Vật vừa cho cắm trại, thì thình lình quân giặc kéo đến vây đong vô kể. Chúng dùng tên bắn như mưa và thả voi xông bừa vào. Một mình Trạng Vật cùng quân lính chống đỡ tới chiều vẫn không sao phá được vòng vây. May sao có Trạng Cờ và Trạng Ăn thúc quân tới kịp, cùng hiệp lực mới thu được quân về. Thấy bị tổn thất tới bốn trăm người, Trạng than rằng:

– Thế giặc mạnh lấm, biết làm cách nào trừ cho được?

Phấn Khanh thấy chồng bắn khoăn lo lăng suốt ngày đêm, bèn hiến kế:

– Giặc mạnh vì được lợi thế rừng rú hiểm trở và có nhiều voi, ngựa hung dữ. Nhưng chúng vốn ngu dại và tham lam. Nay ta thả trâu, bò giặc tất kéo ra cướp. Ta mai phục bốn mặt, dùng mốc sắt câu liêm xông ra mốc vòi voi, lấy búa sắt bổ vào đầu và mắt. Như thế chúng tất thất bại.

Trạng sai bốn đạo quân theo kế thi hành. Quả nhiên giặc thua to, từ đấy cứ lẩn lút trong rừng sâu. Nhưng hễ quân Trạng xông vào là chúng bắn tên ra như mưa, không tiến lên được.

Trạng nóng ruột, hỏi kế Phấn Khanh. Nàng bày:

– Giặc thủ thế, ta khiêu chiến, chúng cũng không ra. Tính ba tháng nữa, ta hết lương ăn, tất nguy với chúng. Nay ta sai quân, ngày thì ra công trông ngô,

trồng dâu, đêm thì lén đào hầm hố, trên đan phên giấy cỏ lấp kín. Đến mùa ngô đậu có quả, ta vờ lui binh. Giặc tham, tất cho quân ra cướp. Lúc đó, ta phóng hỏa đánh vào, voi tát sa xuống hầm hố, và giặc xéo lên nhau mà chạy.

Kế đó lập tức được Trạng cho thi hành. Khi ngô ra bắp, đậu ra quả, thì Trạng hạ lệnh lui quân. Đến đêm, Trạng ngầm sai quân lính để nhựa thông vào những đồng cùi khô chất sẵn và cho quân mai phục. Quả nhiên đầu canh năm, giặc kéo ra cướp ngô, đậu. Trạng Vật lập tức nổ hiệu phóng lửa từ phía, rồi bắn tên vào như mưa. Voi ngựa xô nhau ra hố gần hết, còn binh tướng giặc bỏ chạy tán loạn, giày xéo lên nhau mà chết.

Trạng dẫn quân vào trận tiến, bắt sống được tướng giặc, đóng cùi giải về triều.

Khi đem tướng giặc ra tra hỏi, mới hay chính viên thái sư đã ngầm tư thông với giặc, xui chúng đem quân xâm lược đất dai vùng Thanh – Nghệ, rồi tâu vua sai Trạng đi dẹp giặc, định nhờ tay giặc trừ khử Trạng để báo thù việc Trạng không lấy con gái lão.

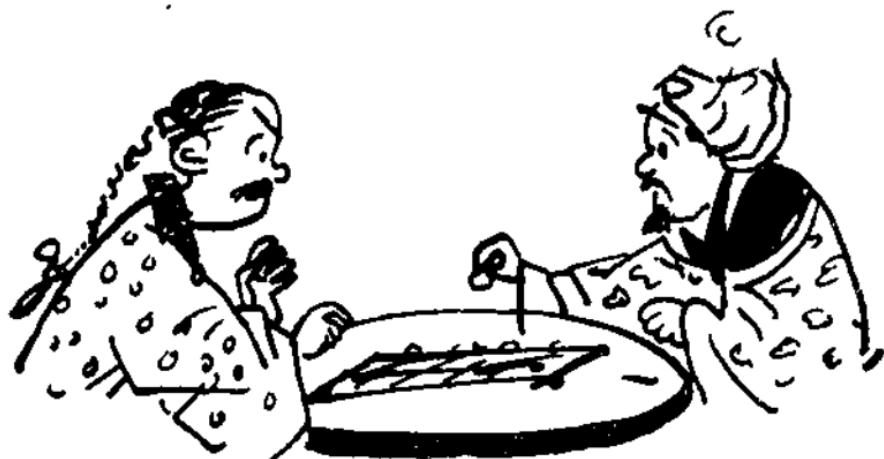
Vua dùng dùng nỗi giận, ra lệnh đem tên tướng giặc ra chém trước cửa thành rồi lập tức nghị triều xét tội Dương thái sư. Dương thái sư bị kết tội, toàn bộ gia sản bị tịch thu bao gồm nhiều vật quý và bản thân thì bị tống giam vào ngục tối.

ĐÁNH CỜ VỚI SỨ TÀU

Vua Tàu sai sứ sang Việt Nam để phong vương cho vua Thánh Tông, nhưng lại còn muốn thử xem nhà vua có đáng vì thiên tử hay không? Một hôm, sứ Tàu mời nhà vua đánh cờ. Nhà vua lo lắմ, mới gọi Trạng vào hỏi kế, Trạng tâu:

– Bệ hạ cứ cho bày bàn cờ giữa sân rồng rồi sai Trạng Cờ ăn mặc giả làm lính che lọng đứng hầu. Trên lọng dùi thủng một lỗ. Hễ Trạng cờ xoay lọng ánh nắng chiếu vào chỗ nào thì bệ hạ cứ nhắc quân đi vào chỗ đó.

Vua khen phải, sai lập bàn cờ, quả nhiên, chỉ một lúc, sứ Tàu bị dồn vào thế bí và chịu thua.



THỦ GỖ

Hôm sau, sứ Tàu lấy một cây gỗ lớn, ngâm sai người bào nhẵn hai đầu như nhau, rồi đố vua biết đâu nào gốc, đâu nào ngọn.

Vua hỏi Trạng, Trạng trả:

- Bệ hạ chớ lo, hạ thần đã có cách.

Đến đêm, Trạng sai mấy người ra phóng uế bừa bãi vào cây gỗ. Sáng, Trạng kêu ầm lên là bẩn, bắt lính kiêng gỗ ra sông rửa, dặn hễ thả gỗ xuống, thấy đâu nào chìm hơn thì đánh dấu vào. Thế là nhà vua cứ ung dung chỉ vào đâu có dấu mà bảo đó là gốc.



ĐI SỨ Ở NGÀU

Khi các nơi đã thần phục, biên giới yên bình, nhà vua sai sứ sang Tàu để củng cố sự giao hảo.

Lần này, vua cử Trạng làm chánh sứ để tạ ơn vua Tàu đã phong vương cho mình. Trạng nghĩ bụng: "Nước Tàu là nước văn hiến, mà mình thì chữ nghĩa không nhiều, không hay. Âu ta xin vua cho cả Trạng Ân, Trạng Vật, Trạng Cờ cùng đi theo hỗ trợ.



Vua chuẩn y, cắt ba Trạng cùng đi theo. Tới ải Nam Quan, lính canh Tàu không chịu mở cửa. Một chốc, họ đem ra một cái biển trên viết chữ “thập”, rồi lấy tay chỉ đông, chỉ tây, Trạng bức mình, quay lại bảo viên phó sứ:

– Nó muốn dọc, muốn ngang, thì ta khoanh một cái vòng tròn cho nó hết đường dọc ngang.

Nói xong, Trạng sai khoanh một vòng tròn lớn vào biển rồi giơ ra. Quan coi ải giật mình, nghĩ bụng: “Ta viết chữ “thập” là ý muốn nói “Tung hoành vũ trụ”, thế mà sứ An Nam biết, đổi lại là “Bao quát càn khôn” thì tài thật. Viên quan đó đành ra lệnh cho mở cửa ải, để sứ bộ nước ta vào.

Qua cửa ải rồi, sang đến đường đất nước người, Trạng thấy phong cảnh lạ, trong lòng lấy làm thích thú.

Chợt đi đến quãng đồn, thấy có một người con gái đang vạch quần đái, Trạng chỉ tay nói đùa với phó sứ rằng:

– Kìa quan lớn xem: “Nong tay dí bẹn đỏ hăm hăm”.

Nói xong, cùng cười ầm cả lên. Lệ đi sứ, hễ ông chánh nói câu gì, thời ông phó phải ghi câu ấy. Trạng nói nôm, ông phó theo tiếng mà ghi, bằng chữ Hán, đọc chéch ra là: “Đông Tây chí Biện đổ hân hân”, nghĩa là người miền Đông, người miền Tây đi đến Biện thấy (quang cảnh) rất vui vẻ. (Đất biện tức Biện Kinh, kinh đô Trung Hoa thời nhà Tống).

Khi đi qua đến đất Biện Kinh, quan sở tại nghe thấy sứ đến, ra nghênh tiếp, có ý muốn lấy chữ nghĩa ra thử sứ, bèn ra một câu đối rằng: “Nam Bắc lai triều

dạ tể tể” nghĩa là: “Người phương Nam, người phương Bắc đến triều rất rầm rộ”.

Vừa đọc khỏi miệng, Trạng ngoảnh lại bao ông phó sứ rằng: “Kìa, cái câu hôm nọ đâu, ngài đem ra đối đi”. Ông phó sứ chử sắn thế đưa ra, thời quả nhiên thực là một câu đối khá chỉnh. Quan Tàu thấy thế, phục sứ An Nam thán thông, có tài hiểu biết rộng, trong bụng kính phục lăm, khoản dãi rất trọng hậu.

Sang đến Yên Kinh, vào yết kiến vua Tàu. Vua Tàu muốn thử sứ thần, ngầm sai một người trang hoàng một chỗ trong cung quán rất lịch sự, để hai chữ “Kính thiên” treo gian giữa, đặt một đôi sập thát bảo rất cao, xung quanh bày nghi vệ sang trọng lăm, như là một chỗ giường ngự của thiên tử, để xem Trạng có dám ngồi hay không. Khi sắp dãi yến, họ đưa Trạng và phó sứ đi xem khắp các nơi rồi mới đưa đến đấy. Trạng tưởng chỗ ấy là để khoản dãi mành, leo phắt lên ngồi. Ông phó sứ ngửa lên thấy hai chữ “Kính thiên” liếc mắt trông lên, khẽ тро tay lên bảo. Trạng mới ngửa lên nhìn, rồi lại thủng thỉnh bảo phó sứ rằng:

– Đó chẳng phải là chỗ đợi chúng ta ngồi là gì? Ngài cứ lên đây!

Ông phó sứ chưa hiểu thế nào, cũng cứ lên ngồi nhưng vẫn có ý nhút nhát, mà Trạng cứ nói cười thung dung. Có một quan Tàu bước ra, chỉ tay lên đấy, hạch rằng:

– Cớ sao sứ An Nam lại ngược vô lễ như vậy? Không trông lên các chữ trên kia để xem chỗ này là

chỗ thế nào, mà dám nhảy lên ngồi chẽm chệ ở đây là nghĩa làm sao?

Trạng nói:

– Thưa, đại thần lấy tội gì mà lại cho hạ quan là ngạo. Hạ quan nhân thấy biển dè rõ là ba chữ “kính nhị nhân”. Thực là bản ý thượng quốc muốn đem cái ngôi này để hậu đãi sứ thần xa lại, chứ không phải lỗi của tiểu sứ. Và nghe cổ nhân có nói: Đã người phương xa cốt lấy bụng thực. Tôi nghe thánh triều lấy thành tín đãi người ngoại quốc. Thế mà người phương xa tới, lại đem cái bụng trí thuật làm oai. Tôi sợ người ta nghe tiếng dẫu có thực lòng ngưỡng mộ, cũng sinh bụng nghi mà không lại nữa.

Quan Tàu thấy Trạng nói chè hoe như là đã biết gan ruột họ rồi, vội vàng đáp lại rằng:

– Thôi xin quý sứ xá lỗi, xá lỗi! Nghĩ là buổi mới, thử xem có phải là bậc tài giỏi không mà thôi. Nhưng mà quý sứ là bậc thông minh thực! Đã giỏi, mà còn biết trước được như thế, thì có hổ gi.

Một lát sau có người bụng hai cỗ xôi, hai con lợn ra đặt ở giường chánh sứ và ở giường phó sứ, rồi truyền chỉ thiên triều ban yến. Hai người đều mặc triều phục, bái mện xong, ngồi lên ăn. Nguyên con lợn là một cỗ toàn đồ ăn, còn cỗ xôi, đều là lấy bột đắp giả làm thành, gồm nhưng đồ trân cam, mỹ vị ở trong. Trạng tưởng là con lợi với cỗ xôi thực, cầm con dao ra cắt ngay cái thủ trước, rồi rạch ra làm đôi, lại pha ra làm

tư, lật ra thấy bên trong thức nào thức nấy lấm mùi vị lạ lùng. Trạng lại lấy dao cắt nhỏ rồi mới ăn. Còn cỗ xôi, Trạng để lui lại, dùng về sau.

Các quan Tàu khen sứ An Nam ăn uống như thế mới thực là phải phép. Rõ ràng là: “Thái cực sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh tứ tượng, tứ tượng biến hóa vô cùng”!

Ông phó sứ vốn là người có tiếng ăn khỏe. Tiệc yến hôm ấy có đông mặt những quan Tàu, ông lại khoe sức ra oai ăn như vũ bảo, chỉ một chốc hai cỗ hết tận, không còn thừa một tí nào.

Các quan Tàu thấy thế lắc đầu lè lưỡi, xì xồ bảo nhau rằng: “Bậc ấy không biết trong bụng chứa chất như thế nào?”, nên gọi là “Thực Trạng nguyên” tức là “Trạng nguyên ăn”.

Một hôm, vua Tàu hội các sứ ngoại quốc ở vườn Ngự chơi hoa, ban yến. Vua Tàu đi trước, các sứ tùy giá theo sau. Đến một chỗ, dưới có cái hồ thả sen, trên trồng các thứ hoa lá, cảnh vật thanh tú, giữa có cái đình, bên trong treo một bức ngự thư đề hai chữ “Trùng nhị”. Vua Tàu hỏi sứ các nước có hiểu là thế nào không? Các sứ còn đương nghi chưa biết tâu là gì, Trạng tự nhiên tâu rằng:

– Rộng thánh hoàng muôn tuổi, đây thực là phong nguyệt vô biên.

Vua Tàu thấy Trạng ứng đối nhanh nhẹn và hiểu được hai chữ ấy, khen mãi, phán rằng:

– Sử An Nam thực là thông minh có mệt, đáng tài Trạng.

Xét vua Tàu viết hai chữ “trùng nhị”, vốn lấy nghĩa là: chữ “phong” và chữ “nguyệt” không có bên ngoài thời thành ra chữ “phong nguyệt vô biên”. Trạng không biết ý sâu xa như vậy, chỉ vì đương lúc bấy giờ thấy phong cảnh mát mẻ, nhớ đến chữ “phong nguyệt vô biên” ở chùa khi trước. Chẳng qua tâu lên để tán tụng mà thôi, nào biết đâu lại trùng.

Năm sau, trời làm hạn hán to, nhân có sứ các nước cùng đến triều cống, vua Tàu nhờ các sứ lập đàn cầu đảo. Trạng bèn làm ra vẻ khiêm tốn nhường sứ các nước làm lễ cầu đảo trước. Sứ các nước thay nhau cầu đảo mà trời vẫn không mưa.

Trong lúc đó, Trạng lẩn ra vườn xem cỏ già, rễ si, vì theo kinh nghiệm của nhà nông ta, hễ khi nào cỏ già lốm đốm trắng, rễ si nhú ra là trời sắp mưa. Hôm ấy cỏ già lốm đốm trắng, rễ si nhú mầm, Trạng liền xin vua Tàu cho mình vào lễ cầu đảo. Trạng vắt làm một cái chòi cao mười trượng, quanh chòi bày la liệt nào là ngũ phương, bát quái, lục giáp, lục đinh ... trông thật oai nghiêm, bí hiểm.

Đàn lập xong, Trạng rũ tóc, chống kiém, bước lên chòi, bắt quyết, rồi đọc một tràng phù chú, nào là mộc tinh, thâm tinh, mục tinh, khươu tinh, kẹo tinh... nghe rất lạ tai, rặt nhưng câu nói lái, nói lóng của hàng thịt báy lâu cóp nhặt được, đọc ra vanh vách cho hết. Cuối cùng, phù chú đã xong mà trời chưa vẫn vụ chuyển gió, Trạng làm tiếp ngay một lèo “tinh tinh tinh tinh” nghe

ú ớ như lời phù thủy hô phong hoán vũ, để chờ thời. Vừa may, gió chuyển bốn bề, trời tối sầm lại. Trạng thòi “niệm chú”, tay cầm bát nước vẩy khắp bốn phương. Quả nhiên, mây đen ùn ùn kéo tới, một trận mưa như trút nước đồ xuống, sấm chớp sáng lóe.

Vua Tàu và sứ thần các nước đều bái phục, bảo với nhau:

– Sứ An Nam quả là bậc phi thường, chẳng những giỏi về từ chương mà lại có tài hô phong hoán vũ nữa. Bao nhiêu tinh tú trên trời đều thuộc lầu lầu. Gia Cát Lượng ngày xưa cũng chỉ giỏi đến thế là cùng!

Vua Tàu thấy Trạng tài giỏi quá, liền lưu Trạng ở lại dạy hoàng tử. Trạng phần nhớ nhà, nhớ nước, phần sợ dạy học sẽ lời cái dốt ra, nên một mực xin về nước. Nhưng vua Tàu ép mãi, Trạng bất đắc dĩ phải vâng mệnh ở lại. Tuy vậy, Trạng đã lập meo săn, liền tâu vua:

– Học muôn chóng thành tài thì thứ nhất lễ phải nghiêm, thứ hai tâm phải tịnh!

Vua cho là phải.

Trạng xin vua làm một tòa lầu rất cao để hoàng tử học cho tịnh. Vua bằng lòng. Ngày khai tâm, hoàng tử leo lên lầu thụ giáo. Xưa nay vốn ở cung cấm, không quen leo trèo, nên hoàng tử leo lên được nửa lầu thì đã mệt bở hơi tai, chỉ đứng thở dốc, quên cả chào thầy. Trạng liền lập uy nổi giận quát to:

– Tiên học lễ, nhi hậu học văn. Vô lễ như thế thì còn học hành gì!

Rồi cầm roi vụt cho hoàng tử một trận nên thân. Hoàng tử bị đánh đau quá, lúc được tha, lại quên cả lê tạ thầy. Trạng liền quật cho thêm một trận nữa. Quan hầu cận đi theo hoàng tử, sợ xanh mặt, vội vàng sụp xuống lạy Trạng, xin tha cho hoàng tử. Lúc đó Trạng mới thôi.

Từ đó, Trạng chỉ dạy toàn những phép tắt đứng ngồi, chào thưa, xét nét từng ly từng tí. Hoàng tử sợ đòn, về mách với hoàng hậu. Hoàng hậu thương con, nên tâu với vua:

– Sứ An Nam xa nước đã lâu, ý chừng nhớ nhà, nhớ nước, nên tính tình đậm ra nóng nảy, không yên tâm dạy học. Chi bằng vua cho về quách đi là hơn. Nếu cứ giữ lại, thì e rằng con ta sẽ ốm vì đòn mất!

Hôm sau, vua phải giáng chỉ cho Trạng về nước.



ĐOẠN KẾT

Doàn sứ bộ sang Tàu thăng lợi trở về, Trạng vào chầu vua, vua mừng lắm bởi biết đi xa đường đất, gian khổ ở xứ người bao lâu mới cùng nhau tương phùng. Vua đích thân bước xuống thêm, âu yếm cầm tay Trạng giải bày những nỗi nhớ niềm mong và hỏi Trạng những sự việc đã xảy ra trong thời gian làm nhiệm vụ ở Trung Hoa. Trạng cúi đầu, quỳ tâu cặn kẽ mọi điều, khi đối đáp, lúc phải thỏa hiệp nhưng nói chung mọi việc đều ổn thỏa cả.



Vua nghe tâu, khen rằng:

– Người như thế thực là ông Mạc Đĩnh Chi của trẫm.

Ngày hôm ấy vua ban yến, cho tấu nhạc vui vẻ suốt ngày.

Hai năm sau, Trạng đúng tuổi sáu mươi, bèn tâu vua xin về trí sĩ. Vua thấy Trạng có công với xã tắc nhiều lăm, gia phong làm Thượng quốc công, lại cấp đất tốt cho lập ấp, phong tặng phụ mẫu, gia phong Phấn Khanh làm Nhất phẩm phu nhân. Các con đều được tập ấm. Một nhà vinh hiển.

Một hôm thong thả, Trạng cùng phu nhân ngồi đàm đạo. Nhắc lại chuyện cũ, phu nhân mới nói rằng:

– Nhà ta bây giờ kể ra ơn nước đã nhiều, chỉ hiềm con còn thơ dại, ít học hành còn chàng thì lúc nào cũng bận rộn xuất chinh, đi sứ... Thiếp chưa chăm lo, dạy bảo chúng được bao nhiêu... Nay nhờ thánh triều được công thành danh toại, cũng nên nghĩ lại trông xuống đàn con. Kéo mà chúng có ngu dốt thì thiên hạ lại cười con nhà thất giáo.

Trạng nghe đến chuyện dạy học thì nói lảng đi:

– Quả là phu nhân nói chí phải. Cha mẹ thương con thì chi cho bằng dạy bảo cho chúng học hành. Thế nhưng, như tôi đây vì công việc chung mà thành biếng nhác việc kinh sử. Bây giờ về già rồi có rảnh rang cũng quá là mệt mỏi, chỉ mong được ngao du sơn thủy, bâu bạn với nước non, trăng thanh gió mát ... Cũng còn

may, việc học hành của các con hẵn là phu nhân sẽ gánh vác chu đáo. Đó cũng là việc rất tốt cho gia đình mình.

Vậy là, kể từ hôm đó, Trạng chỉ ngày ngày đàm sáo, ca hát và dong thuyền đi chơi những nơi non xanh nước biếc, hết bờ nọ bến kia để xem phong cảnh.

Một đêm kia, trăng soi sáng tỏ khắp nơi, Trạng đang ngồi cạnh mạn thuyền, bỗng thấy giữa sông có một bãi cát, ở trên bãi lại có dựng một ngôi miếu nhỏ, phong cảnh rất u tịch, liền hỏi người lái đò:

– Đây là chỗ nào?

Người lái đò thưa:

– Bẩm, đây là bến Tự Nhiên. Khi xưa ông Chử Đồng Tử hóa tiên ở đó. Bãi này là di tích của ngài.

Còn đương ngâm nghĩ, bỗng thấy ông cụ xuất hiện trên một chiếc thuyền đến hỏi Trạng rằng:

– Có phải Dương Đình Chung đó hay không? Lâu nay đã thỏa chí hay chưa? Lão cho mượn sách từ kinh ấy đến giờ mà bây giờ đã vinh hiển rồi, thời các phép của lão hãy đem trả lão!

Trạng thấy gọi tên mình, vội vàng nhìn xem, thì ra ông cụ dạy mình bói khi trước. Trạng toan cất lời nhưng chưa kịp hỏi đã thấy ông cụ quay thuyền đi. Gọi với ông cụ lên thuyền để nói chuyện, thế nào cũng không thấy cụ lại.

Trạng bắt lái thuyền cố chèo cho kịp thuyền cụ. Xa xa, thấy bóng cụ ghé thuyền lên bờ rồi biến mất, Trạng cũng lên bờ, tìm khắp cả không thấy dấu vết gì. Trạng ngẩn ngơ than thở, rồi vào miếu lê tạ. Xuống thuyền trở về, Trạng vào tâu với vua. Vua lấy làm kinh dị lắm, ban cho Trạng tiền để sửa sang đền miếu ông Chử Đồng Tử, Trạng phụng chỉ việc sửa sang xong. Tháng tám năm ấy, Trạng tắm gội vào triều, về nhà tự nhiên không có bệnh gì mà mất. Sóng lâu bảy mươi hai tuổi, ứng với bảy mươi hai lần được người dương thế cho quà ở cái gò đất đầu làng, khi Trạng còn là cậu bé ẩn hiện bất ngờ mỗi lần ông Lương, thân sinh Trạng sau này đi chở về qua. Trong một lần, ông Lương có hỏi cậu bé sau này đây thai làm con trai già đình ông:

- Thế thời con ở với thầy bao lâu?
- Thầy cho con bao nhiêu lần quà, thời con xin ở với thầy đúng bấy nhiêu năm.

Ông tính đưa quà cả thầy bảy mươi hai lần, như thế là Trạng Lợn giữ đúng chữ tín với người đời, không sớm một năm, không chậm một ngày. Chuyện của Trạng đã được huyền thoại hóa nên không biết thực chỗ nào, hư chỗ nào, điều chắc chắn là những câu chuyện ấy sẽ còn sống mãi trong tâm thức dân gian.

MÂN NHỤY VÀ PHỦ TUẤN

Mân Nhụy:

Ông là người Nghệ Tĩnh, có biệt tài “nói trạng” nên được dân chúng yêu quý nhưng bọn cường hào quan lại thì ghét cay ghét đắng. Sống vào khoảng nửa đầu thế kỷ 19. Mân Nhụy cũng từng đi thi và bị ... rớt! Phải chăng chính vì nhìn thấy những thối nát của xã hội lúc ấy, giai thoại về ông thường chia mũi dùi vào bọn tham quan ô lại!

Phủ Tuấn:

Khác với Mân Nhụy, ông đỗ đạc và ra làm quan dưới triều Tự Đức, thế nhưng những giai thoại dân gian mà nhân dân các tỉnh miền Trung còn truyền tụng chung tỏ ông là người cương trực, có tính hài hước và biết lấy đó để răn đ戒. Truyền về ông mang đậm nét trào lộng của người miền Trung như cách nói lái, chơi chữ ...



CHỦ NHÂN BỆNH OAN GIÁ

T rong một chuyến đi từ huyện Diên Châu lên vùng Đô Lương, đọc đường nghỉ chân, Mân Nhụy gặp một đám tang. Người địa phương kể cho ông biết người chết là một tên cường hào, chuyên nghề khoét nặn, vừa mới dùng quyền hành và mưu mô cướp đoạt mấy mảnh ruộng của một người trong làng thì lăn ra chết. Mân Nhụy hỏi họ tên, con cái, hoàn cảnh, bệnh tình của chủ nhân, rồi ngay đêm ấy, tại nhà trọ, ông mang giấy bút ra, thảo một bài văn bi ai thống thiết.

Sáng hôm sau, đầu quấn khăn tang, ông đến nhà tên cường hào kia. Không đợi cho người nhà hỏi han, ông đứng ngay trước bàn thờ, bái mấy bái, rồi giở bài văn ra đọc. Mọi người đứng quanh đều xúc động vì lời lẽ rất thống thiết.

Đọc xong, ông ngã khụy xuống chiếu. Tang chủ vội vàng dìu ông ra. Cố nhiên họ không nhận ra ông là ai. Ông làm bộ thản nhiên gọi đúng tên anh chàng con trưởng ra trách:

- Anh không biết. Tôi với ông bố anh là bạn cố hữu.

Mới rồi, tôi với ông nhà anh còn trò chuyện, khi gặp nhau ở trên tinh. Tiếp đó, ông kể lể thêm một số chuyện vừa mới nghe bà con địa phương kể đêm qua. Cả nhà đều tin thực ông là bạn thân người quá cố.

Thừa dịp vắng người, ông mới gọi riêng hai mẹ con anh chàng con trưởng đến nói chuyện thận mật:

– Tôi nói thật cho bác và cháu rõ. Bác trai mà bị bất hạnh thế này là tại bác ấy không biết nghe tôi. Dao trước, bác trai gặp tôi trên tỉnh, có hỏi tôi về chuyện định tậu mấy mẫu ruộng ở nơi ấy, nơi ấy, vậy đã tậu được chưa?

Mọi người càng tin ông là bạn thiết cốt của chồng, của cha mình. Chuyện mưu mô kín đáo này thì hàng xóm mấy ai hay, mà ông này lại biết được. Họ nhận là đã được làm chủ đám ruộng ấy rồi. Mân Nhụy chép miệng:

– Thế thì nguy đấy! Không phải nguy một lúc, mà suốt ba năm, sẽ mất luôn ba mạng! Tôi thì không có thì giờ ở lại, nhà ta cũng đang bối rối thế này. Bác và cháu nên để ít hôm nữa, lên xem lại đất, nếu không hợp thì cho người ta chuộc đi, chứ không nhà ta còn gặp nạn nữa đấy...

Mấy ngày sau khi Mân Nhụy cắp áo ra đi, mẹ con nhà này lập tức đi tìm người chủ cũ, thương lượng để được hoàn lại ruộng.

TÌM VỢ CHO QUAN PHỦ

Có viên quan phủ chết vợ, muốn lấy vợ kế. Dựa tình quen biết, quan nhờ Mân Nhụy giới thiệu cho một người. Mân Nhụy nhận lời và mời quan ngày hôm sau ra chợ xem mặt. Ra đến nơi, ông bảo quan đứng xa quan sát, còn ông thì vào trò chuyện với một cô hàng vải rất thân mật.

Trên đường về, quan phủ công nhận với Mân Nhụy rằng quả tình cô gái này thật là “sắc nước hương trời”, trông bộ dạng nói năng thì cũng thanh lịch. Quan hỏi ngay tên họ tuổi tác và nhà ở của cô ta, Mân Nhụy giới thiệu rất rành mạch ...

Ba hôm sau, Mân Nhụy lại gặp quan. Quan cau mặt bức bối nói với ông:

– Sao ông lại cho tôi coi mặt cái cô ấy?

– Sao ạ?

– Tôi đã cho gia nhân đến thăm hỏi tình hình, thì gặp lúc cô ta cho con bú. Quan phủ đáp.

– Vâng, thì cô ta đã có con, chồng cô ta vẫn ở nhà, chứ sao.

– Thế thì lấy cô ta thế nào được?

– Bẩm quan, việc lấy hay không là quyền quan lớn chứ ạ. Quan lớn chỉ bảo tôi kiểm cho quan lớn “người đẹp”. Tôi cho cô ấy là đẹp nhất ở vùng này. Quan cũng bảo là “sắc nước hương trời” kia mà!

Quan phủ bấy giờ mới chung hứng ra.

AI THỬA CƯỘC

Một lý trưởng, bạn thân của Mân Nhụy, thường tự phụ là có vợ đẹp và rất đoan trang. Ông bảo: anh con trai nào chỉ cần sờ vào vú bà xã tôi một lần, thì tôi cho hắn một sào ruộng và một con bò. Mân Nhụy cười bảo ông:

– Chắc chắn như thế không? Sau này ông không được chối nhé!

– Chắc chứ! Quân tử nhất ngôn mà!

Chiều hôm sau, Mân Nhụy đến nhà ông lý, cả hai vợ chồng ông đều ở nhà. Ông lý đi rót nước. Bà lý ngồi trên phản kề bên, vạch vú cho con bú.

Mân Nhụy đến gần. Ông móc túi lấy hai quả mận đỏ ra giờ trước mặt cháu bé:

– Đây! Đây! Của cháu đây!

Đứa bé vẫn cười toe toét, nhả vú ra, giơ tay cầm mận, Mân Nhụy úp cả hai tay mình vào vú bà lý, nói đùa với em bé:

– Còn đây là của chú!

Đứa bé vẫn cười toe toét, lại gật đầu nữa. Bà lý thẹn đỏ mặt. Mân Nhụy cười ha hả, đến vỗ vai ông lý:

– Mai tôi đến dắt bò nhé. Còn ruộng ông cho thửa nào cũng được, tùy ông chọn lấy.

CHỮ THỜ ... TÁO!

Vùng miền Trung ngày xưa, người dân có tục thờ chữ. Nghĩa là thờ các câu chữ nho đẹp, do những người hay chữ và có hoa tay viết ra. Người học chữ nho, gọi học trò là “thầy khóa”. Khi ấy, khóa Tuấn đang ở rể nhà cha vợ. Một hôm, cha vợ lập một cái bàn thờ nhỏ ở dưới bếp và nói:



– Nào, khóa Tuấn học hành xưa nay. Giờ viết cho thầy mấy chữ để thờ thần bếp được chớ!

Được cha vợ sai thì ai dám cãi? Khóa Tuấn liền đem bút lông mực tài ra ngay và viết hai chữ hán đại tự: “Tuấn Cao”.

Gặp cha vợ là người dốt chữ, ông ta thấy con rể viết chữa đẹp thì mừng lắm và kính cẩn đem treo nó lên bàn thờ ông táo.

Một hôm có một người khách đến chơi, ông ta thấy như vậy mới ngạc nhiên hỏi:

– Ủa, sao lại thờ chữ “Tuấn Cao”. Anh ấy đã chết đâu mà nhà bác lại thờ?

Ông gi vợ hoảng hốt, kêu ngay khóa Tuấn về la mắng:

– Tôi tưởng anh học hành đàng hoàng, vậy mà anh lại dám bỡn cợt viết tên anh cho tôi thời. Thật là quá đáng!

Tuấn gãi đầu, lễ phép thưa:

– Thưa thầy, ai nói rứa là họ chẳng hiểu gì về chữ thánh hiền. Con viết theo ý thầy đó mà!

– Anh nói đúng ý tôi? Vậy tôi bảo anh viết chữ để thờ thần bếp hay là thờ tên người viết?

– Dạ, tại thầy chưa hiểu thôi chớ con viết hai chữ “Tuấn Cao” có nghĩa là “Táo Quân” là không sai đâu ạ. Bếp thì thờ ông táo quân chớ còn thờ ai phải không thầy?

Cha vợ của khóa Tuấn nghe vậy dành chịu chàng rể.

NHẬN HỒI LỘ

Chuyện xả ra khi ông đã làm đến chức tri phủ. Thời ấy chuyện nhận hối lộ của các quan là một tệ nạn “đương nhiên”. Một lần có lão phú hộ đánh một người tá điền gây thương tích. Nạn nhân phát đơn kiện và vì lão kia đã nhiều lần đánh người nên bị tống giam ngay và đang chờ ngày xét xử. Quen thói, lần này lão lại tìm cách nhắn người nhà đến cửa sau phủ đường lo lót. Phủ Tuấn hẹn rằng:

– Cũng không có gì là khó lăm. Muốn khỏi tội đánh người, thì phải chịu cho ta mươi nén bạc. Nội hoàng hôn ngày mai phải đưa đủ!

Nói xong, ông tạm tha hắn về ngay. Tưởng đã lung lạc quan chỉ với mươi nén bạc, tên này hí hửng mò đến dinh quan phủ thật đúng hẹn. Không thấy quan đâu, hắn hỏi thì được người nhà cho hay là quan đang ở chỗ chuồng heo. Mò ra, hắn nhìn thấy quan đang ăn mặc rất chỉnh tề, mang hia đội mào dù cá. Tên nào khum núm dâng lên mươi nén bạc. Phủ Tuấn bảo:

– Mi chuồn vô tay áo thụng cho ta!

Ít hôm sau, ngồi ghế chánh án, ông tuyên phạt tên này năm năm tù khổ sai về tội đánh người trọng thương. Hắn chưng hửng, biết mình bị lừa, nên đút lót tiền lên quan tinh, kiện ông ăn hối lộ. Phủ Tuấn bị đòi

lên tinh để đổi chất. Trước mặt các quan hàng tinh, Phú Tuấn nhất định không chịu nhận và xin tòa bắt tên phú hộ kia phải khai rõ hắn đưa bạc cho ông ở đâu, vào lúc nào, lấy gì làm chứng. Tên này khăng khăng kể hết sự tình.

Tòa vặn lại:

- Thế mi giao bạc cho quan phủ ở đâu?
- Dạ ... ở nơi chuồng heo nhà ông ấy.

Quan tòa trồ mắt:

- Thế nào?
- Dạ bẩm, lúc đó quan phủ đội mũ, đi hia, mặc áo quan và đang cho heo ăn ạ! Chính con đã nhét mười nén bạc vào tay áo thụng của quan.

Phú Tuấn phì cười:

- Bẩm các cụ lớn, rõ ràng là tên này đã bịa đặt mà lại còn láo xược! Có đời thuở nhà ai cho heo ăn mà lại mặc phẩm phục? Tui đề nghị tòa tăng án phạt hán thêm năm năm nữa về tội khinh thị đạo thánh hiền, vu không quan trường...

Lão phú họ bù lu bù loa, nhưng ai mà nghe lời hán.

TRÀI TRÂU VỀ ĐÚNG CHỦ

Thời làm quan, có lần Phủ Tuần xử kiện vụ mất trộm trâu. Bên nguyên là một nông dân kiện bên trộm trâu là một nhà phú hào có thế lực. Ông này cả quyết rằng trâu ấy là của mình. Phủ Tuần liền xuống tận nơi thị sát. Sau khi nghe cả hai bên bày tỏ, quan phủ kêu cả hai lên công đường và bắt đầu hỏi bên bị:

- Nhà anh có bao nhiêu trâu?
- Thưa nhà con có năm con tất cả ạ!
- Anh có biết đặc điểm chi tiết về con trâu này không?
- Bẩm có ạ!

Thế rồi gã phú hào kể vanh vách khá chi tiết từng đặc điểm về con trâu ấy: cao ba thước hai phân, dài sáu thước năm phân. Có tám khoáy: một khoáy trước trán, một ở đỉnh đầu, hai khoáy ở dọc sống lưng, hai khoáy ở hai bên bả vai, hai khoáy ở hai hông cò, hông nước; đuôi dài thước năm. Trâu có bốn răng. Sừng cong, cái bên trái dài hơn cái bên phải hai phân. Mỗi sừng có sáu lỗ lèm, nồng sau khác nhau.

Quan Phủ Tuần quay sang hỏi bên nguyên. Bên nguyên thưa:

– Bẩm quan! Nhà con chỉ có mỗi một con trâu nớ. Khi đặt ách cày vô cổ con trâu, con lấy tay gãi gãi vô bên má trâu, là hấn thè lưỡi ra liếm tay con.

Phủ Tuấn bảo:

– Vậy anh làm thủ trước mặt ta và có đông đảo bà con, các chức sắc ở làng cùng xem ở đây.

Anh nông dân đặt ách cày vào cổ trâu, đoạn xoa xoa tay vào má nó. Con trâu thè lưỡi liếm mãi vào tay anh ta.

Mọi người thấy thế reo lên.

Phủ Tuấn hỏi tiếp:

– Bên bị! Còn đặc điểm các con trâu còn lại của anh?

Gã phú hào lúc này lúng túng, đứng thuôn mặt ra như ngỗng. Phủ Tuấn đập bàn quát rồng:

– Thế là trắng đen đã rõ! Xưa nay nuôi trâu có ai lại đếm do tỉ mỉ như vậy bao giờ. Mi nói không đúng là phải thôi.

Vậy là kẻ trộm trâu phải đành nhận tội.

TRUYỆN XIỂN BỘT

(*Truyện Xiển Bột chúng tôi in lại từ cuốn “Truyện cười dân gian Việt Nam”*)

CON CÒ BIẾT NÓI

Chuyện kể rằng, Xiển Bột bắt được một con bò đem về nuôi. Thằng con lão nhà giàu trong làng trông thấy thích lắm, đòi bố mua cho bằng được. Lão nhà giàu cũng chiều ý con đến gặp Xiển. Xiển đòi năm quan, lão mắng:

– Tao nghe đồn mày thông minh, sao một con cò mà mày đòi những năm quan?

Xiển trả lời:

– Cò tôi quý lắm. Nó biết nói đây!

Lão không tin, bảo chỉ có kẻ dại mới nói vậy. Xiển cam đoan là thật. Lão bảo:

– Mày hỏi nó, nó nói được thì tao trả cho năm quan, bằng không thì tao bắt lấy cò.

Xiển lấy tiền trước, rồi ghé sát vào tài cò, hỏi:

– Cò ơi, mi có biết nói không?

Và bóp vào cổ cò một cái cực mạnh. Cò đau quá kêu “có” một tiếng. Xiển reo lên:

– Đó, thấy không?

Thế là lão nhà giàu chịu mất năm quan tiền lấy một con cò ốm.



XIẾN LÀM NHÀ

Xiển nghe nói vùng Yên Lược thuộc huyện Thọ Xuân, gần rừng núi còn có nhiều đất tốt chưa khai phá. Xiển liền đám cả gia đình di cư từ quê nhà lên đây ở.

Ở đâu cũng có bọn cường hào, theo lệ làng mới, Xiển phải mất một bữa rượu xin làng cho trú ngụ, và lại phải có một mâm trầu rượu lần nữa xin làng một mảnh đất lấy chỗ dựng túp lều làm nơi ăn ở. Lý trưởng đánh trống họp làng, nhưng thực ra làng chỉ là bọn chức sắc, cường hào mà thôi. Thấy họ hay hạch sách, Xiển căm lắm. Lần thứ hai mang trầu rượu ra đình, Xiển gãi đầu gãi tai thưa:

– Dạ trình các cụ, con mới đến đây, ơn nhờ các cụ cho ở để hầu hạ các cụ nhưng chưa có nhà cửa gì cả, nên muốn xin miếng đất đầu làng chó ỉa nhờ các cụ xét cho.

Lý trưởng thấy rượu thì tít mắt lại, liền nói:

– Tưởng gì chứ miếng đất chó ỉa đâu làng ấy thì được. Nào xin mời các cụ nâng chén đi thôi.

XIỂN CHÚC TẾT

ì là dân ngụ cư nên Xiển bị các vị chức sắc đầu làng luôn luôn hạch sách.

Tết đến, Xiển được sai đi mời phường chèo, về hát cho dân làng mừng xuân. Xiển nói với đám phường hát cho lên hát câu đầu để chúc Tết các cụ chức sắc trong làng.

Trống vừa điểm thì thùng, Xiển liền bước ra hát chúc Tết các cụ:

Trên bã mía, dưới bã dâu.

Xin chúc các cụ đầu làng mỗi người một bã.

Dân làng reo hò vang dậy tán thưởng. Chỉ các ụ đầu làng tuy úc mà đành phải gõ trống khen hay!



ĐỒI BÒ GẦY LÂU BÒ BÉO

Làng Yên Lược có một miếu văn chỉ lô thiên thờ Khổng Tử. Trâu bò trong làng thả ăn cỏ gần đấy thường kéo vào phóng uế ra cả bệ thờ. Bọn lý trưởng, cường hào thấy không tiện, bèn họp làng giao cho Xiển phải trông nom, rào giậu lại, và đặt lệ hễ bò nhà ai vào làng sẽ bắt làm thịt, chia phần. Lệ làng đặt ra, các nhà có bò đều dặn con cháu hoặc người ở hết sức giữ gìn. Xiển có một con bò ốm, gầy như cái mo khô cứ cho ăn gần đấy. Một hôm, Xiển để bò vào khu văn chỉ, và cố ý cho dân làng biết.

Đang thèm thịt bò, bọn lý trưởng, cường hào lập tức cho người bắt bò làm thịt, Xiển nói:

— Lệ làng đặt ra, tôi không dám kêu ca gì cả, chỉ xin làng nhớ cho từ nay trở đi bắt cứ bò nhà ai, hễ vào văn chỉ là bắt làm thịt tuốt.

Sau đó ít lâu, Xiển mua mấy cỗ bài tam cúc, chia cho bọn trẻ chăn bò và rủ chúng tìm chỗ đất khô ráo, phẳng phiu ngồi đánh. Bọn trẻ thích quá, xúm nhau chui mũi vào đánh bài chẳng chú ý gì đến bò nữa. Xiển lùa tất cả đàn bò ăn lại gần khu văn chỉ, rồi mở cổng ra. Thấy cỏ bên trong xanh tốt, một con vào, hai con

ĐÁNH "TRỐNG GẦM"

Mẹ mất rồi, Xiển Bột càng nghèo túng, lại là dân ngư cư nên Xiển bị chèn ép đủ bề. Xiển Bột phải đi ở cho một lão chánh tổng. Tên này, đang học làm sang, một lần, chánh tổng đi chơi, bắt Xiển cắp điếu tráp theo hầu.

Đi mãi, đi mãi, đến một làng nọ, mỗi chân, chánh tổng ghé vào đình nghỉ. Giữa đình có treo một chiếc trống rõ to. Mặt trống to bằng cái nia, trên đẽ hai chữ "Trống cấm". Bấy giờ trong đình có mấy người cũng vào tránh nắng. Bỗng xiển Bột thốt lên:

– Có ai thách tôi đánh trống không nào?

Một anh nhà giàu, nghe hỏi vây lộn tiết, trợn mắt lên nói:

– Đến cụ cổ nhà mày cũng không dám dụng đến trống này nữa là mày! Rồi hăng tiết, anh ta thách:

– Nếu mày dám đánh đủ ba hồi chín tiếng, tao sẽ trả hẳn cho mày năm chục quan tiền.

Xiển bảo:

– Năm chục chẳng bõ.

Anh nhà giàu tưởng Xiển sợ, nói vây để tìm cách thoát, nên lên giọng:

– Trăm quan! Ưng chưa?

Xiển nhận lời. Hai bên làm giấy giao kèo có sự chứng giám của nhiều người. Về phần Xiển Bột, nếu không dám đánh trống thì sẽ phải ở không công suốt đời cho anh nhà giàu nợ.

Xong đâu đấy, Xiển Bột lấy dùi, bắc thang trèo lên đánh đủ ba hồi chín tiếng. Tiếng trống vang xa, cả làng đều nghe thấy. Theo đúng giao kèo, người kia phải trả cho cậu một trăm quan. Xiển nhận tiền xong thì dân làng đã kéo đến chặt sập đình. Lý trưởng hầm hầm rẽ dám động đi vào. Xiển vái chào lý trưởng, rồi bình tĩnh nói:

– Tôi là khách qua đường, thấy đình làng tôn nghiêm đẹp đẽ, muốn góp chút công quả vào việc trông nom sửa chữa sau này. Hiếm vì chẳng biết làm cách nào gấp được tôn ông, thành thử phải liều đánh trống. Xin tôn ông nhận cho số tiền này.

Nói rồi, Xiển chồm năm chục quan tiền trước mặt lý trưởng. Thấy tiền, lý trưởng hớ hở chấp thuận luôn đề nghị của Xiển. Thế là Xiển Bột bỏ năm mươi quan tiền còn lại vào đấy, ung dung theo chánh tổng lên đường.

GÓP GỐC

Hồi ấy, Pháp mới chiếm nước ta. Để đảm bảo han ninh, chúng ra lệnh ban đêm phải đặt bót gác ở khắp nơi. Theo lệnh quan trên, trai tráng làng Yên Lược đêm nào cũng phải ra đình canh phòng. Gặp mùa đông rét mướt, họ chia nhau lần lượt mỗi tối một anh góp gốc để sưởi cho ấm. Xiển vốn có cảm tình với những người nổi loạn chống lại triều đình, nên cứ nay cáo nhức đầu, mai cáo đau bụng, không chịu đi canh phòng. Họ bắt Xiển phải nộp gốc mới cho ở nhà. Xiển đào một ít gốc chuối gánh ra, nhè giữa đống lửa đang cháy rần rật mà đổ vào, thế là cả đống lửa đang cháy tắt phut, Lão hương kiểm liền quát hỏi Xiển. Xiển bảo:

– Các ông bảo tôi góp gốc. Nhà tôi chả có gốc gác chi cả, chỉ có gốc chuối mà thôi. Gốc nào chả là gốc, các ông không nhận thì lại xin gánh về vậy.



BẮT "RƯỢU LÂU"

Hồi ấy Pháp đã chiếm nước ta. Để rượu của chúng khỏi bị ế, chúng cấm mọi người không được nấu rượu. Ai phạm tội nấu rượu lậu đều bị phạt rất nặng, có khi còn bị tù dày. Làng Xiển ở bị tây đoan sục về luôn. Để trị lại chúng, Xiển bắt chước cố Quỳnh ngày xưa.

Một hôm thấy Tây Đoan xộc về làng, Xiển Bột vờ khệ nệ bê một chiếc nồi hông ra bụi cây đầu làng giấu, rồi cứ thập thò cốt cho bọn Tây đoan trông thấy. Quả nhiên, bọn chúng đổ cả ra đầu làng, vây quanh bụi cây, nơi Xiển vừa chạy ra. Chúng sục tìm, và quả nhiên thấy có chiếc nồi hông đây kín. Cả bọn hí hửng bê ra, xum quanh nồi. Nhưng khi mở vung, thì ôi thôi, một đòn cào cào, từ trong nồi nhảy vọt ra làm nước đái và phân trong nồi dính vào mặt, vào đầu tóc, quần áo cả bọn.

Từ đấy, đám Tây đoan cách không dám về làng của Xiển nữa.

CHỮA BỆNH CHO NHÀ GIÀU

Một nhà giàu nọ, hàng ngày ăn thịt cá quá nhiều nên sinh ra chứng đầy bụng, lúc nào bụng cũng ợ ạch. hắn nghe nói thầy thuốc Xiển chữa bệnh như thần, nên đến xin thuốc. Xiển nói:

- Một bữa ông ăn được mấy bát?
- Thưa thầy chỉ được hai bát.
- Ngày ông ăn năm hay sáu bữa?
- Thưa chỉ có năm bữa.
- Có ăn được thịt gà, thịt bò không?
- Thưa được, nhưng ăn không thấy ngon.
- Thôi được, rồi, ông về đi rồi sáng mai đem tiền đến lấy thuốc. Ba quan, uống mười ngày.

Buổi chiều Xiển bảo học trò lấy cám rang trộn với mật, viên lại thành ba chục viên, phơi khô cho vào lọ.

Sáng hôm sau anh nhà giàu đến, Xiển đưa thuốc và dặn:

- Mỗi ngày uống ba viên, sáng một viên, trưa một viên, chiều một viên. Uống liền trong mười ngày. Trong khi uống phải kiêng mọi thứ, chỉ được húp cháo hoa

loāng. Nên nhớ là hē làm sai thì bệnh không khỏi được. Hết thuốc, đến xem lại.

Lão nhà giàu về rồi, học trò Xiển hỏi :

– Sao chỉ có cám rang trộn mật mà thầy lấy đất thế ?

Xiển đáp:

– Cám trộn mật chỉ đáng một đồng tiền, nhưng chẩn bệnh cho đúng, trị thuốc cho đúng và lấy tiền của bọn nhà giàu thì đáng trên ba quan cơ.

Học trò lại hỏi:

– Bệnh gì mà thầy lại trị bằng cám rang trộn mật?

Xiển trả lời:

– Bọn người giàu họ ăn nhiều, làm ít nên sinh đầy bụng. Chỉ cần nhịn đói húp cháo loāng mười ngày là khỏi. Cám rang trộn mật chỉ là thuốc tâm lý thôi.

Sau mười ngày, quả nhiên lão nhà giàu đến khai - dã hết bệnh, thèm ăn lẩm rồi và cứ khen mãi thuốc của thầy hay.

PHẬT CÙNG ... CÓ ĐÔI

Làng Xiển ở có hai ngôi chùa thợ Phật, dân làng đến cúng bái, đốt vàng mã, thật mười phần mê tín, Xiển chẳng ưng chút nào.

Gần đến ngày mồng tám tháng tư, đêm đến Xiển lén bê tượng chùa nọ sang chùa kia, ghép lại thành từng đôi: một ông Phật, một bà Phật, lại gài vào tay tượng một bản hôn thú nữa.

Hôm sau, dân làng ra lễ thấy thế tức lấm, làm đơn kiện lên quan. Quan xem tang vật là tờ hôn thú biết là chữ Xiển, liền gọi lên hỏi:

- Sao ngươi dám nhạo báng cả thân Phật thế?
Ngươi có biết thế là phải tội không?

Xiển lè phép thưa:

- Bẩm quan, muôn vật trên đời đều phải có đôi mới tồn tại được. Nếu không như thế thì làm sao có Phật ra đời ngày tám tháng tư. Bởi con nghĩ thế nên mới ghép đôi Phật ông, Phật bà cho hợp với lẽ trời ạ.

Quan nghe Xiển nói có lý thật nên chỉ trách mắng qua loa rồi cho về.

BỐN LÝ TRƯỞNG

Ở làng Long kinh, huyện Thiệu Hồi có tên lý trưởng tính tình keo kiệt, gian tham. Trước y cũng có đi thi vài khóa, nhưng trong bụng chả được mấy chữ nên đều trượt vỏ chuối. Về làng, nhờ thế cha y chạy được chân lý trưởng. Y lấy cô vợ trẻ, con chánh tống, nên chiều chuộng hết sức và nổi tiếng sợ vợ.



Một lần vợ ốm mấy ngày liền không khỏi, y phải đến Xyển xin thuốc. Nghe y kể bệnh, Xiển biết vợ y chỉ bị cảm hàn không có gì nặng. Nhưng biết y nịnh vợ và keo kiệt nên Xiển bảo:

– Bệnh bà như ông kể, khéo không nguy mất.

Y mếu máo:

– Lạy cụ, cụ cố sức cứu cho, cần thuốc gì tôi xin chạy lo đủ.

Xiển vờ ngần ngại mãi mới nói: Thế thì thế này. Vị thuốc chữa được bệnh của bà lý thực tình tôi chỉ còn đủ cho ba thang thuốc. Nó quý lắm. Ai xin, tôi cũng không cho. Nay giờ ông cũng là người có chữ nghĩa, tôi ra cho ông một vế đối. Nếu ông đối được, tôi sẽ cố chữa cho bà lý. Còn nếu ông không đối được ấy là tại cái số bà ...

Lý trưởng làng Long Kinh sợ hãi nói:

– Bẩm cụ, chữ nghĩa tôi được mấy hột mà cứu bệnh như cứu hỏa, xin cụ xá cho.

Xiển đáp:

– Vậy là bà lý đã đến số... Thôi, ông về đi.

Lý trưởng vội nói:

– Cụ đã dạy, tôi xin vâng. Xin cụ ra vế đối đi.

Xiển đọc:

Quyền rơm rạ đá Long Linh địa.

Lý trưởng biết Xiển nói xó mình, nhưng đành phải
nghĩ cách đổi lại. Ngồi nghĩ từ sớm đến trưa mới đổi
được:

Đit nhót dầu chày Thiệu Hóa thiêng

Xiển thấy câu đổi chỉnh và đúng với hoàn cảnh
anh lý trưởng nên bảo:

– Anh đổi hay lăm. Số vợ anh chưa chết đâu. Ngày
anh cầm thuốc này về cho vợ uống. Cứu bệnh như cùn
hỏa mà.

Lý trưởng đã bị hành suốt một buổi vội cảm ơn rồi
rít, đem thuốc chạy về.



LỒM BÀ BANG

Bà Bang vốn là con gái làng Bôi. Thuở chưa lấy Ông Bang, bà đã nổi danh tài sắc và đa tình. Bà đã bỏ chồng hai ba phen rồi mới lấy quan Bang. Lấy được mấy năm, thì quan Bang già về chầu tổ để lại cho bà Bang trẻ một gia tài kέch sù. Bà dọn về làng ở và muốn phô trương sự giàu sang, trưởng giả của mình, bà đến người hay chữ nhất vùng là Xiển Bột để xin chữ về treo.

Xiển lấy giấy bút viết ngay hai chữ “Đại dī” thật to tặng bà Bang và giải cho bà nghĩa của hai chữ này là: người đàn bà có phúc lấy được không quan giàu sang.

Bà Bang đem treo ngay hai chữ đó lên giữa nhà, lấy làm tự đắc lắm.

Người làng thấy vậy, càng ghét bà Bang và không phục Xiển. Một hôm có người gặp Xiển nói:

– Bẩm cụ, bà Bang tính tình lảng lơ như thế mà cụ cho hai chữ “Đại dī” thì thật quá đáng.

Xiển cười đáp lại:

– Có gì mà quá. Đại dī là dī đại thế chả đúng à!

Nghe Xiển nói, dân làng mới vỡ lẽ, ôm bụng cười. Còn bà Bang khi nghe được ý này, vội hạ ngày hai chữ đang treo ở giữa nhà xuống và từ đó hết dám vênh vang tự đắc.

CHÁO THÓC

Xiển lúc nào cũng nghèo, cứ cuối vụ lại phải đi vay thóc ăn. Gặp chánh tổng Bân là chỗ quen biết cũ, Xiển hỏi vay ít thúng đến đầu mùa sẽ trả. Tổng Bân bằng lòng hẹn Xiển tối đến lấy thóc. Tối đến, Xiển cho vợ mang quanh gánh sang vay, nhưng tổng Bân đã nghĩ lại, không muốn cho Xiển vay nữa. Hắn lẩn mắt, cho vợ ra nói rằng:

– Tưởng còn nhiều thóc hóa ra chỉ còn ít đủ để nấu cháo nhà ăn cho đến khi gặt.

Vợ Xiển đành quanh gánh về không, Xiển bực lẩm nghĩ kế chơi khăm lại. Ít lâu sau Xiển cho người sang nhà tổng Bân, nói là mời đến ăn bữa cơm thanh đạm với cụ Xiển.

Tổng Bân sợ là Xiển mời sang để trách việc không cho vay thóc, nên có ý ngăn ngại, nhưng nghĩ đến lúc ốm đau phải sang nhờ Xiển, nên quyết định đến.

Xiển mời ngồi chơi nói chuyện hàn huyên, không nhắc gì đến chuyện vay thóc nên tổng Bân yên trí tha hồ ba hoa. Mãi đến tối vẫn chưa thấy mâm bát dọn lên, tổng Bân chắc mẩm là cỗ to nên sửa soạn mới lâu như thế.

Trong nhà Xiển đã dặn vợ nấu hai nồi cháo: một nồi cháo gạo múc ra cho Xiển, còn một nồi cháo thóc, múc ra cho tổng Bân.

Lên đèn được một lúc thì người nhà bưng cháo ra mời khách, Xiển nói trước:

– Nhà không có gì, gọi là có bát cháo ngon mời ông chánh xơi cho mát ruột. Hơn nữa, tôi ăn cháo dễ tiêu.

Đèn đóm nhập nhoạng. Xiển húp cháo xì xụp ngon lành lẩm. Còn tổng Bân ăn cháo thóc lợn cợn không sao nuốt nổi. Cuối cùng, hắn phải bỏ bát xuống kêu:

– Cháo gì mà toàn là thóc, nuốt không được!

Bấy giờ Xiển đã ăn hết bát cháo, cười nói:

– Ô, chao đó là vợ tôi học bà chánh dạy khi sang vay thóc đấy!

Tổng Bân ngã ngửa người ra, vừa đói vừa thẹn vội thoái thác ra về.

THƠ ĐIỀU CỤ ĐẠO

Một cụ đạo và một bà sơ cùng quê ở Thanh Hóa ra tu ở Ninh Bình. Có lần, cụ đạo ở tỉnh về huyện bà sơ ở, cẩm đất. Cụ sai người hầu đến xin bà sơ một con gà mái.

Bà sơ hiểu ý cụ, không cho gà, nhưng gởi biếu rất nhiều thức khác, để cụ ăn uống tẩm bổ. Rồi hai người đi lại, tằng tü với nhau. Xiển nghe biết chuyện, liền làm một bài thơ gửi cho cả bà sơ lẫn cụ đạo:

*Chuyện bà với cụ, Tình nghĩa thật ghê
 Trước ở cùng quê, Trong tỉnh Thanh Hóa
 Cụ đi thăm đất, Nghĩ tình đồng hương
 Cho người ghé vườn, Xin bà gà mái
 Bà không cho mái, Bà cho chim câu
 Bà lại cho trâu, Cho cau, cho vỏ
 Cụ dành đến nhà, Quỳ chán lẽ tạ
 Quà bà thật lạ, Hơn quà thế gian
 Ngon hơn thịt ngan, Ngon hơn thịt ngỗng
 Cầy, cáo, thịt gà, Cụ đến thăm bà
 Có chi cũng đáng!*

BỐN THẦY CỬ

Một hôm Xiển đi chợ Ba Đồn gặp thầy Cử làng Di Luân đang tán tỉnh cô Bình là kỹ nữ quê làng Thổ Ngõa. Thầy Cử lớn tuổi hơn Xiển nhiều, vào bậc bê trên của Xiển, lại bị Xiển bắt gặp đang dở trò chơ nhả, thì ngượng lắm, mới đánh trống lảng, vội hỏi:

– Thế nào, chú mày hồi này có làm được bài thơ nào mới thì đọc nghe chơi.

– Thưa thầy cử, lâu nay không nảy ra tứ thơ thành thử ít làm. Song thầy cử đã hỏi, em xin phép hiến thầy mấy vần tức cảnh.

– Được, đọc nghe coi!

Xiển hăng giọng ngâm:

Thầy Cử Di Luân – Cô Bình Thổ Ngõa

Hai bên gấp gẽ tình cờ – Một quán chuyện trò thông thả.

Thầy Cử khen:

– Hay !

Xiển đọc tiếp:

Trâu đầy hộp, nhai nhai, nhả nhả, trả bà già chi lấy chìa vôi.

*Thuốc săn bao , nhét nhét, châm châm , quát
thẳng bé chi đem chút lửa.*

Thầy cử lại gật gù khen:

- Hay lắm !

Xiển tiếp luôn:

*Khăn tay hồng đỏ chói, vắt lên che hàm râu đen
kít*

*Quần lanh bưởi láng xầy, thả xuống phủ bộ vế
trắng bong.*

Lúc này thì thầy cử đỏ mặt, tía tai, đứng ngay dậy
quát:

*- Khăn tay đối với quần lanh, hàm râu đen kít đối
với bộ vế trắng bong. Sao anh xác vậy?*

Hai người to tiếng, cô Bình đứng ra can, dàn hòa
đôi bên. Chỉ tiếc bài văn còn lơ lửng. Thầy cử giận, vắt
vạt áo dài lên vai, tháo khăn tay đỏ cầm tay, vênh váo
đi ra khỏi quán. Xiển cười tum thong thả ra về. Chỉ còn
lại cô Bình Thổ Ngõa ngồi trơ trọi trong quán.

ĂN THỊ THỦ LỢN

Thịt thủ (thịt đầm), thực ra không phải là loại thịt ngon nhất của con lợn. Nhưng ngày xưa, thủ lợn mang biểu tượng của sự “ăn trên ngôi trốc” ở chốn đình trung.

Làng Hoằng Nghĩa có tục lệ: ngày cúng tế của làng thì những người đồ đại khoa trong làng được xếp ngồi giữa chốn đình trung ăn cỗ tế có món thịt thủ.



Bọn người đỗ đại khoa lấy làm danh giá lăm. Ngày cúng tế họ vênh vang ra đình, tuôn ra hàng tràng những văn chương sáo rỗng để lòe mấy anh chức sắc trong làng.

Ấy vậy mà dân làng có vẻ rất trọng vọng, nể sợ họ. Xiển thấy thế lấy làm chướng mắt lăm, muốn xổ mấy ông đại khoa chơi.

Một hôm, làng cúng tế vừa xong, các ông đại khoa đang ngồi giữa chốn đình trung ăn uống, khua môi múa mép thì Xiển vác thúng vào, trải chiếu giữa đình, bỏ rượu và thịt thủ trong thúng ra ngồi đánh chén ngắt ngưởng rồi nói tướng lên:

– Cần gì phải đỗ đại khoa mới được ngồi chốn đình trung ăn miếng thịt thủ. Ta đây chẳng đỗ đạt gì cũng có thịt thủ ngồi ăn giữa chốn đình trung.

Các ông đại khoa đang ăn uống nghe thấy, quay lại nhìn thì thấy Xiển, người hay chữ nổi tiếng, chắt của Trạng Quỳnh, đang xếp dọn rượu thịt vào thúng, cuộc chiếu đứng lên đi ra, vừa đi vừa hói:

– Một năm mới có mấy ngày cúng tế, lại phải đỗ đại khoa mới được ăn thịt thủ. Tớ thì cứ phiên chợ là có thịt thủ ăn. Mai tới lại đem thịt thủ ra đây ăn nữa.

Các ông đại khoa xấu hổ, từ đây bớt tranh nhau chỗ ngồi ở đình để ăn miếng thịt thủ.

PHÊ TRÊN ĐƠN LY ĐỊ

Một người đàn bà bị chồng đánh đập, hắt hủi không chịu nổi nữa, mới nhờ người làm đơn lên huyện xin quan cho ly dị. Thấy chị này không có "lễ lạt" gì nên quan huyện không cho chị ta bỏ chồng, phê vào đơn tám chữ "Phó hồi cãi giá bất đắc phu cựu" ý của quan là: "Không thể cho đi lấy chồng khác được, phải về với chồng cũ". Rồi quan quẳng trả lại lá đơn và quát:

– Cút về!



Chị ta cầm đơn ra về, bức tức lấm. Biết tiếng Xiển hay chữ, chị bèn ghé vào, nhờ Xiển giải đáp lời phê của quan và định nhờ Xiển làm cái đơn khác kêu với quan, Xiển xem đơn và lời phê của quan rồi cười nói:

– Khỏi cần làm đơn nữa. Quan đã phê bằng lòng cho chị ly dị, đi lấy chồng khác rồi. Đây này: phó hồi cai giá là cho về đi lấy chồng khác; Bất đắc phu cựu là không được về với chồng cũ nữa. (vì chữ nho ngày xưa không có dấu phẩy, chấm nên tùy theo cách ngắt câu mà nghĩa khác hẳn đi).

Chị ta nghe giải nghĩa xong, yên tâm về đi lấy chồng khác.

Người chồng cũ giận lấm, cho là quan ăn lỗ của vợ mình, xử thiệt cho mình bèn làm đơn khiếu nại gửi lên tinh. Quan tinh đòi quan huyện lên hỏi về vụ này. Quan huyện thưa có nhận được đơn ly dị của vợ anh này, nhưng đã xử không cho ly dị, buộc phải về với chồng cũ. Quan tinh liền cho gọi chị vợ tới hỏi. Chị đưa cái đơn có lời phê của quan huyện ra và nói cụ Xiển có giải nghĩa cho như vậy, như vậy. Bấy giờ quan huyện mới vỡ lẽ là lời phê của mình không rõ có thể hiểu theo hai nghĩa khác nhau. Quan tinh nhân cơ hội này hạch tội quan huyện đòi “vi thiềng”. Thế là quan huyện phải bỏ nhiều tiền bạc dâng vét của dân đút lót quan tinh để giữ được các chức tri huyện.



CÓ THỂ MÀ CŨNG KHÔNG HIỂU

Xiển có thời gian ngồi dạy học và học trò của Xiển nhiều người đỗ đạt cao. Có một anh học trò của Xiển ở làng bên đỗ tú tài rồi học trường hậu bổ ra làm quan. Anh về làng mồ lợn ăn khao, mời cả thầy đỗ Xiển tới để tạ ơn dạy dỗ. Xiển đến mừng học trò, cơm rượu say sưa rồi mới viết tặng một bức trướng đề bốn chữ “Thượng Đẳng Tối Linh” (chữ nho có nghĩa là bậc trên anh linh nhất). Quan tân khoa lấy làm hanh diện lăm, treo ngay lên giữa nhà.

Một bữa, bạn bè quan đến chơi, cũng toàn là các quan phủ, quan huyện cả. Nhìn thấy bức trướng, các quan lắc đầu lè lưỡi nói:

– Chỉ có đức vua mới xứng là thượng đẳng ối linh. Bác mà cũng xứng là thượng đẳng tối linh, e việc đến tai triều đình, khó lòng thoát khỏi tội phản nghịch!

Quan tân khoa nghe đám hoảng, vội thú thật đó là bức trướng thầy học đến mừng tặng. Các quan bàn nhau mời Xiển đến để hỏi xem ý tứ của thầy thế nào mà lại mừng bức trướng ấy. Xiển mỉm cười ung dung giảng giải:

– Có thể mà các quan cũng không hiểu. May chữ đó làm gì mà nêu tội được. Này nhé, thượng đẳng là bậc trên, anh ấy thi đỗ ra làm quan thì là bậc trên của tôi. Còn tôi linh là lính tôi, vì anh ấy là học trò của tôi nên dù sao vẫn là quân của tôi, lính của tôi. Có thể mà không hiểu!

QUAN THANH TRA

Một lần Xiển về thăm quê cũ, qua dinh tổng đốc Thanh Hoá nghe tiếng dàn hát vắng bên trong rất vui, bèn dừng lại, nghĩ bụng: “Nhà vua mới chết mấy tháng nay, việc nước đang rối ren, thế mà tháng này dám mở tiệc đón hát vui chơi, phải trị cho một trận mới được”.

Xiển nhờ người lính gác cổng vào bẩm với quan tổng đốc là có người học trò nghèo lờ độ đường qua đây xin nhờ ngài bố thí cho ít tiền gạo. Tổng đốc đang lúc cao hứng, liền cho đòi vào hầu, bắt phải làm một bài thơ xem có thực là học trò không. Xiển vờ khum num thưa:

– Bẩm quan lớn con có thói quen là hễ tẫu có nhập thời thi mới xuất khẩu được, xin quan lớn rộng lượng cho.

Tổng đốc sai đem ra một be rượu, một tờ giấy và một nghiên bút, Xiển ngồi rung đùi, dốc cả be rượu ngồi uống, đoạn viết bốn chữ: “Ô hô ! Ô hô !” rồi xin thêm rượu. Uống hết be thứ hai, Xiển viết được thêm ba chữ nữa: “Ô hô thiên”, rồi lại xin thêm rượu. Tổng đốc nỗi cáu:

– Làm được mấy câu rồi mà cứ đòi rượu nhặng lên thế ?

Xiển giả vờ sợ sệt:

– Dạ bẩm mới được một câu ạ !

Tổng đốc đòi xem, xem xong mắng:

– Thơ với thần gì thế này ? Liệu hôn ! Tao cho thêm một be nữa mà không làm xong thì chết đừng kêu oan !

Xiển uống xong be rượu thứ ba, cầm đầu viết một mạch ba câu tiếp. Thế là thành một bài thơ tứ tuyệt:

Ô hô ! Ô hô ! Ô hô thiên !

Hoàng đế băng hà vị bán niên.

Thảo mộc quần sinh gai tự khuất,

Thang chầu dỗ đốc xướng ca huyên!

Đọc xong, mặt tổng đốc bỗng tái xanh như chàm đỏ, vì y tưởng Xiển là quan thanh tra của triều đình Huế, và mấy câu thơ đó là những lời kết tội. Y liền quỳ mlop xuống lạy tạ như té sao. Xiển cố nhịn cười, sai lính nọc tổng đốc đánh dù một trăm roi.

Các quan làng, tinh nghe nói có quan thanh tra của triều đình mới ra lục tục kéo đến hầu.

Các quan hỏi thăm tình hình triều chính bây giờ ra sao. Xiển không trả lời, chỉ viết vào giấy hai câu:

Nhất giang lưỡng quốc nan phân thuyết .

Nhị nguyệt tam vương triều bất tường

Rồi lặng lẽ ra đi. Các quan nhìn theo, ai cũng lắc đầu lè lưỡi.

HƯƠU ĂN BÈO TÂY

Xiển đến chữa bệnh cho quan tổng đốc Thanh Hoá mời, gặp các quan hàng tinh hội họp ở đây đánh tổ tôm. Các quan nghe nói Xiển là bậc danh y nên xúm lại xem Xiển bốc thuốc. Một ông quan thấy Xiển có cái lộc nhung để bên cạnh mới hỏi:

– Thầy có biết con hươu nó ăn gì mà cái sừng nó tốt và quý thế không ?

Xiển đáp ngay:

– Nó ăn bèo tây !

Các quan ăn lương tây nên nghe Xiển nói thế thì động lòng, hạch lại:

– Ai bão thầy thế ?

Xiển trả lời:

– Tôi đọc trong Kinh Thi thấy câu “Ao ao lộc ninh, thực đã chi binh” tức là con hươu kêu be be, ăn bèo ở ngoài đồng, vì thế mới biết.

Các quan vẫn chưa chịu, cãi lại:

– Có nhiều nhà nuôi hươu, sao không thấy nó ăn bèo bao giờ?

Xiển thở dài:

– Xưa kia thánh hiền dạy thế, nhưng bây giờ bạ cái gì cũng ăn thì biết làm sao được !

Các quan biết Xiển chửi xổ mình theo Tây, lảng ra chỗ khác.

CHỦ "PHÚC"

Mụ Tư Hồng là vốn là gái "lầu xanh", nhờ thế lực quan lại tay say và thực dân Pháp, sau được nhà vua ban cho bốn chữ: "Tiết hạnh khả phong". Mụ bèn mở hội ăn mừng, mời đủ các mặt anh em, bè bạn xa gần. Cụ Nguyễn Khuyến cũng được mời nhưng không đến. Mụ cho người nhà mang lẽ đến xin cụ đòi câu đối. Cụ chỉ cho một chữ "Phúc" to tướng.

Bức trường áy treo lên giữa nhà thì mọi người đều hiểu rằng nhờ có phúc đức tổ tiên nên chủ nhân mới được vinh hiển như ngày nay. Thực ra tuy viết chữ "Phúc" là phúc đức, nhưng ý cụ Nguyễn Khuyến là ám chỉ mụ Tư Hồng (chữ Hán cũng có chữ nữa, đọc là phúc, nghĩa là bụng) to lấm, (chữ phúc viết to).

Xiển mặc dù không được mời, vẫn cứ đến dám nhà mụ. Cơm rượu xong, nhìn thấy chữ "phúc" trên bức tường. Xiển bò lăn ra cười. Ai nấy ngạc nhiên hỏi, Xiển nói:

– Mời chủ nhân lại đây tôi mới nói.

Trước mặt mụ Tư Hồng và khách khứa. Xiển giảng giải:

– Như thế này là chủ nhân đã khoe rằng mình "bán trôn nuôi miệng" rồi ! Đây nhá ! Nửa bên này của chữ Phúc là chữ "y" là áo, nửa bên kia có chữ "khẩu" là miệng và chữ "nhất diền" là một phần ruộng. Như thế nghĩa là chỉ có một phần ruộng thôi, tức là chỉ có cái "trôn" thôi, vậy mà có đủ cả "cơm" ăn lắn "áo" mặc!

Nghe Xiển giảng giải, ai cũng không nhịn được cười và khen là chí lý. Còn mụ Tư Hồng thì xấu hổ quá, không biết làm thế nào, đành giả vờ cáo mệt, vào nghỉ ở buồng trong.

VÀ MỒM QUAN HUYỆN

Có một viên quan huyện hay nịnh hót cấp trên để chóng được thăng chức. Một trong những quan trên mà hắn thường bợ đỡ là Án sát Nguyễn Văn Tiêu, tục gọi là Án Tiêu. Để nịnh quan thầy, hắn ra lệnh cho dân hàng huyện không ai được nói đến tiếng “tiêu”, ví dụ như hạt tiêu thì phải nói là “hạt ớt” v.v... Hễ ai thấy người nào trái lệnh thì được phép vả vào mồm ba cái thật đau, rồi đem trình quan trị tội. Lệnh ban ra khiến Xiển đã ghét quan huyện lại càng ghét thêm. Ông mang một ít quần áo rách mướp, xin vào hầu quan. Quan hỏi có việc gì, Xiển thưa là nhà nghèo quá, gia tài chỉ còn một ít quần áo rách, nhờ quan cầm hộ cho lấy ít tiền về làm vốn sinh nhai. Tức thì quan nổi giận lôi đình, thét mắng dùng dùng, vì xưa nay có ai dám cả gan đem quần áo rách bán cho quan bao giờ!

Đợi quan nguội cơn giận, Xiển nói:

– Dạ thưa ngài, xin ngài thương kẻ học trò nghèo túng này, không có gì cũng mang danh là người quân tử...

Quan vô bàn mắng:

– Quân tử gì mày! Đồ quân tử cùng, quân tử cõi.

Xiển trần tình:

– Dạ, Khổng Minh túng Khổng Minh cầm ạ!



Nghe câu nói khó hiểu, quan chau mày suy nghĩ một lúc mới biết lời mắng của mình: “Quân tử cùng, quân tử cõ” với lời trần tình của Xiển: “Không Minh túng Không Minh cầm” đã làm thành một câu đối hay tuyệt. Quan phục tài Xiển, thường cho quan tiền, nhưng lại chọn thứ tiền chôn giấu lâu ngày dưới đất bị han rỉ hết cả. Xiển đỡ lấy quan tiền, cầm lấy một đồng dồn mạnh xuống đất, tiếng kêu nghe cành cách rồi nói:

Truyện nói trung

– Bẩm quan, tiền không ớt được ạ!

Quan vô tình mắng:

– Mày điên à! Tiền này mà không “tiêu” được ư?

Chỉ chờ có thể, Xiển liền vả cho quan ba cái vào miombo như trời giáng. Quan hô lính bắt trói, Xiển ngăn lại nói:

– Chắc ngài vẫn chưa quên cái lệnh kiêng tên húy của quan Án do ngài mới ban ra. Tôi làm như vậy cũng chỉ là thi hành cái lệnh của ngài mà thôi.

Quan sợ bọn lính biết chuyện thì mình thêm xấu hổ, liền đuổi Xiển ra ngoài.

CHỒI TÁN TIÊU



Bi chơi nhiều vố đau quá, quan huyện dò mai mới biết là Xiển, tức quá, nhưng có muốn gây chuyện cũng không được, vì ông là người khác huyện. Lão huyện bèn đem chuyện ấy nói với Án Tiêu và tỏ ý nhờ quan thầy trả thù hộ.

Lần ấy, Án Tiêu về quê ngoại là làng Yên Lược ăn giỗ. Lão bắt dân làng Yên Lược phải dọn dẹp đường sá sạch sẽ, mang cờ quạt đón rước thật long trọng. Sáng sớm mai Án Tiêu mới về, thì chiều nay đường làng đã được quét sạch như chùi, cây cối hai bên đường đều phát quang cả. Gà gáy, Xiển dậy lấy cút chó đem ra đường cái, cứ cách một quăng lại bỏ một bãi, bãi nào cũng cắm một quả ớt lớn (Thanh Hóa gọi ớt là "hạt tiêu"). Sáng ra, khi mọi người kính cẩn đón rước Án Tiêu, Xiển vác cờ đi trước, cứ hễ trông thấy bãi cút nào có cắm quả hạt tiêu, là ông chửi: "Tổ cha đứa nào ia ra tiêu". Án Tiêu nằm trong cáng nghe, biết là Xiển chửi mình, nhưng không đủ lý lẽ để bắt bẻ, đành gọi bọn lính sang lại quở trách không đôn đốc dân phu quét dọn đường sá cho sạch sẽ và bảo chúng truyền lệnh rằng: "Quan án trong người khó ở, mọi người không được to tiếng, ồn ào".

HÚT THUỐC LÀ

Quan phủ Khiếu mời Xiển đến chữa bệnh cho người nhà, Xiển vừa đến nơi, quan vốn vã.

– Mời cụ ngồi hút thuốc.

Xiển nghĩ bụng “Hôm nay quan tử tế gớm nhỉ”, rồi Xiển dép xập gụ ngồi với các bạn của quan. Quan phủ vẫn một điều thuốc lá tổ sâu, một đầu nhọn như cái đinh, mời Xiển hút. Xiển cầm đóm đốt đầu nhọn, ngậm đầu kia, ai cũng bật cười.

Quan bảo:

– Sao cụ lại hút đầu ấy, phải đầu này mới được chứ.

Xiển giả vờ:

– Chết nỗi, lầm! Vâng, hút đầu này mà châm đóm đầu khi thì nó tắt “Khiếu” lại phải không!

Quan phủ Khiếu biết Xiển xô mình nhưng lờ đi.

BÀI THƠ HAY

Một hôm, nhân có quan phó sứ sơn phòng đến chơi, quan huyện ngâm một câu đố, rồi hỏi thầy đồ:

– Ta ngâm có hay không?

Thầy đồ trả lời:

– Dạ, bẩm quan lớn hay lấm ạ!

Quan phó sứ sơn phòng cũng gật đầu tỏ vẻ đồng tình. Bỗng đây tớ chạy vào bẩm rằng có người muốn vào gấp quan huyện. Quan huyện tưởng là vạn đến chơi, nhưng trông ra thấy không phải, liền cau mặt nói với tên đầy tớ:

– Mày ra hỏi xem họ cần gì?

– Bẩm quan lớn, người ấy xưng là học trò ạ.

Đang lúc say sưa bình văn, nên quan huyện đồng ý cho người học trò vào.

Người học trò lẽ phép thưa:

– Bẩm cụ lớn, con là học trò nghèo, lỡ độ đường nhân đi qua đây xin vào mừng cụ lớn.

Quan huyện tưởng người học trò chỉ vào kiém bữa chén nên gật đầu. Thầy đồ vốn hay nịnh vội xen vào:

– Anh có hay chữ lấm không?

– Dạ bẩm, con cũng biết tí chút.

Thầy đồ ninh quan huyện:

– Bẩm quan, xin quan cho anh ta làm một bài thơ mừng.

Quan gật đầu, sai đầy tớ làm cơm rượu, lấy giấy bút cho người học trò làm thơ. Anh học trò cầm bút, nhưng cứ ngồi thử ra chữ không viết lách gì cả. Giữa lúc ấy, đầy tớ lại vào trình quan có khách. Quan huyện, quan phó sứ sơn phong, thầy đồ đi ra để người học trò ngồi một mình. Ngồi một lúc, người học trò cúi xuống viết lia lịa. Viết xong anh ta gấp tờ giấy hồng điêu lại làm bốn, dút dưới đít mâm rượu rồi nói với đầy tớ:

– Anh bẩm với quan, tôi xin ra ngoài một chút, chốc tôi vào.

Khi quan huyện, quan phó sứ sơn phong, thầy đồ vào thì chỉ thấy có mâm rượu. Quan phó sứ sơn phong nói: “Chắc tay này dốt, làm không nổi thơ, lui rồi”. Không bỏ lỡ cơ hội, thầy đồ nhìn quan huyện nịnh: “Làm sao hắn dám múa rìu qua mắt thợ”. Còn quan huyện thì cười khẩy tỏ vẻ đồng tình với cả hai lời nhận xét ấy. Rồi quan huyện sai đầy tớ dọn cơm rượu xuống nhà dưới, đầy tớ vừa bưng mâm lên, một tờ giấy rơi xuống chiếu, quan huyện dở ra đọc : Tờ giấy có bốn câu thơ rằng:

Cha tri huyện Yên Dũng

Con huyện Hào cai tổng

Phó sứ buôn nửa hồng

Thầy đồ lay cột cổng

Đọc xong mặt quan đỏ như gác, quan sai lính tìm bắt người học trò làm bài thơ này, nhưng người học trò đã đi xa. Người học trò ấy chính là Xiển.

CHƠI XÓ QUAN HUYỆN HOÀNG HÓA

Quan huyện trấn nhậm ở Hoằng Hóa là người Quảng Nam, nổi tiếng gian ác, tham lam. Khi về Hoằng Hóa nhậm chức, y treo ngay đôi liễn đôi sơn son thếp vàng, một bên là “Ngũ Hành chính khí” và bên kia “Nhất lộ phúc tinh” có ý tự đê cao mình mang khí thiêng núi Ngũ Hành và chỉ có một con đường làm phúc cho thiên hạ.

Xiển biết chuyện, bèn lừa lúc quan đi vắng, đến viết thêm vào đôi câu đó. Hôm quan về thấy đôi câu đối của mình bị sửa thành:

Mắt trăng dã, môi thâm sì, dám tự chiếm Ngũ Hành chính khí.

Gặm như sâu, khoét như mọt, cả gan đê nhất lộ phúc tinh.

Đọc xong mặt tái nhợt, quan gọi lính hỏi:

- Đứa nào chữa câu đối này?
- Bẩm quan, người viết tiêm vào hai câu ấy là quan, dạ quan ấy nói là bạn của quan ạ.
- Quan xưng danh là gì?
- Dạ..., Quan Xiển ạ.

Lính vừa nói xong bị quan nọc ra đánh một trăm roi. Vừa đánh quan vừa nói:

– Quan, Quan Xiển!

Quan huyện biết là Xiển chửi nhưng không làm gì được đành trút nỗi giận lên đầu tên lính hầu.

Sau lần Xiển đồi liễn đồi, quan liền đốt ngay liễn đồi ấy đi và treo vào một bài thơ xướng họa. Y rất hài lòng về bài thơ đó. Bởi trong bài thơ, y tự đề cao có “nhân đức” đồi với dân. Bài thơ:

Mười sáu năm trời ở với dân

Một lòng nhân đức chẳng sai phân

Nào ai có việc quan đòi hỏi

Cứ việc tướng khai chẳng ngại ngần.

Nhưng bài thơ đó treo chưa được bao lâu, Xiển lại biết. Và đợi quan đi vắng, Xiển đến họa lại như sau:

Mười sáu năm ở với dân

Một lòng bạc ác chẳng sai phân

Nào ai có việc quan đòi hỏi

Tiền bạc vô quan chẳng kể ngần

Lần này quan lại trút nỗi giận lên đầu tên lính hầu. Và từ đấy quan huyện không dám treo liễn đồi, thơ xướng họa nữa.

ĐỐI

Một lần sinh nhật, quan phủ Thọ đều bày vē ăn uống linh đình, mời các quan bạn bè xa gần đến chè chén. “Trời mưa có đất chịu”, mọi khoản tốn kém quan đều đổ lên đầu dân. Một lần, vào ngày sinh nhật quan phủ, các quan bạn đang nâng chén chúc quan trưởng thọ thì Xiển đến. Thấy Xiển ăn mặc lôi thôi lêch thêch, quan phủ sai lính ra đuôi. Xiển vội vàng bỏ khăn gói, quì xuống lạy ba lạy, thưa:

– Bẩm quan, con là học trò đi thi, quan đây con được biết hôm nay là ngày sinh nhật của quan, nên xin vào chúc mừng quan thượng thọ rồi con đi ạ.

Nghe Xiển nói, quan nguội giận, bảo:

– Được, học trò thì ta tha, nhưng ta ra cho một vế đối, không đối được ta sẽ đánh đòn.

Nói đoạn, quan phủ Thọ nhìn hai quan bạn có ý mời ra vế đối. Một quan rung đùi đọc dōng đặc:

Ba quan ngồi uống rượu.

Quan phủ Thọ đắc ý, giục Xiển: “Đối!”

Xiển nhìn thấy bốn con chó chồm hổm chịu cơm, liền đọc ngay:

Bốn chó đứng chịu cơm

Nghe Xiển đối, các quan tím mặt nhưng không làm gì được vì Xiển đối rất chỉnh.

CHỦI QUẦN HUYỆN TIỀN

Tri huyện Thiệu Hóa tên là Tiền, tham nhũng có tiếng
Xiển nghĩ mưu chửi cho bót thói ăn cướp của dân.

Một hôm, Xiển ăn mặc như một người nông phu, tay cầm một nắm tiền nguội trước công huyện đếm từng đồng. Xiển lầm bẩm, đồng này tốt, đồng này xấu, cứ như người già ấy. Tên lính gác cổng thấy thế chạy lại xem, cho là lão già này lầm cảm liền cướp lấy mấy đồng tiền, chạy vào trong cổng huyện.

Xiển đuổi theo tìm được hắn, kêu cướp ầm lên. Quan huyện Tiền nghe tiếng chạy ra xem, sai lính giải Xiển vào công đường xét hỏi. Xiển vờ ấp úng, hết chỉ vào quan, lại chỉ vào lính rồi vào mình và nói:

– Bẩm, bẩm ... quan quân ăn cướp, tôi đang đếm tiền, thì bẩm, bẩm ... quan lính thấy tiền là cướp. Chao ôi, thấy tiền, tiền, tiền là thấy ăn cướp. Tiền, tiền, mà cha thằng ăn cướp!

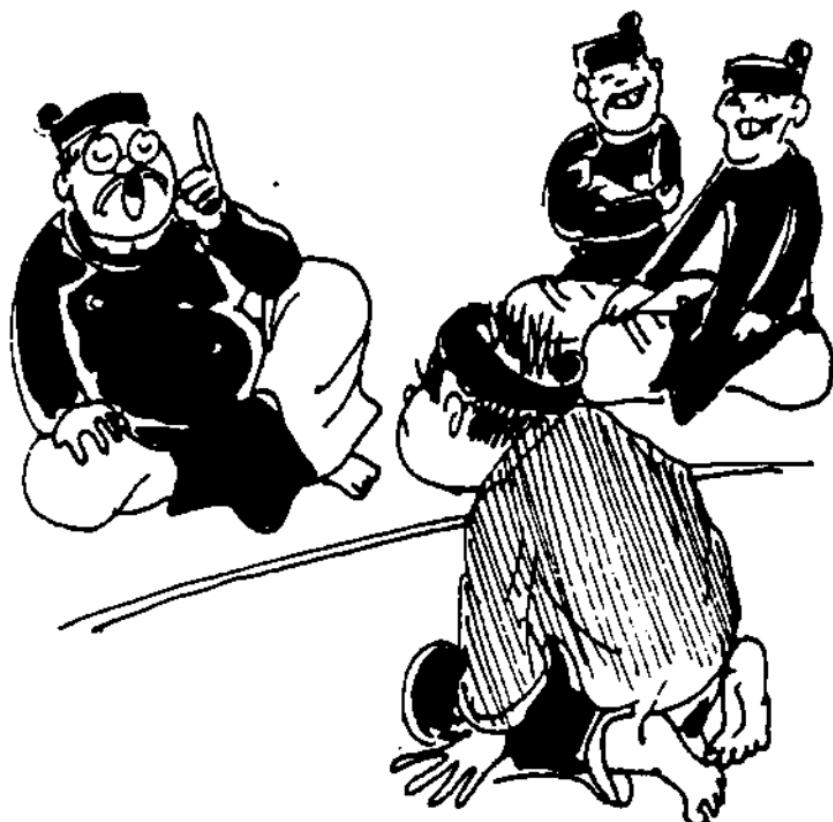
Huyện Tiền biết ngay là gấp phải tay Xiển ném vội đánh trống lảng, quát tháo ầm ī, bắt tên lính phải trả Xiển mấy đồng tiền đã cướp rồi ra lệnh lôi Xiển ra khỏi huyện đường.

Vừa đi ra, Xiển vừa ngoái lại chửi:

– Tiền, tiền thấy tiền là thấy cướp, mà cha thằng ăn cướp tiền.

CÂU ĐỒI TIẾN QUAN

Quan phụ Thọ được thăng chức, sắp lên đường nhậm chức mới, nên mời Xiển và một số quan bạn đến uống rượu chia tay.



Trong bữa tiệc, quan phủ Thọ dương dương tự đắc khoe với mọi người bước đường hoạn lộ của mình, luôn luôn được quan trên cất nhắc.

Nhân lúc vui, Xiển xin phép được tặng quan một câu đối để ghi công đức ngài trong thời gian trị nhậm phủ nhà. Ý Xiển được mọi người tán thưởng, Xiển liền hắng giọng đọc ngay:

Vi phủ liêu, vi học chánh, vi đường quan chủ khảo
cách tự trung sơn.

Đọc đến đây Xiển dừng lại. Mọi người chờ Xiển đọc tiếp, nhưng Xiển nói về thứ hai dành hôm quan lên đường đọc mới có ý nghĩa.

Mấy ngày sau gia đình quan phủ Thọ chuyển hết gia tài xuống thuyền, khi thuyền sắp nhổ sào rời bến, Xiển mới tất tả chạy đến. Thấy Xiển, quan phủ Thọ vỗ vai nói:

– Ông còn nợ tôi về đối đáy nhá!

– Dạ, bẩm quan, tôi xin trả.

Xiển hắng giọng, đọc oang oang:

Phi ôn hoàng, phi dịch lệ, phi thần khí ma vương,
cô chau tống hải.

Xiển đọc xong, mặt quan tím như cục tiết gà. Quan vội vàng quát lính nhổ sào têch thảng.

CHỦI TRI HUYỆN THẠCH

Tri huyện Thạch nổi tiếng gian ác và hơm hình.
Một hôm tri huyện đi qua đò Thạch, đang ngồi chờ đò ở bờ, thấy một chàng trẻ tuổi đang nghịch bước dưới bến làm nước bắn cả vào người quan, quan liền sai lính bắt lên hỏi:

– Mày lớn đâu thế mà còn nghịch ngợm, làm bắn cả nước lên người quan.

Chàng trẻ tuổi – chính là Xiển – thưa:

– Bẩm quan, con là học trò, chờ qua đòn, mới xuống rửa chân.

Quan huyện thấy anh học trò ăn nói lưu loát, phong thái đàng hoàng thì nạt:

– Nếu là học trò thì ta cho một câu đòn, đòn được thì tha, không thì phải đánh đòn.

Rồi quan đọc:

Quan huyện Thạch qua bến đò Thạch.

Xiển vò đầu vò tai ra vẻ suy nghĩ rồi xin phép đòn:

Con chó vàng ăn cục cứt vàng

Quan huyện tím mặt, đành tha Xiển cho đi.

MƯỢN NÓN ĐỨA CỦA QUAN

Quan huyện vốn keo kiệt, nhưng lại muốn con hay chữ nên mời bằng được Xiển đến dạy học, Xiển không muốn dạy, nhưng lệnh quan khó lè chõi từ. Vì thế Xiển tìm mọi dịp để xỏ quan cho bô ghét. Một hôm Xiển dạy học xong ra về thì trời mưa. Xiển vào hỏi mượn quan cái nón dứa. Quan tiếc nón, nhưng lại nể thầy dạy học nên dành đưa cho mượn và dặn:

– Thầy dùng xong, cất đi cẩn thận rồi đem trả tôi nhé.

Bữa sau đến dạy học, Xiển vào cảm ơn quan huyện cho mượn nón, rồi mở tráp lấy cái nón dứa gấp nhỏ lại đưa ra trả.

Quan huyện xót ruột nói:

– Trời ơi! Thầy gấp thế hỏng hết nón của tôi rồi!

Xiển khoan thai đáp:

– Thì hôm trước quan chả dặn tôi về phải cất cẩn thận đem trả quan là gì !

TRỊ HUYỆN THẰNG

Tri huyện Lê Kim Thằng tính hống hách, đi đến đâu cũng bắt dân chúng đón rước, phục dịch rất là phiến nhiễu. Hôm đó, tri huyện đến làng Xiển Bột. Xiển Bột chạy về nhà, lấy áo thụng đỏ của cố nội mặc vào, rồi chạy lảng xăng quanh chỗ đón quan. Thấy ngộ nghĩnh, quan huyện sai lính bắt lại hỏi, mới biết đây là cậu học trò làng Hoằng Bột, tên Xiển. Vì cậu là học trò quan bắt cậu làm cậu đối. Nhân thấy cậu mặc áo đỏ, quan đọc:

– *Ao đỏ phết cút trâu.*

Cậu đối luôn:

– *Lọng xanh che đít ngựa.*

Quan huyện giận tái mặt, nhưng gượng cười ra vẻ khoan dung nói:

– Được! Bây giờ mày phải đổi tiếp câu này – Ngừng một lát, thấy tóc Xiển Bột hoe hoe đỏ, quan đọc: “*Học trò là học trò con, tóc đỏ như son là con học trò*”.

Xiển : ôt ứng khẩu ngay:

– *Tri huyện là tri huyện Thằng, miệng nói lồng nhằng là thằng tri huyện!*

Huyện Thằng uất đến nghẹn họng, nhưng vì Xiển đổi rất chỉnh không bắt bẻ vào đâu được, đành nín lặng.

QUAN ĐÁY !

Tri huyện Hoằng Hóa vốn hách dịch, lại còn huênh hoang, lên mặt hay chữ. Một hôm gần Tết, Xiển thấy lính dẹp đường cho quan huyện cùng với vợ con đi chợ. Xiển liền về nhà ôm một con chó con ra đứng nghêu nghện ngay ở cửa chợ gần chỗ vợ chồng quan mua bán.

Mọi người tưởng Xiển bán chó, hỏi bao nhiêu thì Xiển chỉ ngay vào con chó và nói:

– Quan đây, quan đây!

(Quan vừa có nghĩa là quan tiền, vừa có nghĩa là ông quan).

Quan huyện trông thấy, biết Xiển nói xỏ mình, tức lấm sai lính bắt đền hỏi:

– Mày là con cái nhà ai mà ăn nói vô lễ thế hả?

– Bẩm quan, con là chắt cụ Trạng Quỳnh ạ!

Quan đã có ý nể, nhưng nhân đó hạch ngay:

– Chắt cụ Trạng Quỳnh ắt phải hay chữ. Ta ra cho một câu đồi, đồi được thì tha, không đồi được thì phải đánh đòn.

Quan đọc vé đồi có ý nạt nộ:

Roi thất phân đánh đít mẹ học trò.

Xiển hỏi:

– Bẩm lọng đối với roi có được không?

– Được!

– Thế đâu đối với dít, cha đối với mẹ có được không ạ?

– Được! Thôi đối đi, không được hỏi lăng nhăng nữa.

Xiển liền đối ngay:

Lọng bát cống che đầu cha quan lớn.

Câu đối đã chỉnh mà lại hàm ý chửi cha quan nữa.

Quan giận lắm, nhưng trước mặt đám đông, câu đối hay như thế, bẻ vào đâu được, đành tha Xiển.



BÀ HUYỆN ĐỘNG THẠI

Một bà huyện có mang, trượt chân, thai lệch một bên nên đau bụng. Quan huyện mời thầy thuốc Xiển đến. Xiển bảo mang ra ba bát đỗ, rồi sai quét dọn ba gian nhà thật sạch, rải đỗ khắp nơi. Xiển bắt bà huyện phải vừa đi vừa nhặt từng hạt đỗ, còn quan huyện thì phải đi sau quạt. Sau khi nhặt hết ba bát hạt đỗ ấy. Xiển cho bà huyện lên giường ngủ một giấc. Thế là khỏi bệnh. Hôm ấy, quan huyện phải một bữa mệt lử người, nhưng vẫn không ngớt lời khen cụ Xiển chữa bệnh tài, Xiển nghe không nói gì, chỉ tум tím cười.



TRI PHỦ TRẦN ĐỨC PHƯƠNG

Quan phủ Trần Đức Phương vốn quê ở Huế, được bổ đến phủ Thọ Xuân. Phương là một tay độc ác, hống hách khét tiếng, nhưng khi đến Thọ Xuân, nghe nói có cụ Xiển là một lão nho uyên bác, lại có tài chữa bệnh thì nghĩ rằng: "Mình làm việc quan ở đây, tất phải có ngày nhờ đến cái lão già này, âu là mình đến thăm lão ta trước, khiến lão phải cảm kích tấm lòng tốt của mình, sau này hễ mình cần đến, tất lão sẵn sàng giúp ngay".

Xiển thấy đột nhiên có lính đến báo là có quan phủ mới đến thăm, biết ngay là tay này cũng ghê gớm lắm đây. Ông gọi người nhà dặn nhỏ mấy câu rồi cứ ngồi trên giường đọc sách như thường. Khi quan phủ vào gần đến hè, Xiển mới chạy ra đón. Ông không mời quan vào nhà, cứ đứng ngoài hiên quát :

– Chúng bay đi đâu cả rồi, mau ra quét giường trải chiếu để tiếp quan lớn !

Anh người nhà giũ giường đậm chiếu xong, Xiển bảo:

– Không được, quan lớn thay mệnh triều đình về đây mà lại ngồi cái chiếu tồi tàn này à ? Lấy chiếu hoa cạp điều ra đây !

Anh người nhà thưa:

– Bẩm ông, trong nhà không có ạ !

Xiển trừng mắt:

– Không có thì đi mượn !

Anh người nhà hối hả chạy đi, lúc sau, mang về một chiếc chiếu cạp xanh, Xiển mắng:

– Đồ ngu ! Tao bảo mượn chiếc chiếu cạp điều kia mà !

Tri phủ Phương thấy Xiển làm thế, tưởng ông thực bụng kính trọng mình, thích quá. Y làm ra vẻ giản dị.

– Thôi cụ ạ ! Chiếu nào ngồi chả được !

Xiển không nghe, hét tướng lên:

– Đồ quân ăn hại ! Ai lại để quan lớn ngồi chiếu cạp xanh bao giờ ? Đi mượn ngay chiếu cạp điều. Mau !

Anh người nhà lại tất tả chạy đi, nhưng không phải chạy đi mượn chiếu, mà chạy sang nhà hàng xóm ngồi chơi. Tri phủ Phương thấy phải chờ lâu quá, sốt cả ruột, Xiển cũng giả vờ sốt ruột chạy đi chạy lại lăng xăng luôn miệng hò hét đầy tớ.

Tri phủ Phương cứ phải đứng mãi ngoài hiên, mỏi cả chân, đành phải bảo quân lính sửa soạn ra về.

NGHÊNH TIẾP QUAN TỔNG ĐỐC

Có một người thuở thiếu thời vốn là bạn học với Xiển. Về sau, người này ra làm quan, nịnh trên giỏi, dần dần leo lên đến chức tổng đốc. Một hôm đi chơi xa về qua làng Yên Lược, gặp trời mưa, quan tổng đốc mới hỏi thăm vào nhà Xiển để trú mưa. Nghe tin y sắp vào tới ngõ nhà mình, Xiển vội khoác tơi nón, chạy ra vái dài một cái và nói:

– Bẩm quan lớn, ngài không cho biết trước, thà ra chưa sửa soạn kịp các thứ để nghênh tiếp ngài. Ngài đại xá cho và chờ con đi sửa soạn các thứ vậy.



Quan tổng đốc chưa kịp trả lời, Xiển đã chạy vội đi. Nhìn vào cửa nhà Xiển, thấy đóng kín mít, gọi mãi chẳng ai thưa, y đành phải ngồi trên cát chiu trận mưa rào. Mưa lại mỗi lúc một to, quan cùng lính không biết làm sao, ở lại cũng khổ mà đi cũng khổ. Hồi lâu, thấy Xiển đội một cái hương án lù lù về, đặt xuống trước mặt quan, Xiển cứ để tơi nón, quỳ xuống vái quan tổng đốc rồi kính cẩn nói:

– Xin kính mời quan lớn quá bộ vào nhà!

Quan tổng đốc đã ướt như chuột lột, nước lạnh ngâm vào người, run lên cầm cập. Thay quần áo xong, sưởi lửa một lát quan mới hoàn hồn, bèn tỏ ý trách Xiển là chỗ bạn bè với nhau sao khéo vẽ chuyện nghênh tiếp chi cho phiền. Xiển vẫn khum núm:

– Dạ, lạy quan lớn ! Cổ nhân có câu “Nhất tự cách trùng”, kể chi chuyện bạn bè hồi nhỏ. Nay giờ, ngài là bậc đại quan, con là kẻ dân quê, lẽ nào lại dám không nghênh tiếp quan cho đúng lễ.

XIỂN VÀO ĐỊNH TỔNG ĐỐC XIN TIỀN

Gặp lúc hỏng thi, Xiển, và mấy anh em bạn đồng môn ngồi buồn mới giờ trò bù khú với nhau. Anh em đều biết Xiển có tài ứng đối, liền thách Xiển và xin tiền quan tổng đốc.

Bấy giờ, tổng đốc Thanh Hóa, khét tiếng là một người hiếu sát, Xiển bắt anh em giao kèo: "Nếu xin được tiền thì anh em cứ tính một đền thành ba, nghĩa là anh em cứ phải trả cho Xiển một số tiền gấp ba lần số tiền Xiển xin được của quan. Nếu không dám xin, hoặc xin không được thì Xiển phải thết anh em một bữa no say".

Tưởng đùa cho vui, nào ngờ Xiển vào tận dinh quan. Ai nấy chắc phen này Xiển sẽ làm ma không dầu.

Buổi sáng ấy, quan vừa ra công đường, đã thấy Xiển quì ở ngoài sân. Quan quắc mắt hỏi:

– Thằng kia! Mày đến đây có việc gì?

Xiển thưa:

– Bẩm cụ lớn, con muốn nhờ tay cụ lớn hóa kiếp cho con!

Quan quát:

– Mày muốn chết à?

Xiển trình trọng nói:

– Bẩm chính thế a. Con nghe nói gươm cụ lớn sắc lăm, nên muốn xin cụ lớn một nhát để hồn về chín suối cho được mát mẻ.

Quan gắt:

– Thật là điên, cuồng, ngu, ngộ. Vì sao mà lại muốn chết?

Xiển đáp:

– Bẩm cụ lớn, con là học trò thi hỏng, nhà lại nghèo, nghiệp đèn sách chẳng ra sao, nghĩ tủi hân hổ phận, chả muốn sống nữa.

Quan thấy Xiển đáng người nho nhã, lại đối đáp đâu ra đấy một cách bình tĩnh, liền bảo:

– Nếu học trò giỏi mà thi hỏng thì cũng còn độ khẩu một bài thơ lấy đề là “điên, cuồng, ngu, ngộ” ta xem.

Xiển vâng lời, ứng khẩu đọc một hơi, mỗi câu đều có một trong bốn chữ của đầu đề:

Cao tổ điên hào kiệt

Võ Đế ngộ thần tiên

Tăng Điểm cuồng thiên địa

Nhan Tử ngu thánh hiền

Nghe xong, quan biết Xiển có ý xỏ ngọt mình, song thấy Xiển là kẻ xuất khẩu thành chương, kinh điển lầu lầu, văn thơ hàm súc, tỏ ra là người học thức rộng, có khí phách, liền thưởng cho ba chục quan tiền bảo lui về.

Thế là từ đó, ngoài cái tên Xiển Bột còn có một cái tên nữa là Xiển Ngộ.



XIỂN LẠI VÀO XIN TIỀN QUAN TỔNG ĐỐC

Một lần khác, mấy người bạn đồng môn lại thách Xiển vào quan tổng đốc xin tiền. Lần này Xiển giao kèo.

– Nếu tôi xin được tiền thì anh em sẽ phải đến cho tôi gấp 10 lần, nếu tôi không xin được thì tôi sẽ khao anh em hai tuần rượu.

Nói xong, Xiển mang khăn gói vào dinh. Bấy giờ dinh thự quan tổng đốc vừa xây xong, cổng ngoài và bình phong còn xông mùi vôi vữa. Xiển đang đứng nấm nghía cái cổng và bức bình phong thì quan ra, thấy vậy quan hỏi:

– Thằng kia! Mày đến đây có việc gì nữa?

Xiển thưa:

– Bẩm cụ lớn! Vợ con chạy vạy mãi mới vay được mười quan tiền cho con đi thi, nhưng con lại trượt, bây giờ về thì xấu hổ với vợ con, với làng xóm nên con muốn nhờ tay cụ lớn...

Xiển nói chưa hết câu, quan tổng đốc vội vàng hỏi:

– Mày muốn chết chứ gì? Được, nhưng săn giấy bút dây hãy làm một đôi câu đối nói về dinh thự của ta, rồi chết cũng chưa muộn.

Quan sai lính đem bút lông và giấy hồng điêu ra.
Xiển thưa:

– Bẩm cụ lớn ! Con xin cụ lớn một chậu mực và
một bút lông to ạ.

Khi đã có bút mực vừa ý, Xiển xắn tay áo viết lên
bình phong đôi câu đối sau:

*Môn dung cái, hộ dung xa, phong cảnh siêu nhiêu
trần thế ngoại.*

*Dấu khả phong, đình khả nguyệt, tâm tình tự tại
cố châu Trung.*

Nghĩa là:

“Cửa dung được lọng, cổng nạp được xe, phong
cảnh này vượt ra ngoài cõi trần.

Cửa sổ gió luồn vào, nhà trăng chiếu xuống, lòng
lúc nào cũng canh cánh nhớ đến quê hương”.

Thấy đôi câu đối của Xiển nói lên được cảnh giàu
sang phú quý và tấm lòng nhớ quê hương, làng xóm của
mình nên quan tổng đốc cho làm cơm rượu thết đãi
Xiển rất hậu, lại cho sáu mươi quan tiền đem về.

MỪNG THỌ

Quan tỉnh mở tiệc mừng thọ. Hôm ấy có viên công sứ Pháp, viên quan huyện và Trạng Ngộ cũng được mời tới dự. Vốn hay nịnh bề trên, tri huyện thì thầm với Trạng:

– Bác với tôi nguyên là dân văn chương, lại là khách của quan tỉnh, lẽ nào ta không có thơ mừng thọ ngài?

Ngộ gật gù đồng ý và nói thêm:

– Ngài hay chữ, tôi hay chữ, tôi đọc ngài viết, hai ta hiệp sức cùng làm.

Quan huyện khoái lăm, thưa ngay ý đó với quan tỉnh. Quan tỉnh rất hài lòng, sai người lấy ngay giấy mực. Quan huyện trải giấy ra giữa nhà, phủ phục xuống chờ Trạng đọc cho để viết. Trạng Ngộ cứ ngồi chén tì tì, thỉnh thoảng mới đọc một chữ. Quan huyện vừa đói vừa sốt ruột, nhưng không dám giục. Mãi khi tiệc tàn, câu đói mừng thọ mới xong. Trạng Ngộ bảo quan huyện treo lên, rồi rung đùi ngâm nga đọc lại: “Năm kia xuân, năm ngoái xuân, năm nay xuân, xuân bất tái. Ông tỉnh thọ, ông Tây thọ, ông huyện thọ, thọ vô cương”.

Thế là hôm đó quan huyện bị một bữa đói, đành nuốt hận ra về.

XIỂN XIN TIẾN ĐI THI

Sắp đến kỳ thi, Xiển cầm đơn đến lý trưởng xin triệt chứng nhận để nhập trường. Lý trưởng làng Yên Lược đòi ăn tiền, Xiển không chịu. Ông cầm đơn lên quan tổng đốc Vương Duy Trinh. Vừa thấy Xiển, Vương Duy Trinh nói ngay:

Duy tiền nhi dī.

Xiển giải:

Tự tư hưởng hậu gai như thủ, trừ gia huynh ngoại, bất kể thân sơ.

Thấy Xiển giải lời mình thông suốt, tổng đốc Vương Duy Trinh ra một vế đối thử tài Xiển:

Trông thấy cầm đơn quì giữa cửa.

Không ngờ Xiển đói ngay:

Bói xem đẻ của ở bên cây.

Vế đối của Xiển đặt Xiển ngang hàng với tổng đốc Vương Duy Trinh. Vương Duy Trinh biết Xiển ngạo mạn nhưng đành phải nói:

– Mày thông minh nhưng xác xược lắm!

LỜI TRỒI CỦA CỤ CÔ

Tiếng đồn Trạng Ngộ là chắt nội của Trạng Quỳnh đến tai vua. Nhân chuyến tuần vu ra Bắc, đi qua tỉnh Thanh, vua đòi Trạng Ngộ đến hầu. Vua bắt ông phải kể lại tất cả hành trạng của cụ cố Trạng Quỳnh: nào là thuở bé học hành ra sao, thi cử như thế nào, đỗ Trạng năm nào, mất năm bao nhiêu tuổi, khi mất có gặp mặt đầy đủ con cháu không v.v... Cuối cùng, vì muốn biết ý nguyện của Trạng Quỳnh trước khi chết, vua hỏi:



– Trước khi chết, cụ Quỳnh có trăn trối điều chi không ?

– Tâu chúa thượng, có ạ. Ông trả lời.

– Vậy ngươi hãy kể cho ta nghe !

– Bẩm chúa thượng... – Trạng Ngộ ngập ngừng.

– Người cứ nói !

– Bẩm con không dám.

Vua gặng hỏi đến năm sáu lần mà Trạng Ngộ vẫn không chịu nói. Cuối cùng, vua nghiêm nét mặt, bảo:

– Ta ra lệnh cho nhà ngươi phải nói !

Trạng Ngộ bắt đầu kể:

– Biết thế nào cũng bị Chúa Trịnh đầu độc, lần ấy cụ cố nhà con đã dặn dò người nhà cẩn thận rồi mới ra đi. Khi người trở về, cả nhà đau xót xúm quanh. Ông nội con hỏi cố có điều gì trăn trối lại không, cố chỉ lặng thinh. Ông con khóc lóc, van vỉ, gặng mãi thì cố nội con đang lầm lì bỗng nổi khùng quát: “Mả mẹ chúng bay, hỏi chi hỏi l้า rửa !”, thế rồi cố con ngừng thở.

Vua biết bị chửi nhưng đành ngậm miệng.

CHỦ LỄ

Hoàng hậu ốm thập tử nhất sinh, vua gọi Xiển vào chữa bệnh. Xiển kê đơn một vị rễ cây mà chính tay nhà vua phải thân hành đi đào lấy, đem về sắc cho hoàng hậu uống.



Xiển đưa vua đi lấy rẽ cây. Vua đi trước, Xiển theo sau. Trên đường đi, người nào gặp vua cũng kính cẩn vái chào, nhưng nhà vua không hề đáp lại. Đến lúc nhìn thấy một chú bé con từ xa đi lại, Xiển bèn chạy vượt lên trước nhà vua và cúi chào chú bé trước. Vua lấy làm lạ hỏi, Xiển thưa:

– Thần phải chào chú bé kia trước để thiên hạ khỏi chê là: lão già kia mà không biết chữ lẽ bằng thằng nhỏ.



SỞ CÂY, TỨ BÀNG

Lúc tuổi đã cao, vì không có con cái nên Xiển muốn xây cái sinh phần bèn mời xóm giềng đến, biếu mỗi nhà một quan tiền và ngỏ ý nhờ họ lo liệu giúp.

Sinh phần xây xong, Xiển bảo trồng chung quanh bốn cây bàn, một cây sở, một cây cậy. Mọi người đều không hiểu tại sao? Có người đánh bạo hỏi Xiển. Ông nói:

– Tứ bàng sở cậy, là khi tôi sống, bốn bên láng giềng nhờ tôi bốc thuốc chữa bệnh, dạy dỗ con cái. Còn “Sở cậy tứ bàng” là khi tôi quy tiên, tôi phải cậy nhờ lại xóm giềng lo liệu, chôn cất.

Nghe Xiển nói vậy, ai nấy đều khôn xiết cảm động.



TỨ CHỨNG NAN Y

Trạng Ngộ ngày càng nổi tiếng trong nghề làm thuốc. Ông được vua vời vào cung và phong cho làm quan ngự y. Một hôm, vua đang dự cuộc đàn hát với các cung phi, quan ngự y hốt hoảng chạy vào. Vua giật mình, hồi hộp, hỏi:

- Có việc gì mà quan ngự y hốt hoảng vậy?

Ông quỳ xuống tâu:

– Muôn tâu thánh thượng, kẻ hạ thần này vừa đi dạo ngoài phố, bỗng nghe thiên hạ kháo nhau rằng thánh thượng bị bệnh “Tứ chứng nan y”. Kẻ hạ thần vội vã về đây. Tâu thánh thượng, giữ gìn long thể là trách nhiệm của kẻ bê tôi.

Vua xua tay bảo:

– Trẫm vẫn an khang, nào có bệnh gì đâu. Chính khanh cũng thấy đấy, trẫm đang ca hát cùng các cung phi của trẫm. Nhưng “Tứ chứng nan y” là bệnh gì vậy?

- Thưa hoàng thượng, đó là què, đua, câm, điếc!

– Ô, thế thì càng không đúng. Ta vẫn đi lại trong cung, vẫn nhìn thấy khanh và vẫn nghe khanh nói đấy thôi!

– Vâng ! – Quan ngự y trả lời – Quả đúng như lời thánh thượng ban. Song ngẫm cho kỹ thì dân hàng phố nói cũng chẳng sai.

– Cớ sao vậy? Quan ngự y nói cho ta nghe!

Bấy giờ quan ngự y Trạng Ngộ mới trình bày:

– Bởi vì quanh năm thánh thượng không ra khỏi cung, cho nên thiên hạ tưởng thánh thượng bì què; nước đang mất mà thánh thượng vẫn ung dung dàn hát, nên thiên hạ tưởng thánh thượng đui; muôn dân căm thù giặc, vùng lên chống lại chúng mà thánh thượng vẫn lặng im, nên thiên hạ tưởng thánh thượng câm; thần dân lên tiếng đòi đánh giặc mà thánh thượng điềm nhiên ký hòa ước nên thiên hạ tưởng thánh thượng điếc. Thế thì lời thiên hạ đâu có sai.

Nghe xong, vua không nói gì, lặng lẽ quay vào hậu cung.

ĐỀ CỤM

Lúc Xiển đã già, biết mình chẳng sống được bao lâu nữa, một hôm Xiển gọi học trò bảo lấy bốn cái lọ đựng dầu cút đái rồi gắn kỹ nắp lại chôn ở bốn góc vườn.

Ít lâu sau Xiển mất. Xiển không có con nên ngôi nhà ngồi dạy học và mảnh vườn để cả lại cho làng. Bọn chức sắc đoán thế nào Xiển cũng có của chìm chôn dấu vì có lần đã nghe trộm bọn học trò kháo nhau thầy chôn bốn lọ. Chúng kéo nhau đến nhà Xiển ra sức đào của. Đào bới khắp vường từ sớm đến chiều, thì cuối cùng chánh tổng tìm được hai lọ. Chúng không dám mở ra xem sợ người khác biết, vội vã bê về nhà, đem vào buồng kín mới mở. Lọ đất nung non, lại chôn lâu ngày dưới đất nên vừa cạy mấy cái đã vỡ toác ra, mùi cứt đái xông lên nồng nặc. Chúng đi dò nhau mới biết tất cả đều bị Xiển lừa.

Vừa mất cả ngày đào bới, lại vừa bị xú uế khắp nhà, cả bọn tức nghẹn cổ. Chúng xả xói nhau:

– Tham cho lầm vào ! Tham cho lầm vào !

TRUYỆN ÔNG Ó

MƯỢN TRÂU

Một hôm ông Ó đến làng kia, thấy một anh nhà giàu đang làm đất để cấy. Ông Ó mới hỏi:

– Cha chả! Hôm nay mà cấy chưa rồi à?



Anh nhà giàu trả lời:

– Năm nay làm nhiều ruộng, thuê người làm được có ít, trâu thì bệnh nên thiếu trâu làm. Còn vài chục con nữa mà không có trâu phải làm tay như vậy thiệt khó quá ! Mà thuê người thì sợ tốn tiền nhiều.

Ông Ó vừa cười vừa nói:

– Nhà tôi ở gần mé rừng nên có anh em gởi trâu để cho chúng nó ăn cỏ rừng. Đồng bên tôi thì cây xong cả rồi, anh có chỗ nhốt thì tôi cho mượn vài con về mà làm thêm ít nữa.

Anh nhà giàu tham lợi tưởng thật, ra mặt đón dả mời bằng được ông Ó vào nhà trầu nước tử tế, xong cho đầy tớ theo ông Ó đến bắt trâu về... Nguyên năm nào cà cây xong, thì mấy chủ trâu cũng đem làm chuồng gởi trâu trong rừng đó. Về tới nhà, ông Ó liền ra nói với mấy đứa trẻ chăn trâu cho mượn bốn con trâu tơ chưa xổ mũi, lấy dây chuôi cột vào cổ giao cho mấy tên đầy tớ nhà giàu kia dắt đem về. Cái nghè trâu khi đi xa xa, nghe tiếng bầy nghé ọ, thì giật dây chạy trở lại. Mấy tên đầy tớ dành tay không ra về, thưa với chủ là trâu giật đứt dây chạy mất rồi... Anh nhà giàu đành chịu. Vài ngày sau gặp lại ông Ó giữa đường cái. Hắn trách ông Ó sao lại nói lừa hắn. Ông Ó liền cười và trả lời:

– Vậy, không biết tiếng ông Ó xóm Dưa hay sao ?

THẨM THÌ THẨM

Có một bữa kia, ông Ó đi chợ mua thức ăn. Ông đến sạp thịt định mua một ít, nhưng nhà hàng thấy ông ăn mặc lôi thôi, thì có vẻ khinh, nói giá rất mắc để ông ta bỏ đi cho khuất mắt. Ông Ó biết thế, cầm lấm, bèn nghĩ ra một mẹo làm cho hắn biết tay. Thường những người ở xa đi chợ phải dùng ghe, mà lúc đó ở bến không có chiếc ghe nào. Ông Ó thủng thỉnh quay lại sạp thịt lúc nãy, nói với hàng thịt: – Ông bán thịt xem hàng bán chạy lấm, sao không thấy xuống dưới xóm tôi mua heo. Anh nhà hàng lộ vẻ mừng rỡ:

– Dưới ông có nhiều heo lấm à?

Ông Ó trả lời:

– Nhà tôi cũng có một bầy heo mười mấy con, ai mua cả một lúc mới bán. Một hai lần có ghe lại mua, nhưng họ trả rẻ lấm, không muốn bán. Ông nhà hàng thịt mừng lấm, vì thấy một món hời. Ông ta mời băng được ông Ó về nhà đai cơm nước cho tử tế. Xong cho ghe đưa ông Ó về nhà mua heo luôn thể. Ghe vừa cập bến thì gấp lúc bà Ó ra bến gánh nước, ông Ó vội nói thật to:

– Có ông này muốn mua bầy heo của nhà mình đây!

Bà vợ biết ý chồng, bèn xuýt xoa làm ra vẻ tiếc rẻ:

– Thật tiếc quá! Khi ông vừa đi khỏi thì có ghe lại mua, bắt đi rồi. Tôi đi gánh nước về rửa chuồng đây!

Ông hàng thịt nghe nói chung hứng đành phải cho ghe về, nghĩ không biết có phải mình bị lừa không?

BÚA HAY BẾ ĐẬP KỲ HÀ

Một bữa nọ, ông Ó có việc mới đi ngang đình Rắn. Thấy ông, các ông hương chức hội tề mới rủ:

– Này ông Ó, vào đây nói láo nghe chơi.

Ông Ó liền trả lời:

– Thưa các ông không được ạ, tôi còn phải về gấp để đi bắt hôi ở đập Kỳ Hà, vì đập Kỳ Hà vừa bị bể.

Nói đoạn, ông Ó quay quẩn đi liền. Nghe vậy, máu nhậu trỗi dậy, nên các hương chức trong làng ban hội tề liền sai những người phụ việc ở đình:

– Bay đâu, đến đập Kỳ Hà kiểm vài con cá đem về nhậu lai rai. Đập Kỳ Hà lớn, chắc có cá to đấy!

Nghe lệnh, anh em giúp việc trong đình lục tục kéo nhau ra đập Kỳ Hà rất đông, nhưng đến nơi thì đập vẫn con nguyên, nước vẫn đầy. Thế là cả bọn kéo nhau ra về, tức tối vì bị ông Ó gạt. Vài ngày sau, ông Ó có việc ra đình, các hương chức hội tề liền lên tiếng khiển trách:

– Sao chú mày dám gạt tui tao, báo hại chúng nó đi mất công. Bấy giờ ông Ó mới cười lớn:

– Thì các ông biếu tui vô nói láo nghe chơi mà, tui nói láo cho các ông nghe đó thôi.

TÍT ĐÌA

Làng Hội Phước có một nhà giàu nhưng keo kiệt. Y có non chục cái đìa trong khoảng đất của y. Tùy giàu có, nhưng y trả công cho những người tát đìa rẻ mạt. Bữa ấy nhà y đang tát một cái đìa lớn sát bìa rừng Vông. Đìa này xưa nay vẫn có nhiều cá, vì vậy khi tát đìa chủ hay đứng canh chừng, sợ người tát thuê lấy mất cá. Đìa sấp cạn, ông Ó chạy hót hải từ trong làng ra.

– Trời đất! Tui đi kiếm ông muốn hụt hơi. Ông Cả nhờ tui mời ông ra đình có quan huyện về muốn gặp ông kia kia.

Gã nhà giàu quay lại:

– Kiếm tôi có việc chi?

– Tui hổng rành, nhưng chỉ nghe ông Cả nói nghe đâu quan huyện định mời ông ra làm chánh tổng Minh Đạo hay sao đó?

Y lưỡng lự một hồi, rồi về đình làng, dẫn ông Ó canh chừng dùm những người tát đìa thuê. Thừa dịp, những người tát đìa nghe lời ông Ó, xúc hết cá to giấu vô rừng. Gã nhà giàu tát bật đi về tới đình, nhưng thấy đình trống trơn, không có một bóng người, bèn quay ra chỗ tát đìa để cự ông Ó. Vừa thấy mặt y, ông Ó đã lên tiếng:

– Ủa, quan huyện gặp ông sao lẹ vây?

- Nào tui có thấy ai ở đình đâu.
- Thôi chết rồi, chắc quan chờ tôi kiểm ông mai hổng được nên quan ra về rồi. Mai ông thử lên huyện coi.

Vừa lúc ấy, đìa cũng cạn, dưới lòng đìa chỉ còn ít cá. Gã nhà giàu ngạc nhiên thốt lên:

- Lạ thật! Cái đìa này vẫn có tiếng nhiều cá, thế mà năm nay sao quá ít, mà lại toàn là cá nhỏ.

Ông Ó và những người tát đìa thuê chỉ im lặng mím cười.



ÔNG HƯƠNG CÀ THÈM THỊT TRÂU

Hương cà từ ngoài đình đi về ngang qua nhà ông Ó, thấy ông đang ngồi mài dao, liền hỏi:

– Chú mày dao làm chi vậy?



Ông Ó trả lời:

– Đi xé thịt trâu.

– Ở đâu? Hương cả nghe lạ, bèn hỏi.

– Ngoài sông cái có con trâu nhà ai mới chết. Tôi coi còn “có lý lăm” mới tính mài dao ra xé ít thịt đem về nhận chơi. Nếu nhiều còn dư phơi khô để đến mùa mưa có cái để “lai rai”.

Hương cả nghe xong, máu thèm thịt trâu nổi lên, ông ta đi vội về nhà, cầm cây mác vót chạy ra bìa sông cái. Vừa đi vừa lầm bẩm:

– Đã lâu lăm, từ bữa cúng đình hồi tháng ba, mình chưa được miếng thịt trâu nào.

Ra tới bờ sông, ông ta kiếm hoài, mãi không thấy. Một lúc sao thấy có vật gì đen đen nổi lập lờ giữa sông, y cởi quần áo lội ra. Chẳng dè đó là gốc cây bị cháy trội tự trên nguồn về. Tức quá, hương cả lén bờ mặc quần áo, chạy về nhà ông Ó la âm ī :

– Tại sao chú đánh lừa ta?

– Đâu có, tui biết ông cả thèm thịt trâu, nên chỉ cho ông cả đó chớ.

– Tại sao ta kiếm hoài không thấy?

– Ủa ông Cả không nhớ tui là ông Ó nói láo sao?

NÓI LÁO LẠI ĐÒI CÓ SÁCH

Hương giáo làng Hội Phước, chữ nghĩa chẳng bao nhiêu, nhưng lúc nào cũng khoe với mọi người là tui ham coi sách, tui nói cái chi cũng có sách. Bữa ấy, hương giáo đang ngồi uống trà ở một nhà nọ, thì ông Ó đi vào. Thấy ông Ó, hương giáo liền vồ vập:

– Tui vẫn nghe ông Ó nói lão có sách, ông có mấy quyển sách nói lão phải không? Bữa nào cho tui coi cái nghen.

– Ừa, khi nào rảnh, anh hương lại tui coi. Hay bữa nay anh hương lại tui đi.

Một lát sau, ông Ó đứng lên. Định tỏ ra cho mọi người biết mình là người ham coi sách, nên hương giáo đứng dậy đi liền theo. Bước chưa ra khỏi sân nhà, ông Ó quay lại bảo:

– Trời đất, anh hương vẫn coi mình là người từng đọc nhiều sách mà không biết rằng nói lão lại đòi có sách ư?

Hương giáo đỏ rần mặt, quay lại bàn trà ngồi im, không nói lời nào.

CON GÀ CHƠI NHÀ PHÓ TỔNG

Phó tổng Minh Đạt rất giàu, lại có máu mê chơi gà chơi. Yо bế con gà và coi quý hơn kě ăn người ở trong nhà. Y lại hay phách lối, nên dân trong vùng không ai ưa. Ông Ó định bụng lúc nào sẽ phá y chơi. Hôm đó, chợ Vầm đang đông, người ta thấy ông Ó tay cầm sợi dây chuỗi, quần ống cao ống thấp, đứng cạnh hàng rào bông bụt nhà phó tổng la lớn:

— Ơi bà con, bắt dùm tôi con gà kia! Tôi cột chân không kỹ nên đi từ nhà ra đến gần dây thì nó sút dây, nó chạy vô nhà này. Tôi đuổi nó mệt quá chừng, kia kia, nó kia kia!



Vừa nói, ông Ó vừa chỉ con gà chơi cao to ở nơi sân, rồi ngồi xuống bù lu bù loa:

– Tôi về, chắc bả la tui dữ lắm!

Thấy thương ông già, mọi người liền nhảy vô nhà, nhè con gà đâu đàn đuổi bắt. Đàn gà chạy tứ tán. Con gà chơi lớn nhất đàn chạy ngược ra cổng. Ông Ó liền vớ ngay đòn gánh của một người đi chợ vọt mạnh một cái, con gà gãy giờ nằm bật cánh ngay tại chỗ.

Ở trong nhà nghe ồn ào, phó tổng ra tới nơi, thấy vậy, la lớn:

– Sao các người đánh què gà quý nhà tui?

Ông Ó trả lời:

– Đâu có, mấy ông ngoài chợ, đuổi gà chạy lại chỗ tui, nhờ tui bắt hộ hoặc đánh chết cũng được chẳng dè nó... nó...

Phó tổng cắt lời:

– Các người kia đâu hết?

– Họ ở ngoài kia, đó ...

Vừa nói, ông Ó vừa chỉ tay ra ngoài chợ lúc ấy rất đông người.

Viên phó tổng liền hỏi:

– Thế còn ông là ai?

Ông Ó liền trả lời:

– Tui là ông Ó ở xóm Dưa, ông không biết sao?

Nói rồi, ông quay quả đi luôn. Thế là phó tổng dành ôm con gà què vào nhà, tiếc ngắn tiếc ngơ.

BẾ HẾT TRƠN RỒI !

Biết tánh bọn kỳ hào trong làng hay ăn bòn của những người dân trong làng. Một bữa nọ ông Ó đi ra đình làng, thấy cảnh kỳ hào đang ngồi chơi uống nước tẩn gẫu bèn hỏi:

– Bữa này các thầy có bận công chuyện chi không ạ?

Nghe vậy có người liền hỏi:

– Có chuyện chi không ông Ó?

Ông Ó cung kính:

– Nhà tôi tát đìa, được hai mái cá đầy. Một mái đầy cá lóc, một mái toàn cá trê. Tôi tính bữa nay nếu các ông không bận, xin mời các ông nhậu chơi cho vui.

Nghe được nhậu cá lóc, cá trê, cảnh kỳ hào nhận lời ngay. Gần trưa, họ kéo nhau lại nhà ông Ó. Vừa thấy bóng bọn kỳ hào, ông Ó từ trong nhà bước vội ra ngoài sân, nói như phân trần:

– Khổ thân tôi! Cá nhiều quá lại toàn cá bự cả nên khi tôi vừa đi khỏi nhà để đến mời các thầy, thì cá quẫy bể mái hết, rồi ... lọt xuống kinh đi hết cả. Tiếc quá chừng! Thôi thì dành hẹn các thầy bữa khác vậy.

– Cảnh lỳ hào vừa mắc cỡ, vừa tức, cùng nhau lui thủi ra về.

HỎI BÀ CHÚA XỨ COI !

Cạnh nhà ông Ó có một cái miếu mà dân trong làng vẫn gọi là miếu bà Chúa xứ. Bữa ấy, trong nhà bên cạnh có đông người ngồi chơi, ông Ó kể:

– Rẫy nhà tôi năm nay có mấy dây bí mà trái nhiều quá cỡ. Trái nào cũng thiệt lớn mà lạ hơn là mỗi mắt bí có tới hai, ba trái.

Mọi người không tin, bắt ông Ó dẫn ra rẫy coi, ra tới nơi, chỉ thấy dăm ba dây bí khẳng khiu, chẳng có trái nào cả. Mọi người cười ồ lên:

– Bữa nay ông Ó gạt tụi tui không được, mắc cỡ quá trời nhen.

– Đâu có, tôi nói thiệt mà !

– Thế bí nhà ông đâu hết?

Ông Ó nhìn quanh như chợt thấy cái chi đó và reo lên:

– Trời ơi biết rồi! Chắc có ai vừa hái trộm hết. Ở đây chỉ có bà Chúa xứ, chắc bà ấy chứ không ai vào đây cả ?

Mọi người không tin. Ông Ó bảo:

– Thì cứ hỏi bà Chúa xứ coi.

CHẠY VỀ MÀ COI CON

Hai vợ chồng nọ giàu có nhưng rẽ rúng con cái, chỉ mãi lo làm giàu. Cả hai vợ chồng tối ngày mua bán ngoài chợ.

Lũ con bị bỏ ở nhà đói khát, lấm bùa khóc la ầm ĩ cả xóm. Một bữa, thấy ông Ó đang đi ngoài chợ, vợ chồng nhà nọ nhơn lúc vắng khách nên kêu ông Ó:

– Nè, nói láo nghe chơi ông Ó !

Ông Ó làm thịnh như không nghe thấy gì. Người vợ nhà nọ lại kêu:

– Vô đây!

Ông Ó mới quay lại, làm như chợt nhớ ra điều gì:

– Trời, tưởng ai kêu tôi, té ra nhà chị. Con cái ở nhà bị té vũng sặc nước, dân làng người ta đang cứu giùm, sắp chết tới nơi mà cha mẹ cứ ngồi đây rủ tôi nói láo nghe chơi. Thiệt khổ hết sức, tôi không thấy nhà ai như vợ chồng nhà này. Chỉ mãi lo buôn bán làm giàu mà hổng nhìn ngó gì tới con cái ráo trọi!

Vợ chồng nhà nọ lính quýnh nhờ người coi giùm hàng, rồi chạy muôn hụt hơi về nhà. Đến nhà, họ thấy mấy đứa con, đang tha thẩn ngoài vườn, đứa nào mặt mày cũng lấm lem, nhưng không có đứa nào té vũng, mà cũng chẳng có ai cứu giùm cả. Sợ mất đồ ngoài chợ,

hai vợ chồng lại vội chạy trở ra. Vừa trông thấy ông Ó, cả hai vợ chồng đều trách:

– Ông báo hại vợ chồng tui để vợ chồng tui chạy muốn hụt hơi...

Khi ấy, ông Ó mới thủng thỉnh trả lời:

– Thì vợ chồng anh biểu tôi nói láo mà lại. Mà với vợ chồng nhà anh chị, không trông mom con cái bao giờ, bỏ hàng về thăm con chút xíu, cũng được chớ bộ?



HÀNG ĐƯỜNG CỦA BÀ HUYỀN

Bà huyện ở tận Cái Quao, nhưng có một sô đất tại vùng này. Ranh đất là một hàng dừa thẳng tắp. Một hôm, thấy ông Ó đứng ngắm hàng dừa, mấy người qua đường bèn hỏi:



– Hàng dừa của ông đó à?

Ông Ó trả lời:

– Ừa, mấy người không biết đây là hàng dừa của bà huyện hay sao? Mọi người lại khen dừa trong hôi nào mà ngay hàng thẳng lối quá. Ông Ó bèn kể: “Hồi đó, chỗ đất này hoang vu, chỉ có một cây dừa thôi, ngoài kia là rừng, rất nhiều cọp. Hàng ngày cọp vẫn từ trong rừng ra ăn dừa rụng, ông nấm chặt đuôi con cọp, đá mạnh một cái. Cọp đau quá, la éo éo, ia vọt ra những trái dừa thành một đường ngay tắp, rồi cong đuôi chạy. Nơi những trái dừa do cọp i, mọc lên một hàng dừa mà các ông các bà thấy đó”.

Nghe xong mọi người hỏi lại:

– Ủa, sao hồi nãy ông biểu hàng dừa này là của bà huyện?

Ông Ó thủng thỉnh đáp:

– Ủ, bà huyện một bữa bảo vùng đất này của quan ông trấn nhậm, nên dừa mọc trên đất đó là của bà ấy chứ sao!

Mọi người lại hỏi:

– Thế còn hàng dừa, hồi nãy ông kể cọp ia ra rồi nó mọc lên kia mà.

Ông Ó trả lời:

– Chứ sao, bà huyện bả ăn huê lợi ở đất này, thì bà chiếm hàng dừa luôn chứ. Cút cọp ia ra, chứ cái gì đâu mà bà chê!

CÂU ÔNG

Một bữa nọ, ông Ó muốn ra Mỏ Cày thăm ngài bà con. Đi bộ thì đường rất khó đi, chỉ con đi theo Vành Nước Trong. Ông ra mé sông cõi chừng có ghe nào đi qua đặng quá giang. Ra đứng ngoài mé sông hồi lâu, chợt thấy có một chiếc ghe nhỏ đi ngang qua. Đó là ghe của một anh nhà giàu xóm dưới. Chủ ghe hét mặt ông Ó, mới hỏi rằng:

– Ông đứng làm gì, nói láo nghe chơi ông Ó?!

Ông Ó bèn nói một cách tinh khôi rằng:

– Tôi đi câu ống từ sớm, hồi nãy có con cá gì lèn quá nó kéo tôi gần té xuống sông. Tôi sợ đứt nhợ cá, nên tôi quăng ống câu cho nó tha hồ kéo đến đâu thì đến... Tôi muốn kiếm xuống mà theo, ngặt trong xóm tôi không có ghe xuống chi hết, nên phải ngồi đây mà ngó. Phải chi chú em cho tôi quá giang tới vàm, coi ra tới đâu, may ra bắt được nó; tôi chia một nửa cho chú nhậu chơi!

Gã nhà giàu kia hỏi:

– Ông nói chơi hay là thiệt?

Ông Ó chỉ bụi gần mé sông và nói:

– Tôi túm bụi cổ còn đứt đó.

Gã nhà giàu quay mũi ghé sát bờ cho ông Ó xuống. Ngồi trên ghe, ông Ó làm bộ ngó tới ngó lui hoài, lúc

tới vàm Mỏ Cày, vẫn không thấy gì hết, ông Ó chắt lưỡi mà nói rằng:

– Chắc nó trồm mình dưới bùn sâu mình vô ý không thấy. Vậy chú ghé vô bờ đặng tôi mượn chiếc xuồng nhỏ bơi trở lại coi có kiếm được nó chăng?

Khi bước lên bờ, ông Ó quay lại nói với chủ ghe rằng:

– Chú biếu tôi nói láo, nên tôi nói láo cho chú nghe đó!



XÓ VỢ NHỎ TẠNH NHÀ GIÀU

Một bữa nọ, ông Ó đi chợ, đang đi có tiếng người gọi phía sau: - Đi chợ hả ông Ó, chờ tui với!

Ông Ó đi chậm lại chờ, thì ra đó là vợ nhỏ của một anh nhà giàu áp ngoài. Đi ngang qua ông Ó, bà ta nói: - Nói láo nghe chơi ông Ó!

Ông Ó bảo: - Ủa bữa nay em đi chợ hay sao? Hèn chi, qua nghe nói người ta đang đóng trần giải chồng em ra đình mà.

Người đàn bà hoảng sợ, hỏi ông Ó: - Có việc chi mà chồng tui bị giải ra đình.

Ông Ó đáp: - Qua tưởng Té ra em chưa biết gì sao?

Người đàn bà nhớ ra hỏi hôm chồng mình xuống xóm Dừa chưa về, tin lời ông Ó, liền chạy vội về đình. Nhưng tới nơi đình lặng ngắt không một bóng người. Thế là chị ta lại hấp tấp chạy ra chợ. Lúc này, chợ đã gần tàn. Gặp ông Ó ra về, người đàn bà liền lên tiếng trách:

- Làm chi ông ác dữ vậy? Báo hại tui chạy ra đình rồi chạy về chợ muộn đứt hơi.

Ông Ó thủng thỉnh trả lời:

- Qua thấy em nhàn quá, e đâm hư hỏng. Và lại, em biếu qua nói láo nghe chơi mà, nên qua để em chạy cho bớt nhàn nhã đó thôi. Thế là chị vợ nhỏ anh nhà giàu xách giỏ ra về mà không mua được chút gì!

CHÓ SẴN

Một hôm, Ông Ó đi vào rừng, gặp mấy anh nhà giàu và lười đi săn heo rừng. Chả là bọn này rảnh rồi, nên thường bày đặt ra những cuộc đi chơi, đi săn trong rừng. Ông Ó định hỏi thăm cho qua chuyện họ có săn được nhiêu không, nhưng họ trả lời một cách hờn hĩnh:

– Lẽ ra còn được nhiêu nữa, nhưng rủi chó săn dở quá, nên heo chạy hết.

Ông Ó liền nói:

– Nhà tôi có giống chó săn giỏi lắm, trong xóm tôi, ai đi săn đều mượn chó nhà tôi, rồi họ cho thịt tôi ăn không hết. Mấy tay nhà giàu hối nào chưa biết Ông Ó, nên tưởng thật mới hỏi:

– Vậy nhà ông có chó con không?

Ông Ó trả lời:

– Con chó cái nhà tôi nó mới đẻ năm con, ba con đực hai con cái.

Bọn này bèn hỏi:

– Vậy ông nhón cho chúng tôi một con chó cái có được không?

Ông Ó đáp:

– Trước nay, chó nhà tôi đẻ lần nào, xung quanh họ cũng nài hết. Anh em theo tôi về nhà, muốn con nào, tôi để cho một con.

Họ theo ông Ó về nhà, đến nơi chỉ thấy một con chó ốm nhom, đầu chốc ghê và ba bốn con chó con nằm cạnh. Một người lên tiếng:

– Con chó này phải không?

Ông Ó gật đầu.

– Chúng tôi coi thường nó không phải tướng chó săn, mà là chó cỏ.

Ông Ó đáp lại:

– Các người thấy nó xấu tướng, các người nói vậy. Để tôi thuật chuyện bắt heo rừng của nó năm trước cho các người nghe, các người mê liền. Cũng lối tháng này năm ngoái, khi nó có bầu lứa trước gần ngày. Mấy người trong xóm rủ tôi đi săn, con chó của tôi cũng à ểnh đi theo. Vô rừng, mấy con chó kia chạy trước, gặp con heo rừng lớn nó đánh mấy con chó kia té đầu, rách ruột. Con chó của tôi bị heo đánh té đầu. Tôi thấy thế, nóng ruột vội kéo nó ra, hái nấm lá giác, nhau với vôi ăn trầu, lấy dây choại bó lại cho nó. Một lát, chỗ đầu hết chảy máu. Mấy người kia rủ trở lại rừng kiếm, thấy mấy con chó bị heo rừng đánh chết. Con chó của tôi thấy người đi, nó cũng đứng lên đi theo. Chẳng nhờ con heo rừng khỏe lại đứng dậy rượt đám thợ săn. Mọi người thất kinh, cầm mác thong, đỡ gạt nó mà chạy. Chạy một dỗi xa, không thấy con heo rượt theo nữa, họ

quay lại, thấy con heo đang quy một chỗ còn con chó của tôi thì cắn sủa ầm ĩ. May người đi săn thấy vậy, cầm mác thong đâm chết con heo. Lúc ấy mới hay rằng, khi lao rượt theo chúng ti, con heo đã bị con chó cắn đứt nhưng không chạy được. Đó, các người thấy con chó của tôi có phải là chó săn giỏi không?

Bọn nhà giàu lại hỏi tiếp:

– Thế rồi sao nó lại ghẻ lở kỳ cục vầy ông Ó?

Ông Ó trả lời thản nhiên:

– Sau kỳ đó, tự nhiên nó lười đi săn, chỉ ham vào rừng chơi bời, nên sanh ra ghẻ lở đó. Hình như kẻ nào lười nhác ham chơi bời cũng đều bị ghẻ lở như vậy phải không các anh?

Bị ông Ó chửi mát, nhưng bọn nhà giàu không có cách nói lại được, đành ra về và cũng không mua con chó con nữa.



XÓ ANH NHÀ GIÀU

Có một anh con nhà giàu, tính hay chơi bời, khi thì theo ghe chài, lúc lại theo bạn săn bắn. Một hôm đi săn trong rừng gần nhà Ông Ó, anh này thấy dấu heo rừng ủi bèn hỏi Ông Ó:

– Ai đào làm gì hang lỗ cũng vậy Ông?

– Đó là heo rừng ủi chờ gì! Ông Ó đáp.

Anh kia lại hỏi: – Heo rừng cũng như heo mình, sao đất cứng như vậy mà nó ủi được. Hỏi Ông?

– Trời sinh ra nó có một cái mầm ở mõm cứng như sắt, để cho nó ủi đất kiếm ăn! Ông Ó đáp.

Anh nhà giàu nghe nói heo rừng, nhưng chưa hề thấy bao giờ, nên tưởng thật. Một lát, bọn thợ săn giết được một con heo. Hắn ta mừng lắm, bèn lấy dao con trong lung ra xé mõm heo để kiểm cái mầm cứng sắt đó. Tím mãi không thấy gì hết, hắn mới hỏi lại Ông Ó:

– Heo rừng có cái mầm cứng như sắt trước mõm, sao tôi kiểm mãi không thấy?

Ông Ó trả lời:

– Người ta thường nói nhà giàu mõm có gang có thép, nhưng chết thì hết. Cái mầm của heo rừng cũng thế, trời cho nó lúc còn sống, nay nó chết thì cũng hết, còn đâu mà hỏi!...

NÓI LÁO CÓ SÁCH

T huở ấy có quan huyện Cái Quao tính ham chuyện lạt, nghe người ta nói ông Ó nói láo hay, nên cho đài đến để xem tài ông Ó. Khi đến gặp quan huyện, ông Ó trả lời:

- Bẩm quan tôi nói láo có sách chứ không phải đặt ra mà nói được! Quan không tin thì xin quan cho phép tôi về lấy sách đem lại nói cho quan nghe.

Quan huyện tưởng thật, cho ông ta về lấy sách. Mãi lâu không thấy trở lại, bèn cho người đến đài ông Ó đến dinh và quở. Ông Ó ung dung trả lời:

- Bẩm quan nói láo là như vậy đó! Xin quan xét lại xem có đúng không?

Quan biết mình mắc hơm, dành làm thịnh cho ông Ó về.



TÔI LÀ ĐÀN MÃN TĂN MÃ

Sau lần mắng muối ông Ó, quan huyện Cái Quao cho đòn ông Ó lên để phạt tội vì đã nói gạt quan. Vừa thấy ông Ó bước vô công đường, quan đã đập bàn quát lớn:

- Linh đâu, trói ông già này lại cho ta, và đánh ông ta mấy chục roi vì tội nói gạt quan trên nghe chưa.

Ông Ó nói như phân trần:

- Tôi biết tôi có tội với quan, nhưng quan biểu tôi nói láo, tôi mới nói chớ bộ. Tự dung nào đâu tôi dám gạt quan. Thiệt khổ, nhà tôi đơn chiếc, công chuyện ra rẽ. Dám mong quan lớn đèn trời soi xét cho tôi.

Nghe vậy quan biểu:

- Ông chỉ biết nói láo chớ biết mẫn việc chi?

Thấy quan đã dìu giọng, ông Ó nói nhẹ nhàng:

- Trời đất ơi, tôi là dân mần ăn thiêt mà, sáng nay quan đòn sớm quá, không thì tôi đã bắt được con cua đình rồi. Hồi sớm, đi ngang chỗ đăng của tôi, tôi thấy con cua đình đang đập đèn, lúc nỗi lúc chìm, nhưng không vô đó được, vì nó lớn quá. Nhưng tôi không dám lội xuống để bắt, sợ lén hâu quan trễ, quan bắt tội.

Nghe nói cua đình, quan huyện mừng thầm: "Ta phải biểu ông già này bắt được cua đình, mang lại chỗ

ta để nhậu. Nghe mấy ông thầy thuốc nói cua đình quý lầm”.

Quan làm ra vẻ rỗng lượng:

– Thương ông là dân mần ăn, ta không nỡ bắt tội, nhưng chiều nay, ông nhớ đem cho ta con cua đình nghe.

Vâng dạ một lát, ông Ó ra về. Quan huyện chờ hết ngày hôm đó lại đến ngày hôm sau, sau nữa, mà không thấy bóng ông Ó. Quan giật mình: “Thôi thế là mình lại mắc mưu ông già xóm Dừa lần nữa rồi”. Nhưng quan huyện không dám đòi ông Ó lên lần nữa, vì sợ bị gạt tiếp thì mắc cở lắm.



BẢN SÁCH NÓI LÃI

Chánh tổng Minh Đạt hay sách nhiễu dân, lại có tính hơi tò mò, ông Ó định bụng lúc nào sẽ làm cho y bẽ mặt một bữa. Một hôm, ông Ó quay tòn teng hai bọc vải đó đi ngang qua chợ. Gần chợ là ngôi đình, nơi chánh tổng vẫn ngồi mẩn việc. Bữa nay, viên chánh tổng đương ngồi bắt chân chữ ngũ, sau khi đã rít một hơi thuốc lào, chợt thấy người quay hai bọc vải đó, nhìn kỹ biết là ông Ó, bèn cho người gọi vô:

- Ông đi đâu đó?

- Dạ con đi chợ. Ông Ó cung kính đáp, vẫn quay gánh trên vai.

Thấy lạ, viên chánh tổng bèn hỏi:

- Ta nghe nói người vẫn tự khoe mình nói láo có sách phái không?

Ông nói như phân trần:

- Dạ, thấy con ngày xưa có để lại cho con bộ sách nói láo thiệt. Nhưng đạo này nhà ngặt quá, bữa nay con tính đem bán đặng kiếm ít tiền về nuôi sấp nhở. Con đi từ hồi sáng tới giờ, mà chưa có ai mua giùm!

Chánh tổng hí hùng:

- Người bán lại cho ta?

- Nhưng sách của con mắc lắm!

- Bao nhiêu mà người bảo mạc?

Ông Ó trả lời:

- Sách này quý lắm, thấy con dặn rằng nếu lỡ phải đem bán, không được để cho người mua giờ ra coi ngay trước mặt mình. Chánh tổng là người lớn nhất tổng Minh Đạt này, con xin bán chỉ hai quan thôi.

Viên chánh tổng làm ra vẻ dễ dãi:

- Ủa, ta đồng ý mua, và ta trả người trước một quan, còn mai lai, ta trả nốt.

Ông Ó cầm tiền ra về. Đi được một đoạn, ông chạy rất lẹ về nhà. Viên chánh tổng giờ tung lén vài đòn, vừa hết mảnh cuối cùng, một đàn ong vò vè bay ra tán loạn, xúm vào đốt chánh tổng và những hương chức trong đình. Cả bọn ôm đầu chạy và kêu: "Đã biết là ông Ó nói láo mà lại còn đòi mua sách của ông ta!"



RÀ HUẾ NÓI TRANG

Có nhiều quan lớn ở Huế vào trấn nhậm Nam Kỳ, nghe tài ông Ó ứng đối giỏi, khi về kinh, hay đem chuyện ông Ó ra khen là người nói láo hay nhất Nam Kỳ. Có một ông Đông cung tính ham vui nghe nói thế trong lòng ao ước nghe ông Ó nói láo chơi. Có nhiều quan muốn làm đẹp lòng Đông cung nên khi có anh em đi trấn nhậm Nam Kỳ đòi gởi ông Ó ra. Thuận có lúc ghe bầu tải lương về kinh, họ gởi ông Ó ra Huế. Ngày kia, có người dắt ông Ó ra mắt Đông cung nhầm lúc Đông cung đương cưỡi voi đi săn bắn với các quan. Gặp ông Ó ngoài đường, Đông cung tỏ vẻ rất mừng, hỏi:

- Bấy lâu ta nghe người nói láo hay, vậy hãy nói ta nghe thử.

Đông cung vừa dứt lời, ông Ó liền thưa:

- Nếu đức ông muốn nghe cái chi thì xin gợi ý, tôi mới nói được.

Đông cung ngẫm nghĩ một hồi rồi nói:

- Thôi tùy ý nhà người, muốn nói cái chi làm cho ta mắc lừa thì nói.

Ông Ó nghĩ thầm: "Sao lại có người nhàn hạ rong chơi suốt ngày và thích những chuyện phiếm như thế được! Đã vậy ta gạt cho mà xem".

Ông Ó bèn thưa:

- Tôi nói gạt thì thế nào đức ông cũng phải mặc
m López, song đức ông đang ở giữa lồng chừng, đâu không
tới trời, chân không đụng đất thì không gạt được!

Đông cung muốn thấy tài ông Ó nói láo ra sao, lật
đặt tụt xuống đứng dưới đất ngang với ông Ó, rồi nói:

- Bây giờ người hãy nói đi!

Ông Ó lẽ phép thưa:

- Đức ông bảo tôi nói láo, nên tôi mới nói láo gạt
cho đức ông tụt xuống. Dạ nói láo là như vậy đó!

Đông cung nghe nói đành chịu, không bẻ ông Ó vô
lẽ với mình được, nhưng trong bụng nghĩ sẽ tìm ra cách
trị tội sau.



THỦY ĐỊA LÝ

Những ngày lưu lại kinh đô Huế, Ông Ó đi dạo chơi khắp nơi. Mấy cậu lính hầu của các quan thấy Ông thì hỏi:

- Ông ở xứ Đồng ai ra đây có việc chi, hay là đi nói pha trò cho các quan nghe?

Ông Ó trả lời:

- Tôi là thầy địa lý có danh trong Đồng Nai, các quan lớn ngoài này, người nào trấn Đồng Nai đều biết tôi. Đức Ông nghe danh nên đòi tôi ra đây đặng chỉ vài cái bí nhiệm cho ngài học. Ngài ham học địa lý lắm, chẳng biết để làm gì, vì huyệt của nhà ngài phát to nhất rồi còn gì!

Mấy thầy đội, thầy cai nghe nói thế, bèn rước Ông về nhà. Với ai Ông cũng hẹn sẽ tới. Cho đến nay Ông ra về, họ theo đóng đường xin coi giùm huyệt cho, kẻ thì xin coi cho Ông bà, kẻ thì xin coi cho cha mẹ. Lúc đó Ông Ó mới nói:

- Đức Ông, ngài rước tôi ra đây đặng nói láo cho ngài nghe để mua vui, chức có phải địa lý địa liếc gì đâu. Nếu không, tôi việc gì phải đi nói láo cho Đồng cung và các cậu nghe làm gì !

QUAN HƯU TRÍ MẶC LỪA

Có một viên quan hay ăn của đút lót, nay già về ở Huế. Trong nhà, vợ con làm nghề dệt lụa. Bữa nọ đang khi đi dạo chợ, ông thình lình gặp ông Ó đi chợ, bèn kêu lại mà rằng:

- Ông có phải là người xứ Đồng Nai không?

Ông Ó quay lại, thấy một người hao hao giống như viên quan mà ông đã nghe danh từ lúc chưa ra Huế, liền chào và nói:

- Đã phải!

- Ông có phải là ông Ó không? Viên quan lại hỏi.

- Đã phải! Ông Ó đáp.

Nghe vậy, viên quan già liền tò vò giấu cợt:

- Ở trong hổng còn việc gì, nên ông ra ngoài này nói láo sao, hay ông ra ngoài này có công chuyện chi?

Ông Ó nghĩ bụng phải cho viên quan này một trận mới được, nên trả lời rằng:

- Không phải. Năm rồi, trong Đồng Nai, đâu tầm khía lám, vợ tôi ở nhà trúng mùa tầm hết biết. Nó kéo được ít yến tơ mà bán không được. Nhơn có một người lái ghe bầu ở cửa Hàn vô ra buôn bán quen với tôi. Người ấy rủ tôi ra đây chơi, trước là cho biết xứ sở người, sau là bán tơ luôn thề, mà hôm nay bán vẫn

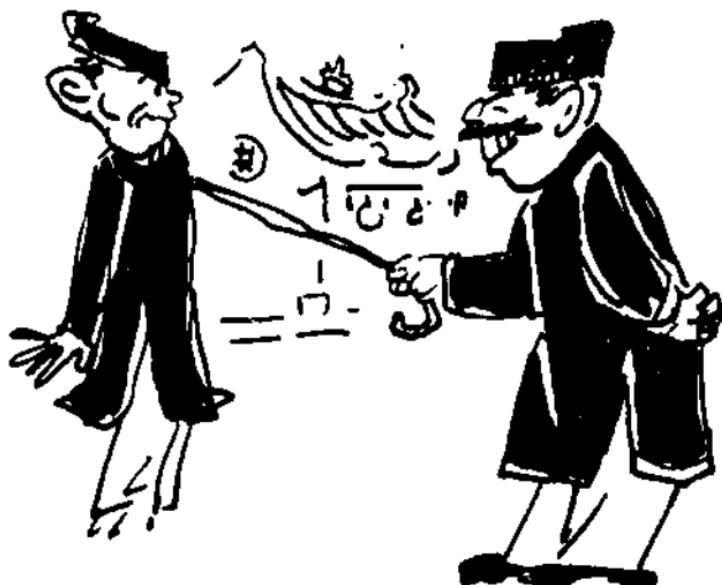
chưa được. Nay có người đi chợ, nên tôi đi theo vào đây chơi.

Ông quan ấy tuy đã nghe danh ông Ó nổi tiếng nói láo, song thấy ông có vẻ nói thiệt, bèn bảo:

- Thiệt vậy thì tôi cho thằng nhỏ này theo ông dặng nó dắt ông đem tơ lại nhà cho vợ con tôi mua.

Ông Ó băng lòng. Viên quan khắp khởi mừng thầm: Tự nhiên mình lại kiêm được mối hàng, phen này phải ép giá để mua rẻ mới được. Ông Ó đi với gia thần viên quan một quãng đường dài, rồi day mại lại mà rắng:

- Thôi chú trở về và bẩm với ổng rằng ổng đã biết ông Ó nói láo đó, chờ có chút tờ nào bán đâu!



LỜI ĐỒN CỦA THẦY TÔI

Dông cung hay bày đặt những trò chơi để tiêu khiển thì giờ, nên một bữa bắt ông Ô cùng đi ngoạn cảnh với mình. Đông cung chỉ ra ngoài xa, hỏi ông Ô rằng:

– Nhà ngươi coi nhơn vật xứ này với xứ ngươi làm ăn có khác nhau không?

Ông Ô trả lời:

– Tôi coi dân xứ này ít làm lấm, dân trong xứ tôi không phải vậy!

Đông cung lại hỏi:

– Sao mà gọi ít làm?

Ông Ô lại đáp:

– Dân trong tôi cày cuốc cả năm, không cho đất ở không chỗ nào. Còn ngoài này, bởi họ ít làm, nên để đất chai hóa đá, lâu năm nó sanh sản thành núi. Bởi vậy xứ này núi nhiều, ruộng ít, còn ở trống, nếu có núi họ đào ít năm cũng sập!

Đông Cung cười ngất, rồi bảo:

– Người nói láo giỏi vậy là do ai dạy, hay người tự bày đặt ra mà nói.



Ông Ó trả lời một cách cung kính:

- Dạ thưa, dẫu là chuyên nhỏ mọn cũng phải có thầy. Thầy tôi dạy thường thường có tới năm bảy mươi học trò. Cách đây mươi năm, vua bên Tàu cho rước thầy

tôi qua Bắc Kinh nói láo cho vua Tàu nghe. Khi thấy tôi về, vua Tàu có bạn cho thấy tôi một trăm lạng vàng, lại có tàu đưa về. Rồi là đi dọc đường bị ăn cướp. Tàu ô giết thấy tôi lấy hết của. Sau vua Tàu hay tin có gởi thư qua thăm hỏi vợ thấy tôi và phong cho là Tổ sư nói láo.

Đông cung lại hỏi:

- Vậy chờ, khi còn học thầy người, điều gì thầy người dạy người kỹ nhất.
- Dạ có, nhưng tôi không dám nói, e Đông cung giận.

Làm ra vẻ độ lượng, Đông cung bảo:

- Người nói, có gì, ta tha lỗi cho.

Ông Ó chậm rää đáp:

- Nói láo thì chỉ nói cho người ham làm nghe cho vui, chờ kẻ ham chơi mà đòi nghe nói láo, thì chửi cha nó lên.

Rất giận ông Ó, nhưng đã hứa rồi, nên Đông cung không làm chi được.

NÓI GẶT QUAN LỚN

Một hôm Đông cung đài yến, các quan đài ông Ó tới nói láo cho các quan nghe. Lúc đó ai cũng muốn bảo ông Ó nói láo nghe chơi. Ông làm thịnh một hồi, không nói gì hết. Các quan hỏi vì cớ gì mà không trả lời, lại coi bộ buồn rầu như vậy?

Ông Ó liền thưa:

– Khi tôi nghe Đông cung đài thì tôi lật đật chạy, không rõ đạp nhầm con gì, nó cắn tôi một cái, bây giờ chỗ ấy nhức nhối hết sức, tôi thấy trong người đê mê không nói lên được.

Các quan tưởng thật, xúm lại hỏi cắn chỗ nào? Người thì sai đi gọi thầy thuốc, người sai đi lấy thuốc, tò vò ân cần với ông Ó để ông mua vui cho. Các quan lớn sung sướng quá đỗi sinh buồn, vì chẳng có việc gì làm... Một hồi lâu thầy thuốc tới. Khi đó, ông Ó mới nói với các quan:

– Ấy, tôi nói láo cho các quan nghe chơi chứ không có chi hết, vì các quan muốn tôi nói láo để mua vua mà lại.

KHOAI NGŪ

Ông Ô ở lại Huế ít lâu. Dù ghét ông, nhưng Đông cung thái tử vẫn phải cấp cho ông một số tiền để ông về quê.



Ông tính chờ ghe bầu trở về thì lâu, nên hỏi thăm đường xứ trở về...

Khi đi, thấy một thứ khoai lạ, ông bèn nghĩ ra một kế để kiểm ăn trên đường về. Ông cắt một mớ dây lang ấy, gói lại xin nước tưới dây lang.

Đến một xóm nọ, có ngôi nhà lớn day mặt ra lối, ông Ó đoán là nhà này át khá liên vào xin nước tưới nấm dây lang.

Chủ nhà thấy có một ông già xin nước tưới, thì hỏi dây gì mà ông gói kỹ càng vậy.

Ông Ó liền thưa:

- Đó là dây khoai ngự.

Người chủ nhà hỏi:

- Sao lại kêu là khoai ngự?

Ông Ó liền trả lời:

- Thứ khoai này trồng trong vườn nhà vua. Tôi có một người anh em giữ vườn cho vua, nên lén đem cho tôi ít sợi dây làm giống. Khoai này khác hơn khoai ta. Trồng nó phải có giàn như giàn bầu, củ nó thòng xuống như trái bầu, vậy mà ăn củ suốt cả năm.

Chủ nhà nghe nói kỹ càng như vậy, thì tin thiệt, nên nắn ní với ông mua bằng được một ít làm giống.

Ông Ó trả lời:

– Đây là thứ khoai quý, mà tôi đã mất công mang từ Huế vô đây, tôi không nỡ bán. Böyle giờ ông năn nì, tôi bán nhưng mắc lăm đó, ông có mua được không?

Chủ nhà bàng lòng, mua mỗi dây một quan tiền, y mua hết nửa bó dây ấy. Thấy vậy, mấy nhà chung quanh cũng theo nhau năn nì mua nốt. Ông Ó bán gần hết chỗ dây lang ấy, chỉ còn lại một vài dây, mà ông nói để mang về Đồng Nai làm giống, nên không bán hết cho họ. Đi ra khỏi làng, ông vứt luôn.

Thế là với bó dây lang, ông Ó có đủ tiền ăn về tới quê nhà.

NẤU RƯỢU BẮNG KHOAI

Dường từ Huế về Nam xa xôi cách trở mà ông Ó không được cấp nhiêu tiền lăm nên cũng hết dần. Một hôm trời gần tối mà đường thì còn xa, ông Ó tính vô xóm ngủ nhờ một đêm, rồi sáng mai mới đi tiếp.

Đến một nhà nọ, ông Ó thấy các tá điền đang xúm xít nhặt khoai, còn trên bộ ván ngựa bằng gỗ giữa nhà, hai vợ chồng nhà đó sắp ăn cơm. Thì ra, đây là một nhà địa chủ có hạng trong vùng. Sau khi được chủ nhà cho ngủ nhờ, ông Ó lại gần mấy người tá điền đang lụa khoai, hỏi xin mấy củ khoai thui, khoai sùng rồi lấy khăn bọc lại cẩn thận.

Chủ nhà đang ngồi trên bộ ván, thấy vậy rất lấy làm lạ liền hỏi:

– Khoai sùng, khoai thui có ăn được đâu mà ông xin gói lại?

Ông Ó liền trả lời:

– À, tui đem về để nấu rượu đó mà!

Chủ nhà rất kinh ngạc kêu lên:

– Trời đất! Khoai thui, khoai sùng làm sao mà đặt được rượu.

Ông Ó đáp:

– Tôi đã học được ở một người Tàu cách làm rượu Sử quốc công.

Nguyên thời ấy, những người Tàu thường đem qua bán một thức rượu đựng trong ve chai nước đen sẫm, kêu là “gia bì”. Rượu Sử quốc công mùi nó như khoai sùng.

Ông Ó lại kể tiếp:

– Lấy khoai sùng dăm cho nát rồi nhồi thành một cục để một đêm, gia vô nấm vị thuốc bắc, lấy lá chuối gói lại làm như làm cơm rượu vậy, ba đêm ba ngày, mở lá ra, bỏ vào khạp đậy nắp cho chặt, lấy hồ dán kín để đủ mười lăm ngày thì các xác khoai lặn xuống hết. Múc nước ấy ra chai, uống ngon hết sức. Muốn uống cho ngọt, mỗi khạp thêm bốn lượng đường phen.

Chú nhà nghe vậy, nhầm tính mình có cả chục công khoai, khoai thúi, khoai sùng biết bao nhiêu mà kể, đem đặt rượu chắc trúng lấm, bèn mời ông Ó lên bộ bán ngồi uống rượu và ăn cơm với mình. Cơm nước xong, ông Ó cùng với tá điền lựa khoai, lấy cối dập một cục rồi nhồi để đó. Sáng hôm sau ông Ó nói đi chợ mua các vị thuốc, rồi đi luôn.

Chú nhà trông mãi không thấy ông Ó trở lại, không biết vì sao.

CHUYỆN LÃI Ở HUẾ

Ông Ó về tới nhà, anh em bà con mừng rỡ tới thăm, hỏi:

– Ông ra Huế, có thấy cái chi lạ không?

Ông Ó nói:

– Thiếu chi cái lạ ! Tôi thấy có một khẩu súng để trước điện vua lớn hết chỗ nói. Hôm ấy, có người lính đưa tôi đi chơi. Thấy súng lớn, tôi trầm trồ, người lính bắt thang dắt tôi leo lên trên cái súng coi chơi. Thình lình trời đổ mưa. Chạy đi đâu cũng không kịp, người lính liền dắt tôi chạy theo lỗ ngòi vào trong nòng súng mà tránh mưa, cho đến khi tạnh mới về. Các người nghĩ coi súng lớn dường nào.

Mọi người lại hỏi:

– Thế súng lớn như vậy dùng để bắn giặc cướp, hay để bắn cái chi?

Ông Ó đáp:

– Ý chừng bày ra đó để khi đức vua và các quan đi xem chơi, lúc có mưa thì nấp, như tôi nói vừa rồi cũng nên.

Họ lại tò mò hỏi vua ăn mặc như thế nào?

Ông Ó nói:

– Áo đại trào của vua giống như đồ hát bội, có điều bằng vàng thiệt, còn cái mũ của vua thì nhiều tiền lăm.

Họ lại hỏi:

– Mũ làm bằng gì mà nhiều tiền?

Ông Ó đáp:

– Làm hết hai mươi cân vàng.

– Cha chả, hai mươi cân vàng thì vua đội sao nổi?

Ông Ó nói:

– Vậy các người không nghe hễ làm vua thì có quan phụ chánh, viên quan ấy theo một bên, đỡ mũ cho vua hay sao mà hỏi.



ÔNG TUYN

Ông Tuyn tên thật là Nguyễn Tuyn, người làng Bích Giang, xã Cam Hiếu, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị, sinh năm 1890, mất năm 1966.

Cuộc đời ông đã để lại nhiều chuyện khôi hài, dí dỏm và không kém phần thông minh, lém lỉnh của một người nông dân miền đất Quảng Trị đầy gió cát. Mặc dù ông mất đã lâu, nhưng hiện nay ở quê ông và vùng lân cận, vẫn còn lưu truyền trong dân gian những chuyện cười lạc quan, thú vị mà người ta quen gọi là chuyện cười ông Tuyn.



CHỌC CÔ BÁN BÌNH SỨ

Một hôm, ông Tuyn ra chợ mua cái bình sứ. Ông hỏi chị bán hàng:

– Cái bình này mấy đồng?

Chị bán hàng đáp:

– Năm trăm đồng.

Ông trả giá:

– Một trăm có được không?

Chị bán hàng giọng chanh chua:

– Một trăm thì mới ngang giá cái vòi.

Thế là ông Tuyn móc ngay trong túi ra một trăm đồng, đưa cho chị bán hàng, đồng thời lấy tay bẻ luôn cái vòi rồi cầm đi, bỏ lại một cái bình sứ sứt vòi.

Chị bán hàng giận tím ruột, nhưng đành chịu, chỉ biết chửi ở phía sau lưng ông.

LÀM SAO ĐI XE KHÔNG TỒN TIỀN

Ông Tuyn từ chợ Đông Hà lên. Đã trưa, ông đón xe khách chạy tuyến đường Đông Hà – Cam Lộ.

Xe dừng lại, ông bước lên bên tài xế:

- Chú ơi, cho tui xin lên Cam Hiếu.
- Dạ, mời bác lên !

Ông chạy lui sau xe, gấp anh phụ:

- Anh ơi, cho tui xin lên Cam Hiếu.
- Bác lên đi, lẹ nghe.

Lên đến Cam Hiếu, ông bước xuống xe. Cả tài và phụ đều hỏi tiền. Ông lý sự:

– Tui không có tiền, tui mới xin hai anh và hai anh đồng ý cho đi. Còn nếu có tiền, mặc chi tui lại xin như vậy. Hai anh đã cho đi tức là không lấy tiền.

Thế rồi, ông bỏ đi, mặc cho cả tài, phụ và hành khách ngạc ngác.

THẦY PHÙ THỦY NẮNG BỤNG

Dể kiếm sống, thời thanh niên ông Tuyn đã học làm nghề phù thủy.

Có lần, ông xách khăn gói đi cúng ở một làng xa. Đang gỗ mõ, đọc sớ tấu, đến đoạn “Việt Nam... Quảng Trị tỉnh, Cam Lộ huyện” thì đột nhiên ông đánh rám.

Hơi trên với người bên cạnh, ông đọc luôn:

– Xẩm xẩm rám ai?

Người bên cạnh đáp:

– Xẩm xẩm rám Tuyn.

– Oan Tuyn thì Tuyn chịu.

Ông đọc tiếp và cứ thế, ông tiếp tục gỗ mõ, đọc sớ cúng cho đến lúc lê tất với một giọng trang nghiêm, đĩnh đạc, đúng điệu của một thầy phù thủy lành nghề !!!

GIÀI ĐÚI ĐƯỢC ĐẤI

Ông Tuyn thường về các làng nên thanh niên biết ông rất nhiều. Một lần ông về làng N... gặp một tốp thanh niên. Chúng giữ ông lại và thách đố:

- Ông ơi, chúng cháu xin đái ông một chầu rượu, nếu như..
- Cái chi? Ông hỏi.
- Thưa ông, ở ngoài giếng kia có mấy cô gái đang tắm. Ông mà ra tận nơi để nhìn được là tụi cháu xin hầu ông.
- Dễ, ợt!

Nói rồi, ông bắt đầu thực hiện kế hoạch. Ông bẻ một cành cây bên đường làm gậy, đội nón, nhắm mắt lại, giả người mù. Cứ thế, ông bước lẩn mò đến cái giếng tận ngoài lùm cây rậm rạp. Các cô gái đang tắm thấy ông già mù nên không sợ, lại khúc khích. Ông Tuyn lần được đến giếng và nói:

- Các cháu ơi, ông khát nước quá, cho ông xin một miếng.
- Một cô múc nước đưa cho ông. Ông uống một hơi xong khà một tiếng thật mạnh, thể hiện rất khoái trá. Đoạn mở mắt ra, tinh bơ nói:
- Cám ơn các cháu, chà nhờ miếng nước giếng mát quá, mà ông sáng mắt ra.

Thấy thế, các cô gái đỏ mặt mặc cờ, chạy trốn hết. Đám thanh niên phục mưu cao của ông và thực hiện hời hứa chiêu đãi ngay ông một chầu rượu.

HIẾU LÂM

Ông Tuyn đi hớt tóc.

Người thợ hỏi:

– Bác hớt kiểu gì?

Ông nói:

– Hết trơn!

Anh thợ nghĩ “hết trơn” có nghĩa là cắt trụi hết, nên cứ cầm tông đơ hút trọc đầu ông Tuyn. Xong, anh thợ hỏi tiền.

Ông Tuyn chũng chạc nói:

– Minh bảo khi nãy hết trơn, tức là không còn đồng nào trong túi. Thấy anh không có phản ứng gì, mình yên trí là anh vui lòng giúp cho. Bây giờ anh lại đòi tiền, mình lấy đâu mà trả ... Thôi, xin cảm ơn anh nghe, coi như anh thợ cắt giùm.

Rồi ông ôm đầu trọc ra về !



TRUYỆN CHÀNG CUỘI

(Dân tộc Mường)

Truyện về chàng Cuội trong kho tàng văn học dân gian Việt Nam rất phong phú. Ở đây chúng tôi dựa theo cuốn “Cuội và Cu” của Phan Huy Đông - Bùi Nhị Lê, nhà xuất bản Văn hóa dân tộc in năm 1984. Bạn đọc có thể thấy rõ sự giao lưu văn hóa của dân tộc Kinh và Mường trong cùng một câu chuyện về chàng Cuội, đây là những chuyện vui, ngầm ý phê phán những người lười biếng, ăn không ngồi rồi ...



LÝ LỊCH CỦA CUỘI

Ngày xưa, có một người đàn bà Mường sinh được một anh con trai, đặt tên là Cuội. Hai mẹ con Cuội ở trong một bản ven bờ suối. Con suối chảy quanh

năm ngày tháng không bao giờ cạn. Mùa mưa, nước suối có dâng lên một chút nhưng bà mẹ Cuội cũng chỉ cần kéo tấm váy chàm thô lên quá bụng chân là lội qua được. Còn Cuội thì cứ quần đùi lội qua, lội lại như không có gì đáng để ý. Mùa khô, nước trong veo, chảy thông thả, trong lòng suối đầy sỏi trắng, sỏi xanh. Căn nhà của mẹ con Cuội đơn sơ chỉ dựng trên 8 cái cột gỗ không bao nhǎn, chỉ dẽo gõi bằng dao, bằng rìu. Mái nhà bằng tranh dày màu xám vì nắng mưa. Cái sàn nữa nhǎn bóng vừa làm lối đi vừa làm nơi ngủ. Mẹ Cuội thì đi làm nương rẫy để lấy hạt thóc nếp, hạt ngô vàng và củ sắn trắng. Còn Cuội thì chả chịu đi làm gì. Mẹ Cuội bảo:

– Cuội! Mày phải đi làm nương hay đi trồng ngô đi chứ!

Cuội trả lời uể oải:

– Con chẳng đi nường và cũng chẳng đi trồng ngô!

– Thế con đi củi cho mẹ vậy?

– Đi củi con cũng chẳng đi!

– Hay là con đi lấy ống nước cho mẹ vậy!

– Không! Mẹ ạ!

– Thế con định làm ăn bằng gì?

– Con làm ăn bằng trí không thôi! Chứ làm bằng sức lực như mẹ thì khổ cả đời thôi!

– Làm ăn bằng trí khôn nghĩa là thế nào? Làm bằng trí không thì ăn gì, sống làm sao hở con?

– Được đấy, mẹ cứ chờ mà xem – Cuội nói lắp lứng trước sự thắc mắc của bà mẹ.

CUỘI ... BẮT CÁ

T rong làng, người ta vẫn thường rủ nhau cùng đi bắt cá cho vui. Biết Cuội chay lười nhưng một hôm người ta vẫn rủ:

– Này! Anh Cuội, anh Cu ơi! Có đi đánh cá đánh tôm thì đi ra đầm nhé!

– Này! Bố thằng Cu con! Mau dậy mà đi đánh cá với bảm làng chứ!

Nghe thấy tiếng dân bản gọi nhau đi đánh cá ở ngoài đầm, nhìn thấy bóng người lổn nhổn ở ven đầm, vai vác vó, tay xách chũm, xách đậm, xách nơm, mẹ Cuội nói với Cuội:

– Cả bảm đi đánh cá ngoài đầm đấy con à! Con đi đánh cá đi!

Cuội bình thản trả lời, giọng đầy vẻ tự tin:

– Đánh cá hả mẹ? Không lo mẹ ơi!

– Sao lại không lo? Thế mày không đi đánh cá thì lấy gì mà ăn?

– Không lo, mẹ ơi! Không lo không có cá mà ăn đâu!

Chất xong đồng cùi, Cuội đi ra bờ đầm để xem mọi người đánh cá. Cuội đi dạo một lượt trên bờ và nhìn các hồ chứa cá. Những con cá trắm cổ béo tròn lưng đen, vẩy trắng đang uống mình quẩy mang trong hồ cá rộng.

Những con cá diếc trắng bạc lóng lánh, ngáp ngáp cái miệng xinh xinh. Những con cá khác vẫn được tiếp tục ném lên bờ. Các bà, các cậu bé hớn hở đón những con cá do người nhà quăng lên và bỏ vào hố.



Thấy hố cá đã nhiều, Cuội liền quay về bản, lấy bùi nhùi dẻ, châm lửa đốt đồng cỏ ở giữa bản. Đồng cỏ bắt đầu bén lửa, khói tuôn lên đen kịt.

– Cháy nhà rồi bà con ơi! – Cuội vừa chạy vừa kêu to, cũng có tiếng kêu hốt hoảng trong đám người đang đánh cá. Mọi người hốt hoảng quay lên. Khói bốc lên mù mịt cả khu giữa bản.

Có người hốt hoảng, bỏ vội các dụng cụ đánh cá, có người còn cố vác cả dụng cụ chạy về cứ bản. Mọi người bỏ cả cá ở quanh đầm, chạy về chữa cháy.

Trong lúc đó Cuội lẩn nhanh ra bờ đầm, cứ ung dung nhặt lấy một số con cá to và xách về nhà.

Mọi người dập tắt được đám lửa giữa bản. Hú via! Lửa chưa bén vào nhà ai cả! Thế là may lắm rồi! Họ lại trở ra ngoài đầm và thu nhặt số cá, chia cho nhau rồi trở về nhà.

Cuội làm sạch sè số cá ấy được và bỏ vào nồi nấu cháo, lửa trong bếp cháy bập bùng nhảy nhót quanh đít nồi cháo cá. Mùi gạo nếp hương thơm bốc lên pha lẫn mùi béo ngọt của cá trắm làm cho mẹ Cuội ngạc nhiên.

Mẹ Cuội hỏi:

– Cá ở đâu mà nhiều mà ngon thế?

Cuội trả lời lắp lủng:

– Con kiếm ở ngoài đầm đấy mẹ ơi!

Cháo chín, Cuội đã bắc ra và gọi mẹ vào ăn:

– Mế ơi! Vào ăn cháo cá đi! Ngon lắm!

Mẹ Cuội ngồi xếp chân trên mảnh chiếu trên sàn, vừa ăn vừa xuýt xoa khen ngon, bà đâu ngờ đó là cá do cậu con bà đã đánh cắp của bà con trong bản.

LỜI CUỘI CHO CÔ XEM

Bà cô của Cuội nghe nói Cuội hay lừa mọi người, nên có lần bảo Cuội:

- Tao nghe nói mày hay dối người lăm, vậy khi nào mày làm cho cô xem với!
- Vâng! Khi nào cháu làm cho cô xem!
- Thế bao giờ thì cháu làm cho cô xem?
- Phải đến hết vụ cô ạ! Bây giờ đang mùa phơi trên cái sàn nhỏ. Phơi xong, Cuội xuống đất, tháo bỏ một các cột chống sàn. Vì thiếu một cái cột, lại có thóc phơi nặng bên rên, nên cái sàn sập đổ nghiêng về một phía.

Cô của Cuội thấy vậy, vội kêu to:

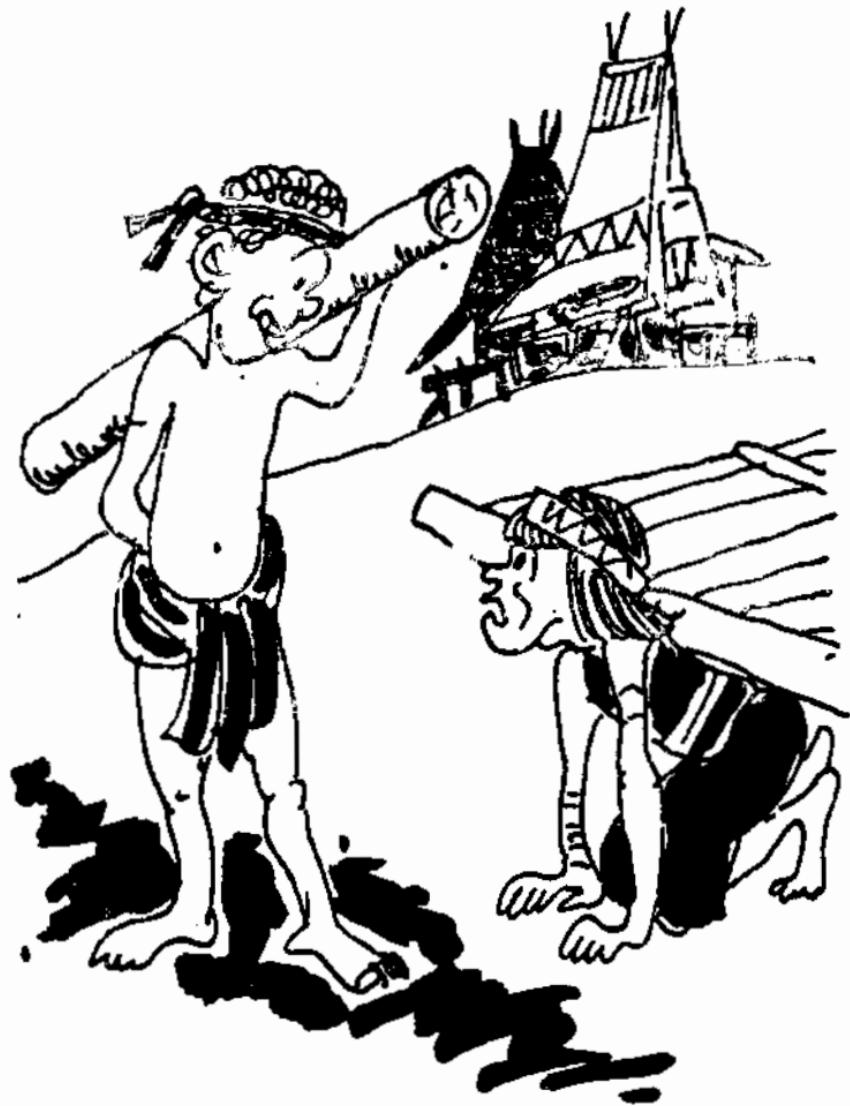
- Ơi! Cuội ơi. Đổ sàn phơi rồi!

Cuội cũng kêu to:

- Cô ơi! Chạy xuống giúp cháu một tay!

Bà cô chạy xuống, thấy Cuội đang dùng vai đỡ góc sàn. Cuội gọi rốt rít:

- Cô ơi! Đỡ hộ cháu một chút! Cháu phải đi chặt cái cột để chống sàn!



Bà cô cuống quýt vội nghé vai vào dỡ cái sàn phơi
thóc đang nghiêng.

Cuội vào nhà lấy dao, ra đi. Cuội lang thang hết nhà nọ đến nhà kia, nói chuyện linh tinh, chẳng đi chặt cây, chặt cội gì cả.

Mãi đến chiều, Cuội mới lững thững trở về.

Bà cô thì méo mặt, thở hổn hển vì phải đứng làm cây cột từ sáng đến giờ. Thấy Cuội về tay không, bà cô kêu lên:

– Cháu ơi! Sao cháu đi lâu thế, Cô sắp chết rồi đây này! Sao cháu không chặt được một cái cột nào thế?

Cuội nhìn bà cô mặt mày tái mét vì mệt và dói, bảo:

– Có cột đây rồi! Việc gì phải đi chặt hủ cô!

Nói rồi, Cuội đi vào đống gỗ để ngay dưới sàn nhà, cách đó vài bước chân và lôi ra cái cột. Đó là cái cột nhà Cuội đã tháo ra và giấu vào đấy. Cuội đưa cây cột vào chống sàn lên.

Bà cô loạng choạng bước ra, ngồi phệt xuống đất, thở hào hển nói:

– Tao tưởng tao chết! Sao mày lại tháo cột ra và bắt tao đứng từ sáng tới giờ mà giữ thóc cho mày hả?

– Ấy! Cô bảo cháu làm Cuội cho cô xem kia mà!

THÍM ĐỂ CON CHÚ BỊ TRÂU HÚC THỦNG BỤNG

C hú của Cuội vác cày ra ruộng nước để cày, Thím vì bụng chưa nên chỉ ở nhà cơm nước.

Vào khoảng mặt trời băng con sào, thím thấy Cuội hốt hoảng chạy vào nhà, nhảy hai, ba bước, trèo lên thang sàn nhà, giọng hốt hoảng :

– Ối thím ơi! Chú bị trâu húc thủng bụng ở ngoài ruộng rồi. Thím ơi!

– Vì sao trâu húc thủng bụng? Khổ thân chồng tôi. Trời ơi!

– Cháu không biết. Thím ra mà đưa chú về.

* Trả lời xong, Cuội vội xuống thang, chạy ra ngoài ruộng nước và la lớn lên:

– Chú ơi! Về ngay. Thím đang trở dạ đẻ!

– Đẻ chưa! Người chú hốt hoảng hỏi.

– Đang đẻ! Chú có về mau hay không?

– Ủ! Tao phải về ngay đây!

Người chú bỏ cả trâu lẩn cày phóng về nhà.

Vừa đến chỗ ngoặt ở bìa rừng, chú chạm đâm sầm vào một người đàn bà bụng chứa. Cả hai lăn kềnh ra đường.

– Trời ơi! Khổ thân tôi. Chồng tôi bị trâu húc thủng bụng rồi!

– Trời ơi! Vợ tôi đang đẻ. Khổ thân có một mình!

Cả hai người nổ đom đóm mắt, nhưng vẫn không ngừng rên la, ca cảm vì bị va chạm vào nhau.

Đến lúc bình tĩnh ngồi dậy xuýt xoa thì... than ôi... chính bà vợ bụng to đang ngồi kia, đã đẻ đâu mà đẻ. Còn ... người đàn ông kia chính là ông chồng, bụng vẫn lành nguyên, mà bảo là trâu húc thủng bụng?

– Thế nào thằng Cuội nó bảo là ông bị trâu húc thủng bụng? – Bà vợ dù sao cũng lấm mồm nhanh miệng hơn chồng.

– Thế sao thằng Cuội nói bảo là bà đang đẻ kia mà!

– Thôi cả hai vợ chồng ta bị các thằng trời đánh thánh vật đó nó lừa rồi!



TÚI CHỦA ĐỀN MÙ MẮT

Hai chú thím đều bị Cuội lừa nêc quá. Chú xách túi tải đi tìm Cuội, túm được Cuội, chú đem nhét vào túi tải, vác ra tận ngoài sông to để vứt xuống nước. Đi trên đường, Cuội chỉ than thở van xin:

– Tôi của cháu đáng chết vì cháu lừa cả chú lẫn thím, nhưng chú bắt tôi cháu nhanh quá, cháu không đem theo kịp quyển sách thần cẩm nang muôn xin gì được nấy, cháu để ở trên gác bếp. Xin chú rộng lượng về lấy cho cháu!

Nghe nói sách thần cẩm nang, ông chú cũng muốn chiếm đoạt, liền đặt túi ở bờ sông và chạy về nhà.

Cuội đang nằm trong túi thì bỗng nhiên có một tiếng “cục!”. Có người rào đó đi qua, đá vào cái túi đặt ở giữa đường.

Bị đá vào lưng đau quá, Cuội nổi cáu chửi tướng:

– Thằng nào mù hay sao mà đi giữa ban ngày lại đá vào người ta thế?

– Vâng ạ! Con xin ông. Mắt con mù lòa nên không nhìn thấy ông ngồi ở đây. Vì vậy con mới đá vào người ông.

– Đúng là thằng mù!

– Thế tại sao ông lại ngồi vào trong cái túi giữa đường này? Anh mù lấy tay sờ soạng và biết, nên hỏi như vậy.

Một thoáng nhanh trí, Cuội to tiếng:

– Anh ngu lắm! Tôi cũng bị mù mắt như anh, nhưng nhờ chui vào cái túi này, ngồi thật lâu ở giữa đường, thế là mắt sáng ra. Túi này là túi thần mà. Ấy! Tôi đã nhìn thấy anh đấy! Có phải anh chống cây gậy tre không?

- Vâng. Con chống cái gậy tre ạ. Thế ra túi thắn
chưa sáng mắt, tài tình thật!
- Thế có phải anh mặc cái quần rách vá ở đầu gối không?
- Vâng ạ! Quần của con rách và vá ở đầu gối thật ạ!
- Thế thì mắt tôi sáng hẳn rồi!
- Thưa ông. Ông cho con chui vào cái túi ấy. Ông
làm phúc giúp con.

Lưỡng lự một chút, Cuội mới chịu nói:

- Ủ, thì tôi cũng giúp anh cho anh sáng mắt ra.
Anh mở túi ra và tôi chui ra thì anh chui vào mà ngồi.

Anh mù loay hoay mở dây buộc túi, và Cuội chui ra. Anh mù liền chui vào túi bao tải và Cuội tức khắc
buộc túm lại như cũ. Trước khi ra đi Cuội còn dặn:

- Phải chịu khó kiên trì mà ngồi thì mắt mới sáng
ra được. Nghe không? Nếu có ai hỏi han gì thì cứ chửi
bừa lên là : “Mẹ, đồ con chó!” kéo nó làm hỏng phép
sáng mắt đấy!

- Vâng ạ!

Cuội bỏ ra đi. Lát sau ông chú đi ra. Vì bị Cuội lừa,
chạy về gác bếp tìm cuốn sách thần cầm nang mà chẳng có,
ông ta chửi bời inh thiêng địa, rồi quay lại chỗ đặt túi tải.

Theo đúng lời Cuội dặn, anh mù mắt vội chửi luôn:
“Mẹ, đồ con chó!”

Đang săn cơn tức, lại nghe tiếng chửi, ông chú đạp
mạnh một cái cho cái túi lăn ầm xuống sông,

- Đáng kiếp đời thằng nói dối!

LÀM CUỘI CHO CÔ XEM

Cuội bao Lang:

- Ở dưới lòng suối có một cái tổ ong nhiều mật lăm! Thưa Lang!
- Thế thì mày hãy đưa tao đi lấy tổ ong!
- Vâng ạ!

Cuội đưa Lang ra bờ suối và chỉ vào cái bóng tổ ong đang hiện hình dưới lòng suối được phản chiếu từ tổ ong thật ở trên cành cây cao.

Cuội bàn với Lang mắc vào lưng Lang một cái chum nhỏ để lấy mật. Lang nhảy xuống và lặn tìm, nhưng chỉ thấy bọt sủi lên sùng sục.

Cuội reo lên:

- Lang đang ăn mật!

Một lúc sau Lang phut phân lên.

Cuội lại kêu:

- Đấy! Lang ăn no rồi bỏ bã lên đấy!

Sự thật Lang đã chết đuối dưới suối với cái chum ở sau lưng, đầy nước.

Thế là Cuội đã trừ được một tên Lang. Nhưng còn nhiều tên Lang khác gian tham hơn.

SĂN Ở ĐẤU NÀN Ở ĐÂY

Từ chiều hôm trước, quan Lang đã ra lệnh nấu cơm nấm, đem thức ăn theo để sáng sớm lên đường đi săn.



Cuội được tin cùng với mọi người phải đi phục dịch cho nhà Lang. Cuội bèn đến hỏi thăm nhà Lang xem ngày mai săn ở đâu. Người nhà Lang nói cho Cuội biết để mọi người cùng chuẩn bị, đi săn ở cánh rừng nọ được biết như vậy, Cuội bèn về nhà nấu cơm, nấu canh măng. Cơm thì nấm lại trong mo bọc. Canh thì cho vào ống hương tươi, rồi lấy lá nhét kín lại.

Cuội phóng một mạch đến chỗ khu rừng sê săn bắn vào ngày mai. Cơm thì Cuội giấu vào một bụi cây sao, canh thì Cuội nhét vào một bụi cây thấp ở cách chỗ giấu cơm chừng mười bước chân. Giấu xong Cuội trở về ngủ, chờ sáng sớm đi theo phục dịch cuộc săn của nhà Lang.

Dinh cơ của Lang nằm trên một đồi thoai thoải thật đẹp. Nhà sàn làm bằng gỗ bào nhẵn, có chạm trổ như nhà các quan dưới xuôi. Xung quanh nào nhà nuôi ngựa, nhà xay lúa, già gạo, nhà nuôi lợn, gà, vịt... Quan Lang có 7 người vợ, người nào cũng mặc váy đèn bóng loáng dài đến tận gót chân, cứ lượn đi lượn lại bên quan Lang như những nàng tiên.

Quan Lang hôm nay mặc áo chẽn sát người, lưng đeo một khẩu súng kíp loại đắt tiền, báng súng bằng gỗ mun đen, trông rất uy nghi.

Quan có một bộ ria mép vểnh ra hai bên nhọn hoắt, trông rất dễ sợ. Tuy quan Lang oai vệ như vậy, nhưng quan Lang rất sợ bà Năm, vì bà ta là một cô gái dòi nhà Quan ở kinh đô, rất đẹp và biết nhiều chữ. Từ tờ mờ sáng, dân bản đi phục dịch đã tề tụ ở dưới sân nhà Lang. Người mang nỏ, kẻ mang giáo,

người đeo nấm cơm, kẻ mang ống cơm lam gạo nếp nấu trong ống nứa còn thơm phưng phức.

Quan Lang cuối con ngựa hồng từ từ cất bước đi xuống sân và đảo mắt nhìn quanh một lượt. Quan Lang rất hài lòng, vì số người đông đủ, chuẩn bị chu đáo. Khi nhìn đến chỗ Cuội, quan Lang hơi xị mặt xuống và quát hỏi:

– Cuội ! Cớ sao mày chỉ mang mỗi một cây giáo thế kia ? Cơm nước đâu ? Lấy gì ăn ?

Cuội khum núm trả lời:

– Bẩm Lang, con chỉ... cây giáo này thôi ạ !

– Không có gì ăn thì làm sao có thể đủ sức mà săn đến chiều ?

– Bẩm Lang, Lang không lo ạ ! Con có đủ cái ăn để đi hầu Lang cả đến ngày mai kia ạ ! Săn ở đâu, ăn ở đấy ạ !

– A ! Thằng này giỏi ! Được, để đấy xem nó làm ăn ra sao. Nếu bỏ dở thì ta đánh dòn.

– Bẩm Lang, vâng ạ ! Săn ở đâu, ăn ở đấy ạ !

Thế là chỉ mình Cuội vác mỗi một cây giáo trong đám người đi săn có đủ trang bị ăn đường.

Dám người hò reo và bắt đầu xua đuổi con thú từ xa khép dần vòng vây vào giữa thung lũng.

– Đùng ! - Tiếng súng của Lang bắn vang vọng vào vách núi nghe dội lại còn xa hơn, kéo dài hơn.

– A ! Lang bắn được con hươu rồi - Tiếng bọn trai làng hò reo inh ỏi.

– Đùng ! - Lại tiếng súng kíp của Lang vang lên. Lại tiếng dội của núi rừng: Đ... ù...n...g, to hơn và kéo dài.

– A ! A ! Lang bắn được con nai rồi !

Bỗng một hồi tù và “tu ...u...u” vang lên báo hiệu trưa.

Quan Lang nhảy xuống ngựa và nhìn hai con vật bị bắn nằm trên bãi cỏ. Mọi người trai tráng đang kéo về bãi, nơi băng phẳng có bóng cây da râm mát hàng mây mẫu ruộng.

Mọi người đem cơm ra ăn, Lang thì được người nhà dọn rượu ra trên một tấm vải tốt trải dưới đất, nơi bãi cỏ cao và sạch. Lang chợt nghĩ đến Cuội đang vác giáo đứng sững một mình.

Quan Lang gọi lớn:

– Cuội! Có gì ăn không? Sao bảo “săn ở đâu, ăn ở đây”?

Cuội khúm num có vẻ sợ sệt, nói:

– Bẩm Lang vâng ạ ! Săn ở đâu, ăn ở đây ạ. Con đang chờ Lang ăn con mới dám ăn ạ !

– Ủ ! Thế mày biết phép tắc nhà Lang rồi đấy, nhưng tao cho phép mày đem thức ăn ra đây ngay.

– Vâng!

– Nếu không có ngay thì ta đánh đòn.

– Vâng ạ!

– Thế mày lấy thức ăn ở đâu ra?

Cuội giơ cái giáo lên cho mọi người xem và nói lớn:

— Thưa Lang ! Con có cây giáo thần này, nó giúp con cái ăn à ! Đây không phải là cây giáo thường, mà là cây giáo cơm giáo canh đấy à !

Lang cười ngất:

— Ha! Ha! Ha! Thằng này nói dóc ! Ở rừng này, mày chẳng có gì ăn, lại còn nói đến cả canh nữa à ?

Cuội không trả lời, lảng lặng cầm cây giáo bước đến bên bụi cây cao và thọc cây giáo lên và hô lớn:

— Cơm này !

Cuội vừa thọc đúng vào chỗ giấu mo cơm thì mo cơm lăn kềnh ra bãi cỏ.

Lang và mọi người nhìn thấy cơm liền há mồm trộn cả mắt.

Chưa xong, Cuội thủng thẳng bước mươi bước chân. Mọi người hồi hộp chờ đợi xem Cuội làm gì, thì thấy lần này Cuội không thọc cây giáo lên mà thọc cây giáo vào bụi thấp và hô to:

— Canh này !

Hô xong, Cuội cúi xuống và lôi ngọn giáo ra. Ở đầu ngọn giáo, có một ống hương tươi cẩm vào. Cuội mở ống hương ra: mùi canh rau, canh măng thơm phức.

Trừ nhà Lang có người hầu mang rượu thịt cơm nếp, còn thì chẳng có ai có món canh măng ở chốn rừng sâu này.

Lang lấy làm lạ và tức tối, liền nói:

— Mày có cây giáo thần như vậy là không được. Phải đổi cho tao. Tao sẽ đổi cây súng cho mày.

Cuội hoảng hốt cúi lạy:

– Bẩm Lang. Con xin Lang thương con. Con chỉ có cây giáo thần này là cái ăn, cái uống. Lang mà lấy mất thì con chết đói mất ạ !

– Không được ! Mày phải đổi cây giáo cho tao. Tao đổi cây súng cho mày đáng giá hàng cân bạc trắng mà mày còn chê à ?

– Bẩm Lang, vì con biết cây súng của quan đắt tiền nên con chỉ sợ, lúc nào đó thì quan đòi lại thôi ạ !

– Ta không trẻ con với mày, bây giờ ta giao hẹn: Đã cho nhau cấm không ai được đòi lại ! Lời giao hẹn trước mọi người dân bản mà mày không tin sao ?

Cuội ngần ngừ và bất đắc dĩ nói:

– Thế thì con xin vâng lời quan ạ !

Quan Lang và Cuội cùng đổi cho nhau: Lang lấy được cây giáo, còn Cuội thì được cây súng kíp báng gỗ mun đẹp tuyệt.

Ba hôm sau nhà Lang lại đi săn. Lần này, Lang ra lệnh cho mọi người:

– Không cần ai đem cơm nước gì cả. Ta đã có cây giáo thần, giáo cơm, giáo gạo, giáo thịt, giáo rượu đây rồi ! Hôm nay chúng ta đi thật xa.

Thế là mọi người rùng rùng kéo nhau đi săn.

Đến lúc nghỉ trưa, ai cũng thấy đói dài ra cả.

Lang hí hửng đem cây giáo thần ra và từ từ bước lại một bụi cây, trước mắt chờ mong của mọi người, Lang thọc ngon giáo vào bụi và hô lớn:

– Rượu nào !

Hô xong, quan Lang cẩn thận rút từ từ cây giáo ra vì sợ chai rượu thần vỡ. Mũi giáo đã rút ra hết khỏi bụi cây rồi, mà chẳng thấy chai rượu nào cả. Tức mình quan úi xuống chỗ bụi cây để nhìn. Chỉ thấy cái bụi cây bình thường, ngoài ra chẳng có gì cả.

Có tiếng người nhà Lang nhắc nhở:

– Hay Lang đừng đòi rượu vội ! Cứ hãy đòi thịt, đòi cơm ăn no đã !

Lang nghe lời lại thọc vào bụi cây khác và hô:

– Thịt này !

Cây giáo được rút ra và... cũng chỉ thấy mũi giáo trơ trọi.

– Hay là Lang chỉ đòi cơm thôi. May ra thì được !

– Cơm nay ! - Lang dàn hình xuống giọng không dám đòi thịt, đòi rượu nữa.

Lang run run rút cây giáo từ từ ra khỏi bụi cây.

Vẫn không có gì cả.

Lang quay lại và hét lớn:

– Thằng Cuội ! Mày phải trả lại tao cây súng kíp đáng giá mấy cân bạc nén. Cây giáo của mày không phải giáo thần.

Cuội bình thản nói:

– Bẩm Lang, đó là tại Lang không biết làm phép, hay Lang đã làm cho nó hết phép đấy thôi. Vả lại hôm trước, Lang đã giao hẹn trước mọi người không được đòi lại cơ mà.

Lang ứ cổ không nói được câu nào.

CƯỚI ĐÊ NHANH HƠN CƯỚI NGƯỜI

Hôm nay là ngày họp chợ ở dưới đồng. Chợ là nơi hội họp vui chơi và trao đổi mua bán hàng hóa. Nhất là chợ ở dưới nữa. Lang chuẩn bị đầy đủ hàng hóa và ăn mặc rất diện để đi chơi chợ.

Lang cưỡi con ngựa hồng thon, khỏe, như mọi ngày đi xuống chợ. Vừa cưỡi ngựa ra đến đầu bản, thì Lang đã thấy Cuội đang đứng với một con dê. Lang giục ngựa phóng nhanh theo con đường dài và đi vội xuống chợ.

Không ngờ, khi ngựa đến chỗ ngã ba cách xa bản hằng mấy cái quăng dao, thì đã thấy Cuội đang cưỡi trên lưng dê đứng ở đấy. Lang giục ngựa vội vả đi thẳng đường một mạch ra đường cái to. Vừa ra đến đường cái to, thì Lang lại thấy Cuội đã cưỡi dê đứng ở đấy rồi. Lúc này thì Lang không thể nhịn được nữa, liền hỏi:

– Tại sao mà cứ đi trước tao là thế nào?

Cuội cười, chỉ vào con dê rồi nói:

– Lang cưỡi ngựa, còn tôi thì cưỡi dê. Ngựa của Lang làm sao có thể chạy nhanh bằng dê của tôi được.

– Cưỡi dê mà lại nhanh hơn cưỡi ngựa à?

– Vâng! Lang không thấy con dê nó nhảy nhanh như gió đấy à?

Lang tức mình nói:

- Mày không thể đi nhanh hơn tao được. Mày phải đổi con dê cho tao, mà lấy con ngựa hồng này.
- Bẩm Lang, con không thể chiều theo ý Lang được đâu ạ!
- Tại sao?
- Dê của con là dê quý, con đổi làm sao được!
- Ngựa của tao là ngựa tốt, ngựa sang. Mày phải đổi cho tao!
- Thôi, con xin Lang để con đi xong chợ đã. Về nhà thì con xin đổi ngựa cho Lang, nhưng không được đòi trả lại đây!
- Được, tao không thèm đòi trả lại đâu mà sợ!

Lang đi chợ xong, đợi Cuội đến nhà, hai bên kèo mãi, Cuội mới chịu đổi con dê, lấy con ngựa của Lang.

Đến phiên chợ sau, Lang bảo Cuội:

- Hôm nay mày có đi chợ không?
- Bẩm Lang, con có đi chợ ạ!
- Thế thì mày đi trước đi! Mày cưỡi ngựa không thể nhanh bằng tao cưỡi ê!
- Vâng ạ!

Thế là Cuội cưỡi ngựa đi trước, còn Lang thì ung dung cưỡi dê đi theo sau. Lang vừa trèo lên lưng dê, thì

con dê kêu lên be be! be be!" và lồng lên. Lang ngã đánh "oạch" một cái như trời giáng...

Quan Lang chửi:

– Tổ cha mày! Cớ sao thằng Cuội nó cưỡi được mày mà mày lại vật ngã tao?

Người nhà thấy vậy vội xúm lại, kẻ giữ con dê, người đỡ Lang lên lưng. Và lần này quả nhiên con dê chịu đi được vài bước và lồng lên phi nhanh và hất Lang ngã đầm đầu xuống đất. Máu dầu chảy ra lai láng nhưng may quá, không chết.

Hắn sau Lang đòi Cuội phải trả lại ngựa, nhưng Cuội không nghe và nói: "Tại Lang không biết cưỡi dê, chứ có đúng là dê chạy nhanh hơn ngựa không? Có nhanh thì Lang mới bị ngã như vậy chứ. Vả lại Lang đã hẹn là không được đòi trả lại kia mà!"

Lang lại một phen ám ức, quả là vì dê chạy nhanh hơn ngựa nên mình ngã như vậy thôi. Lang có biết đâu Cuội chưa bao giờ cưỡi dê cả. Cuội chỉ lừa cho quan Lang cứ ung dung cưỡi ngựa đi đường vòng quan đồi, còn Cuội thì ôm con dê chạy tắt qua đồi thì đường chỉ ngắn một tẹo. Vì vậy Lang đều thấy Cuội xuất hiện trước mình với con dê ở bên cạnh, mà không ngờ rằng Cuội lừa mình.

ÁO RÁCH ĐẦY TIỀN

Năm nay, nhà Lang và mọi nhà cùng kéo nhau đi nộp thuế. Lang cho người xách một túi tiền đi theo. Có người đi nộp thuế vác nào túi nào bị, nhưng Cuội chỉ mặc một cái áo rách tả, vá chằng vá chịt.

Lang thấy lạ bèn hỏi:

– Sao Cuội đi nộp thuế mà không đem theo tiền?

Cuội chỉ vào cái áo rách nói:

– Chẳng cần. Tôi có cái áo thần này rồi. Áo tiền áo bạc mà !

Đến nơi nộp thuế, mọi người nhà Lang đều đóng xong xuôi tử tế.

Đến lượt Cuội đóng thuế. Cuội đứng giữa chiếu rồi cởi áo ra rồi rũ một cái. Thần tiên chưa! Tiền đồng rơi ra xung xoảng ! Quan đóng thuế đếm tiền của Cuội thấy chưa đủ liền nói:

– Chưa đủ !

Cuội lại bước vào chiếu và lại rũ áo. Thần tiên chưa! Lại xung xoảng mấy đồng tiền rơi ra.

Thế là đóng đủ thuế!

Lang nhìn không chớp mắt và cảm thấy thèm quá. Lang nghĩ bụng: “Nếu mình có được cái áo tiền áo bạc này thì tha hồ đóng thuế ! Chẳng lo gì cả !”

Nghĩ thế, rồi Lang đến gần Cuội:

- Nay Cuội ! Hãy đổi cái rách cho Lang đi !
- Thế Lang định đổi lấy cái gì ? - Cuội hỏi.
- Đổi cho cái áo của Lang đang mặc đây !
- Bẩm Lang, con không đòi nào đổi cái áo để ra tiền ra bạc cho ai cả. Con mà đổi thì con nghèo rớt mùng tơi !
- Nay, Lang bảo thì phải nghe !
- Nhưng áo của con là áo rách vá chằng, vá chít, Lang không nên đổi !
- Áo rách tao cũng lấy, cũng đổi !
- Nhưng rồi Lang lại đòi lại cái áo đẹp của Lang.
- Không, tao sẽ giao hẹn trước mặt mọi người là tao không đòi lại, được chưa ?
- Con cũng không được đòi lại cái áo rách cũ rũ ra tiền ra bạc.

Giao hẹn xong, Lang cởi áo ra trao cho Cuội, còn Cuội thì cởi áo rách ra trao cho Lang.

Lang nhận được cái áo “áo tiền áo bạc” bèn cất giấu tận đáy hòm, vì sợ người nhà lấy mất của báu.

Thời gian thẩm thoát thoai đưa. Lại đưa đến mùa đóng thuế năm sau. Lang lúc này mới lục cái áo thần để đến chỗ quan đóng thuế. Lòng Lang vui vô hạn, vì lần này không phải xách túi tiền lớn đi theo. Đến lượt đóng thuế, Lang trịnh trọng đứng giữa chiếu và rũ mạnh một cái, miệng ho “Thần tiên chưa !”

Mọi người trố mắt nhìn, không thấy có đồng tiền, đồng bạc nào rơi ra cả. Lang toát mồ hôi hột, vội rũ mạnh một cái nữa, vẫn chẳng có gì rơi ra cả.

Người thu thuế sốt ruột, gắt lên:

– Cái ông này làm cái trò ma quỷ gì vậy ? Hãy nộp tiền thuế mau lên.

Lang cuống quá, tức mình xé mạnh cái áo rách.

Bỗng một đồng tiền rơi ra chiếu. Mặt Lang vui tươi lên. Lang kêu to:

– Bạc đây ! - Vì Lang nhìn thấy hình đó mỏng và rơi to như tờ bạc giấy.

Lang vội cầm tờ giấy lên thì... Than ôi, nó chính là một myun vá bị rách toạc rơi ra mà thôi.

Mọi người cười ồ lên, vẽ giễu cợt. Còn Lang có biết đâu được mưu của Cuội là dắt tiền vào trong tất cả các miếng vá của tấm áo rách để lừa Lang đổi lấy cho mình tấm áo quý giá. Không ngờ, còn một đồng tiền dắt sót lại trong tấm áo đó từ năm trước. Vì vậy khi Lang xé mạnh tấm áo nêng đồng tiền còn sót lại rơi ra làm cho Lang mừng, hy vọng là áo thắn lại tiếp tục nhả ra tiền ra bạc. Sự thực tấm áo rách chỉ là áo rách mà thôi. Vì lòng tham mà Lang bị mắc lừa.

MẤT CÁI CHÌ LẮN CHẶI

Lang có một cái chài quăng cá rất tốt. Nhất là cái chài này có chì khá nặng.

Một hôm, Lang đi ra bờ ao ở tận ngoài đồng. Cái ao này sâu lắm. Từ xa đã thấy Cuội đang nghiêng ngó chạy quanh bờ ao như săn đuổi một cái gì, nên Lang vội rảo bước đến xem, Đột nhiên Lang thấy Cuội nằm xoài ra bờ ao và vỗ xuống nước làm cho nước bắn tung tóe lên cả mặt.



Lang chạy đến hỏi: – Cuội làm gì thế?

– C...á...v...à...n...g! – Cuội nói không ra hơi, vì hoảng hốt và mệt nhọc. Nghe không rõ, nên Lang hỏi lại:

– Cái gì? .

Lúc này, Cuội mới đứng lên phủi đất, xoa nước trên mặt và bắt đầu chối:

– Bẩm Lang! Không ạ!

– Không cái gì? Không, mà sao mày lại chạy theo đuổi rối rít và định vồ lấy?

– Bẩm Lang... dạ con... cádạ không ạ! Cuội ấp a ấp úng trả lời vội bỏ đi.

Lang tức quá, túm lấy tay Cuội quát to:

– Nói ngay, mày thấy cái con gì! Nói ngay, không yên với tao. Mày lại định nói dối hả? Nói dối như Cuội..

Cuội tái mét mặt và chắp tay mãi mới dám nói:

– Bẩm Lang. Con ... con ... cá ... vàng ạ!

– Cá vàng à?

– Vàng, con cá bằng vàng thật. To bằng bàn tay đấy ạ!

– Cá vàng to đến thế kia à? Bằng vàng thật chứ?

– Dạ vâng! Đúng là con cá bằng vàng thật, to bằng bàn tay, nên con đi theo rình mãi đến lúc nó lượn vào sát bờ, con vội lao xuống bắt, thì nó quẫy đi mất.

– Thế thì mày phải để nó cho tao. Tao sẽ quăng cái chài to của tao là vớ được ngay.

Lang bèn trở về nhà, vác cái chài ra ao. Lang mắm mồi, mắm lợi quăng mạnh cái chài xuống nước. Nhìn cái chài ôm chụp xuống một vũng nước lớn, mặt Lang hớn hở và ra sức kéo chài lên. Được khá nhiều cá, nhưng chỉ toàn cá thường. Không có con cá vàng to như bàn tay đâu cả.

Lang quăng tất cả số cá thường xuống nước và lột quần dài để lội xuống ao mà ném chài ra xa giữa ao. Chài được kéo lên cũng chỉ thấy toàn cá thường. Lang lại lội ra xa, nước đến nửa bụng và quăng mạnh cái chài. Cái chài vừa to vừa có chì nặng bị tung tuột khỏi tầm tay Lang, bay ra xa và chìm nghìm.

Cái ao này sâu lắm, Lang không sao lấy được chài, bèn nhảy lên bờ và bắt đèn Cuội:

– Tại mày bảo có cá vàng thật nên ta bị mất cả chài lẫn chì. Phải đèn cho tao!

– Bẩm Lang. Đúng là có con cá vàng, nhưng tại Lang không biết quăng chài nên mới mất cả chài lẫn chì đấy ạ! Nếu con quăng chài thì con mới chịu đèn chứ. Ai làm người đó chịu ạ!

Lang ứ cổ, đành bỏ cái chài có chì tốt và nặng ra về, định bụng sẽ sai người nhà ra lặn, lấy về. Cuội cũng ra về, nhưng đến tối hôm ấy, Cuội đã lặn xuống đáy ao và lôi được cái chài to, tốt của Lang lên và đem ra chợ bán.

CON NAI SÂU

Cuội đi rừng và thấy có một con sâu rất to đang ăn lá cây gai. Cuội vội vàng ba chân bốn cẳng chạy về. Gặp Lang, Cuội bị túm lại để hỏi:

- Mày chạy đi đâu như bị ma đuổi thế?
- Con... con ... nai ... sâu...gai.
- Con gì?
- Con...gai...con...sâu...gai...nai.

Lang hiểu ra rồi và chạy vội về lấy súng để di bắn “con nai đang ăn lá gai ở rừng sâu”.

Lang vác súng và không quên bắt Cuội phải dẫn mình đi.

Cuội dẫn ra đám cây gai và chỉ vào nơi bụi rậm.

Lang vội nhồi thuốc nạp đạn vào khẩu súng kíp, rồi quỳ xuống ngắm nghĩa chờ con nai ra thì bắn.

Một phút trôi qua. Mười phút trôi qua. Chẳng thấy con nai nào chui ra cả.

Đột nhiên lá gai động đây vì một cơn gió nhẹ. Tức thì Lang nổ súng:

- Đùng! Tiếng nổ vang núi rừng.

Lang chạy xô lại nơi đám lá gai mù mịt khói súng.
Không thấy gì cả. Chẳng thấy nai đâu.

Lang quay lại hỏi Cuội:

– Đâu, nai đâu?

Cuội run rẩy nói:

– Bẩm Lang ... bẩm ... bẩm... nó đấy ạ!

Cuội chỉ vào con sâu gai to tướng bị chết còng quen dưới đất.

– Đây là con sâu gai chứ!

– Vâng... con gai... sâu... gai ạ!

Lang chỉ biết than thở:

– Thế là tạo bị mất toi một mồi thuốc súng đáng bao nhiêu tiền để bắn một con sâu gai chết tiệt đó.



CON CHỒNG CÙN

Bi Lang mắng, Cuội dành gai đầu gai tai, xin tha tội rồi nói tiếp:

- Săn có súng ở đây ... hay là Lang đi bắn con ... chống cùn.
- Không, tao không đi nữa. Hại thuốc hại đạn!
- Thế thì Lang cho con mượn súng!
- Mày nói dễ nghe nhỉ!
- Thế thì con đi một mình con.

Cuội xăm xăm bỏ đi, làm cho Lang bị kích thích, tò mò vác súng đi theo. Cuội đến một góc rừng toàn những cây to sừng sững, những cánh phong lan thơm ngát tỏa hương từ trên cao, những cuộc dây rừng dài to như những con trăn. Lang rình ở sau lưng Cuội, nạp thuốc, lắp đạn chờ đợi. Chợt Cuội giật mạnh cái dây rừng la lớn:

- Con chống cùn!

Lang giật mình sợ mất mồi nên bắn đại vào cái dây rừng to như con trăn rồi la to:

- Trúng con trăn rồi! Lang tưởng bắn trúng con trăng..

Cuội điềm tĩnh nói:

- Trúng con chổng cùn rồi!
- Con chổng cùn là con gì?
- Chổng cùn là gì mà Lang không biết sao?
- Chổng cùn tiếng Mường ta là cái ... dây rừng chứ gì?
- Vâng! Chổng cùn là cái dây rừng! Lang đã bắn trúng cái dây rừng “chổng cùn” đấy!



CÚT CHÓ ĐƯỜNG

Cuội phải đến coi vườn cho nhà Lang, Lang ra nghiêm lệnh:

– Coi vườn phải giữ sạch sẽ! Nếu chó ỉa bậy, thì phải ăn!

Cuội tức mình bèn lấy gạo nếp rang lên rồi xay nhò đem trộn với mật đường cho vào ống nứa, thụt ra thành thỏi dài trông giống như cút chó. Cuội đem theo một con chó vào vườn. Sáng hôm sau, Lang ra vườn thấy có cút chó, còn Cuội thì đang đánh một con chó, làm nó ỉa vãi ra.

Lang quát, giận dữ:

– Cuội! Sao mày lại để cho chó ỉa trong vườn tao thế? Muốn sống thì ăn đi, không thì tao đánh cho nát thịt.

Cuội vờ ra vẻ sợ hãi, vâng vâng, dạ dạ, đi nhặt cút cho vào mồm nhai có vẻ ngon lành.

Thấy lạ, Lang liền hỏi:

– Sao mày lại ăn cút chó giỏi thế?

– Thưa Lang! Chó của con là “chó đường chó mật”, nên cút nó ỉa ra toàn cút ngọt... nên ... ăn ngon lắm ạ!

– Nói láo! Cút chó mà lại ngọt!

– Dạ! Nếu không tin thì bẩm Lang ... thử một tí xem sao ạ!

– Đưa tao xem!

Lang thận trọng ngửi, rồi nói:

- Ủ! Lạ thật! Cút chó gì mà thơm thế! Lang ăn thử, kêu lên:

- Ngon quá! Ngọt quá! Cút chó đường, cút chó mật thật! Mày có con chó quý như thế thì phải đổi cho Lang! Tao sẽ đổi cho mày con chó to nhất của tao nghe không?

- Da không! Thưa Lang, không thể đổi được đâu ạ! Có con “có mật chó đường” thỉnh thoảng con còn kiêm tí chút của nó! Chứ của nhà Lang thì ... thưa ... chỉ ăn thịt được một bữa là hết thôi ạ!

- Không được! Mày phải đổi! Nếu không, tao sẽ đánh đòn và còn lấy không nữa đấy!

- Vâng ... Thưa ... nếu thế thì con đành mất con chó ịa ra cút mật, cút đường vậy.

Lang hí hửng đem con chó to nhất ra đổi lấy con chó con ịa ra cút ngọt. Cuội dắt con chó to về nhà, rủ bạn bè chén một bữa no say. Còn Lang, sáng hôm sau ra lệnh người nhà quét sạch sân và sai đem con chó ra. Lang trịnh trọng quất cho nó một hồi. Con chó kêu “ảng” một cái và cúp đuôi lại. Không thấy nó ịa, Lang tức mình, quật thật mạnh. Con chó kêu ảng, ảng, ảng và phut ra một dây cút sậm màu mật đường trông rất đáng mê. Lang sung sướng nói:

- Có thể chứ ! Đánh đau mới chịu ịa ra cút mật cút đường. Nào! Cả nhà ta thử xem sao!

Lang bốc lên, vừa đưa lên mũi bỗng khạc nhỏ và kêu lên:

- Cút chó mật chó đường gì mà khắc thế này?

Lang vừa nôn ợe, vừa khạc phì phè.

CHĂN VỊT TRỜI

Lang đi ra ngoài đầm thì thấy Cuội đang ngồi bên bờ đầm, bèn hỏi:

– Làm gì mà ngồi đây hở Cuội?

Cuội khúm núm trả lời:

– Thưa... bẩm... con đang chăn vịt ạ!

Lang nhìn ra ngoài đầm. Trăng, xám, to nhỏ, đủ các loại vịt đang bơi lội, trông hoa cả mắt.

– Vịt của mày à? Bao nhiêu con?

– Dạ thưa Lang! Vịt con nuôi đã sáu tháng nay. Trên hai ngàn con ạ!

Nỗi máu tham, Lang bèn dọa:

– Sao mày lại có quyền thả viet vào đầm thuộc quyền của tao?

Cuội sợ hãi, khúm núm:

– Dạ! Thưa, con không biết đây là đầm lầy của nhà Lang, nên con trót dại.

– Không được! Phải bắt đèn. Phải bán cho tao đàn vịt đó.

– Dạ thế thì gay lắm Lang ạ! Con chỉ chờ vỗ béo nửa tháng nữa thì đem bán để tậu trâu ạ!

– Trâu với bò gì? Mày dám thả viet vào đầm của tao mà tao không bắt hết là may. Tao mua cho mày là phúc tổ nhà mày.

– Dạ thế thì Lang thương, cho con được bao nhiêu ạ?

– Hai ngàn con thì tao trả một trăm quan tiền!

- Dạ thưa Lang chỉ có một trăm quan tiền thôi ư?
- Một trăm quan đã đủ để mua một con trâu đực to rồi.
- Da ... thưa Lang! Nếu con đem ra chợ mà bán thì phải được ba trăm quan kia ạ!

- Ủ đúng! Nếu đem hai ngàn con vịt ra chợ thì cũng được có khi hơn ba trăm quan kia ấy chứ, nhưng tao đã tha cho mày cái tội dám chăn vịt vào đầm của tao rồi kia mà.

- Thế thì con xin vâng.

Lang nói:

- Một trăm quan tiền bằng mười đồng bạc trắng.

Nói đoạn, móc túi đưa cho Cuội. Cuội nhăn nhó đếm mười đồng bạc trắng và tiếc rẻ nhìn đàn vịt đang bơi đầy mặt đầm. Cuội dặn:

- Lang hãy để cho vịt ăn đến chiều tối hãy đuổi về!

Lang ngồi xuống bờ đầm, ngắm nhìn đàn vịt bơi lội mà hối lòng hối dạ. Lang nghĩ: "Hai ngàn con vịt này bỏ rẻ cũng bốn trăm quan tiền. Theo thời giá hiện nay bốn trăm quan tiền ngang với bốn chục đồng bạc trắng. Có lúc giá bạc trắng lại lên hay xuống ... ừ Nhưng tốt nhất là phải bán ngay. Giá bạc trắng đang thấp. Phải bán ngay".

Hùy! Hùy! Chiều rồi. Lang men theo bờ đến gần phía đàn vịt đang bơi, vớ cục đất ném ra ngoài đầm để đuổi đàn vị tri giá mấy chục đồng bạc trắng. Bỗng Lang trợn mắt sững sững. Đàn vịt bị ném đất vỗ cánh bay vù lên trời. Cả đám vịt biến thành một dải đen mờ dần trên nền trời chiều vàng thơ mộng của vùng núi đồi màu xanh.

LÂY TRÂU NHÀ LÂNG CHO NGƯỜI NGHÈO

Cuội tìm đến ở chăn trâu cho một nhà Lang khác. Trâu nhiều, hàng ngày Cuội phải đi chăn rất vất vả. Nhiều lần trâu bị lạc, Cuội phải lặn lội suốt đêm trong rừng để tìm. Trâu tuy nhiều nhưng hôm nào về, lão Lang cũng ra đếm rất kỹ. Cuội ghét lầm, muốn tri cho lão ta một trận, nhưng vẫn chưa có dịp.



Một bữa nọ, vừa lùa trâu ra đến bìa rừng. Cuội bỗng chú ý đến một người rách rưới từ trong rừng chạy ra. Thấy Cuội, người đó vừa khóc vừa kể lể.

Thì ra đó là một bác nông dân nghèo, anh em bác ta dành dụm mài mới tậu được con trâu cày, không may chiều qua bị hổ vồ tha đi mất. Bác theo dấu đi tìm chỉ còn nhặt lại được mỗi cái đuôi.

Cuội cầm chiếc đuôi trâu từ tay bác nông dân xem xét một lúc, bỗng nghĩ ra một kế. Anh liền chọn trong đàn trâu của Lang một con to nhất, khỏe nhất đưa cho bác nông dân và bảo bác cứ dắt về, xem như Cuội cho bác con trâu ấy. Bác nông dân vừa sợ, vừa mừng không dám nhận trâu, vì biết đây không phải là trâu của Cuội. Nhưng Cuội đã nói:

– Bác không lo, trâu của Lang nhiều. Lang không biết đâu. Mà có biết, Lang cũng không bắt tội bác được. Tôi đã có cách mà.

Bác nông dân nửa tin nửa ngờ, nhưng vì Cuội nói mãi cũng xiêu, nên mạnh dạn dắt trâu đi. Trong khi đó, Cuội tìm cách cầm chiếc đuôi trâu vào mồ gò mồi lớn. Sau khi đã chôn chặt, chỉ để một đoạn ngắn lộ ra. Cuội làm bộ hốt ha hốt hải chạy về gọi lão Lang.

– Bẩm Lang, mời Lang ra ngay trầu nhà ta bị con kỳ đà to lôi vào trong mồ gò mồi. Lang ra mau lên kéo nó xuống âm phủ mất.

Cuội dắt lão Lang chạy ra gò mồi, vừa chạy vừa nói:

– Nó đã xuống cả hai chân sau rồi, chỉ còn cái đuôi, Lang phải giữ lấy đuôi, dừng cho nó xuống mà cũng dừng dut mạnh kéo nó đứt. Tôi trở lại lấy cái thuồng đào đất chung quanh thế nào cũng bắt lại trâu, có khi lại được cả còng kỵ đà nữa.

Lão Lang thấy Cuội giục rít rít thì cuống lên, lão vừa tiếc của, lại vừa tham muốn bắt cả còng kỵ đà, nên giục Cuội làm nhanh. Cuội lảng lặng lấy thuồng đào đất. Lâu quá, lão Lang nóng ruột cố sức kéo, cái đuôi trâu bật ra làm lão ngã chổng kềnh.

Thấy thế, Cuội quẳng thuồng rồi xoa tay nói:

– Thôi, thế là hỏng rồi, trâu đứt đuôi bị kéo xuống âm phủ rồi còn làm gì được nữa!

CHỖ NÀY KHÓ LẤM

Cuội đến ở với một quan Lang khác. Lão này cũng rất tham lam và bẩn xỉn.

Một hôm, lão sai Cuội đi phát bờ ruộng với một người ở khác. Hai người làm quần quật từ sáng đến đúng bóng mà Lang vẫn chưa cho người đem cơm ra. Đói hoa cả mắt, họ tức lấm. Nhân gặp một tổ ong vò vẻ, Cuội bàn với bạn lập mưu trị lão Lang. Xế chiều, như thường lệ, lão mới lò dò ra xem công việc của bọn Cuội đã làm đến đâu. Thấy chung quanh ruộng cỏ dại và lau lách đã được phát sạch, nhưng vẫn con một đám cây trông rất chướng mắt đứng lù lù bên gốc ruộng, lão Lang gọi hai người đến hạch:

- Chúng mày làm ăn dối trá như vậy hả? Còn cái đám kia thì để làm gì?

Cả hai người đều đồng thanh thưa:

- Dạ bẩm Lang, chỗ ấy khó lấm, chúng con nghĩ mãi mà không biết làm thế nào, thôi để đến bữa sau sẽ hay.

Lang trừng mắt:

- Làm ngay đi cho gọn, còn sau với trước gì?

Hắn bắt người bạn cùng làm với Cuội xuống ruộng.
Người ấy gãi đầu gãi tai khẩn khoán:

– Thưa Lang, hãy để con nghỉ cách đã.

Lang lại giục Cuội, Cuội cũng từ chối nốt.

– Chúng mày lười nhát chứ chõ ấy thì có khác gì
những chõ kia. Tao mà dọn được thì chúng mày đừng có
mà ăn cơm chiều nay! Đưa dao phát đây. Vừa nói, lão
vừa giằng lấy con dao nơi tay Cuội, rồi xăm xăm bước
tới chõ bụi rậm còn chừa lại.

– Xin Lang đừng vội, khó lâm! Để chúng tôi nghỉ
đã...

Cuội vờ kéo áo Lang lại. Lão càng điên tiết, cầm
dao hùng hổ phát mạnh vào bụi mẩy nhát. Không ngờ
bầy ong vò vê thay động ùa ra nhè lão Lang đốt túi bụi,
làm lão tối tăm mặt mũi. Lão ném con dao, vừa chạy
vừa kêu la thảm thiết:

– Cứu tôi với! Cứu tôi với!

Hai người đầy tớ cũng phải lánh ra xa vì sợ và lây.
Lát sau, khi bầy ong đã về lại tổ. Cuội và người bạn
chạy lại thì thấy mặt mũi của Lang sưng phù lên trông
thật thảm hại. Lão rên ư ử vì đau đớn. Cuội xuýt xoa:

– Đây, tôi đã bảo Lang để tôi nghỉ đã, thế mà
Lang không chịu nghe nên mới ra nông nổi này.

Hai người phải dùi Lang thắt thêu về nhà. Vừa
đau, vừa tức, lão Lang ôm luôn cả tuần lě mà không
cách gì bắt tội họ được.

BẠC TRẮNG ĐƯỚI ĐÁY SÔNG

Bọn nhà giàu đứng trên bờ sông, quần áo sang trọng. Có một thằng cưỡi ngựa đi chơi chợt thấy Cuội đang lặn xuống rồi ngoi lên ở giữa lòng sông.

– È! Thằng Cuội kia! Mày làm gì mà hụp lặn thế? Tên cưỡi ngựa dōng dạc hỏi.

Cuội ngoi lên, không trả lời chỉ giờ một đồng bạc trăng. Cuội lại hụp xuống và lại giơ lên. Trời ơi, lại một đồng bạc trăng nữa là hai đồng!

– Chúng mày ơi! Cuội nó đang lặn để lấy bạc trăng! Chắc ngày xưa có cái thuyền nhà quan hay thuyền chở tiền thuế nào bị đắm ở đáy chăng?

– Xuống mau chúng mày ơi! Kéo Cuội nó mò hết bạc trăng!

Thế là cả bọn bỏ ngựa, cởi quần áo và đua nhau hụp xuống sông tìm bạc trăng.

Thấy thế, Cuội vội lén nhảy lên bờ, vơ hết quần áo của chúng rồi vọt lên ngựa chạy thảng.

VUA TRỜI BỊ CHƠI KHĂM

Cuội vào rừng, gặp chỗ có nhiều voi chết, bèn khoét lỗ đít một con mới chết rồi bỏ đáy.

Quả nhiên ngày hôm sau, Cuội rình thấy mấy trăm con quạ đến tranh nhau chui vào để moi thịt voi ăn. Đúng lúc đó, Cuội chạy đến, nút lỗ đít voi lại và cưỡi lên lưng voi. Mấy trăm con quạ sợ quá đều vỗ cánh bay lên, nên cái xác voi bỗng được nhắc lên tận thiên đình.

Quan canh cổng thiên đình chặn lại hỏi:

– Ai?

Cuội vỗ ngực trả lời:

– Ta là con trời! Ta xuống hạ giới, bây giờ trở về để chầu trời! Không thấy ta cưỡi voi hay sao?

Khi vào chầu vua Trời, vua Trời thấy con voi bay cũng lạ và thích đi chơi. Vua Trời hỏi:

– Sao lại có con voi bay lạ như vậy?

– Thưa vua Trời! Con có con voi đặc biệt biết bay, nên con đem lên mời vua đi chơi ạ!

– Đi chơi voi bay có thích không?

– Thưa vua Trời, thích lắm ạ! Biết gió mát vi vu, biết nước biển ầm ào!

- Sao ? Bây trên trời thì át là biết gió vi vu sao,
lại biết cả sóng biển ầm ào?

- Xin mời Ngài đi chơi voi bay khác rõ!

- Ngài hãy vỗ chân vào bụng voi đi!

Vua Trời bèn vỗ chân vào bụng voi. Đàn quạ sợ hãi
vỗ cánh. Thế là voi bay lên và đưa cả hai cùng bay xa.
Vua Trời thích thú quá. Đang lúc đó, biển hiện ra trước
mặt. Cuội bèn cởi hết quần áo. Vua thấy thế liền hỏi:

- Sao Cuội lại cởi hết quần áo thế?

- Để tắm biển!

- Sao lại tắm biển ở trên trời?

- Xin Ngài chờ, khác rõ!

Nói xong, Cuội ngoại lại phía sau, mở nút ở lỗ đít
voi. Đàn quạ thấy ánh sáng liền chui và bay hết cả ra.
Tức thì con voi không bay được nữa, rơi xuống biển.
Thế là vua Trời được một bữa tắm biển no nê...



CUỘI LÊN CUNG TRẮNG

Hồ đó, dưới hạ giới có một cây đa thẳn. Cứ chặt đứt, nó lại liền lại.

Cuội cũng chặt, nhưng không sao hạ được cây đa, vì cây đa đó rồi lại liên tục đứng lên. Có một người xui:

– Muốn không ~~chó~~ cây liền lại thì ghé cổ vào đó mà giũ.

Cuội chặt cây đa ngã xong, liền ghé cổ vào đó rồi nằm ngủ thiếp đi lúc nào không hay. Không ngờ cây đa cứ liền lại gần cả Cuội dính vào vỏ cây, sau đó đa thẳn bay luôn lên mặt trăng. Thế là từ đó ở trên mặt trăng có bóng cây đa thẳn và dưới gốc cây đa luôn luôn có chú Cuội đang ngồi. Vì thế, dân gian có câu hát:

Chú Cuội ngồi góc cây đa.

Để trâu ăn lúa gọi cha ời ời.

Cha thì cắt cổ trên đồi,

Mẹ còn cười ngựa đi mời quan Lang.

TRUYỆN CHÀNG CÚ

(Dân Tộc Mường)



CU VÀ ANH LÁI BUÔN

Xứ Mường có anh chàng Cu vừa lười vừa lú cá nhưng cũng khá thông minh. Một hôm, có anh chàng lái buôn đến nghỉ nhờ nhà Cu, học lóm bạn bè, Cu tính chơi anh lái buôn một vố. Cu bảo:

– Tôi sẵn sàng cho anh ngủ nhờ, nhưng nhớ nếu đêm nay anh ỉa bậy ra nhà tôi thì phải đền gánh hàng của anh.

Anh lái buôn gật đầu.

Đêm ấy, Cu lấy bột bắp trộn với trứng gà thối, đem nâu thành một nồi cháo loãng. Đáng lý phải để cho nguội thì mới được đổ, nhưng Cu ngốc ngếch quá, đang nóng đã đổ ngay vào mông đít anh lái buôn. Anh lái buông nóng đít, giật mình tinh giác và quật cho anh Cu một trận ra trò. Đã thế, anh ta còn bắt đền Cu một số tiền. Cu đành phải đền, rồi chạy sang hỏi mưu của một người bạn.

Anh ta bảo Cu thế này thế nọ cứ thế mà làm.

Cu nghe lời, về nhà cắt đứt cái đuôi con lợn sề và đem cắm sâu vào tổ mối ở trên đường anh lái buôn đi qua.

Anh lái buôn vừa đi đến đây, thấy Cu đang dạng chân giữ chặt cái đuôi lợn liền hỏi:

– Không được. Thôi anh giữ giúp cái đuôi này. Tôi về tìm cái giò thật to để ra bắt nó. Nếu anh để sống thì phải đèn cả gánh hàng đây!

– Vâng! Nếu để nó chạy mất, thì tôi đèn, còn nếu tôi giữ được thì ông phải chia đôi con lợn sẽ này nhé.

– Được!

Nói xong, Cu bỏ về mặc anh lái buôn cứ đứng giữ cái đuôi lợn cắm vào tổ mồi.

Lúc sau, Cu ra rình ở gần đấy và chờ cho anh lái buôn nóng ruột giữ mỏi tay bèn ra sức... lôi và... phút... anh lái buôn ngã lăn kẽm ra đất.

Từ chỗ nấp, Cu chạy ra và kêu tướng lên:

– Thôi chết rồi, anh đã để cho nó đứt đuôi và nó chui vào trong tổ mồi rồi! Phải đèn gánh hàng cho tôi thôi!



CHI CÂN LÀM BẰNG CÁI VỎ CUA ĐỒNG, CUA ĐÁ

Suốt ngày, Cu nằm ườn, không chịu làm gì. Vợ sốt ruột hỏi:

– Bố Cu đi làm mương phát rẫy, chứ không thì chết đói à?

Cu không nói gì cả. Vợ Cu lại giục:

– Không làm nhiều thì làm ít cũng được! Làm bằng cái vỏ cua đồng, cua đá thôi cũng được!

Nghe vợ nói vậy, Cu không trả lời, vác cuốc vác dao đi ra rừng phát nương. Cu đi vào trong chuồng vịt, tìm được một cái vỏ cua đồng, bỏ vào túi.

Chờ mãi không thấy chồng về ăn cơm, lo chồng làm chăm chỉ quá sức, nên vợ Cu đi ra nương để tìm chồng. Vợ thấy Cu đang ngủ khì dưới gốc cây. Nhìn ra nương thì chẳng thấy phát được tí gì cả, vợ Cu bèn gọi:

– Bố Cu! Bố Cu! Sao chỉ nằm ngủ thế? Đem cả cuốc cả dao mà chẳng làm được gì cả thế?

Cu dọi mắt tinh dậy, càu nhau:

– Thế chẳng phát nương đây là gì?

– Trời ơi! Mè mày đúng đắn, che lấp chỗ phát nương của tôi kia kia! Đứng tránh ra đi chứ!

Vợ Cu đứng dịch ra thì thấy một khoảng bí tí tẹo được phát sạch ở ngay lòng bàn chân mình. Vợ Cu kêu lên:

- Phát gì mà chỉ được bằng cái vỏ cua thế này?

Cu trợn mắt lên cãi:

- Thế sao mẹ mày bảo tao chỉ cần phát bằng cái vỏ vua đồng, cua đá thôi mà. Đây, thử đo xem có bằng không?

Nói đoạn, Cu thò vào túi, vứt ra cái vỏ cua đồng. Cái vỏ cua lăn ra và lăn đúng vào chỗ Cu vừa phát.



NƯỚC CẮT PHƯỢNG HOÀNG

Vớ được một anh chồng như thế nghĩ cũng phiền! Thế nhưng vợ Cu vẫn cố nghĩ ra cách để Cu phải đi làm nương thật sự. Chị ta làm hơn ba mươi chiếc bánh và đem treo ở đầu nương một chiếc, ở cuối nương một chiếc. Cứ thế mà treo la liệt cho đến hết số bánh, để Cu vừa làm vừa lấy bánh ăn. Quả nhiên Cu làm hăng quá, cái nương phát vừa rộng vừa dài đến nỗi một con chim phượng hoàng bay mỏi cánh nên rơi xuống nương. Thế là Cu bắt được con phượng hoàng, bèn chặt một khúc chuối con, buộc vào chân chim rồi tha bay lên và dặn:

– Phượng hoàng! Mày hãy bay về nhà tao. Vợ tao sẽ làm thịt mày nấu với chuối. Bay đi!

Con chim phượng hoàng kéo theo khúc chuối nhỏ bay đi mất.

Trên đường về nhà, Cu hí hửng vì sắp được ăn thịt chim phượng hoàng nấu với chuối. Đến nhà, thấy vợ đang nấu một nồi nước, Cu tưởng vợ nấu thịt chim phượng hoàng và chuối, nên sà vào múc, húp lấy húp để, nói:

– Không có cái thì húp nước! Không có cái thì húp nước!

Vợ Cu chạy ra kêu lên:

– Ấy chết! Sao lại húp nước luộc quần áo. Anh không nhìn thấy rận bị nấu chín nổi lên đây à?

Đến lúc này, Cu mới giật mình vì vừa húp trúng một con rận chết nổi, béo mầm. Cu la lên:

– Thế thịt chim phượng hoàng với chuối mẹ Cu nấu ở đâu?

CHÉ NHƯ CHÉ BA CÙ

Hôm sau, vợ Cu bảo Cu đi đốt nương và dặn:

– Tao nghe nói mày hay dối người lám, vậy khi nào mày làm cho cô xem với!

– Nếu gió xuôi thì đốt đâu! Nếu gió ngược thì đốt chân!

Cu ra đến nương đứng một lúc, thấy gió thổi ngược, bèn châm lửa đốt vào lông chân. Quả nhiên lửa cháy xèo xèo là Cu nhảy cuồng cuồng, chui vào bụi lau khô. Thế là lửa ở chân bắt sang bụi lau bốc cháy. Thế là Cu đốt được nương. Lửa cháy mạnh quá, nên con hoẵng bị chết cháy nầm lăn queo, nhìn thấy con hoẵng có cái “ché” như của vợ mình, liền tưởng là cái “ché” của vợ nên khóc:

– Chân thì giống chân con me (bò con), ché thì như ché mẹ Cu! Chân thì giống chân con me! Ché thì như ché mẹ Cu!

Cứ thế, Cu vừa đi về nhà, vừa khóc vừa than như vậy.

Thấy chồng khóc, vợ Cu bèn hỏi:

– Bố thằng Cu khóc cái gì thế?

– Chân thì như chân me, “ché” thì như “ché” mẹ Cu, nên tôi thương cái “ché” mà tôi khóc!

Vợ Cu bảo chồng dẫn ra nương xem, rồi nói:

– Không phải “ché” của tôi đâu, mà là “ché” của con hoẵng đấy! Đem nó về suối mà làm thịt.

Đến lúc này Cu mới hết tưởng nhầm, ngoan ngoãn nghe lời vợ, vác con hoẵng về suối mổ thịt.

MÀU MUÔN ĂN À ?

Cu ngồi trên một phiến đá chà ra mặt suối để làm thịt con hoẵng. Đang mổ thịt, chợt Cu nhìn thấy có một thằng cha nào ở dưới suối cứ nhìn mình chăm chăm.



Cu tức quá, quát:

– Mày nhìn gì tao?

Tức thì cái thằng dưới nước cũng quát lại vang tận vách đá:

– Mày nhìn gì tao?

Hỏi xong Cu cúi đầu xuống nước. Quả nhiên, cái thằng cha đó cũng gật đầu một cái.

– Mày muốn thì... này! Cho mày cái tai này. Thích nhé! Cu cười vui vẻ, thì quả nhiên cái thằng cha đó cũng cười vui vẻ đáp lại.

– Ngày! Cho miếng mông, ngon nhé!

– Ngày! Cho mày cái đùi trái.

– Và cái đùi phải.

– Ngày cả bộ lòng nữa đấy.

– Tất cả xương sống, xương sườn.

– Hết rồi! Còn cái phổi, tao cho mày nốt.

Ai ngờ cáo phổi nó nhẹ nên nổi trên mặt nước, Cu thấy vậy cười nói:

– Ha ha ha! Mày ăn đủ chán rồi à? Thôi thì tao xơi cái phổi vậy.

Nói rồi, Cu xách cái phổi về cho vợ. Chị ta ngạc nhiên hỏi:

– Sao cả con hoảng, lại chỉ có cái phổi thôi?

Cu bình thảng trả lời:

– Có một thằng cha ở dưới suối nó cứ đòi ăn thịt hoẵng, nên tôi đã quẳng cho nó ăn hết cả rồi! Chỉ còn cái phổi này là nó chê, nên mới mang về đây.

– Trời ơi! Đó là cái bóng của anh, nó chiếu xuống nước chứ làm gì có thằng nào ở dưới suối mà vứt hết cho nó ăn. Rõ khô!



GIÁC! GIÁC! MƯỜNG GIÁC!

Một lần, bỗng được thú rừng, vợ Cu bảo chồng đem đến biếu một phần cho bố mẹ vợ, nhưng Cu không nhớ là quê bố mẹ vợ ở đâu nữa.

Vợ Cu phải nhắc:

- Ở tại Mường Giác chứ ở đâu nữa!
- Chịu thôi! Tôi đi đường xa, lại quên mất.
- Thôi thì bố Cu cầm theo con gà mái này. Nếu có quên thì cứ đập vào nó thì nó sẽ nhắc cho. Chị đập vào con gà mái. Nó kêu đánh “giác” một cái.
- Thấy chưa! Mường Giác, cứ thế mà đi, ắt tối.
- Ủ! Được rồi! Mường Giác! Giác! Giác! Cu nói.

Cu đem theo con gà và một đùi thịt to tướng để biếu bố mẹ vợ. Đi đến ngã ba giữa rừng, Cu quên mất tên bản, anh ta đánh vào con gà mái một cái. Con gà mái kêu: “Giác”, “Giác”.

- A! Mường Giác. Mường Giác. Cu reo lên.

Đến quãng gần bờ sông, thì Cu lại quên mất một lần nữa. Cu lại đập vào con gà mái một cái. Nó kêu: “Giác”, “Giác”.

- A! Mường Giác. Mường Giác.

Nhờ có con gà mái mà Cu hỏi thăm đường, đến đúng nơi ở của bố mẹ vợ để biếu quà.

KHỎE NHƯ NÀI CHUỐI, KHỎE NHƯ KẼN RƯỢU

Cu đến được nhà bên vợ, bà mẹ vợ hỏi con gái bà có khỏe không?

Cu nhìn thấy trên mái nhà có treo một nải chuối chín. Nỗi cơn thèm, Cu liền trả lời:

– Khỏe hồn hải như nải chuối chín!

Nghe nhắc đến nải chuối chín, mẹ vợ liền hạ nải chuối xuống đài Cu ăn.

Bố vợ lại hỏi:

– Mẹ thằng Cu có khỏe không?

Cu thèm uống rượu, nhìn thấy kẽn rượu của bố vợ để ở gần cửa buồng, liền trả lời:

– Khỏe hồn hỉnh như kẽn rượu của bố để ở kia kia!

Bố vợ nghe vậy, liền sực nhớ lấy ra mời Cu uống.



Y LÓA,
CHÀNG NÓI KHOÁC GẶP MAY

(Dân tộc Êđê)



HƠ BIA KÉN CHỒNG

Ở một vùng rừng rậm núi cao, nơi mà ông bà của người Êđê xưa từng lập buôn làng, có vợ chồng một tù trưởng hùng mạnh. Trong nhà, chiêng ché, nồi lớn, nồi nhỏ quý giá xếp nhiều như ốc sên; ngoài bāi, ngựa voi thả thành từng đàn. Nhưng ông bà thường không vui bụng vì nỗi chưa có con. Sau cầu cúng nhiều lần, ông bà sinh được một người con gái.

Ông bà tù trưởng rất chiều quý con gái, và chỉ cho phép mọi người trong buôn gọi nàng là Hơ Bia. Lâu ngày đâm quen, Hơ Bia biến thành tên riêng của nàng.

Hơ Bia càng lớn, càng đẹp. Từ ven sông to, suối nhỏ, đến chân núi cao, rừng thưa, quả thực không một cô gái nào đẹp bằng nàng. Đến tuổi cưới chồng, bàn tay nàng càng thêm khéo léo. Nàng chăn heo, gà mau lớn và nhiều con. Nàng dệt chăn thêu khổ, màu sắc chấn, khổ lộng lẫy như màu sắc cầu vòng, còn thêu con chim, con cá hình nổi lung linh như chim cá sống. Nàng bước tới đâu, ở đó sáng lòa như ánh chớp, đến các cụ già tóc bạc như nấm bông gòn cũng phải trầm trồ, xuýt xoa...

Ông bà tù trưởng tính chuyện tìm kiếm khắp trai làng đōng, tây một người chồng xứng đáng cho Hơ Bia. Nhưng, từ con các tù trưởng giàu sang, hùng mạnh nhất đến các chàng trai tài giỏi, có sức săn hổ, bắt voi, siêng

nặng nương rẫy, chưa một ai được nàng vừa ý. Cha mẹ ướm hết người này người khia, nàng lắc đầu hoài. Thấy vậy, ông bà đâm lo vì không có người thay thế lúc chân già tay yếu.

Bỗng một hôm, đang ngồi chơi mát, Hơ Bia tự nhiên bảo cha mẹ:

– Böyle giờ gặp chàng trai nào có tài bắn tên xuyên qua mắt chim nhỏ, sáng sáng dậy trước cả con gà rừng mà chăm lo việc nương rẫy, con mới ưng cưới làm chồng.



Nghe Hơ Bia nói vậy cha mẹ nàng mừng, nhưng lại rất lo lắng vì khó kiếm đâu ra một chàng trai như vậy.

Tin Hơ Bia chỉ lấy một chàng trai nào “có tài bắn tên xuyên qua mắt chim nhỏ, sáng dậy trước cả gà rừng

lo việc nương rẫy” lan khắp mọi bến nước gần xa. Tin đến tai một chàng trai nọ tên là Y Lóa. Anh chàng không phải con nhà giàu, cho nên chẳng mấy ai biết tới.

Nhưng Y Lóa từ bữa biết ý riêng của Hơ Bia là vậy, thì chàng không ngày nào, lúc nào không nghĩ tới nàng, dù lên rừng, sang buôn đông, làng tây. Cho tới một hôm, chàng hăm hở vác chà-gạc vào rừng:

Trên đường vào rừng, Y Lóa phải lội qua suối rộng. Chàng thấy trên bãi đất lầy bên suối vô vàng dấu chân chim. Chàng bèn chặt cây, làm năm chiếc bẫy kẹp quanh đó rồi ra về.

Mỗi ngày, Y Lóa đi thăm bẫy, nhưng hình như đàn chim đã bỏ đi. Chàng bắt đầu ngán ngẩm, thì may sao, hôm thứ bảy, một con chim nhỏ màu xanh biếc rất đẹp vừa dính bẫy lúc chàng đi qua. Xác con chim đang còn nóng hổi. Y Lóa mừng hết nói. Anh chàng rút luôn mũi tên của mình cắm vào mắt chim, đoạn ba chân bốn cẳng chạy đến buôn của người tù trưởng, vứt vào nong thóc của nàng Hơ Bia đang phơi ngoài nắng.

Hơi Bia vừa trong nhà bước ra, nghe tiếng “phịch”, và thấy một con chim xanh dính tên trúng mắt rơi xuống nong thóc. Nàng chẳng kịp nhìn tìm người bắn, lượm luôn con chim có dính mũi tên và chạy vào khoe cha mẹ:

– Cha mẹ coi này, chàng trai nào tài giỏi quá chừng, bắn tên xuyên trúng mắt chim!

Ngày “ăn năm uống tháng” đã hết. Tù trưởng bàn với các già làng sai tất cả trai tráng phải sửa soạn kiêng, đao, giáo, mác cùng đi canh giữ trên mọi ngã đường, để phòng kẻ gian lại tới cướp phá.

Y Lóa lo rằng mọi người sẽ chọn chàng cầm đầu họ, chống giũ với kẻ thù bèn bảo bố vợ:

– Đi vậy không hay, kẻ gian át biết mà tránh chỗ đông người. Cho nên ai đi thành đoàn thì cứ đi, còn con, con xin đi phục mà chặn đánh họ một mình.

Bố vợ chàng nghe thế cũng phải bằng lòng cho chàng đi một mình. Y Lóa chọn con đường xa nhất, hẻo lánh nhất. Anh chàng tin chắc kẻ thù sẽ không khi nào chọn con đường đó. Anh lại còn kiếm một cây cao và to nhất trèo lên, nấp vào chõ cành lá rậm rạp nhất. Như vậy vẫn chưa yên lòng, anh chàng luôn đảo mắt láo liêng nhìn khắp ngã.

Giữa trưa, một bọn người rất đông rầm rập kéo tới ngồi nghỉ và ăn uống ngay nơi gốc cây Y Lóa đang nấp. Khiên, đao, giáo, mác họ dựng thành đồng. Vừa ăn uống, họ vừa tìm cách tới đánh buôn làng của cha Hơ Bia. Họ nói nếu tóm cổ được Y Lóa, họ sẽ cắt tai, xéo mũi và bắt chàng về làm nô lệ mãi đời.

Y Lóa sợ run cầm cập, làm rung cả cành cây to đang ngồi. Sợ đến nỗi són cả phân. Không may, cục phân rớt xuống bên một người đang ngồi gần đó, mùi thối oǎng. Mấy người khác đang ăn uống gần đó, nhìn thấy phân, chửi toáng lên:

— Ơ Y Sút, thằng cọp tha, gấu bắt, sao mày khinh chúng tao, dám ia bậy nơi mọi người đang ăn? Chúng tao phải bắt mày trả nợ!

Bọn họ súm vào đánh Y Sút. Anh em của Y Sút nổi giận chống trả. Họ đánh lộn nhau dữ dội, nhiều kẻ chết và bị thương nằm la liệt. Cho tới lúc một già làng kêu gọi họ dừng tay, lúc bấy giờ họ mới chịu. Họ xúm lại khiêng những kẻ bị thương về trước, bỏ lại rất nhiều xác chết và kiêng, dao. Cuộc mưu đánh buôn làng của họ bị bỏ dở.

Họ đi rồi, Y Lóa tụt xuống khói nui nấp trốn, thu nhặt kiêng, dao vác về làng. Chàng nói với mọi người:

— Lũ làng thấy đó, tôi đoán trúng ý kẻ gian. Chúng kéo đến định trả thù, đông như kiến, mỗi Tôi đợi lúc chúng ăn cơm mới xông vào giết được nhiều đứa. Chúng sợ, chạy hết rồi. Ai không tin, tôi dẫn đến tận nơi cho mà coi.

Nhiều người trong buôn đua nhau đi coi. Tới chỗ đánh nhau, họ thấy ngổn ngang xác chết cùng giáo mě, ai cũng lắc đầu, lè lưỡi, coi chàng là người tài giỏi nhất.

Bố vợ Y Lóa cung sức khỏe cho chàng bằng năm con bò và năm ché rượu. Buôn làng ăn mừng thắng trận, chiêng trống rền trời suốt năm ngày đêm.

Một buổi sáng khác, tù trưởng cha Hơ Bia bảo dân làng:

— Ơ hết thảy lũ làng đó đây! Ta dựng bến nước này từ trăm mùa rẫy, chưa hề gây chuyện gãy xương, đổ máu với ai. Thế mà họ định tới đánh ta những hai lần, bắt ta về làm kẻ chăn trâu cho họ. Nay, ta bắt họ phải trả món nợ đó!

Tù trưởng sai đậm trâu, cột chét rượu dãi làng no say trước khi đánh kẻ thù. Ai cũng hăng hái, riêng mình Y Lóa không uống rượu, ngồi đứng không yên. Mãi sau, Y Lóa tự nhủ: Thế nào cũng phải đi đánh nhau rồi, chỉ còn một cách là ta phải cưỡi con voi lớn nhất, thì kẻ định giết ta mời không dám tới gần. Chàng bèn nói kheo với bố vợ:

– Buôn làng ta đi đánh để trả thù, nhất định sẽ được nhiều của cải mang về. Con băng lòng cưỡi một con voi lớn nhất, khỏe nhất bầy của nhà ta đi!

Bố vợ tưởng thật, bảo nô lệ bắt ngay bành lên con voi có cặp ngà to như hai cây cột nhà rông cho Y Lóa.

Y Lóa cưỡi vui đi giữa đoàn người, khiên, đao nhiều như lau lách, khua rồng rảng... Tới nơi, cả làng xông vào bên địch mà đánh chém. Y Lóa ngồi trên bành voi cao ngất, run sợ đến rung cả đầu voi, khiến voi lồng chạy lung tung, xông thẳng cả vào làng bên địch. Bên địch vốn sợ voi dữ, họ kéo nhau bỏ chạy vào rừng chăng kịp nghĩ gì nhà cửa, của cải. Thắng trận, Y Lóa nói:

– Không cưỡi voi này mà đánh thì làng nọ đâu đã chịu thua! Nay giờ hãy chất đầy của cải lên voi, còn ai lấy được mang được thì cứ mang, cứ lấy!

Trở về, bố vợ chàng cho ăn mừng thắng trận, cùng cầu chúc cho chàng băng bầy chục trâu đực và bảy ché rượu ngon. Ai cũng bảo nhà tù trưởng có phúc lớn mới được chàng rể khôn ngoan và tài giỏi.

ĐÁNH NHẤU VỚI TÊ GIÁC

Năm ấy, vào tuần trăng sáng, từ rừng già phía đông buôn, một con tê giác sừng to như bắp chuối về quấy phá. Dân làng đều sợ, chẳng ai dám ra khỏi nhà.

Cả làng xin kéo nhau đi đánh đuổi tê giác. Ai có dao mang dao, ai có mác xách mác. Kẻ không có dao mác thì vác gậy gộc hoặc cung tên. Họ đi rậm rịch, mạnh như bầy hổ.

Được nửa đường, Y Lóa nói với mọi người:

– Tôi sẽ đi phục đánh tê giác mình tôi một đường. Các người đi đường núi này, tôi đi lối suối nước kia!

Nói rồi, Y Lóa tách đi riêng, chẳng đợi ai nói gì. Bụng anh chàng tính đi theo con nước tới nơi mà anh ta đoán là tê giác không thích ở, hoặc chạy qua. Vừa đi, Y Lóa vừa nhìn trước ngó sau, xem bên phải, bên trái, mắt luôn đưa đi đưa lại. Được một quãng khá xa, bỗng nghe ầm ầm tiếng cây đổ ngã. Đúng là tê giác đang chạy đó. Y Lóa vội vàng kiểm một cây to trèo lên. Lên được cành cao, còn muốn lên cành cao hơn cho thêm chắc chắn. Vừa lúc tê giác chạy tới, vội vàng húc nhầm phải gốc cây mà Y Lóa đang trèo. Anh chàng sợ đến cứng chân tay, tuột rơi xuống lưng tê giác. Anh ta bám chặt trên lưng tê giác. Tê giác giật ngửa có người cưỡi

trên lưng, hoảng hốt cầm đầu chạy thực mạng. Nó đang chạy bỗng nghe có tiếng dân làng reo hò, nó chạy càng nhanh, gấp bääi lầy, nó lao xuống. Thế là nó bị lún ngập chân, ngập bụng, lún sâu dần, chỉ còn trơ lại tấm lưng lớn rộng hơn cả cây gỗ cà-tê cổ thụ, còn đầu và sừng thì cắm dưới bùn như nơi đầm trong rừng bá Sun Y Rit.

Khi dân làng tới nơi, Y Lóa bèn đứng thẳng trên lưng tê giác, la lớn:

– Ông bà con buôn làng, không phải bắn phí tên thuốc độc. Tôi đã nhận tê giác chìm ngập nơi bùn nhão rừng đen đây rồi! Đợi chút nữa nó chết hẳn, ta sẽ kéo lên mà xẻ thịt.

Dân làng mừng vui reo hò vang động rừng núi. Khi tê giác chết hẳn, mọi người lôi xác lên, xẻ thịt đem về.

Để mừng công con rể một mình dìm tê giác ngụp giữa bääi lầy, tù trưởng lại cúng thêm bảy con trâu đực to và bảy ché rượu lớn.



CHÀNG NGƯỜI GIỎI

Từ Y Lóa chuyên lo làm rẫy bắp, chẳng bao lâu của cải đầy nhà kín sàn.

Nhưng rồi Hơ Bia, vợ chàng, nghĩ đến chuyện trao vòng cho người khác. Chuyện đến tai Y Lóa, làm anh chàng sôi mật, cháy gan. Y Lóa tính chuyện bắt cho được đứa đã năm chung với vợ mình.

Rình rập, đã nhiều, nhưng không sao bắt được. Một bữa, Y Lóa buộc miệng hỏi vợ. Hơ Bia chột dạ, hỏi lại:

- Sao anh biết điều đó?

Y Lóa giả giận, quay lưng lại. Mãi sau mới tìm được cách nói:

- Tôi ngủi thấy đó. Em tự ngủi mình xem có mùi trai lụ hay không?

Hơ Bia bắt đầu sợ chồng, hỏi vặn mãi. Y Lóa bảo là mũi mình có thể ngủi hết nhiều chuyện trên đời. Hơ Bia thử:

- Được, em sẽ giấu chiếc vòng tay này, anh giỏi ngủi tìm xem có thấy không đã.

Hơ Bia mang vòng đi giấy. Nàng giấu lên mái nhà. Y Lóa đã để ý nhòm trộm biết chỗ rồi.

- Anh tìm thấy chiếc vòng thì sao? Anh chàng hỏi vợ.

Vợ chàng đáp sẽ đền bằng đủ thứ mà chàng muốn. Y Lóa bèn đi nhanh khắp nhà, tới chỗ vợ giấu vòng, dừng lại, vờ ngửi ngửi, hít hít, đoạn lôi chiếc vòng dưới mái tranh ra. Hơ Bia tưởng chồng có cái mũi biết mọi chuyện thực, nàng sợ, và từ đó không dám ăn nằm với trai trong lúc chồng đi nương rẫy, vắng nhà nữa.



Tiếng đồn Y Lúa có tài ngủi giỏi lan ra khắp mọi bến nước gần xa. Vào giữa năm trời không mưa, cây cối héo vàng chết khô, trâu bò heo gà gầy rộc, chết khát, nhiều người thiếu nước, đói cơm. Một làng nọ bèn bàn chuyện với

Y Lóa tới ngủi giúp xem vì sao mà trời không cho mưa xuống, để mùa màng mất sạch. Người ta mang voi, ngựa đến đón Y Lóa, khiến anh chàng không thể từ chối.

Giữa đường đi, Y Lóa chợt nghe tiếng éch kêu. Y Lóa biết là trời sắp mưa. Chàng bèn bảo những người đi đón:

– Các anh về trước! Tôi có việc cần một chút rồi đến sau.

Y Lóa xuống voi, tới chỗ vũng lầy nay đang khô cạn, nứt nẻ. Chàng tìm tới nhưng lùm cỏ xanh, và quả nhiên dẫm trúng một chú éch. Y Lóa tóm chú éch, dạo giết.

Éch sợ quá, hỏi:

– Người ta mời anh vì chuyện này chuyện nọ, đâu phải vì tôi! Tôi đang đói khát, phải núp bên bụi cỏ cho mát, can chi anh lại định bắt tôi?

Y Lóa bèn bảo éch:

– Đúng vậy, Trời không mưa, cả buôn làng sắp chết khát, họ mời tôi tới ngủi giúp xem mắc mưu chuyện gì mà các thần linh trên trời không cho nước. Tôi không định ăn thịt éch, nhưng éch phải giúp tôi!

Éch bảo Y Lóa:

– Tưởng chuyện chi, nếu là chuyện đó thì tôi giúp được. Anh cứ vô trong làng, đợi khi nào nghe tiếng tôi kêu thì bắt đầu anh đi ngủi, xong anh về nói cho họ biết là ba hôm nữa trời sẽ mưa.

Y Lóa mừng lắm, thả éch ra. Chàng vào làng, ăn cơm, uống rượu mà mọi người đã sửa soạn sẵn để đón tiếp chàng. Rượu say chàng bảo với các già làng rằng:

– Buôn làng ta nghèo đói, tôi sẽ giúp.

Các già làng mừng quá, hứa hẹn nếu Y Lóá ngửi biết, giúp cho trời mưa thì sẽ biểu tàng chàng nhiều của cãi, Y Lóá bảo:

– Làng ta đây đúng có chuyện không lành, tôi ngửi biết chuyện đó. Vì vậy thần linh phật, không cho dân làng nước. Để tôi kêu với thần giúp cho.

Nói đoạn, Y Lóá đi về địa điểm đã hứa hẹn trước với ếch. Vừa lúc, đó ếch kêu một tiếng, hai tiếng... Y Lóá vờ ngửi ngửi, hít hít. Tới chỗ ếch nấp thì đúng lúc đó kêu tiếng thứ bảy. Y Lóá vờ cầu khấn lăng nhăng, rồi quay về nói với các già làng đang ngồi chơi trong nhà rông:

– Thần linh bảo đã tha tội cho làng, vài ba ngày nữa sẽ mưa.

Buôn làng náo nức mong đợi, nhà nào nhà nấy sắp sẵn các thứ để đựng nước cho nhiều. Tới ngày thứ ba, Y Lóá lại tìm ếch, hỏi xem trời có mưa thật không, ếch quả quyết trời sẽ mưa vào buổi trưa. Y Lóá bèn về làng, mạnh bạo tuyên bố trước mọi người:

– Buổi trưa, trời sẽ mưa, tôi đã ngửi, và các thần linh cho biết như vậy.

Tới trưa, quả nhiên trời kéo đầy mây đen, và chỉ một lát sau mưa như thác trút nước xuống. Thừa nước uống ăn, thừa nước cho ruộng rẫy. Lũ làng họp nhau lại cúng mừng sức khỏe cho Y Lóá bằng trâu thiến, rượu ngon và biểu tàng chàng nhiều thứ.

Tiếng tăm chàng Y Lóa có tài ngửi ngày càng lan xa lan rộng, tới tận vua Kinh nơi vùng ruộng thấp, biển sâu. Đúng lúc ấy con gái vua Kinh ốm nặng. Nhà vua liền sai quan quân mang voi, ngựa tới mời Y Lóa.

Tới nhà Y Lóa, quan quân nói với chàng:

– Hỡi bạn Y Lóa tài giỏi, tiếng đồn về tới tận tai vua chúng tôi. Công chúa con vua tự nhiên không thiết ăn cơm, uống nước, biếng nói, biếng cười... Vua đã cầu cúng đủ khắp các thần linh, nhưng không rõ còn mắc mưu chuyện gì mà công chúa chưa khỏi. Chúng tôi được lệnh tới mời Y Lóa tới giúp vua chúng tôi.

Y Lóa hoảng quá, vội từ chối, nói là mình không có biết ngửi hít chi hết. Quan quân thì cho đây là Y Lóa từ chối khéo nên nắn nì mãi. Y Lóa không từ chối được, bèn quanh co:

– Nhà của vua Kinh xa qua, sức tôi đi không thấu.

Quan quân nói:

– Xa mấy thì cũng đã có ngựa và voi, không cưỡi được ngựa, voi thì đi cáng. Miễn là bạn chịu giúp nhà vua, tốn kém bao nhiêu chúng tôi cũng xin chịu hết.

Y Lóa chẳng còn có chi từ chối. Chàng bắt họ phải khiêng cáng cho chàng, nói rằng mình không quen cưỡi voi, cưỡi ngựa.

Nằm trên cáng Y Lóa nghĩ lung lăm. Không thể nói bậy bạ, dẽ dút đâu lăm, cũng không chắc đâu đã gặp may như các lần trước. Trốn thì làm cách nào mà trốn thoát bây giờ? Càng nghĩ, anh chàng càng sợ đến phát khóc được.

Đường xá gập gềnh, chật hẹp, cành cây vướng quặt cả vào cáng Y Lóa năm. Bỗng chàng nghĩ ra một mèo. Khoái quá, chàng bụm miệng cười một mình...

Lát sau, Y Lúa vờ buồn ngủ, ngáp rõ to. Và đợi khi qua rùng tre, chàng vờ ngủ say, gật hẳn đầu ra ngoài cáng, cho gai tre cào sút mũi, chảy máu. Lúc đó chàng la thật to:

– Ồ sao các anh chọn cho tôi đi con đường đầy gai góc này? Gai tre cào hỏng mũi tôi rồi đấy!

Quan quân lo quá, chắp tay xin lỗi rồi rit. Y Lúa vẫn chưa thôi phàn nàn, kêu đau mũi. Và sau cùng chàng nói:

– Rủi ro, trên đường đi, do quan lính bắt cần kiêng cáng, để cành tre quết làm chảy máu mũi của tôi, tôi e rằng bây giờ nó mất thiêng rồi. Quý trọng nhà vua và công chúa, tôi xin ngủi và phán đoán bệnh tình của công chúa để có phương chạy chữa. Nếu may, khỏi được thì là điều may mắn được thần linh phù hộ, bằng không là do mũi chảy máu nên mất thiêng...

Vua dành chấp nhận đề nghị của Y Lúa. Và sau khi Y Lúa làm phép xong, nhà vua cho quan quân đưa Y Lúa về ngày và tặng chàng nhiều của cải quý báu, coi như để đền bù cái mũi bị chảy máu của chàng.

Còn Y Lúa thì mừng như vừa thoát được một tai nạn lớn.

THƠMÊNH CHÂY

(Dân tộc Khơme)

VÀI NÉT VỀ THƠMÊNH CHÂY

Thơmênh Chây vốn là một chuyện kể dân gian Campuchia. Khi đến định cư và sinh sống ở miệt đồng bằng sông Cửu Long, người Khơme Nam Bộ đã mang nó đi theo trong hành trang văn hóa của mình. Cùng với thời gian và chịu sự tác động của quy luật phát triển trong quá trình giao lưu văn hóa, truyện Thơmênh Chây cũng được “địa phương hóa” một phần. So sánh giữa truyện Thơmênh Chây của Campuchia và của người Khơme Nam Bộ, ta thấy về mặt chủ đề, nhân vật chính cũng như cấu trúc, về cơ bản giống nhau, nhưng một số tình tiết được thay đổi hoặc thêm bớt ít nhiều, một số địa danh, tên nhân vật được lấy ngay từ nơi cư trú mới.

Nhân vật trung tâm của truyện là Thơmênh Chây. Tính cách nhân vật đã được bộ lộ từ khi con là cậu bé lên bảy tuổi. Nhà nghèo, nên bà mẹ phải cho đi ở đợ nhà người để có cơm ăn. Thơmênh Chây không được may mắn học hành như nhiều đứa trẻ cùng lứa. Chàng làm đủ mọi công việc từ chuyện bếp núc, đi phục dịch, điều dom cho đến việc đi giữ ruộng rẫy ngoài đồng, chăn bò, chăn ngựa... Thơmênh Chây được vào cả nơi

cung vua, tất nhiên vị trí của kẻ hầu người hạ, và ngay từ đầu, chàng đã được gả phú hộ giới thiệu trước mặt nhà vua là “tên đây tờ thông minh và xảo trá”, một kẻ bất tri “có tài nói dối không ai bằng”. Điều đáng chú ý là ngay trong lần gặp gỡ đầu tiên này, ở nơi cung đình, Thomênh Chây đã lừa được vua, khi nhà vua “thử tài” chàng (truyện cầm nang để ở nhà). Thế rồi, Thomênh Chây đã nổi danh nhanh chóng về tài biện bác, cách ứng phó giỏi giang và trí thông minh hiếm có qua nhiều cuộc, mà kết cục bao giờ Thomênh Chây cũng là người thắng. Không hiếm trường hợp nhà vua và đám quần thần vừa thán phục, vừa ngỡ ngàng, cay đắng trước tài biện bác, giàu mưu trí của Thomênh Chây. (Trong các truyện: *Là gà trống nên khôn dẻ trứng*, *Ngựa của thần đây*, *Hai lần đấu trí với nhà vua*, *Lại một cuộc đấu trí*). Truyện kể Thomênh Chây chứa đầy kịch tính, nhiều tình huống gây cấn, căng thẳng với kết thúc thường rất bất ngờ, đã tạo nên một chuỗi tiếng cười khoái trá.

Từ chỗ bị coi thường, Thomênh Chây nhanh chóng trở thành nhân vật tài trí, thông minh, ứng phó linh hoạt, tiếng tăm ngày một lan rộng. Điều trớ trêu là chàng đã trở thành đối tượng ganh ghét, dố kỵ của đám quần thần dốt nát. Còn nhà vua thì bị ám ảnh bởi nỗi lo sợ ngai vàng có thể bị mất vào tay Thomênh Chây.

Triều đình đang đứng trước một mâu thuẫn là vừa muốn diệt Thomênh Chây mà lại vừa cần anh ta. Đó là trường hợp cử chàng ứng phó với âm mưu xảo huyệt

của xứ Tàu. Chính trong cuộc đấu trí này, Thomênh Chây đã cứu nhà vua một “bàn thua trông thấy” (trong truyện Giải lời đố xứ Tàu: lại đấu trí với xứ Tàu).

Nhưng rồi, qua bước gian nguy, người ta cũng quên đi chóng vánh công lao của Thomênh Chây. Chàng phải nhận một hình phạt oan uổng là bị dìm chết ở ngã ba sông theo lệnh nhà vua với tội danh “ngô nghịch, coi thường nhà vua, bất tuân thượng lệnh”. Nhưng rồi, Thomênh Chây đã thoát được trên đường đi đến hành hình bằng chính sáng kiến và tài của mình.

Sau những ngày sống chui nhủi, bất hợp pháp, Thomênh Chây lại được vời ra để ứng phò với sứ Tàu. Lần này, chàng lập công lớn và được trọng thưởng.

Nhưng cuối cùng, chế độ phong kiến với bản chất của nó, không thể nào dung nạp được mẫu người như Thomênh Chây. Có điều là, lần này nhà vua khôn khéo hơn. Để khỏi mang tiếng là kẻ sát hại nhân tài, nhà vua đã mượn tay người ngoài (vua Tàu) để diệt Thomênh Chây. Nhưng rồi Thomênh Chây không chết, Thomênh Chây bằng chính tài năng và bản lĩnh của mình đã vượt qua mọi cạm bẫy, thủ đoạn đen tối của bọn thống trị phong kiến.

THƠMÊNH CHÂY RA ĐỜI

Ngày xưa có một bà mẹ nông dân hiền hậu gần đến ngày sinh nở, bà hằng ôm áp biết bao nhiêu mơ ước tốt lành về đứa con yêu quý của mình sắp ra đời. Giác mộng đêm qua làm cho bà lưu luyến mãi cái hình ảnh bà di lạc vào giữa một rừng dừa xanh tốt, cây nào cũng trĩu đầy quả, quả nào cũng to, đẹp tròn trĩnh. Những con chim chích nhỏn nhơ vui chơi thỏa thích dưới những thân dừa cao vút. Cả khu rừng rộn rã tiếng chim.

Ngày hôm sau, bà sắm sửa lễ vật đến nhà người thầy bói để xem số phận đứa con tương lai. Nhưng rủi cho bà, ông thầy bói đi vắng, chỉ có vợ ông ta ở nhà. Bà này có biết vô vã ít nhiều nghề bói toán, đã đoán hộ:

– Giác mộng của bà báo ứng trước cả rồi đây. Bà sẽ sinh một cậu con trai khau khỉnh, thông minh, nhưng rất tiếc, nó lớn lên phải đi ở đợ cho nhà người. Số phận đã đặt trước cho nó một cuộc sống cùng khổ, nghèo hèn.

Bà mẹ buồn bã, ra về, lòng nửa mừng nửa lo.

Ít lâu sau bà sinh được một người con trai, và đặt tên cho nó là Thomênh Chây.

Từ bé, Thomênh Chây đã có những nét khác thường. Nó ít khóc mà cũng ít ngủ, thường nằm im lặng, mở to đôi mắt nhìn lên mái nhà.

LẦN ĐẦU THUA CUỘC.

Khi đã biết đi, biết chạy, Thomênh Chây thường đến chơi những nhà trong sóc. Một hôm, đang chơi ở ngoài sân nhà một phú hộ – lúc này Chây đã lên bảy – bỗng nghe tiếng của bà chủ nhà. Thì ra, bà đã nhỡ tay đánh rơi con thoi đang dệt lọt qua sàn nhà xuống đất. Bà mới gọi Chây, nhở nhặt lên hộ. Thomênh Chây nghe vậy, liền hỏi:

- Cháu nhặt thoi hộ bà, bà cho cháu gì?
- Cho mày cõm dẹp!
- Nhiều không?
- Nhiều! Tất nhiên là nhiều.

Nhặt thoi đưa xong, Thomênh Chây không thấy bà ta cho cõm, hay nói năng gì, bèn nhắc bà. Lúc ấy, bà mới ngừng tay dệt, đi lấy cho Chây một bát cõm. Chây ché ít, giãy nảy không chịu nhận.

- Bà nói cho tôi nhiều kia mà?
- Bà ta liền lấy cái mủng, đổ thêm vào đáy mấy bát cõm nữa, rồi đưa cho Chây, nhưng Chây cứ chê ít, đòi phải cho nhiều hơn.

Ngay lúc ấy, lão phú hộ kẹp ô bước vào nhà. Nghe vợ kể rõ đầu đuôi câu chuyện, lão mới đi kiểm một cái nia, đổ vào đáy nửa số mủng cõm tràn lan mặt nia, còn nửa kia thì để trong thúng. Xong, lão gọi Chây, chỉ tay bảo:

- Đây chỗ nia, đây chỗ mủng, hai phần, phần nào nhiều tao cho mày bắt trước.

Chây chưa kịp suy nghĩ, chỉ tay vào phần ở cái nia, đáp:

– Phần này.

Lão phú hộ chợp lấy:

– Ấy! Mày lấy đi, nhiều quá rồi còn đòi gì nữa?

Thơmênh Chây ngồi xuống, cởi áo trải ra đựng lấy cõm dẹp trong nia, mang về. Đến nhà, Chây kể lại chuyện với mẹ, bị chê là ngốc đã thua mưu lão phú hộ. Chây tức lấm, định tâm sẽ có dịp trả đũa.

Lên mười tuổi, gặp năm mất mùa, nhà Thơmênh Chây hết sức túng bấn. Cha của Chây đau nặng rồi qua đời. Chây nói với mẹ đến nhà phú hộ vay tiền về làm đám ma cho cha. Mẹ Chây không nghe, Chây nói với mẹ:

– Mẹ cứ đi vay! Con sẽ đi ở đợ cho lão để trừ nợ.

Mẹ Chây cứ ngần ngại, nhưng rồi cùng đường, bà dành đứt ruột đem con cho đi ở đợ nhà phú hộ để lấy tiền về làm lễ hỏa táng cho chồng.

Lão phú hộ thấy Thơmênh Chây lanh lợi nên nhận lời. Lão nghĩ nhà có nhiều ruộng, trâu bò hàng mấy trăm con, tiền lão cho vay khắp vùng. Nhất là lão quen biết khá rộng rãi. Nuôi Chây để làm các việc trong nhà, và khi đi đâu, bắt nó theo hầu cung tiện.

Về phần Thơmênh Chây, trong thâm tâm vẫn mong có dịp trị thói xảo trá của lão, đã từng lừa dối một đứa trẻ nên nhẫn nhục làm người ở đợ.

TÔI KHÔNG DÁM NHẶT

Một hôm, lão phủ hộ có việc vào triều đình nghe bàn chuyện buôn bán. Ông ta sai Thomênh Chây theo hầu hạ. Trước khi đi, ông chủ dặn kỹ Chây là bất cứ thế nào cũng phải theo kịp ngựa, phải đến nơi cùng một lúc.



Khi đi theo hầu, Thomênh Chây được chủ giao mang theo một mâm trầu cau, đã chọn lựa tử tế. Chây vừa đi vừa chạy gần suốt chặng đường dài mà cũng không kịp bước của con ngựa. Trên đường đi, chủ cưỡi ngựa và kẻ hầu cách xa nhau dần.

Đến nơi thiết triều, lão phú hộ chờ mãi, nét mặt kém vui, vì nóng ruột không có trầu cau mời khách. Vừa trông thấy Chây là mắng ngay:

– Sao mày chậm thế? Tao lấy trầu thuốc đâu mà mời các quan?

– Thưa ông, tôi sợ đổ trầu thuốc, nên không dám chạy mau ạ!

Nghe có lý, ông ta bớt giận.

– Không được! Lần sau mày phải ráng chạy theo kịp tao. Dù bên đường có việc gì cũng mặc. Hôm nay, lỡ lần đầu, tao tha cho.

Mấy hôm sau, lão phú hộ lại có việc vào triều. Lần này, Chây cố chạy kịp con ngựa của chủ, mặc cho trầu cau văng tung tóe ra ngoài. Đến nơi chưa kịp nghỉ cho lại sức, thì ông chủ đã lên mặt oai vệ:

– Này Chây! Mấy hãy mang ngay trầu cau lại đây cho ta!

Đang ngồi gần cuối phòng, Thomênh Chây từ từ đi lên, cung kính bê mâm phủ vải đỏ, đặt trước mặt chủ. Xong việc, cậu lễ phép lùi về vị trí của mình.

Thấy vậy, lão phú hộ tỏ ý vừa lòng, hô hởi trước các quan. Ông ta tự tay mở chiếc khăn phủ mâm, định lấy trầu cau mời các quan. Nhưng, hỡi ôi, đó chỉ là cái mâm không! Bị cụt hứng bất ngờ, mặt lão phú hộ dần dần biến sắc, sa sầm, căm giận, lão hất hàm bão:

– Chây! Tại sao mày để rơi hết trầu cau?

Thơmênh Chây ngoan ngoãn trả lời:

– Thưa ông, con đã nghe lời ông phải cố hết sức chạy theo ngựa cho kịp bằng ông, vì vậy mọi việc xảy ra dọc đường con đâu dám để ý, trầu cau rơi, con cũng có trông thấy, nhưng không dám dừng lại để nhặt!

Biết mình đuối lý, lão chủ chỉ mắng mỏ bằng quơ vài câu cho qua chuyện.

– Thôi được rồi! Từ nay đi đâu theo ta, tất cả những thứ gì rơi vãi phải cố nhặt lại cho hết nghe chưa. Nếu mày còn để mất sạch như hôm nay, tao sẽ đánh đòn!

Thơmênh Chây yên lặng, ra điều cẩn thận, để ghi lòng tạc dạ lời của chủ.

KHÔNG BỎ SỐT

Mấy hôm sau, lão phu hộ lại vào cung, cùng các quan chơi cờ. Khi Thomênh Chây lẽ mề đặt nhẹ hộp trầu trước mặt lão, lão cẩn thận đưa tay nâng thử. Lần này thấy nặng hộp, lão yên trí. Trong lúc chờ đợi, lão lên tiếng trịnh trọng:

– Xin mời các quan dùng với tôi miếng trầu, điều thuốc cho vui.

Nói xong, lão mở nắp và lật tấm khăn diều lên. Nhưng hời ôi! Hộp đầy phân ngựa lắn với trầu, cau, thuốc, bát nháo cả lên. Mùi hôi xông lên khó chịu.

Thẹn chín người, lão cáo lỗi, xin phép mang hộp ra ngoài. Thấy mặt Chây, lão liệng cái hộp cho nó, mặt hầm hầm lên ngựa ra rồi chạy về nhà.

Đến nhà, lão vớ một cây gậy kéo Chây ra sân quát tháo:

– Sao mày dám hỗn láo, bỏ phân ngựa vào hộp trầu để làm nhục tao?

– Thưa ông chủ, oan cho tôi! Ông bảo sao tôi làm vậy. Ông bảo đi sau ông có gì cứ nhặt cho hết, không thì ông đánh chết. Nay tôi nhặt sạch, không bỏ chút gì, ~~đang~~ lại đòi đánh tôi, là làm sao? – Nó bù lu bù loa, làm vang cả lện. Lão phu hộ cũng thấy tự mình vô lý, nên chỉ phang nó một gậy để ra oai rồi phải ngưng tay.

– Ngu như mày thì không nên đến cửa sang nhà quý, cho mày đi giữ bò cho biết tay...

CHÂY CHĂN BÒ

Buổi sáng, lão phú hộ gọi Chây dậy thật sớm, dẫn ra chuồng bò dàn giọng:

– Đồ ngu! Từ hôm nay trở đi, tao giao cho mày dàn bò này, mày không hồn thì giữ cẩn thận, giữ cho thật kỹ. Nghe chưa?

Chây chỉ cúi đầu vâng vâng, dạ dạ. Đợi lão đi khuất, nó mới mở cửa chuồng, lùa bò đi. Đến một nơi xa có lùm cây rộng, nó cột tất cả bò vào các gốc cây, rồi đi tìm trái cây, bắt chim, chơi chán lại nằm ngủ khì. Đến nhá nhem tối, Chây mới lùa bò về. Lão phú hộ đứng đợi ở cửa chuồng, thấy dàn bò bụng đói lép xẹp, bèn mắng Chây:

– Mày chăn bò gì mà bụng con nào con nấy lép xẹp thế này?

– Thưa ông chủ, ông bảo tôi giữ cho thật cẩn thận, giữ cho thật kỹ, nên suốt ngày tôi phải đếm đi đếm lại mấy chục lân, không thiếu con nào. Ông không dặn, tôi đâu dám cho bò ăn gì, nhỡ ra, bò ăn bậy bạ lăn ra chết, thì khốn cho tôi biết mấy. Tôi giữ kỹ lắm! Thưa ông.

– Thôi được! Mày kỹ là tốt, nhưng phải để cho bò kiếm ăn chức. Sao mày ngu vậy! Ngày mai mày phải để cho bò ăn thật no nghe chưa?

Chây lại vâng vâng dạ dạ, tỏ ra là biết nghe lời chủ.

CÒN NGUYÊN

Hôm sau, Thơmênh Chây thả bò chạy rông, vào rẫy ăn hoa màu, xuống ruộng ăn lúa mới trổ của người ta. Con nào con nấy no cành. Nhưng đến chiều, các chủ ruộng, chủ rẫy biết được mới bắt bò giữ lại, đòi bồi thường. Lão phú hộ giận quá, bắt Chây đi gọi mẹ đem tiền đến mà chuộc lại bò cho lão. Cây cãi lại:

– Hôm qua tôi chăn giữ kỹ, thì ông chủ bảo thả bò ra cho bò kiếm ăn thư thả. Nay tôi thả bò ra, cho ăn no cành bụng thì ông chủ lại bắt mẹ tôi đền. Ông là người lớn, sao đòi chuyện kỳ cục vậy?



Trước mặt đông người lớn tuổi trong sóc, lão phú hộ cũng thấy khó biện bạch, nên đành chìa tiền ra chuộc bò.

Về nhà, lão gọi Chây bảo:

– Mày là đứa ngu độn, tao chưa từng thấy. Mày chưa biết quý ruộng, quý rẫy là gì, nên mày mới để bò ăn phá của người ta. Ngày mai tao cho mày giữ ruộng, giữ rẫy cho tao. Giữ sao cho đừng thất thoát.

Ngày mai ra rẫy, Thomênh Chây leo lên chòi, cột chặt mo rơm, treo kẽ bầu nước, nằm ngủ luôn mệt giấc. Đến trưa, ăn cơm xong, hấn lại đi chơi. Mặc cho trâu bò ùa vào ruộng rẫy ăn phá hết lúa và hoa màu. Trời chiều mát, lão phú hộ ra thăm ruộng rẫy thấy lúa, khoai bị trâu bò người ta ăn trụi từng chòm, lão giận lắm. Nhìn thấy Thomênh Chây đang thong thả dạo chơi远远 xa, lão gọi lại bảo:

– Chây, mày làm gì远远 đó? Sao mày không coi giữ ruộng, giữ rẫy thế này?

– Thưa ông chủ! Tôi đang coi đất远远 ấy mà! Tôi coi đất buổi chiều có khác đất buổi sáng không ạ.

– Mày biết gì mà khác với không khác hả? Mày giữ ruộng, giữ rẫy mà để bò, trâu phá sạch sành sanh thế này hả thằng ăn hại?

– Thưa ông chủ! Ruộng ông không mất một miếng, rẫy ông không hao một tấc. Ông bảo coi ruộng rẫy, tôi đã coi chú đáo. Tất cả những gì của ông chủ vẫn còn nguyên.

Nhin số khoai, lúa bị hư hại, lão đên tiết thốt lên:

– Đồ khốn!

"CHÔN GẠO"

Hôm sau, hai vợ chồng phú hộ dậy sớm, diện quần áo đẹp, sửa soạn ra đi. Lão chủ gọi Thomênh Chây bảo:

– Mày ở nhà gánh nước đổ đầy lu rồi “đâm bai”. Đến trưa tao với bà mày mới về.

Tiếng Khơme “đâm bai” vừa có nghĩa là nấu cơm, vừa có nghĩa là chôn gạo. Thomênh Chây chỉ gánh chiếu lè hai hũ nước đổ thêm vào lu, rồi lấy nồi ra đổ đầy gạo vào. Thay vì nấu cơm, Chây đào lỗ chôn cả nồi gạo dưới đất.

Lão phú hộ về, thấy nước không đầy lu, bếp núc lạnh tanh, cơm nước chưa có. Lão tức lấm, quát gọi Chây.

– Sao mày dám sai lời tao dặn? Bảo gánh nước đổ đầy lu rồi “đâm bai”, mà bây giờ lu chưa đầy nước, bếp lại lạnh tanh là nghĩa làm sao?

– Ông bà chủ ra đi từ khi chưa rạng sáng, là tôi gánh liền đầy lu nước. Bây giờ đã gần chiều, trời nắng như thiêu như đốt thế này thì nước nó bốc hơi bớt đi hồi nào tôi không hay. Còn “đâm bai” là tôi ý theo lời ông chủ. Tôi “đâm bai” ở đây, dấu còn sờ sờ ra đó. Vừa nói Chây vừa chỉ chỗ đất mới lấp, nói có chôn nồi gạo.

Lão phú hộ nghe hụt hụt kêu trời:

– Ối ông Tà ơi! Thôi mày đừng lý sự, đi nhóm lửa mau
cho bà mày nấu cơm. Tao đói quá rồi! Mấy hãy ra ao gánh
nước vào cho tao “nguốc túc, nguốc phốc” kéo nóng quá.



Tiếng Khơme thường nói tắm là “nguồn túc, nguốc phốc” nghĩa đen là “tắm nước, tắm bùn”. Nhóm lửa

xong, Chây liền đội hũ ra ao múc cả nước lắn bùn, rồi đem về cho lão phú hộ tắm.

Đến khi lão phú hộ đội phải vào người thứ nước bùn tanh tưởi, bầy nhầy, lão tức lộn gan lên, quát tháo ầm ī:

– Thằng Thomênh Chây chó chết! Mày gánh nước bùn cho tao tắm hả?

– Bùn chứ không bùn là gì nữa!

– Ai bảo mày gánh bùn?

– Ông chủ bảo chứ còn ai? Ông bảo gánh nước về cho ông “nguốc tức, nguốc phốc” chứ gì nữa.

Từ đó lão ghét Chây thậm tệ. Nhưng đuổi hắn về thì sợ mất tiền. Lão đang tính kế ...

GỌI ÔNG CHỦ

Hôm ấy, có vị quan ở cùng sóc mời lão phú hộ đến nhà chơi. Mải mê trò chuyện, đã quá bữa cơm mà lão chưa về. Bà vợ bảo Chây đi tìm.

– Này Chây! Mày đi gọi ông về ăn cơm. Muộn quá rồi còn gì?

Vâng lệnh bà chủ, Thomênh Chây chạy đi ngay. Chưa đến cổng, Chây đã lớn tiếng gọi:

– Ông chủ ơi! Bà bảo về ngay ăn cơm. Muộn quá rồi mau lên!

Không có tiếng trả lời. Chây chạy đến gần hơn, hét vang trước cổng:

– Ông chủ ơi! Bà bảo ông về ngay ăn cơm. Muộn quá rồi còn gì?

Lão phú hộ đã nghe tiếng gọi và biết là Thomênh Chây đến. Ngượng mặt với chủ nhà, ông ta cứ làm như không nghe tiếng ... Biết vậy, Chây tiến đến gần, ghé vào tai ông chủ nói to:

– Thưa ông chủ, bà nhà sai tôi đi mời ông về ăn cơm. Muộn quá rồi còn gì?



Ngượng ngùng trước mặt vị quan chức, lão đứng đây nói mấy câu khóa lấp, rồi cáo từ.

Trên đường về, lão mảng Chây:

– Mày là thằng quá ngu đần, không biết phép tắc là gì cả. Tao đang ngồi chơi với quan, oái như vậy mà mày lại la tướng lên, gọi tao về ăn cơm om sòm thì còn ra cái thể thống gì nữa?



– Thưa ông chủ, tôi đâu dám thế. Bà chủ bảo sao tôi làm đúng như vậy, đâu dám sai lời.

– Mày ngu quá đi thôi! Bà mày bảo như vậy, còn mày phải biết phép tắc nhà quan chứ? Lê ra mày phải đến gần bên tao, đứng nghiêm chỉnh, khoanh tay cúi đầu, thưa nho nhỏ, chứ sao mày lại hét tướng lên như quất trâu, quất bò? ... Mày mà không tập ăn nói cho có khuôn phép, thì khổ suốt đời thôi con ạ!

CHÂY CỨU HỘ

Dang coi gặt lúa ở ngoài đồng, lão phú hộ thấy Thomênh Chây từ xa chạy đến. Trước mặt chủ, Chây đứng nghiêm, vòng tay nói nho nhỏ:

- Dạ, dạ... Thưa ông chủ, bào goi ông chủ về.
- Về làm gì?
- Dạ thưa bà nói ông chủ về gấp, vì nhà mình cháy.
- Ối trời đất ơi! Sao mày không nói to cho lẹ lên?

Vì cái bụng phê nên chạy chậm, lão bùn bảo Chây chạy lẹ về trước, giúp bà và coi có đồ gì nhẹ nhàng thì vác ra trước. Chây về đến nhà, vội tìm một mớ ổ gà bung ra để đầy một góc sân.

Khi dập tắt được ngọn lửa, lão phú hộ mới gọi mọi người gom lại đồ đạc đã cưới được. Người lôi những hòm xiềng, tủ bàn, kẻ bưng bát đĩa, quần áo... Khi hỏi Chây cứu được gì nói bảo:

- Thưa ông chủ, tôi cứu được rất nhiều ổ gà để đầy một góc sân.

Lão phú hộ đến xem thấy một đống ổ gà lót bằng rơm ngổn ngang, thì bật ngửa người ra.

- Mày cứu cái thứ này đây hả. Đồ khốn nạn!

– Thưa ông chủ, ông chủ bảo cái gì nhẹ thì vác ra trước mà. Thứ này không những nhẹ mà còn dễ bắt lửa, không cứu gấp thì nó cháy bén còn gì.

– Mày khôn hồn thì đi dò tìm xem đứa nào là thủ phạm làm cháy nhà tao, để tao trị ba đời nhà nó.

Cháy chạy vào phía nhà bếp, gạt tro nhặt ba ông đầu rau đem ra trình ông chủ và trình trọng thưa:

– Thưa ông, chính dây đúc thị là thủ phạm đã làm nên đám cháy. Lửa từ chỗ dây cháy lan khắp cả nhà. Đó là sự thật, nó không thể chối cãi được. Nếu sai lời, tôi xin hoàn toàn chịu tội, hoặc bắt cứ một hình phạt nào của ông chủ.

Nghe lý lẽ của Thomênh Chày, lão phú hộ d่าง im lặng: “Thằng Chày này ghê gớm quá, nó luôn luôn tìm cách làm nhục và hại ta. Nếu ta cứ tiếp tục sử dụng sẽ có ngày tài sản ta bị tan hoang, chỉ bằng ta tìm cách cho nó đến ở với vua, để ta được giải thoát”.



ĐẾ Ở NHÀ

Ngay sớm hôm sau, lão phu hộ đến triều đình và đưa Thomênh Chây đi theo. Sau khi cung kính làm hết các thủ tục chào hỏi, lão tâu với vua:

– Muôn tâu đức vua! Thần xin có lời kính cẩn thưa rằng: thần có một tên đầy tớ rất thông minh, xảo trá, không ai có thể bắt tội nó được. Thần tin rằng trong triều cũng không ai có tài nói dối bằng nó được. Kẻ hạ thần này xin kính dâng **đeo** vua để đức vua sử dụng. Tên nó là Thomênh Chây đấy ạ!

Vừa nói dứt lời, hắn chỉ tay về phía Chây đang đứng.

Đức vua liền gọi:

– Chây! Có phải đúng như vậy không?

– Tâu đức vua, ông chủ tôi nói đúng!

– Bây giờ, ngay bây giờ, người thử nói dối ta xem.

Đức vua bảo:

– Tâu đức vua, nói dối phải có sách, thật quả tình nếu muốn nói dối ngay bây giờ như nhà vua phán bảo thì khó lắm ạ, vì thần đã để cuốn cẩm nang ở nhà rồi.

– Được, cho phép ngươi chạy về ngay, lấy đem đến đây!

– Tâu đức vua, tốt nhất đức vua hãy cho người di lấy hộ ở nhà thần.

Vua thấy mình thắng thế, bảo luôn:

- Được, nhà ngươi để sách ở đâu ta sẽ sai quan lính đi lấy cho.
- Tâu đức vua, thần gởi sách cho mẹ giữ ở nhà.

Thế là vua sai quân lính đi ngay. Lão phú hộ thấy Thomênh Chây có vẻ núng thế ngay từ buổi mới ra mắt vua, thì rất khoái chí. Lão nhanh nhẩu xin dẫn đường. Lát sau, đoàn người ngựa trở về tâu vua là mẹ Chây bảo từ lúc sinh cho đến bây giờ, Chây chưa từng được đi học, chưa biết đọc, thì làm gì có sách.

Thấy Chây vẫn tinh bơ đứng đấy, vua chỉ vào mặt Chây hỏi:

- Tại sao ngươi dám bảo sách để ở nhà, mà đến hỏi mẹ ngươi lại bảo không có?

Chây thong thả quỳ xuống:

- Tâu đức vua cao cả! Đây là thần đã tuân lệnh trên, xin thỏa mãn yêu cầu lần đầu của vua đây ạ!

Nghe Chây nói, mọi người chung hứng. Nhà vua chỉ gật gù mấy cái, rồi vờ nghiêm nét mặt để chữa bệnh. Những người chung quanh ai cũng nín cười muốn tức bụng, sợ bật ra làm vua cáu tiết.

LÀM GÀ TRỐNG

Một hôm nhân vua và các quan hội họp, vui chơi trong nhà thủy tạ trên sông, vua mới bày chuyện để bắt tội Chây. Không cho Chây biết trước, vua chỉ dẫn các quan giấu theo trong người một trứng gà. Giữa chừng vua phán các quan:

– Các người hãy xuống tắm, và mỗi người hãy để ra cho ta một quả trứng gà. Ai lên khỏi mặt nước mà không có trứng thì phải bị phạt.

Chây đứng nhìn mỗi quan tuân lệnh nhảy xuống tắm, khi leo lên nhà sàn, đều cầm một quả trứng đưa lên. Nhanh như cắt, Chây để nguyên quần áo, nhảy luôn xuống nước. Một lát sau vừa leo lên, Chây đưa hai tay vỗ vào đùi mình, giả bộ làm con gà trống, rướn cổ gáy thật to:

– Ô...ó...o...o!

Vua hỏi:

– Trứng của ngươi đâu?

– Tâu đức vua cao cả! Thần là gà trống, nên đâu có để, nó chỉ giúp gà mái đẻ trứng thôi!

Vua thấy Chây có ý chế nhạo trò phù phép vừa bịja, nhưng cũng khen thầm Chây thông minh, nhanh trí, nên cũng cười xòa rồi bỏ qua.

NGƯỜI CỦA THẦN ĐẤY

“Ta phải tìm mọi cách để đo lường mức độ thông minh của nó”, vua luôn luôn nghĩ như vậy về Thomênh Chây. Vua lại cho tập hợp các quan văn võ trong triều lại, và báo cho họ biết trước việc đi chơi ngày mai, ai cũng phải lo chuẩn bị một con ngựa, nhưng không báo cho Thomênh Chây biết trước để chuẩn bị.

Đến lúc sắp lên đường, ai nấy đều đã gióng yên cương sẵn sàng, vua gọi Thomênh Chây đến và nói:

– Chây, ngay sớm nay, người hãy đi theo hầu ta. Và nhớ rằng người phải tự tìm cho được một con ngựa mà cưỡi thì mới kịp ta. Trái lệnh thì ta trị tội đấy.

Không phải bận tâm lo lắng, Thomênh Chây đến bên bàn cờ tướng nhặt một quân mã, rồi tinh bơ giấu trong túi áo. Đoàn quân lên đường, chàng lóc cóc chạy bộ theo sau. Tới nơi dựng lều nghỉ, vua thấy Thomênh Chây có mặt kịp thời thì tỏ ra vui mừng. Chợt không thấy ngựa của chàng đâu, vua bèn nói:

– Này Chây, ta đã ra lệnh cho ngươi phải đi theo ta bằng ngựa, tại sao ngươi đến cùng lúc với ta mà lại không có ngựa cưỡi?

Thomênh Chây cung kính đáp:

– Tâu đức vua, thần vẫn có ngựa đấy ạ, chỉ có điều là ngựa của thần hơi nhỏ một tí. Vừa nói, Chây vừa xòe bàn tay ra trước mặt vua, trên có con “mā” bồng sừng.

Vua ngán ngẩm cho miệng lưỡi trí trá của Chây, nhưng trong bụng không thể không thầm phục sự ứng phó thông minh của con người này.



NHỆN SÔNG BẦNG GI

Bi Chây chơi cho nhiều vố, nhà vua tức giận lấm nhưng không có cách gì bắt tội được Chây, vì vậy lúc nào vua cũng nghĩ kẽ...

Một hôm, vua ra lệnh cho Chây đi dọn dẹp, quét tước và lau chùi đồ đạc dưới gầm sàn, nơi các cung phi và mỹ nữ ở.

Thơm ênh Chây, mồ hôi nhễ nhại đang quét dọn dưới gầm sàn, bỗng dám cung phi, mỹ nữ cứ đi lại, dùa giỡn làm rơi bụi trên đầu mình thì đám tức. Không kìm được, Chây buộc miệng thốt lên:

– Mấy con đĩ rặc rài, sống chết nhờ vào cái lỗ... đít mà không biết thân, cứ hí ha hí hùng trên đầu người ta.

Bị chửi đau, các cung phi, mỹ nữ tức lấm, bèn cho người tâu mách vua. Vua dùng dùng nổi giận, cho đòi Chây tới, quát ngay:

– Sao mày dám lộng hành chửi các cung phi, mỹ nữ của ta?

– Tâu đức vua, thần đâu có dám. Có bao giờ thần trông thấy mặt các bà đâu mà dám nói nǎng càn dở.

– Thật mày không đứng dưới gầm sàn mà chui lên à?

Chây đưa bàn tay vỗ mấy cái lên trán, làm ra bộ vừa nhớ ra:

– Trời đất ơi! Thần đâu dám vô lẽ với các bà. Có lẽ các bà đi qua chỗ thần đang quét dọn, bụi và váng nhện bám đầy người, nghe thần than rằng mấy con nhện báo hại chỉ sống vào cái lỗ đít, rồi các bà suy ra, tự vơ vào mình. Đúng là không có lỗ đít làm sao chúng giăng tơ đầy các nơi như vậy để thần phải quét vất vả. Vua thấy Chây nói có lý, bèn đánh trống lảng.

– Thôi cứ về làm việc đi!

Trong khi đó các cung phi, mỹ nữ nhìn Chây bằng cặp mắt thù ghét.



HAI LẦN ĐẤU TRÍ

Mặc dù đã tìm mọi mưu mẹo, nhà vua vẫn chưa có cách nào để bắt bẻ Thomênh Chây. Một hôm, vua nghĩ ra trò chơi chơi gà. Điều kiện của cuộc thi chơi gà là buộc Chây phải tự lo lấy trong vòng mười ngày để có một con gà chơi thi với con gà của vua.

Cuộc thi bắt đầu theo lệnh vua ban, có đủ quan khách dự. Quản thần chọn con gà chơi to khỏe nhất cho nhà vua, mang ra sân thi đấu. Chây cũng mang theo một chiếc lồng chung quanh bọc kín vải, bên trong nhốt một chú gà con chưa lέ mẹ.

Vua thấy vậy liền hỏi:

- Chây! Gà chơi của người đâu, sao mà bọc kỹ thế?
- Tâu đức vua, xin đức vua cứ cho gà vào trường thi đấu; gà của thần xin sẵn sàng nghênh tiếp.

Thế là gà chơi của vua lệnh nghênh bước ra sân đứng ngơ ngác. Vua lại giục:

- Chây! Còn đợi gì mà người chưa thả gà của ngươi ra?

Thomênh Chây vẫn bình tĩnh chấp hành lệnh của vua. Chàng nhẹ nhàng mở chiếc lồng kín. Một chú gà con chập choạng bước ra. Đang từ trong bóng tối, bỗng

gặp ánh sáng lóa mắt, chú gà con tưởng gà chơi của vua là gà mẹ, liền chạy lại xông vào dưới bụng, chui đầu vào nách con gà chơi. Gà chơi của vua nhột quá, giật lùi dần, lui dần rồi đâm đầu chạy.

Thơmênh Chây vỗ tay reo to:

– Thắng rồi! Thắng rồi! Gà của vua không đủ can đảm để chống lại “người anh hùng trẻ tuổi”!

Bẽ mặt trước các quan thần văn võ, nhà vua quát:

– Sao người dám đưa gà con vào đây thi đấu?

Thơmênh Chây đáp:

– Tâu đưa vua! Đức vua chỉ hạn cho thần trong mười ngày phải có gà thi đấu, nên con gà của thần chưa kịp lớn đầy thoi ạ.

Dường như vua cũng thấy ý kiến của mình vừa rồi có phần vô lý, nên im lặng, đi vào.

Cuộc đấu như thế là kết thúc.

Sau trận thu này, vua rất cay cú, bèn nghĩ cách thi chơi trâu. Vua ra lệnh chọn một con trâu đực to, lông đen mượt, sừng nhọn, mắt đỏ sọc. Nhìn con trâu, vua thích lăm, chắc mẩm lần này sẽ thắng cuộc. Vua phán bảo Thơmênh Chây:

– Ta cho phép ngươi một tháng để tìm và vỗ béo một con trâu để thi chơi với trâu của ta.

Chây vẫn cứ ung dung vui chơi, coi như không có chuyện gì xảy ra. Còn hai ngày đến cuộc chơi trâu, Chây mới đi thuê một con nghé còng đang bú, đem về

nhốt lại. Đến giờ thi đấu, Chây thả con nghé khát sữa vào đấu trường. Nó cứ rúc xuống bụng con trâu đực của nhà vua để tìm vú bú. Trâu đực nhột quá, cứ tránh xoay vòng. Cuối cùng, chịu không nổi, nó bỏ chạy. Con nghé thấy thế lại càng đuổi theo. Thế là Thomênh Chây vỗ tay reo to giữa ba quân thiên hạ là trâu chàng thắng to. Mọi người đi xem cũng vỗ tay reo hò thích thú.

Vua giận quá, nhưng không biết làm sao, đành lén ngựa cùng các quan hầu về cung, rồi truyền lệnh từ nay cấm cửa không cho Chây vào cung nữa.



TIẾP TỤC ĐẦU TRÍ

Thomênh Chây trở về nhà với mẹ. Trong lòng Chây vẫn muốn tìm cách chống lại cái lệnh độc đoán kia của nhà vua. Nhân ngày rằm theo lệ thường, vua hay triệu ông lục cả vào cung lễ Phật, tụng kinh cầu cho vua và hoàng tộc được mọi điều tốt lành. Chây đứng ra giữa đường, đợi ông lục cả đi đến, Chây chào rồi hỏi:

– Ông lục cả xem mái tóc tôi đẹp như đuôi công, còn cái đầu ông lục trọc lóc như mông đít của tôi.

Xưa nay, mấy ai dám dám hồn với một vị sãi cả, nhất là ông ấy đang được vua trọng vọng. Ông lục cả vào đến cung, liền tâu vua về tội láo xược của Chây.

Về phần Chây, sau khi chọc giận được ông lục cả, liền tìm đến các quan khoe rằng vua sắp ra lệnh triệu Chây vào cung.

Các quan đều biết chuyện vua cấm cửa không cho Chây vào cung, nên ai cũng cười, không buồn cãi lại. Cùng vừa lúc ấy có quan hầu của vua tìm bắt Chây vào cung.

Khi vua hỏi, thì Chây chối đây đẩy:

– Hạ thần đâu dám xúc phạm tới ông lục cả như thế. Chắc rằng ông lục và các quan hầu nghe lộn. Thần nói đâu ông lục không có tóc, không có tội được vua trọng vong, cho vào cung. Còn đâu thần lấp tóc, nên

nhiều tội, bị đức vua ghê bỏ, không được vào cung hầu đức vua.

Lúc ấy, vua mới sực nhớ là mình đã ra lệnh cấm không cho Chây vào cung. Vua nạt luôn:

– Ta không còn muốn nghe người nói hưu, nói vượn nữa. Ta cấm ngươi, từ nay không được nhìn mặt ta. Rồi, vua hô quân lôi Chây đuổi ra khỏi hoàng cung.



KHÔNG DÁM NHÌN VÀO MẶT VUA

Nhà của Thomênh Chây nằm ngay cạnh đường đi ra chợ lớn. Được biết tin ngày mai vua cùng các quan thần đi thăm chợ, tất cả các khu nhà ven chợ đều dọn dẹp trang hoàng cho gọn đẹp, để nghênh vua đi qua.

Riêng nhà Thomênh Chây vẫn cứ y nguyên. Chờ đến lúc vua sắp đi qua nhà mình, chàng mới lấy dao khoét một lỗ lớn trên vách, rồi lấy vôi trắng vẽ một khuôn mặt và mông đít mình, sau đó cùi chỏng mông qua lỗ khoét quay ra đường.

Đến đây, nhà vua thấy lạ mắt, một vật gì giống như mặt người, có mồm, mắt mũi, mà lại không phải là mặt người. Vua lại sai người vào tận nơi xem cho tường tận. Sau khi biết rõ sự việc, vua căm tức cho đòi Thomênh Chây ra trị tội. Chàng vẫn cung kính rằng:

– Tâu đức vua, thật tình thần không dám có điều gì hồn xược. Vì sự trùng phạt của đức vua, thần vẫn con nhá, thần không dám đưa bộ mặt của mình ra nhìn dâng chí tôn, mà phải nằm quay mặt vào phía trong, khi vua đi qua. Sự việc có vôi trắng ở nơi đít tôi, chẳng qua do sơ ý ngồi phải đồng vôi nên bị dính bẩn, xin đức vua tha cho.

LÀM ĐÚNG LỆNH VUA

Dức vua tức điên người, vì Thomênh Chây đã sử dụng trí thông minh của mình để biện bác, lý giải cho hành vi có chủ tâm một cách trôi chảy, làm vua nhiều lần bẽ mặt. Nhưng nhà vua chưa biết làm thế nào trị được chàng, bởi vì muốn buộc tội Chây phải có lý lẽ.

Một hôm trong cơn giận giữ không kiềm chế được, đức vua đã sai các cung tần mỹ nữ đến nhà Thomênh Chây tha hồ ia bậy. Nếu Thomênh Chây chống lại hoặc có điều gì lôi thôi, vua sẽ cho quân lính đến lôi cổ ra đánh cho kỳ chết!

Những người thừa hành kéo đến nhà Thomênh Chây, báo rõ việc họ làm và nói đây là lệnh của vua. Thomênh Chây bình tĩnh đáp:

– Tôi không hề làm gì trái mệnh vua, vậy xin các bà cứ tự do ịa vào nhà tôi, chỉ xin có một điều là các bà hãy làm cho nghiêm túc, cấm ai làm việc gì khác ngoài chuyện ịa; nếu các bà vi phạm mà đái ra nhà tôi, thì tôi quyết không dung thứ.

Nghe xong, các bà hí hửng chạy tản ra khắp nhà trong, nhà ngoài rồi “bậy” ra. Chàng bình tĩnh chăm chỉ theo dõi hễ thấy ai mà đái thì chàng lấy roi quất thật lực vào mông. Cuối cùng, tất cả các bà ai cũng phải chịu đòn đau, vì đã vi

phạm điều quy định (bởi vì có ai ỉa mà nín đái được đâu); nhiều người òa lên khóc và kéo nhau về mách vua.

Vua cho người đến nhà Thomênh Chây, điều chàng về triều hỏi tội. Bốn lính của vua định dở thói hung hăng, trói Thomênh Chây trước khi giải về triều, chàng cứng rắn nói:

– Hãy khoan, các người không được phép trói tôi! Nếu các người làm liều, hãy coi chừng mạng mình! Ta chỉ cần một lời là các người chết ngay lập tức! Các người chưa từng biết ta là ai hay sao? Ta là Thomênh Chây – một người Khome chân chính. Các người hãy yết điều mà nghe ta, đừng làm ta buộc lòng phải nổi giận.

Bốn lính bàng hoàng, kinh ngạc trước những lời lẽ dường như có gì bí ẩn. Chúng đành chấp nhận và lủi thủi theo sau Thomênh Chây về triều.

Đến trước mặt đức vua, chàng cung kính cúi chào, mặc cho vua mắng nhiếc hồi lâu, chàng vẫn cứ im lặng.

– Thomênh Chây! Tại sao nhà ngươi dám đánh đuổi người thực hiện lệnh của ta? Nhà vua phán bảo.

– Dạ! Muôn tâu đức vua, tôi buộc phải đánh đòn lũ người ấy, là vì họ đã làm trái lệnh vua. Đức vua cho phép đến ỉa vào nhà tôi, chứ đức vua có cho phép họ đái vào nhà tôi đâu? Thế mà họ đái tràn lan ra. Tôi đã giao kết trước với các bà là phải làm đúng mệnh lệnh của vua. Nhờ đức vua anh minh xét cho!

Không có cơ gì để buộc tội Thomênh Chây được. Đức vua rất căm giận chàng, nhưng phải đành làm lơ.

GIÀI LỜI ĐỒ CỦA SỬ TÀU

Lời đồn đại về Thomênh Chây thông minh có tài ứng phó tuyệt vời đã vang đến tai vua Tàu.

Vua tàu nhân cơ hội, sai mấy vị quan và một mưu sĩ cùng với trên một trăm lính đi thuyền xuống phương Nam để tìm hiểu.

Trong thư, vua Tàu có nêu ra một số câu đố, yêu cầu vua phương Nam phải giải. Nếu giải đúng thì sẽ được ban thưởng; nếu giải sai, hoặc không giải nổi, thì phải chấp nhận những điều kiện ngặt nghèo của trưởng phái bộ Tàu đặt ra.

Đoàn sứ thần tàu mang đến ba quả dưa và yêu cầu đoán mỗi quả dưa có bao nhiêu hạt, rồi hẹn ba hôm sau sẽ đến nhận lời giải đáp.

Khi họ ra về rồi, nhà vua và quần thần họp bàn, ai nấy đều tỏ ra vô cùng lo lắng.

Vua bèn ra lệnh triệu Thomênh Chây vào cung, nói rõ những điều thách thức của phái bộ Tàu và phán:

– Nếu ngươi không đoán đúng được mỗi quả dưa có bao nhiêu hạt, thì nước nhà sẽ bị nguy to, và trước hết, ta sẽ chém đầu nhà người trước.

Chây xin vua về nhà suy nghĩ. Suốt hai ngày, Chây cứ nằm thở dài.

Tối thứ hai, Chây ôm mẹ khóc nức nở, rồi bỏ ra đi. Thì ra, anh khóc từ biệt mẹ lần cuối để ra sông tự vẫn, kết thúc cuộc đời da sự mà vô bổ của mình. Đến bờ sông, Chây nhắm mắt nhảy ùm xuống nước. Nhưng anh có biết đâu rằng, từ tấm bé, vốn tinh nghịch, bơi lặn đã thạo rồi, nên người anh, theo bản năng tự vệ, vẫn trôi lên. Anh ta nín thở, lặn sâu, bơi ra thật xa, mong đuối sức, không dè vẫn cứ trôi lên. Cuối cùng, đầu anh chạm vào một bánh lái của thuyền sứ tàu đang neo giữa sông. Chây bám vào bánh lái, ngoi lên. Bỗng anh nghe rõ từ khoan thuyền có tiếng bàn bạc, trao đổi về chuyện chúng sẽ vào triều gặp vua của Chây ngày mai. Một giọng nói cất lên:

“...Đây là thứ dưa đặc biệt vùng quê tôi. Quả nào méo, thì nhất định không có hạt. Quả nào suông dài thì luôn có hạt, mà chỉ có ba hạt thôi. Quả tròn, thì nhất định chỉ có một hạt. Vì thế mà từ xưa đến nay, ở quê tôi quý loại dưa này lắm”.

Không ngờ trong lúc cùng được tuyên vọng, Chây lại gặp điều may mắn bất ngờ. Chây mừng vui không sao tả hết được. Chàng lặn một hơi vào bờ, mang cả quần áo ướt chạy một mạch về nhà, ôm chầm lấy mẹ, cười ngất như điên.

Bà mẹ lúc đầu hoảng hốt, không biết việc gì...

Sáng ra, Thomênh Chây ăn mặc chỉnh tề, đi vào cung. Các quan lo lắng xúm nhau lại hỏi. Chây cứ mỉm cười và bảo mọi người cứ yên trí, không có gì đáng ngại cả.

Khi ba quả dưa được đặt trên khay so để trên bàn, viên quan Tàu cất giọng khệnh khạng:

– Xin mời các ngài lên tiếng cho!

Chây bình tĩnh đứng lên, đưa tay chỉ vào quả dưa thứ nhất nói:

– Quả này không có hạt.

Chây lại đưa tay chỉ vào quả dưa thứ hai:

– Quả này có ba hạt.

Cuối cùng, Chây chỉ vào quả dưa tròn:

– Còn quả dưa này! Thưa quý ngài, có chỉ có một hạt thôi. Không tin thử bóc ra xem.

Khi quả dưa được bóc ra, mọi người cùng ô lên một tiếng, vừa vui mừng, vừa sững sốt. Họ hết lời thán phục Thomênh Chây.

Riêng viên mưu sĩ của phái bộ vua Tàu vẫn hậm hực và cay cú. Hắn đoán là Chây có bùa chú mới có được đôi mắt thần nhìn xuyên thấu sự vật như thế. hắn liền quay sang phía Chây ngồi và nêu ra một câu hỏi, đề nghị Chây trả lời ngay tại chỗ.

– Ông quả là một người có tài. Vậy tôi xin hỏi ông: Có cách nào giữ miếng thịt heo được hai năm mà vẫn tươi tốt, không cần nướng, phơi khô hay ướp muối?

Các quan đều hướng cặp mắt về phía Chây lo ngại, hồi hộp chờ đợi. Chây bình tĩnh rót một chén nước, uống luôn một hơi rồi thủng thỉnh bắt đầu trả lời:

– Điều ấy cũng đơn giản thôi. Đêm ba mươi Tết, trước giờ giao thừa, người ta giết heo, thịt để đến sáng mồng một Tết năm sau, tất nhiên là vẫn còn tươi rói, không cần ướp muối, không cần sấy khô.



Nghe xong mọi người thở phào nhẹ nhõm. Riêng đoàn sứ Tàu thầm phục Thomênh Chây là một người thông minh, tài trí nhưng vẫn chưa chịu thua.

Thế là một câu đố khác được đặt ra. Câu đố ấy như sau:

– Quân lính tôi đông, có đến hàng trăm, người ta biểu cho một con chim nhỏ. Vậy người có tài gì làm cỗ bằng thịt con chim để cho mọi người cùng hưởng.

Thomênh Chây chẳng cần do dự, suy nghĩ, đáp lại ngay:

– Thưa ngài, tôi sẽ làm được theo ý muốn của ngài. Nhưng hiềm một nỗi con chim nhỏ quá, không có con dao nào thích hợp để mổ thịt. Tiện đây, có chiếc kim khâu, nhờ ngài sai người rèn giúp cho tôi một con dao để làm thịt chim, tôi sẽ thỏa mãn yêu cầu của ngài.

Bất ngờ sứ thần bị Thomênh Chây đưa vào bẫy, đành chỉ biết cười trừ, rồi im lặng.

Phái bộ Tàu đến bây giờ mới chịu Thomênh Chây là thông minh, tuy nhiên trong lòng họ vẫn mang nhiều ám ức. Trước khi cáo lui, viên sứ thần còn đưa ra lời thách thức.

– Quý quốc đã có người tài đáp được các câu hỏi, phái bộ chúng tôi tuân lệnh hoàng thượng của bốn quốc, sẽ nhường lại đoàn thuyền mười chiếc, với một trăm quân cho quý quốc sai phái. Vậy xin quý quốc đúc cho mười chiếc neo to vừa người ôm để ngày mai chúng

tôi trao thuyền lại. Ngày kia, chúng tôi trở về, không trễ nãi được. Xin các ngài chuẩn bị đủ số neo đó, và mai chúng tôi rao thuyền cho các ngài.

Đúc một chiếc neo sắt to bằng người ôm, trong một ngày biết đẽ làm nỗi chưa, huống hồ nay họ thách mười chiếc. Cả triều đình phân vân. Thomênh Chây vội đỡ lời, nói với các quan Tàu:

– Vâng, xin các ngài yên tâm. Đúng chiều mai, mời các ngài trở lại.

Sau khi phái bộ Tàu ra về, vua và các quan cùng Thomênh Chây họp bàn, Chây tâu:

– Việc phái bộ Tàu để lại cho ta quản lý 10 chiếc thuyền và 100 quân, điều ấy xin triều đình cân nhắc và quyết định có nhận hay là không nhận. Còn việc đúc mười chiếc neo thì thần xin lo.

Thomênh Chây xin ba chục lính sai đi gánh rơm về đánh thành con cùi, xếp hình mỏ neo, cỡ vừa người ôm, rồi chọn một mảnh đất bằng trống, đặt thành hai hàng dài cách đều khoảng sau đó châm lửa cháy.

Sáng hôm sau, phái bộ Tàu kéo đến. Chây đưa họ đến nơi chỉ rõ mười chiếc mỏ neo “bị nung quá lửa” – theo lời giải thích của Chây – còn bốc hơi nóng, và đề nghị họ nhận cho.

Thế là mọi việc đấu trí hơn thua đến đây đã rõ.

Ngày hôm sau đoàn sứ thần Tàu lên đường về nước, mang theo sự khâm phục tài trí con người phương Nam.

THOÁT CHẾT NHỜ TIẾNG HÁT

Khâm phục tài trí của Thomênh Chây, và hơn nữa nhà vua còn hàm ơn nhiều ở con người này, nhưng mặt khác sợ Chây một ngày nào đó có thể đoạt mất ngôi của mình, đức vua lo nghĩ ngày đêm, đến mất ăn mất ngủ. Một hôm vua cho gọi Chây vào cung và bảo:

– Ta nghĩ đến công của nhà ngươi trong việc đối đáp với phái bộ Tàu, lại đã nhiều phen giúp ta thoát khỏi hiềm nghèo, nên nay ta ban cho ngươi vùng đất ở cuối vịnh sông Đại Ngãi. Người đến đó được toàn quyền định đoạt để làm ăn mà hưởng lấy sự sung sướng.

Đó là một vùng đất mà phần lớn là ngập nước mênh mông, hoang vu, đầy lác, sú và đước, nằm trên trực giao thông thủy, thuyền buôn bán đi lại khá đông đúc.

Lúc này, Chây cũng nắm được ý đồ của vua, đồng thời cũng hiểu được cái vị thế của mình là không thể làm khác được, nên vui vẻ vâng lệnh đức vua.

Đến nơi, Chây liền bắt tay vào việc cẩm cọc, định khu vực, rồi thông báo cho các ghe thuyền qua lại biết rõ đây là vùng thuộc quyền kiểm soát của Thomênh Chây đã được vua ban. Do đó, khi thuyền bè qua lại phải nộp thuế, tuân thủ mỗi điều do Chây quy định.

Chây còn dùng tre thả nổi trên mặt nước hai bên dòng sông, nơi ghe thuyền thường qua lại, ngăn thành

những ô vuông, rồi rắc trấu vào các ô đó. Trấu nồi lèn běnh, ghe thuyền nào đi qua làm dợn sóng, trôi mất trấu, thì Chây giữ thuyền lại bắt bồi thường “hoa lợi” của anh ta. Nhiều ghe qua đây bị Chây bắt đền hàng lạng bạc nên nhiều người uất ức, kiện lên vua.

Vua cho gọi Chây về triều khiển trách và quy định cho Chây chỉ được phép thu thuế thuyền đi qua theo luật định của triều đình. Trở về, Chây tiếp tục thu thuế theo định mức do Chây đề ra.

Tiếng ta thán lại đến tai vua. Vua cho đòi Chây về hỏi. Trước mặt vua, Chây thanh minh là đã thi hành nghiêm chỉnh lệnh vua là đã lấy bát để đóng tiền thuế. Nhân cơ hội này, nhà vua muốn trừ bớt đi một tai họa về sau. Thêm nữa, lại có một số nịnh thần, do ganh ghét tài của Chây như: Chây tự định ra luật pháp, khơi ngòi dẫn nước, mở rộng việc khai hoang, gieo rác, nghi ngờ đối với người đứng đầu vương quốc v.v... nên nhà vua quyết trừ khử Chây. Chây bị khép vào một tội ngỗ nghịch, bất tuân thượng lệnh, rồi sai lính đem ra ngã ba sông dìm chết.

Án lệnh được thi hành ngay không chậm trễ.

Khi bị trói đưa đi trên sông, Chây kể lể với bọn lính:

– Đời tôi chưa làm hại ai, lại có khi đem chút mưu trí của mình cứu vua, cứu nước như các bạn đã biết. Nay lệnh trên lại khép tôi vào tội chết. Tôi không ân hận gì về việc mình đã làm. Nhưng trước khi chết, tôi xin các

anh cho tôi được hát ít câu, để linh hồn tôi được siêu thoát, khỏi hóa ra quỷ, ra ma ở nơi suối vàng.

Bọn lính cảm động đồng ý để cho anh hát. Thomênh Chây tiến thêm một bước.

– Nơi đây, sông lớn mênh mông, tôi còn chạy đi đâu được, các anh còn trói tôi làm gì? Đằng nào tôi cũng cầm chắc chuyện chết. Giá như tôi được hoàn toàn tự do mà cất giọng hát giữa cảnh trời nước của quê hương thì sướng biết bao nhiêu! Vừa nói, Chây vừa hát vang, rồi mời bọn lính phụ họa.

Thấy lời hát tha thiết và vui nhộn chăng có vẻ gì là sầu thảm, nên bọn lính cùng phụ họa theo:

– Hầy dơ ... dơ ...! hầy dơ ... dơ!

Vui hát quên cả mệt thậm chí họ còn bắn nhau cởi trói cho Chây.

Chây vờ đùa, dặm thêm vào câu hát:

“Thăng Chây nó ngã xuống sông rồi!”

Bọn lính lại họa theo:

– Hầy... dơ ...! hầy dơ ... dơ!”

Chúc chúc Chây lại láy đi, láy lại câu “Thăng Chây nó ngã xuống sông rồi”! Chây ngồi trước mặt anh cầm lái, ở phía sau thuyền. Hai mươi tay lính chèo ngồi trước đều quay lưng về phía Chây. Ké hát, người phụ họa tiếp tục đều đều vang lên rộn rã. Thuyền lướt sóng băng băng...

Bỗng anh lái kêu lên:

– Thăng Chây nó nhảy xuống sông rồi!

Bọn lính chèo dằng trước tưởng là lời Chây hát, nên phụ họa to hơn:

– “Hầy dờ dờ! Hầy dờ dờ! Hầy dờ dờ! Hầy dờ dờ...!”

Mãi đến khi người chèo lái, ngưng tay, chộp lấy áo anh lính ngồi ở gần cuối, làm thuyền chòng chành, cả bọn mới quay mặt lại. Lúc này thuyền đã cách chỗ Chây nhảy xuống nước một đoạn khá xa. Nhìn trên mặt nước, chẳng thấy tăm dạng gì. Họ bàn với nhau thế nào Chây cũng chết vì sông rộng, nước sâu, lại chảy xiết và đồng tình ém nhẹm chuyện này, coi như toán lính đã làm xong nhiệm vụ “dìm chết Chây ở ngã ba sông”. Vì nếu nói khác đi, họ sẽ bị đứt đầu như chơi.

Về phần Chây, vốn là tay bơi lội giỏi, nên anh ta đã vào được bờ, trốn thoát. Đợi lúc trời tối, Chây tìm đến một nhà anh nông dân nhờ cao trọc đầu, rồi vào một ngôi chùa xin ở với sái cả.



LÃI ĐẦU TRÍ

Tin Thomênh Chây chết được đồn đến tai vua Tàu.

Vua Tàu bèn họp các mưu sĩ bàn kế đưa sang đấu trí như lần trước. Bốn nhà “thông thái” cùng một ngàn quân và một trăm chiếc thuyền lại lên đường.

Phái bộ vừa đến đã đưa ngay thư thách đấu. Giữa tình thế ấy, vua rất lấy làm hối hận về việc đã giết Chây, một con người tài trí đã từng giúp cho triều đình vượt được bao nhiêu khó khăn. Trong lúc đó có một đoàn sứ sải mặc cà sa vàng, bưng bình bát, chậm rãi đi bước ngang qua hoàng cung. Có người phát hiện với vua là đã thoáng thấy trong số đó có một sãi trẻ, nét mặt, khổ người hao hao giống Thomênh Chây, đi khắp các chùa để tìm hiểu thực hư.

Và họ đã tìm ra Chây trong một ngôi chùa. Bốn tên lính về tâu lại với vua. Như kể chết đuối vớ được phao, nhà vua cùng tùy tùng đến nơi Chây đang trú ngụ và khẩn khoản mời Chây về cùng họp bàn với các triều thần kế hoạch đối phó với phái đoàn sứ thần của nước Tàu. Biết từ chối lúc này không được, Chây đành lên ngựa, theo vua về hoàng cung.

Về đến nơi, Chây đề nghị vua cho dọn sẵn một tòa nhà lớn, rồi đem bao nhiêu sách cổ xếp đầy vào các ngăn. Chây sai người chuẩn bị một cái mâm đồng lớn đựng đầy mực đen, hai gánh giấy và hai cà om của đồng.

Ngoài ra, Chây còn cho mời bốn người hay chữ nhất trong kinh thành và chọn đủ một trăm em bé con nhà dân chưa từng đi học, để Chây sử dụng khi cần.

Sáng hôm phái bộ Tàu đến cung vua, Thomênh Chây bước ra đón. Gặp mặt Chây giữa sân, viên trưởng đoàn phái bộ Tàu liền chỉ tay lên trời. Thomênh Chây đưa tay chỉ ngay vào mặt trời.

Nhà “thông thái” Tàu thứ hai lại chỉ tay ra phía trước mình. Chây liền xòe ban tay hai ngón đưa ra trước mặt người ấy. Nhà “thông thái” thứ ba chỉ tay xuống đất. Chây mỉm cười chỉ tay vào ngực mình.

Thế là phái bộ Tàu xin cáo từ, chứ không vào cung nữa. Họ hẹn ba hôm sau sẽ trở lại.

Lần này, khi trở lại vừa gặp Chây, nhà thông thái Tàu lớn tuổi nhất lại lấy tay phác một vòng tròn trên không. Chây liền đưa nắm tay ra. Nhà “thông thái” lại xòe nắm ngón tay ra. Chây lại chỉ đưa một ngón tay phía trước. Nhà “thông thái” cười, nắm tay Chây cùng nhau đi vào cung. Khi đã ngồi yên chỗ và uống nước trà rồi, trước mặt vua và bá quan, nhà “thông thái” Tàu hỏi Chây:

– Hôm kia, tôi chỉ tay lên trời, thì ông chỉ ngay vào mặt trời thì nghĩa làm sao?

– Thưa ngài, ngài chỉ tay như thế là muốn hỏi trên trời có gì, tôi thưa là có mặt trời.

– Vậy khi bên chúng tôi chỉ tay trước mặt ông hiểu sao?

– Thưa ngài, các vị muốn hỏi tôi ngoài đất liền còn có gì và tôi đã xòe nắm ngón tay, ngài có hiểu sao không?

– Tôi cho rằng ông đã giải theo cách xưa của nước ông là ngoài đất liền còn có biển và bốn đảo có núi cao như bốn cây trụ chống trời chứ gì?

Nhà “thông thái” lại hỏi thêm:

– Vậy khi một người trong một phái bộ chúng tôi chỉ xuống đất mà ông chỉ vào ngựa mình là ý gì?

– Ngài ấy muốn hỏi trên đất có gì? Tôi cho rằng trên đất chỉ có con người là đáng kính trọng hơn cả.

Sứ bộ Tàu nói với nhà vua:

– Như thế đủ rồi, chúng tôi chịu nhận ông Thomênh Chây là người tài trí hiếm có... Ngày mai, phái bộ xin vào giải đáp các câu đố của phía quý quốc.

Trước khi sứ bộ Tàu đến để giải đáp các câu đố, Chây cho người trai giấy trắng ra mặt đất, bắt cua đồng thả vào mâm mực, rồi cho chúng bò lên trên giấy. Lũ cua bò ngang bò dọc để lại những dấu vết ngoằn ngoèo trông như một loại chữ trong các loại bùa chú, đem phơi khô, rồi gấp thành từng tập. Hôm phái bộ Tàu đến, họ được mời qua nhà học, nơi một trăm học trò nhỏ, tay đang cầm sách, mồm đọc ê a những tiếng địa phương mà họ không tài nào hiểu nổi. Họ càng ngạc nhiên hơn khi thấy những trang chữ “cua bò” lít nhít, mà trí óc “thông thái” của họ lần đầu tiên mới gặp.

Chây thấy họ có vẻ ngơ ngác bèn đưa tay chỉ về phía kệ đầy ắp những sách, nơi bốn vị hay chử đang nhai trầu và chăm chú đọc, rồi giải thích:

– Thưa các vị, những sách trên cái kệ kia cũng như những tập sách các em đang học đây đều thuộc loại sách cổ, chữ cổ. Phải học trên hai chục năm mới thông được.

Để tiện cho việc học hành của các em, tôi đã cho chữa bằng chữ Minh-xo-quên một bên.

Và không để phía khách kịp suy nghĩ, Chây hỏi dồn:

– Các vị đây có vị nào thạo loại chữ Ming-xo-quên này?

Cả bốn nhà “thông thái” đều lắc đầu.

– Vậy thì đáng tiếc quá! Làm sao các ngài giải đáp được các câu đố của tôi nêu ra, khi chưa đọc thạo loại chữ viết ấy?

Lúc này, phái bộ Tàu đã thấy được dấu hiệu của sự thua cuộc đang sắp diễn ra. Cho nên viên trưởng của phái bộ Tàu muốn giữ thể diện, bèn giở giọng xuề xòa:

– Sứ bộ chúng tôi đến quý quốc trước hết là để tỏ tình giao hảo giữa hai nước. Việc đấu trí giữa hai nước thực ra là để tìm hiểu nhau sâu hơn chứ phải đâu chuyện thua hay được. Nay chúng ta đã hiểu nhau rồi, thì hà tất còn đố nhau làm gì nữa. Mọi việc vừa qua đã quá tốt đẹp. Hôm nay chúng tôi đến đây là để thăm ngài, và chúng tôi xin được gặp vua để chào từ biệt.

Nghe vậy, Thomênh Chây trong lòng rất khoái trá, vì chàng không mong gì hơn là tống cổ chúng ra khỏi đất nước sớm ngày nào hay ngày ấy.

HƯỚNG ÂN HUỆ CỦA NHÀ VUA

Pái bộ Tàu về nước cũng đã khá lâu mà câu chuyện đấu trí đầy thông minh của Chây với họ vẫn còn được nhiều người bàn luộn sôi nổi. Còn nhà vua thì rất đỗi vui mừng, gọi Chây vào cung phán rằng:

– Nhà ngươi đã có công lớn với ta. Để đáp lại, ta cho phép người được chọn trong hàng cung phu, mỹ nữ của ta một người vừa ý để làm vợ.

Nghĩ đến lần ban phát trước của vua, và liên hệ đến vấn đề công và tội diễn ra sau đó, Chây dần chán ngấy những ân huệ kiểu này lắm rồi. Hơn nữa, cái đám cung phi kia đối với Chây nào có giá trị gì? Chây đã chẳng gọi họ là “lũ nhện sống nhờ vào lỗ đít” đó sao? Do vậy, Chây từ chối bằng những lời lẽ khéo léo. Đó là điều mà nhà vua không ngờ tới. Vua gạn hỏi Chây:

– Tại sao ngươi lại từ chối tấm tình tình của ta?

Chây đáp:

– Tâu bệ hạ! Xin cho thần được nói thẳng. Đó không phải là những người vợ chân chính mà chỉ là những “người cái” thôi.

Và Chây xin phép nhà vua được đi khắp đó đây để tìm người bạn trăm năm theo ý nguyện của mình. Nghe xong, vua đành phải chấp nhận.

TÌM VỢ

Thomênh Chây, sau khi rời khỏi cung vua, đã đi hết phum này, sóc khác tìm người yêu. Một hôm, Chây đến vùng ven sông và gặp nàng Sao đang giặt quần áo nơi bến sông. Chây đến gợi chuyện làm quen:

- Cô ơi! Ở phum này có con gái không?
 - Anh ở đâu đến đây? Ở làng anh có con trai không?
- Nàng Sao hỏi lại. Thấy bắt được chuyện. Chây vội đáp:
- Có chứ!
 - Tôi nghĩ rằng họ chỉ là “giống đực” thôi!

Ngày từ giây phút tiếp xúc đầu tiên, Thomênh Chây đã cảm thấy điều may mắn đã đến với mình rồi! Phải chăng đây là người con gái sẽ mang lại hạnh phúc cho mình. Chàng ngừng giây lát mới trả lời cô gái:

- Ở nơi cô có một người con trai. Cô có biết người này không?
- Tôi chắc rằng người ấy có tên gọi là Chây, vì Chây là tên gọi cho tất cả những chàng trai thông minh, tuấn tú! Còn ông, ông có biết đến một người con gái tên là Sao không?

Như suối mát đầu nguồn tuôn chảy trong lòng, Thomênh Chây đáp lại lời cô gái:

– Tôi biết vì sao nàng được gọi tên là Sao. Đó là người phụ nữ đem đến niềm hạnh phúc, đẹp lung linh như những vì sao đêm trên bầu trời cao rộng.

Rồi, Thomênh Chây hỏi tiếp:

– Phải chăng nàng đã sợ, hay nàng không sợ?

– Tôi chưa biết sợ gì cả. Còn ông, ông đã lo hoặc không lo?

– Tôi cũng chẳng lo gì hết. Nhưng xin hỏi một điều, cô hiểu thế nào khi tôi hỏi cô đã sợ hay không sợ?

– Tôi hiểu ý ông có phải muốn hỏi tôi đã kết hôn với ai chưa, vì nếu tôi đã kết hôn rồi, thì phải biết sợ, không dám trao đổi với người đàn ông nào khác.

Sau đó, nàng Sao đưa Chây về nhà để gặp cha mẹ.

Nàng Sao đỡ chiếc túi vải của vua ban trên vai Thomênh Chây xuống, bày dải lụa xin dâng cha mẹ.

– Thưa cha mẹ kính mến! Con đã mang theo dải lụa quý giá để lên đường tìm vợ. May mắn cho con đã được gặp nàng Sao. Nếu cha mẹ có lòng thương đến chúng con, con xin được làm con của cha mẹ, cha mẹ cho con được gánh nước, kiếm củi, xay lúa, quét nhá. Con sung sướng được làm mọi việc mà không bao giờ dám lười nhát.

Một lát sau, cha mẹ nàng Sao mới hỏi lại Thomênh Chây:

– Chúng ta muốn biết thực tâm của chàng như thế nào?

Chàng nghiêm nghị trả lời:

– Thưa bố mẹ, con xin kính dâng tất cả tấm lòng thành của con!

– Thôi được rồi! Con hãy về tìm: lợn, gà, ba ba cho đúng thủ tục làm lễ đính hôn! Nếu không có ba ba thì chủ hôn không chấp nhận đâu con ạ!

Thơmênh Chây vui vẻ trở về làng, tìm người làm chủ hôn, tìm bà mối và sắm đủ các lễ vật.

Chọn ngày lành, tháng tốt, ông chủ hôn đến nhà nàng Sao, bà mối vào buồng nàng Sao, trang điểm cho cô. Sáng sớm hôm sau, chủ hôn và bà mối mới dẫn Thơmênh Chây đến. Thơmênh Chây và nàng Sao chính thức thành vợ thành chồng.



NGƯỜI TÀU PHẢI TIẾN CHÂY VỀ

Dùc vua tức giận, các quan căm ghét Thomênh Chây vì đã nhiều vố họ thua đau và đuối lý. Bằng thói xiểm nịnh, các quan trong triều bàn định với nhà vua đem chàng bán cho người Tàu. Với điều kiện sống ở bên ấy, nếu Chây còn tỏ ra ngang bướng thì vua Tàu sẽ không tha và có thể giết chết chàng. Như vậy, vua ta sẽ không mang tiếng giết Thomênh Chây mà vẫn đạt được mục đích.

Lệnh vua ban cho một chiếc thuyền đưa Thomênh Chây đi. Khi gần đến đất Trung Hoa, chàng nhấn mấy tay thủy thủ về nước dặn lại vợ chàng:

– Nhờ các ông bảo giúp vợ tôi là hãy cứ yên tâm chờ đợi. Tôi không chết được đâu, chỉ một thời gian ngắn thôi, người Tàu sẽ phải cử người tiễn tôi trở lại đất nước quê hương một cách trọng thể.

Bước chân lên nước Tàu, xin vào làm thuê ở nhà một viên quan đại thần. Trong khi làm việc, Thomênh Chây dành dụm một chút vốn liếng mua gạo, sắm dụng cụ làm ra bún sợi theo cách của người Khơme. Một hàng mới của chàng được dân chúng ưa thích vì ở bên tàu, thời đó chưa có món này. Người ta đồn đại món bún ngon do Khơme chế biến. Chẳng bao lâu, tin ấy đến tai vua Tàu. Hoàng đế cho gọi Thomênh Chây đến hỏi:

– Có phải là người đã chế biến bột gạo thành bánh sợi dài phải không?

Chàng nhận đúng như vậy. Sau khi được lệnh vua ban, chàng làm một mẻ thật ngon lành, nấu nướng từ tế, mang dâng vua nếm thử. Nhà vua ăn món bún của Thơmênh Chây dâng, khen ngon đáo để. Nhân đà, chàng thuyết minh thêm:

– Tâu hoàng thượng, món ăn chế biến từ bột gạo mà tôi vừa dâng, ở nước chúng tôi gọi là bún. Nếu đức vua muốn thưởng thức nó một cách tuyệt vời nhất, xin người cứ tự nhiên, mặt ngửa lên trời, há miệng rồi bỏ từng sợi vào mà nuốt ạ.

Vua Tàu làm y theo lời Chây nói, ngửa mặt và lấy tay cho bún vào mồm. Thấy vua Tàu làm đúng kế mình, Chây liếc mắt nhìn trộm mặt vua. Thấy mặt vua Tàu đen như đít chảo, khác với lời đồn đãi của dân chúng cho rằng mặt vua rất xinh đẹp, Chây buột miệng nói:

– Ô! Mặt của hoàng thượng đen như mõm chó, còn mặt vua xứ tôi đẹp như trăng rằm.

Vua Tàu đang “ăn” bún, nghe có kẻ cả gan chê cái mặt xấu trai của mình, thì giận dữ ném bát bún xuống sàn, thét quát hùa bắt Chây tống vào ngục lạnh vì tội phạm thượng.

Quân hầu đem Chây giam vào ngục lạnh cùng với người tù bản xứ. Trong ngục, khí lạnh bốc ra nhức buốt tận xương, tận óc. Từ trước đến nay, chưa có ai bị giam vào đây mà sống nổi đến ba ngày. Để chống lạnh, Chây bèn rủ người tù nọ cùng mình tập võ cho ấm người. Nhờ vậy, Chây và người tù chống được khí lạnh trong ngục, khỏi bị chết冷.

cửa ngục, định lôi xác tù đi chôn như thường lệ, thì chúng ngạc nhiên vô cùng. Sau đó, chúng đem Chây và người tù nọ giam vào ngục đá, chờ ngày xử chém.

Vốn là con người hiếu động nay trong ngục Chây buồn quá, bèn gạ tên lính canh xin một ít tre và giấy bồi và một cuộc chỉ, làm một con diều giấy có găng ống sáo, để đêm đêm thả diều qua cửa ngục chơi cho đỡ buồn. Diều gặp gió bay lên cao, tiếng sao diều kêu "tùm tum... tum tum..." suốt đêm, vang khắp hoàng thành. Thuở ấy, ở Tàu dân chúng chưa biết chơi diều. Họ nghe tiếng sáo diều từ trên cao vọng xuống đâu ra hoang mang, không biết tiếng con chim gì kêu nghe nãy nùng, ai oán như vậy.

Vua Tàu khi nghe âm thanh lại tai ấy cũng lấy làm lo lắng, bèn cho gọi một lão thày bói nổi tiếng nhất trong kinh thành vào cung để hỏi về diều lạ lùng ấy. Thày bói gieo quẻ xong, rồi tâu vua rằng đó là tiếng kêu của một loài chim lạ từ xưa đến giờ ở nước Tàu không có. Sở dĩ chim ấy đến hoành thành kêu như vậy là vì nhà vua đã bắt giam một nhân tài nước ngoài. Bây giờ chỉ có một cách là hoàng đế cho triệu người ấy đến đây để hỏi cách trừ khử con chim ấy.

Vua tàu sực nhớ việc mình ra lệnh tổng giam một người tù nước ngoài đã vô lễ khi dâng bún cho mình mấy ngày trước, bèn truyền cho lính hầu đưa Chây đến. Khi quân hầu đưa Chây đến, vua Tàu ~~đ~~ồn tồn nói:

– Trẫm không biết hiền khanh là một nhân tài, lại ra lệnh đem giam hiền khanh vào ngục. Rất mong hiền khanh bỏ qua cho. Từ ngày hiền khanh bị giam, co một

loài chim lạ đến kêu than, rầu rĩ suốt mấy đêm liền làm cho dân chúng trong thành xao xuyến lo ngại. Chẳng hay khanh có cách nào giúp trẫm đuổi được loài chim ấy? Và trẫm cũng muốn biết hình dáng của con chim ấy như thế nào, khanh có biết thì hãy tả lại cho trẫm nghe thử.

Nghe đến đây, Chây đã biết ngay sự kiện ấy liên quan đến con diều giấy mà Chây đã làm để giải buồn trong lúc bị giam cầm, nên chộp lấy cơ hội:

– Tâu hoàng thượng, đó là giống chim có cánh rộng hàng sải tay, đặc biệt là đôi mắt nó to có thể trông xa một vật cách nó cả dặm đường. Giống chim ấy thường sống tập trung ở khu rừng già phía tây nước chúng tôi, vì chúng ăn một loại quả đặc biệt mà chỉ ở rừng ấy mới có. Theo phong tục bên nước chúng tôi, khi chim ấy kêu về đêm ở vùng nào, thì phải lập đàn cúng và đọc bǎn thần chú để xua đuổi nó đi. Và chỉ trong đêm ấy là chim không còn bén mảng đến nữa. Điều đó, thần xin lấy dầu ra bão đảm với hoàng thượng. Còn việc hoàng thượng muốn thấy tận mắt giống chim ấy, thì xin hoàng thượng cấp cho thần một chiếc thuyền với một trãm lính, và chỉ trong vòng chậm lăm cả đi lắn về độ hai tháng, thần xin mang về đầy đủ hiện vật.

Vua cả mừng, truyền quân lính lập đàn cho Chây đứng ra cúng, xua đuổi con chim mang điềm xáu đến kinh thành, một mặt ra lệnh chuẩn bị thuyền, lương thực cùng một trãm lính để Chây kịp lên đường tìm bắt con chim lạ.

Tất nhiên, tôi đến “con chim lạ” ấy không còn kêu trên bầu trời hoàng thành, bởi vì Chây nhanh chóng

hủy con diều giấy đi để giữ bí mật. Điều đó càng làm cho vua Tàu tin và phục tài của Chây. Mấy ngày sau, đoàn thuyền và một trăm lính hầu giương buồm đưa Thomênh Chây về phương nam theo lệnh vua Tàu.

Nhà vua thấy Chây không bị giết chết mà còn được vua tàu cấp thuyền to, lính hầu đông đảo đi theo, vừa ngạc nhiên vừa lo lắng. Riêng đám quần thần vốn ghê tởm, căm ghét Chây thì rất lo sợ.

Khi Thomênh Chây về đến nước Nam, biết được câu chuyện ly kỳ của chàng, ai ai cũng khâm phục. Một thời gian sau, Thomênh Chây lâm bệnh nặng. Biết mình không qua khỏi, Chây dặn vợ: Khi tôi chết, hãy chôn ôi, không được thiêu xác hoặc thả trôi ra biển. Có điều phải nhớ là trên nấm mồ và chung quanh mộ phải vót nhiều chông nhọn, cắm sâu vào đất, để đề phòng những kẻ xấu và gia súc đến phá hoại làm điều ô uế.

Y như lời tiên đoán của Thomênh Chây trong cơn hấp hối, bọn quần thần dốt nát và dám xu nịnh vốn đã ghen ghét tài trí của Chây và bị hố nhiều lần với chàng đã rủ nhau thừa lúc đêm tối, mò đến mộ Thomênh Chây phóng uế để trả thù.

Vì không đề phòng và hành động lén lút trong lúc tối trời nên nhiều tên trong bọn chúng bị chông nhọn đâm vào mông, vào chân chảy máu lên láng. Nhiều người cho rằng con người thông minh và không ngoan ấy, dù đã yên nghỉ trong lòng đất vẫn sẵn sàng trừng trị thích đáng những tên dàn độn và xấu bụng thường ghen ghét những người tài năng.

TRUYỆN BÁC BA PHI

(Bác Ba Phi là một nhân vật có thật ngoài đời. Ông đến lập nghiệp ở xã Khánh Bình, huyện Trần Văn Thời, vùng U Minh hạ - Cà Mau. Là người chất phác, cần cù lao động và có biệt tài kể chuyện "tiếu lâm" rặt Nam bộ, chuyện vui của bác Ba Phi hầu như tất cả mọi người dân đồng bằng sông Cửu Long đều biết. Truyền Ba Phi rất nhiều và do tính truyền khêu mạnh mẽ nó không chỉ còn riêng là những câu chuyện do chính bác Ba Phi kể mà trở thành một truyện "nói trạng" dân gian vô cùng đặc sắc. Những chuyện mà chúng tôi đưa vào sách phần lớn là được sưu tầm từ các câu chuyện được đăng rải rác trên các báo, được in trên một vài tập san của các tác giả sưu tầm văn học dân gian và trong tập "Kho tàng Truyền Trạng Việt Nam" của Nhà xuất bản Khoa học xã hội.)

VỊT NÉT VỀ RỪNG Ư MÌNH THUỐC TRƯỚC

Ai cũng biết xứ Cà Mau muỗi kêu như sáo thổi, đỉa lội lèn như bánh canh, chớ vùng này, những năm đầu mới khai rừng thì người ta hay hát đưa em như vầy: “Ở đâu băng xứ Lung Tràm, chim kêu như hát bội, cá lội vàng như mắm nêm”.

Mỗi buổi sáng, giắc hừng đông, thì lù giang sen, gà dây, lông ô, khoan cổ, chàng bè ra tập “thể dục” rần rần. Con nhỏ đứng trước, con lớn đứng sau chẳng khác nào cuộc duyệt quân, thiên binh vạn mã. Loại trích cổ tuy nhỏ con nhưng làm “thày hồ” nháy cặp mắt màu ve chai, niềng cái đầu có mồng đỏ chót, là “tò te tép te”. Vợ chồng nhà qua nghe vậy, từ trong cung vội vã bay ra “dạ” ran. Đám vạc ăn đêm về ngủ nướng ở những bụi rậm, giật mình thức giấc, “nháy mũi” hạt hạt. Trong vườn “đội nhạc công” chìa vôi thổi gió véo von. Dòng họ nhà chim bắt muỗi cũng gõ đầu hòa tấu “toang toang”. Đây chú cưỡng bông đậu chót vót trên cành cao lé mắt “thổi kèn Tây”; chị em tu hú thấy hừng đông, chạnh lòng nhớ quê, cất tiếng kêu nao nuột. Ngoài mé ruộng nhà, anh chàng nghịch dầm mưa long óc mấy ngày cứ gù lưng “nháy mũi khìn khịt”. Tôi nghiệp cho bác mỏ nhác, ăn chi mà đau bụng rên “tăng yết, tần yết” sáng đêm. Trời vừa tảng sáng, cậu rằng hổ đất đã thổi bẽ

phù phù cho anh chim trảo chết “rèn” những cây phangs
gỗ nghe choảng choảng...



Ở ven rừng U Minh thuở ấy, vào những buổi sáng thật vui vẻ rộn rã làm sao? Ai đi làm đồng, trước đó cũng phải nán lại ít nhất ít phút để nghe bǎn “nhạc rừng hòa tấu”.

Lũ chim chóc ngày đó dạn khỉ, chúng sống lẩn lộn với những bầy gia súc. Chàng bè rề rề theo đổ trống vịt xiêm, vịt đẽ, khi trứng nở ra, con nào con nấy cái mõ nhọn thon như mũi kéo. Vịt ta di đạp mái giang sen, làm con cái giang sen chân lùn tịt, con nào cũng có giọng kêu “cạp cạp”. Lạ đời nhất là loại cún núm, chúng sống chung lộn với gà nhà, lâu ngày cút núm ngoài đồng, con trống nào cũng có hai cái cựa nhọn lếu. Con gà trống trong nhà thì đêm đêm cất tiếng gáy vang: “ò ó ó ...cút! ò ó ó ...cút!”.

RẮN HỔ MÂY TÁC CÁ

Hồi xưa hồi xưa, khi mới tới đất này khai phá, rắn trong rừng U Minh con nào, con nấy lớn lăm. Mới đầu, người ta kể, tui chưa tin, nhưng rồi có một bữa tui cùng bả vô rừng, tính kiếm cái đìa nào lớn, nước cạn, tát bắt ít cá về ăn.

Tui và bả tới ven rừng, nghe có tiếng ai đang tát nước từ xa vọng lại. Chả là rừng này có một cái đìa bể ngang chừng năm thước, bề dài chừng hơn 40 thước, tui đã nhấm chừng từ bữa hổm. Tiếc thiệt, bây giờ, mới tới ven rừng, đã có người tát rồi. – “Ai đó mà lẹ vạy!”. Tui bảo bả như vậy. Nhưng rồi cả hai người vẫn lẹ làng đi tới. Đứng ở mé bờ đìa bên này, núp sau một thân cây tràm bụ chảng, tui thấy một con rắn hổ mây ở mé đìa bên kia. Cái đuôi nó ngoéo một đầu, cái đầu nó ngoéo một bên, thân hình nó dẹp lại du đưa. Thì ra nó đang tát nước cho cạn để bắt cá ăn. Tui bấm tay bả một cái đau diếng, ra hiệu đứng yên, để coi con rắn hổ mây này làm chi. Gần xế bóng mặt trời, cái đìa đã cạn, nhưng con cá rõ, cá trê đen thùi lùi quẫy đành đạch trên bùn. Bả thích quá, kêu trời một tiếng. Thấy động, con rắn vội bỏ chạy vô rừng. Tui chỉ việc bảo bả về kêu bà con ấp xóm ra bắt cá mang về. Hồng tin, mọi người cứ hỏi bả thì rõ.

CHIM CHUỘT Ở Ủ MINH

Năm đó, tui đói lúa giống ra ruộng để gieo mạ. Mấy bữa rồi trời nắng, im gió, mà sao trên đường đi tui nghe đường như trời chuyển mưa, bên trên mây kéo mù mịt, tiếng gió quật rào rào hoài.

Ra tối đến đám mạ, tui để thúng lúa giống đội trên đầu xuống. Hồi ôi... chỉ còn cái thúng không. Hóa ra nay giờ trên đường đi, thúng lúa giống trên đầu bị lũ chim dòng dọc quần theo ăn sạch. Chúng bay nghe rần rần mát trời, làm tôi tưởng là mây kéo, gió thổi chuyển mưa tối.



Tức quá, tui về ngâm một thúng lúa giống khác. Lần này đội lúa đi gieo, một tay tui vịn thúng, một tay cầm nhánh chà cứ quơ quơ phía trên đầu cho lũ chim đứng xáp lại. Vậy mà tới nơi, thúng lúa giống cũng bị giựt xuống cả phân nửa.

Bắt đầu gieo giống. Tui cắp nách thúng lúa một bên, đi thụt lùi, vãi ào ào. Vãi hết thúng lúa giống, đến chừng coi lại, thì không có hột nào rớt được tới đất! Tui vãi giống tới đâu là chuột cứ kéo theo hàng đàn hàng lũ mà tranh ăn. Chuột tơ chạy trước, chuột nái chạy sau, cứ sấp hàng đặc đất, ba chân chạy còn một tay đưa lên hứng những hột lúa giống của mình từ trên vãi xuống mà bỏ vô miệng nhai lép nhép. Tôi nghiệp cho lũ chuột già không lượm được hột lúa nào để ăn, vừa chạy theo phía sau vừa vuốt râu mà ho sù sụ, trông mặt mày buồn hiu.

ÔM CỔ RĂN

Mùa hạn năm đó, tui đi ăn ong mật sâu trong giữa rừng U Minh. Đến trưa, ngồi dựa lưng vào gốc cây tràm nghỉ mát, tui móc gói thuốc ra ngồi hút. Thấy đằng kia, cách chừng ba công bờ đứng, có một cây mớp hay cây bùi gì đó chết khô, cành lá rụng rơi đâu hết, chỉ còn lại thân cây trơ trọi. Cây khô này cao hơn các cây xunh quanh. Gốc ngọn nó nân nẻ, thẳng băng, màu da đen hơi mốc, trên có cái cháng hai. Một điều kỳ lạ là mỗi khi có con chim nào đậu lên cháng hai đó liền bị mất hút, không thấy bay ra.

Tui cũng không để ý, cứ quẩy gùi, xách mác đi ăn ong. Đến xế qua, mật ong đã đầy gùi, tui định về, bỗng nghe có tiếng lửa cháy ào ào từ phía trên gió. Rừng U Minh này bị lửa cháy vào mùa hạn thì ngọn lửa bốc cao ngất trời, táp tới âm ầm, như một trận bão. Đi rừng mà gặp lửa cháy, thì phải mau đào đất tráp, chui xuống dưới, hoặc trèo lên những cây thật cao, chờ lửa cháy ào qua, chờ không phương nào chạy kịp. Lúc đó, tui đào đất tráp chui không kịp, phải chạy tìm cây cao mà leo. Tui chạy đến, quăng bỏ gùi mật ong, bỏ cây mác còn lại, và tìm được một cây. Tui ôm cây, trèo lên tuột xuống. Cái cây gì mà trơn chuỗi, thót lên ba phóng thì bị tuột trỏ xuống hết hai. Nhưng lửa cháy tới quá gần, tui phải cố trèo. Trèo vừa lên chỗ cháng hai, thì lửa

cũng vừa cháy tới. Nhưng chỗ chảng hai cái cây sao có nhiều mảnh dăm lười xưởi tách ra, đâm tay tui đau quá. Tui phải thụt xuống một chút, mà ôm ngang chịu trận. Mặc dù mỏi run tay, nhưng ngó xuống thấy lửa đã cháy phía dưới tui lấy làm khoái chí.



Lửa cháy qua rồi, tui định tuột xuống, nhưng sao nghe cái cây động đây. Rồi ngay chỗ chảng hai, lại mọc ra một nhánh chà cây, quơ qua quơ lại, cào cào vào đầu tui. Tui thụt xuống chút nữa. Cái chà cây kia cứ ngoéo xuống quét vào đầu, vào cổ tui. Nó còn trầy vào mình túi một thứ gì nhứt nhợt như nước miếng. Trời đất! Chỗ chảng hai lại có hai cái mu lồi ra láng bóng và rực sáng như đèn xe hơi. Trời! Khi không hai cây lại khép lại, mõi ra nghe bầm bập... – Hồi vía lên mây, tay chân rũ liệt, tui ngã người ra, sút tay luôn xuống đất. Hai lỗ tai tui nghe vo vo, mắt nhắm hít lại, phú mặc số mạng cho trời đất.

Khi rớt xuống tới đất, tui thấy mình nằm y chỗ ngồi hút thuốc hôm qua. “Cái cây” đằng kia bắt đầu bò đi, le lưỡi, thổi hơi phèo phèo ...

SÂN QUẠ

Ở Phong Lưu, Canh Đền có một sân chim, mỗi lần người ta bắt hàng vạn con còng cọc, cò long bong, cò quăm, vạc, diệc mốc chờ ra chợ bán. Sau hậu đất tui thì lại có “sân quạ”, chuyện mới lạ đời!

Số là mùa hạn năm đó, nắng khô hết đìa bàu, ao vũng xứ này. Trâu bò phải đi kiếm nước uống ở những cái giếng giữa đồng xa.



Tui có bầy trâu, tất cả là tám con. Nhưng chiều bữa đó, chúng đi về, lại lạc mất con đực pháo. Sau đó, mấy tháng lăng xăng chạy kiếm đủ chỗ, tui mới gặp nó đứng chổng khu uống nước ở một cái giếng trong đầu ngàn hậu đất.

Gần đi tới, tui thấy con đực pháo đang rùng mình lúc lắc, mặc dù bốn cái chân của nó còn lún sâu dưới thềm đìa. Tới thêm chút nữa, tui thấy con trâu như nghe được tiếng động, nó cựa mình vùng lên. Gần lại nữa, tui lại thấy nó run run, giật giật. Lấy làm lại, tui đi gần lại xem. Con trâu làm như hoảng hồn, lúc lắc nhổ bốn cái chân lên, nhưng bốn chân nó ngay đơ, không làm sao nhúc nhích được. Con trâu lại cất tiếng kêu “oa oa”. Rồi nó trân mình đứng dựng tại chỗ, run rẩy. Thất đít con trâu lủng một lỗ, tui vội quơ nùi rơm nhét lại. Rồi đưa tay với lấy sợi dây đàm định dẫn nó về. Nhưng con trau cố giãy giụa, mà đứng tại chỗ. Cuối cùng tui phải về, kêu “bà xã” ra lôi tiếp con trâu về nhà.

Sau đó, tui với bả mài dao xẻ con trâu. Nào nhờ phèo phổi, ruột gan, thịt thà bên trong con trâu đều bị lú quạ khoét đít chui vô hồi nào đã ăn sạch trọn. Tui với bả bắt ra được ba trăm hai mươi sáu con quạ vừa lớn vừa nhỏ. Không tin thì hỏi bả thử coi!

GÀI BẤY BẮT CHIM

Cánh đồng Kinh Ngang này vắng mua nước ngọt, các thứ chim lớn như gà dày, giang sen, chàng bè, lông ô, khoang cổ, diệc mốc từ trong rừng U Minh lũ lượt kéo ra kiếm ăn. Chúng quần đảo mặt trời, giậm nhẹp lúa đồng sạch sẽ. Tất cả các loại chim đó chỉ có giang sen với khoang cổ là thịt ăn "cò lỵ", còn phần lớn ăn xảm xì như trứng rồng. Nói thì nói vậy chứ dù ngon hay dở mình cũng phải gài bắt cho rao đợt để đem ra chợ bán, kéo chúng phá lúa chịu không nổi.

Cái dám thằng Cường, thằng Thọ gài bẫy đập, bẫy cò ke, bẫy mổ chỉ bắt trầm kha mỗi ngày vài chục con, có thẩm bổ gì. Tui nghĩ ra một cách gai khác tại nó Bữa đó tui bỏ một mớ ống trùm xuống xuống chong vè rừng đặt lươn. Đem về, tui lựa rặc thử lươn da vàng đầu nhọn, loại này mạnh lắm. Tui lấy chỉ ni lông thật chắc cắt ra một sợi dài chừng hai tấc đất, một đầu cột khúc cây ngang ngang, một đầu cột ngay vào chỗ rún con lươn. Làm xong, tui ôm bẫy ra ruộng thả hai con lươn thành một cặp gần nhau.

Sáng ngày hôm sau, tôi bò ra ruộng rình xem Ban đầu có một con gà dày đi lom khom tới bên con lươn, vừa trông thấy, rồi đứng sụng lại, ngóng cổ, liếc mắt nhìn. Thấy con lươn bò nhọn nhọn, nó nhảy vọt tối mồ vào đầu. Con lươn bị đau quá vọt luôn vô bụng con chim

rồi dùi tuột ra sau lỗ đít. Tới con giang sen đi sau cưng vậy. Nó nhảy tới mổ vào đầu con lươn, con lươn vọt mạnh vô bụng, dùi luân ra sau. Rồi lại đến con chàng bè, cưng y vậy...

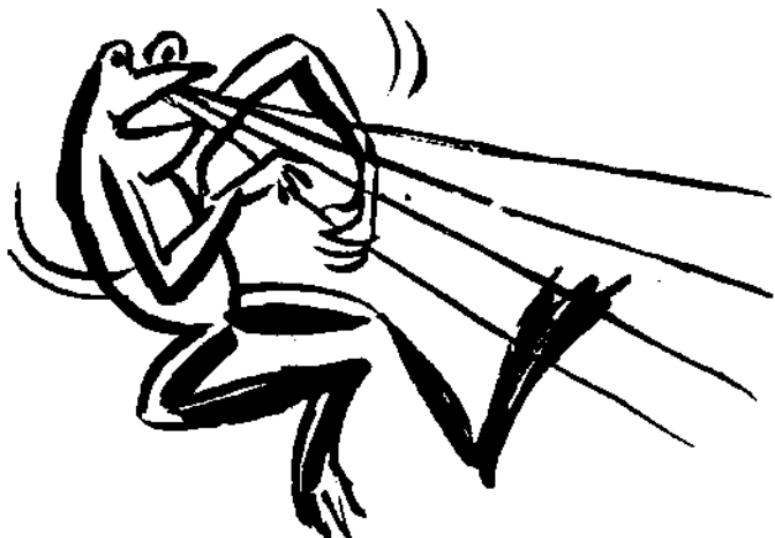
Một con lươn mồi của tui vọt đến chết, xỏ lui ít nhất cũng một chục con chim. Như vậy là cứ hai xâu làm một, tôi cầm mỗi tay một cây ngàng, la cho chim bay lên, mang tui theo. Tui bay bổng mặt đất mà lái từng cặp xâu chim thả ra ví vô, về nhà giao cho bả trói đem ra chợ sông Đốc bán. Không tin thử hỏi bả thử coi!



ẾCH ĐỜN VỌNG CỒ

Tui có bầy vịt, hễ bum búp lông cánh là lần lượt bị mất sạch trơn. Tức quá, rình mò mấy bùa, tui mới biết là bị ếch ăn. Chỗ đuôi đìa, dưới gốc bụi tre, có một hang ếch lớn quá cỡ.

– “Ăn thịt vịt tao thì mày phải đền mạng”. Nghĩ vậy, tui mới lấy sợi dây thép quai thùng dầu hôi uốn thành một lưỡi câu, lấy sáu sợi dây chì bện lại làm nhẹ, một đầu buộc con vịt xiêm vừa ra ràng, một đầu buộc vào bụi tre.



Mặt trời lèn độ một con sào. Tui ngồi rình, thấy một con ếch bà từ trong gốc tre lù lù lội ra. Con ếch thấy con vịt, men lại ngồi ngồi rồi lắc đầu, bỏ đi. Biết nó chê con vịt này còn hôi lông nên chưa chịu ăn. Bữa sau, tui đổi một con vịt mái ta đang đẻ, mập sà đít. Hứng sáng là tui đến chỗ hôm qua, ngồi rình.

Cũng đến lúc mặt trời lèn độ một con sào, con ếch bà đó lại cũng vạch bèo lội ra. Trông thấy con vịt ta mập ú, nó ngó dáo dác, mặt mày hờ hờ, gật gật đầu mấy cái. Con ếch khóa bèo, hớp nước súc miệng sào sạc, phun ra cái phèo, rồi chồm tới bên, con vịt. Nó nhướng mắt, táp bụp, rồi nhai rau ráu, nuốt một cái ực. Như vướng phải lưỡi câu, nó nhợn trở ra. Thấy tình thế không xong, tui vụt đứng dậy, là “ếch” một tiếng. Con ếch giật mình nhào ngang, bị lưỡi câu xóc hụt hạ, nó giãy đùng đùng, sáu sợi nhợ câu thẳng băng. Nó lúc lắc cái đầu, sáu sợi dây chì rẽ quạt ra. Hai tay nó quay lia lịa. Sáu sợi dây bật ra những tiếng kêu bổng trầm “tăng tăng, tùng tăng” khác nhau. Tui ngồi nghe. Sao có chỗ vô sang, ra hò mùi quá! Một hồi phát ngứa miệng, tui ưng thanh nghe, ca bụng sau câu vọng cổ chơi ...

CHIẾC TÀU RÙA

Mùa khô năm đó, túng tiền xài, tui mới nghĩ ra một cách bắt rùa để chở ra chợ sông Đốc bán. Ra đường Tư nó tui mượn một chiếc ghe chở chừng năm trăm giã lúa, chõng vô Lung Tràm đậu cắp mé phía dưới gió, căm sào hai đầu cho thiệt chắc. Tôi còn kéo tấm đòn dày bắc thằng lên bờ. Làm xong tôi đi vòng phía trên gió, nỗi lúa đốt một hàng dài. Mùa khô ở đây, cỏ ngập lên tới lung quần, dễ làm mồi cho lửa lầm.

Lửa bắt đầu bốc ngọn, tôi lộn trở về chõ đậu ghe, ngồi chờ. Độ chừng hút tàn điếu thuốc, tôi thấy rùa đã bắt đầu bò xuống lai rai. Lửa phía trên gió bắt vào các bờ sậy, cháy nổ lốp bốp. Rùa bò xuống mỗi lúc một nhiều. Tốp chạy trước chắc còn hơi huởn nên chúng sắp thành hàng một, nối đuôi nhau bò tới. Con nào cũng nghersh cổ lên cao, mắt ngó chừng dáo dác. Một lúc, gió thổi mạnh lên, lửa cháy rào rạc, lúc này chúng hoảng hồn kéo chạy dồn dống, không còn trật tự gì nữa. Rùa vàng, rùa nắp, rùa quạ, rùa hôi, rùa dém... đổ xuống từng bầy. Cứ theo cây đòn dày, tui ùa đại chúng xuống ghe. Giống rùa là chúa sợ khói lửa. Chúng chạy bằng ba chân, còn một chân trước đưa lên che mặt. Còn nào cũng chảy nước mắt nước mũi choàm ngoàm.



Thấy chúng tràn ngập xuống quá xá, tôi ngồi gần đầu cây đòn dày, cứ con nào lớn thì cho đi, còn con nào nhỏ cứ hất mạnh tay một cái là lọt xuống sông. Một hồi

rùa đầy ghe, tôi nhổ sào rút đòn dây, chổng luôn ra chợ. Nhưng khổ nỗi, số rùa nhỏ bị rớt xuống nước cứ báu theo thân ghe kết thành bè. Một chân chúng bấu vào ghe, còn ba chân thì đạp nước, theo trớn ghe đi tới. Chiếc ghe bị rùa đầy tới ào ào. Tôi thấy vây cười khà, ngồi phía sau kềm lái, mở gói thuốc ra hút phì phèo, ra tới chợ sông Ông Đốc, tui bỗng nghe mấy người đàn bà bên kia sông la chói lói:

– Xuồng chở lúa, khám lăm! Tàu làm ơn tốp lại mấy chút nghe!

Thật hết phương tốp lại, tui chỉ còn biết ngồi lắc đầu chịu chết. Tui khoát tay:

– Mấy bà con làm ơn nép sát bờ giùm chút đi. Tui tốp mấy không được. Chiếc tàu rùa!

MÔ ĐẤT BIẾT ĐI

Dang mùa phát đất mà nước ngập đầy ấp cánh đồng. Cái năm gì thiệt là kỳ cục ! Nước sông Đốc màu ngà ngà dâng lên, nước U Minh đen cuộn tràn xuống. Gió nam thổi ù ù. Trên ruộng mà sóng bùa ba đào. Chuột bọ, rắn rít hết chỗ dựa, trôi tấp vào ngọn cây đeo có dùm. Nước U Minh thì phải biết, đồ thăm như nước trà, ngập tới đâu thì cây cỏ èo ẹp tới đó. Lợi dụng lúc này mà phát đất là tốt nhất !

Bữa đó, tui vác phẳng ra đồng như mọi khi cùm nún kêu chừng hết canh tư thì có mặt tui ngoài ruộng. Đồng nước mênh mông, không tìm được một mảnh đất để đặt viên đá mài phẳng. Tui lội vòng vo tam quốc cho tới hùng đồng, may thay gặp được một mảnh đất thiệt cứng, cao hơn mặt nước độ hai gang tay. Tui rẽ lại để viên đá lên, ngồi mài phẳng. Mài "nước lớn", tui lại mài "nước ngọt", rồi liếc mép lụa. Xong đâu đó, tui còn rẽ rà mở gói thuốc ra vấn hút phì phèo.



Đến khi trời sáng rõ, tui trực nhìn lên:

– Ủa ! Ở đâu mà vườn tược rậm rạp, trông lạ quá kia ! Quái lạ ! Tại sau lại ở ngay hè nhà mình ? Rõ ràng bên tay mặt cái chuồng trâu, tay trái chuồng heo, chính giữa có gian bếp nấu cơm. Bà vợ tui đang lom khom chụm bếp dây kia. Thiệt là như cảnh chiêm bao, tui không tài nào hiểu được. Cuối cùng tui phải cất tiếng kêu bá ra để hỏi sự tình. Chẳng ngờ bà chạy ra, thấy tui bá la chói lói :

– Bớ người ta ơi ! Làm ơn cứu chồng tôi với !

Tui bật cười, hỏi:

– Bộ bà điên rồi hả ?

Bà đứng nhìn tui mà mặt mày tái mét, đưa tay ngoắt:

– Ông ơi ! Ông phóng xuống, chạy lại đây, mau di !

Tui cười hề hề, thủng thỉnh bịt khăn khắc đầu rìu qua trán, lấy cục đá, vác phăng lên vai, bước xuống khỏi mò đất, đi lại bên vợ tui.

Bà nắm vai tui xoay ngược lại:

– Ông ngó trở lại coi.

Tui nhìn lại cái mò đất mình vừa bước xuống. Úi trời đất thánh thần ơi ! Con rùa ! Con rùa vàng quá trời lớn tui ngồi mài phăng trên lưng nó hồi hôm tới giờ mà không hay.

CHÀ BẮNG GẶC NGI

Tui có nuôi một con trăn gáy, cũng không còn nhớ là được mấy năm. Nó lớn quá cỡ, lớn đến nỗi mình kiếm đồ ăn cho nó không xuể. Mỗi tháng tui cứ thả cho nó ra rừng tự kiếm ăn một lần. Có lần vài ngày, có lần cả tuần lẻ nó mới về. Nó ăn nào là chồn đèn, chuột cống, cúm nún, trích cồ ...

Có một lần, cũng như thường lệ, bầy trẻ cho nó ra rừng kiếm ăn. Nó đi hai bữa... rồi ba bữa, cũng chưa thấy về. Rốt lại mười bữa rồi mất tiêu luôn. Bầy trẻ túa ra quắn kiém, cũng không gặp. Chắc là nó về lại rừng. "Lá rụng về cội" thôi. Loài thú rừng mà... Cả nhà ai cũng tiếc con trăn gáy, nhưng ngày qua ngày, rồi cũng lảng quên.

Vào độ nửa tháng Chạp năm đó, nghe tu hú kêu ngoài bụi tre, thấy gió chuồng vờn trên lá cây, tui nhớ ra đã gần ngày Tết. Vợ chồng con cái tui vác phẳng, ôm lươi, lội ra cái đìa mé rừng mà chụp cá. Cái đìa mới đào hồi mùa hạn, chưa kịp cẩm chà gọng gì cả. Nhưng dù sao cũng có cá đủ ăn Tết. Nhờ cái nó nhẹ dọn cỏ, và khôi nhổ chà.

Cha con tui bỏ lươi trên bờ, dùng phẳng rong mè cỏ. Một chuyện lạ đời là mỗi nhát chém xuống, phẩn nào cũng trúng nhầm chà nghe rốp rốp.

Ái lén cắm chà đìa mình vậy kia? Tui tự hỏi, rồi cố dọn cỏ cho xong. Mấy cây phảng, giờ lên coi, cây nào cũng mè sếu sáo như lưỡi cưa hết thảy.

Đến khi cỏ được kéo cã lên bờ, tui lại thấy dưới đìa đầy chà gặng ló lên mặt nước. Kỳ lạ là toàn chà cùi, không có nhánh nhóc gì hết. Chà bắt đầu xao xuyến mạnh lên như có ai lặn ở phía dưới, rồi cầm mà rung. Một phút sau, toàn bộ chà dưới đìa kéo hết lên bờ. Chừng đó cha con tui mới bật ngửa. Té ra con trăn của nhà mình lâu nay nó ra rừng ăn phải bầy nai chà, nên gặt nai đậm lủng lung, trổ lên phía trên. Có lẽ vì bị đau quá, nên nó còn nằm đấy dưỡng bệnh, chưa chịu về chuồng.



CÂY MẬN BIẾT ĐI

Thu hoạch mùa màng xong, rồi cứ nằm ngửa gác giờ giàn bếp, nghỉ ngơi riết rồi cũng đâm ra chán. Tui móc đất vò bậy vài chục viên đạn bắn ná thu chơi, rồi thả rề rề ra bờ hậu đất. Mọi khi ở con bờ này vào những buổi trưa, trích cổ về đậu nghỉ mát nơi ngọn cây đèn kít. Vậy mà bữa nay im lìm, vắng hoe. Đi vòng vòng một hồi, tui thua buồn, bắn bậy ba con chim sâu một hồi hết sạch mấy chục viên đạn. Nghe khát nước, tui rề lại cây mận chỗ góc bờ để bẻ vài trái mận ăn chơi. Đến nơi, thấy cây mận trái sai, chùm nào chùm nấy oằn xuống như buồng dừa nước. Cái thứ mận này coi trái bóng luồng vậy chớ bên trong hột lớn.

Tui leo lên cây mận, nằm ngửa chỗ cháng ba, bẽ từng trái nhấm nháp. Tàng cây mát như che dù, lại có gió thổi hiu hiu, tui nghe lòng thơ thới làm sao. Cộng thêm mấy con chim chìa vôi “kéo đòn”, đâm húng chí, tui nói lối rao ra giọng nam xuất một hồi, rồi vô mùi sáu câu vọng cổ. Đôi mắt lim dim mơ màng, tui đưa giọng ca trầm bổng theo làn gió rì rào qua đợt sậy. Các loại chim nghe tui ca, bu quanh, nhảy nhót, hót theo ríu rít. Đến chỗ xuống mùi, tui búng song loan cái troóc, bổng nghe tiếng động rột rẹt. Mở mắt ra, tui vùt thấy một con nai chà cung dang đứng gần bên thường thức giọng ca của tui. Thấy con nai chờn vờn sấp chạy, tui

vội vã bẻ một trái mận bóc lấy hột, nạp vô ná thun bắn vào mặt nó một phát. Hột mận xuyên lủng vào mắt con nai. Nó đau quá, la lên “bét bét” rồi tốc chạy vào rừng.

Câu chuyện con nai đó lâu ngày, tui đã quên mất. Đến ba năm sau, nào ngờ, một bữa, tui đi gặt lúa ở miếng đất cặp mé rừng, thì được tái diễn lại. Số là vào lúc nắng trưa gay gắt, tui mang vòng hái lên cùi chỗ tay, đi lại bờ để tìm một bóng cây đụt mát. Hai mắt như tá hỏa, nên tui gấp đại vào một tảng cây gần nhất mà ngồi dựa lưng. Hết cơn mệt, tui nhìn kỹ lại, cây ấy là một cây mận. Ôi, nó đang sai oần những trái! “Buồn ngủ lại gấp chiếu manh”, tui với tay, bẻ vài trái mận ăn thử. Mận này cũng khá ngọt, nhưng sao lại có mùi hơi tanh tanh.

Tui với bẻ một trái nữa. Nào ngờ cây mận vụt nhích đi chỗ khác và kêu lên một tiếng “bét”. Tui giật mình, đứng dậy. Ối trời ơi! Cây mận vụt tốc chạy ào ào vào phía rừng!

Lấy làm lạ tui đuổi theo xem thử. Chẳng ngờ tui càng rượt theo, cây mận càng chạy nhanh hơn, để lại đằng sau những tiếng kêu “bét, bét”.



CÁI TĨN NAM VẠNG LẺ ĐÃN

Mày chú hỏi tại sao nhà tui có cái tĩn Nam Vang lớn mà tốt vậy à? Cái tĩn màu da lươn bóng ngời, dựng trên một già gạo đó. Hồi xưa, nhà tui có chǎn cǎp chở đâu phải cu ki một cái này. Cặp tĩn của ông bà để lại mấy đời. Từ miệt Sa Đét, vợ chồng tui xuống, chỉ có cặp tĩn đó với chiếc giò mây, đến đây sanh cơ lập nghiệp. Gia sǎn lưu truyền mà, nhưng đã bị mất đi một cái. Mỗi lần nhớ tới, tui thấy tiếc hùi hụi trong bụng.

Đó là một buổi chiều, tôi xách cặp tĩn ra lung, định múc nước về xài. Ra đến, thấy cá rô móng như cơm sôi, tui mới nghĩ cách kiếm vài con để chiều ăn. Tôi bẻ một nhánh tràm con làm cần câu, bứt sợi dây bẫy cò của ai đó làm nhẹ, rút cây lông nhím trên đầu tóc xuống uốn cong làm lưỡi câu, bắt một mớ cào cào làm mồi. Cá rô vùng đất U Minh này hồi mới khai mở thì khỏi phải nói. Con nào con nấy cầm nặng tay, màu da đen tray, có râu. Vừa bỗ mồi xuống là thấy “chàng y” dớp liền. Nhợ câu bị lôi xiên xiên về phía trên gió. Mình nhóng nhóng thử ngọn cần câu, nghe bên dưới trì trì thì giật lên một cái. Một chú rô mề đố đuôi, có hai sợi râu dài thượt, giãy lõm bõm. Cứ vậy mà lôi lên. Cái miệng tĩn vòng cỡ hai gang tay, nhưng phải cầm con cá rô mạnh, cái đầu nó mớp phup được vào trong. Tui vừa

câu vừa “án” một hơi độ nửa tiếng đồng hồ, thì đầy nhóc một tĩn cá. Tui vừa câu vừa “án” một hơi độ nửa tiếng đồng hồ, thì đầy nhóc một tĩn cá. Còn lại một tĩn, tôi mục nước. Tui lấy dây cột ngán vô hai miệng tĩn, tìm một khúc cây làm đòn gánh về. Đến chừng bắt cá ra làm thịt, bà vợ tui cần nhăn vì lấy cá ra khó quá.

Thứ hồi, cá rõ mà cầm hai tay ấn thật mạnh cái đầu nó mới佩服 vô miệng tĩn, thì tới chừng bắt ra làm sao lôi ngược nó ra được? Bị vợ cần nhăn một hồi tui nói khùng, xách cây đập cái tĩn một phát cho xong. Thế là bây giờ chỉ còn có một cái.



NAI TRẦM THỦY

Ông Tư ngồi thư thả uống trà ở bộ ghế giữa, bên đàn cháu, rồi bắt đầu kể: "Năm nọ, bác Ba Phi đi rừng, gặp cái bò lợn giữa trưa, tình cờ đang lúc nóng nực, nên bác Ba hăm hở lội xuống tắm.

Bác cởi áo ra, ngáng lên nhánh chà kề bên cặp mé bò. Tính bác xưa nay cẩn thận là vậy. Vừa khoát nước kỳ cọ bộ ngực, bác Ba vừa khoan khoái nghĩ thầm: "Chà không ai sướng bằng ta lúc này. Giữa rừng, ngồi tắm mát một mình mà còn có chỗ máng áo khô sạch nữa ta. Đã thiệt..." bác Ba lại thò tay xuống, lần mò mối dây lưng; cởi ra thêm chiếc quần đùi. Bác vừa với tay sang nắm lấy nhánh chà định máng tiếp cái quần thì bất ngờ... cái nhánh chà "giật mình" vụt đứng dậy phóng chạy.

- Ơ... ơ. Nai trầm thủy. Trời nai trầm thủy !

Sợ mất cái áo bác Ba quỳnh quàng tức tốc đuổi theo con nai:

- Nai ơi... Tao lầm tưởng nhánh chà mày trả cái áo lại tao. Trả... lại tao!

Nghe có tiếng người chạy đuổi kêu la vang rừng ở phía sau, con nai càng sải bốn chân phóng hết tốc độ.

Mệt quá, không còn cách nào khác bác Ba buộc lòng phải đứng lại vừa thở hổn hển, vừa chắp hai tay lên miệng làm loa, la lớn:

– Nai ơi... nai! Tao nói thiệt, đừng chạy nữa! Mày không có áo “bận” tao tặng cái áo đó. Còn gói thuốc gò trong túi áo nhớ trả lại giùm. Tao ghiền... Tội nghiệp tao, nai ơi, nai ơi !...



GÁC KÈO ONG MẮT

Mùa hạn năm đó, tui quảy gùi, vác mác, lội rừng
măn ong. Đi suốt từ sáng cho tới trưa mà vẫn
chưa cạo được ổ nào. Ông đóng kèo bạ thì chẳng có bao
nhiêu, còn đóng kèo gát toàn là loại mới ốp lưỡi mèo,
mặt mới tráng ống. Buồn tình, tui mới lột gùi, để mác
với dao tre một bên, lấy tấm vải nhựa ra, trải dựa gốc
tràm, nằm ngủ một giấc. Tui nằm tréo ngoài, chân này
gác xiên lên chân kia. Lúc nghe nắng nóng nóng bên
mang tai, tui mới giật mình thức dậy.

Cũng còn nằm nguyên tư thế cũ, tui móc gói thuốc
ra vấn hút. Đang lúc nhả khói, phun mây phì phèo, tui
bỗng nghe ở đâu đây có tiếng bầy ong mật vỗ cánh rì
rào. Tui ngó dáo dác, định ngồi dậy đi tìm. Nhưng trực
nhìn xuống cái chân dang tréo ngoài của mình thì...
trời đất! Ông đang đóng dưới bụng ống chân tui. Thấy
mình ngủ nằm tréo ngoài, nó tưởng đâu cây kèo mà áp
lại đóng.

“Mày đem nạp mạng, săn dây tao cao cao luôn”. Nghĩ
vậy, nên tui hút mạnh mấy hơi thuốc, phà khói vào tổ
ong. Bị khói thuốc Gò Vấp cay mắt, bầy ong bỏ ổ, bay
tán loạn. Tui với lấy cây dao tre để bên cạnh, xắn tấm
tàn ong bỏ đi, tấm tàn lớn bằng cái sàng vậy. Còn lại
lại khúc mức, tui xeo thêm mấy nhát dao tre nữa, nó

rót xuống tấm vải nhựa cái đụi, một khói mêt vàng óng
bằng trái dừa khô nằm truu trúu trên tấm vải nhựa.



TÔM Ủ MINH

Cái năm đó trời nắng hạn đến lung, bàu đều khô sạch trọi, không còn một miếng nước thấm tay. Hạn đến chó năm ở hàng ba nhìn trời lè lưỡi, gà ấp trên ổ hót cổ thở hết ra hơi, trâu thèm nước đổ bọt mồm. Nhà tui chỉ có mấy cái đìa cá giống với một cái búng đậm thông ra kinh Ngang là còn nước chút đỉnh.



Một bữa nọ, nhà có khách. Túng đồ ăn quá, tui mới sai con Út nhà tui xuống mò quanh rìa búng đậm kiém ít con cá. Con nhỏ nghe lời, lấy khăn choàng tắm trùm đầu, xăn quần lội xuống, bắt nào là cá bối phết, cá lóc kềnh, cá trê nòng, cá sặc bẩn, cá rô mề quăng lên bờ. Thấy cá nhiều quá, tui biếu thôi, nhưng con nhỏ còn ham, mò ráng thêm chút nữa. Nó bão mò xích ra búng đậm, bắt mớ tôm càng cho tui với khách nhậu lai rai. Con nhỏ vừa khom xuống ngay miệng ống bong mặt đậm, tui bỗng thấy từ dưới nước vọt dậy lên một cái rắn. Trời đất ơi! Tôm! Con nhỏ nghiêng mặt né tránh.

Nào là tôm càng, tôm thẻ, tôm đất, tôm lóng phóng lên ghim ngập gai vô chiếc khăn trùm đầu của nó, đuôi chỏng ra ngoài búng lách chách. Cái đầu của con Út có chà, có chôm chảng khác nó đang đội một mớ san hô vậy. Mẹ nó bưng rổ ra gỡ hết chỗ tôm đóng trên chiếc khăn đội trên đầu, cân được hai ký lô tám.

THỦ THOẠCH LƯỜI NAI

Năm ấy, mấy chục công lúa tui cấy cắp mé rừng, tới mùa không còn thu hoạch được một hột để nhổ râu. Lúc lúa đứng cái, lũ nai kéo về cả bầy, ăn tới tới. Cắt chòi giữ ngày giữ đêm, giật banh mấy chục cái thùng thiếc, mà chúng vẫn trơ trơ không sợ. Đánh bầy, giăng giờ bắt được một, thì chúng kéo lại hai. Nai chà tràn vô xóm ruột chém bò cổ, nhảy đực bò cái, đẻ ra con nào cái sừng cũng có nhánh có nhóc.

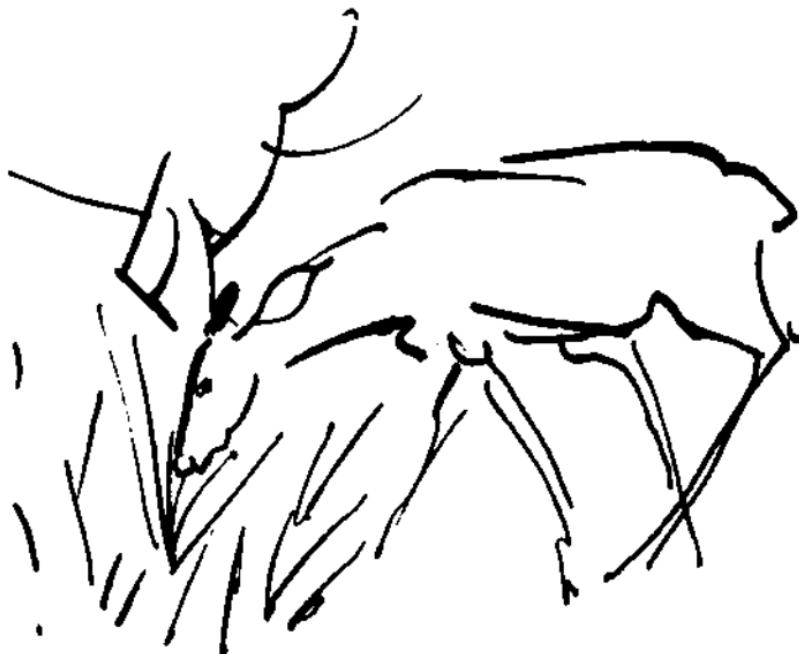
Ai cũng bảo là chắc phải xứ này cho nai ở. Tui thì nhất định không chịu thua, cố tìm hết cách để trị lũ nai này. Đêm đêm, tui đi rình xem cách chúng ăn lúa. Nó ăn cũng như trâu bò ăn vậy thôi. Nghĩa là lưỡi cũng le ra, nghéo gọn bụi lúa rồi giựt mạnh lên.

Tui về nhà, ngồi suy nghĩ, nhủ thầm: "Như vậy là chết cha chúng mày rồi!" Xách mac ra vườn, tôi đốn những cây tre lô ô đem vô. Tui lần lượt bập nhẹ lưỡi mac vào cát thân cây tre rồi lấy ra lấy một miếng cát tre dài cỡ chiếc đũa bếp, hai bề cạnh bén như nước. Làm tới chiều, tui đem ra ruộng, mỗi bụi lúa tui cắm vào giữa một miếng tre cho thật chắc. Làm xong về nhà, tui biểu mấy đứa nhỏ cứ việc ngủ cho thằng giấc đi, đừng lo canh tuần gì nữa.

Sáng bữa sau, tui chống chiếc xuồng be ra ruộng. Tôi xăn quần lội xuồng, tay nắm be xuồng dắt tới, vừa

đi vừa mò theo từng gốc lúa mà lượm lưỡi nai. Thứ tre lồ ô chẻ mỏng, cật bén như nước. Vô phúc cho con nai nào nhè ngoéo cái lưỡi vô đó mà giật lên thì thế nào cũng phải đứt lưỡi.

Mùa đó, ngoài cái chuyện bán thịt lưỡi nai tươi cho bà con lối xóm nhậu chơi, tui còn phơi khô chở lên Sài Gòn bán cho cửa hàng mua để xuất sang Hồng Kông, Singapore được một tấn hai thịt lưỡi nai khô. Không tin hỏi bà thì biết.



CON CHÓ NÔ ĐỦNG CẨM

Trời mới rạng đông, nghe con heo nái trong chuồng hộc hộc, tui biết là con heo rừng nọc chiếc vô nhảy đực heo nái mình nữa rồi. Tui chộp cây mác thong, kêu con chó Nô, nhảy ra. Con chó Nô là loại chó nòi, giỏi vô cùng, nhưng lúc này nó đang có chửa gần đẻ nên cũng hơi ột ệt.

Lúc tui chạy tới thì con heo rừng nọc chiếc cũng vừa bỏ chuồng đi ra rồi. Nó to cỡ con bò, màu lông vàng hực, da lăn dầu chai, có u, có nần. Vừa đi, nó vừa nghéch cái mõm như cây đàn bầu lên táp llop bôp, nghe chảng khác mình cầm cái mừng dừa dập úp lại. Hai cục bọt trắng xóa đóng hai bên mép miệng, gần chỗ cặp nanh trắng ớn, cong vút.

Thấy tui với con Nô đuổi theo sát, nó quay lại, mài đít, ngồi nhìn. Mũi nó khịt khịt như gà lôi kêu. Biết là gấp tay đổi thủ đáng gờm, tui đứng chân chữ đinh, cầm phân hai cây mác, như thử. Con nọc chiếc tưởng tôi đâm thiệt, nên hất mõm qua bên. Tui lẹ làng thu lại, đâm một nhát chí mạng vào nách nó. Coi như con nít chơi, con nọc chiếc liền hất trở lại một cái trông nhẹ hều, làm cán mác của tui gãy làm hai. Tui chơi với suýt cầm đầu, tay chỉ còn cầm khúc cán mác, đứng xơ rơ. Thấy chủ sắp lâm nguy, con Nô nhảy vô, nhưng vừa nhập vào, liền bị con nọc chiếc đánh cho một cái văng

bắn ra, va vào một gốc cây tràm đánh ảng một tiếng, quỳ xuống đẻ ra một bầy con. Tám con chó mới đẻ liền nhào tới cắn vào bốn cái giò con heo. Con Nô tuy bị thương, nhưng lại nhảy vô chính diện. Chẳng ngờ nó lại bị con nọc chiếc đánh bồi thêm một cái nữa, làm cho sọ đầu bể làm tư. Nó nằm giãy tê tê. Thấy vậy, tui nhảy lại bứt nắm cổ thuốc hàn, vò vò rồi đắp vô vết thương và bứt sợi dây, dốc kiền cái đầu nó lại. Con chó ngồi dậy nghỉ một lúc cho đỡ mệt, rồi lại xáp trận nữa.

Lần này thì con nọc chiếc có mà chạy đường trời. Tám con chó con cắn bốn cái giò cẳng ra, con Nô tấp dính cái đuôi kéo nhũng nhảng, còn tui thì xách khúc cán mác còn lại nhấm ngay đầu nó mà bổ xuống. Quần nhau một hồi, con nọc chiếc mệt lả, há họng thở dốc. Nhanh như chớp, tui thọc cho nó một cán mác vô họng, thấu tuốt ra sau đít. Lũ chó con còn sung sức nên sửa gâu gâu. Con Nô, tuy cái đầu mới bể được ràng lại, chưa ăn khớp hoàn toàn nhưng cũng cất tiếng sủa trợ chiếc cho lũ con “cạch, cách... cách! cách!...”



BẮT RĂN HỒ

Hồi ấy chúng tôi đóng quân gần Cơi Nam nơi bác Ba Phi ở. Thỉnh thoảng bác vô thăm tụi tôi và cung cấp nhu yếu phẩm. Có lúc thì mấy cây thuốc gò, mấy lố ngoại cảm tán, không quên mấy cái lưỡi lam cạo râu. Một lần tụi tôi ước:

– Mùa nắng này phải chi được một vài con rắn hổ nấu cháo đậu xanh ăn cho mát !

Nghe vậy bác Ba quay sang:

– Cái gì, tụi bây thèm rắn hổ hả ? Thiếu gì, tưởng gì chờ ba thứ đó làm gì cho hết, hồi hổm tao bắt đựng cả chục lu mái dầm chứa nước mưa lận.

– Làm sao mà bắt được nhiều vậy bác Ba ?

– Dễ ẹt ! Tao bắt con cóc móc lưỡi câu rồi đem nhấp nhấp trước hang, nghe hơi con cóc là nó bò ra liền. Thứ rắn hổ đó nghen, nó “mê” cóc thổi lỗ tai, hổng nhả đó bảy ! Thấy con cóc nhảy chồm, nó táp cái bốp mắc lưỡi câu, quấn xà néo, thế là bắt ngon ơ ! Thứ đi chìa, đào hang đó nghe, có tì có vết ăn hỏng khoái !

Nghe tụi tôi đòi học nghề bắt rắn của bác, bác Ba nói:

– Coi vậy mà bắt kiểu đó đâu có đủ nhậu, tao còn có cách này bắt hết trơn rắn hổ mà khỏe re vậy đó !

— Trời ! Tài quá ha ! Ô, mà cách nào bác Ba ?

Bác Ba lột cái khăn trên đầu xuống quần chàng hầu, rồi thong thả quấn một điếu thuốc gò tổ bố - ý chừng để cho tụi này tập trung suy nghĩ, rồi Bác Ba mới thong thả kể:

— Có gì khó đâu ! Hôm trước trời lụt rắn hổ kéo nhau lên một cái gò cao. Trời ơi ! Nó nầm lên nhau hẳng đống như rộng trong khạp vậy ! Mấy con chuột bò lên là nộp mạng sạch nhách cho chúng. Thấy đã quá trời ! Tao về liền đốn tre trúc làm cái lợp thiệt bụi, bằng bốn cái lợp bình thường. Tao bắt mấy con chuột, con cóc bò ở sau đuôi lợp làm mồi rồi chống xuồng ra gò đặt day miệng ngay chỗ bầy rắn ở. Tao chống xuồng lui ra bờ ngồi đợi. Nghe hơi mồi, nó nóc đầu lên, khù khù hổng thua cọp gù ! Vậy mà hổng con nào nhào vô ráo ! Tại sao tụi bây biết hôn ?

— Sao vậy bác Ba ? Sao vậy ?

— À, tại tao chưa mả nắp lợp !

Tụi tôi cười cái rần ! Lợp có nắp sao bác Ba ? Ô, lợp đâu có nắp tao quên ! À, mà nó biết mình gày bầy nên nó không vô. Chời hoài thấy hổng ăn, tao tính bỏ về thì thời may có con rắn nhõ chắc đói lẩm, bao dạn bò vô ! Thấy con kia vô được không mặc bầy như hồi trước, nên mấy con sau bò vô rắn rần đầy lợp. Chờ cho con cuối cùng bò vô lợp tao mới đở lợp bỏ xuồng chống về ! Chắc mẩm kỳ này, chờ ra chợ Cà Mau bán mua thuốc gò hút xê môi, ai ngờ một con rắn chừng

năm ky lò vây đó, nó tống sút đít lợp bò ra rồi nhào tới,
phóng vỡ mình tao táp cái b López dính ngay đáy quần !
Hết hồn, hết via, tao chống sào phóng lên bờ. Ai dè dây
lưng tuột con rắn đớp tiêu luôn cái quần của tao !

Tui tôi ôm nhau ra mà cười chảy nước mắt, một lát
có đứa cắt cớ hỏi:

– Rồi làm sao về nhà bác Ba ?

– Tao theo kinh kéo xuống về ... lạnh muôn teo !

Hèn gì bữa nay bác đem vô cho tui tôi có nửa khúc
thuốc gò.

CÁ TRÊ LŨNG TRÀM

Tui dẫn bầy cho săn vò Lung Tràm định lùng thịt, cũng dạo mùa nước rợt này đây. Dưới kinh, cá quẩy ùn ụt, trên rừng chim chóc bay rần rần. Mình muốn kiếm bụng một con nai để mai làm đám kỷ cho bà già vợ, chứ loại cá, chim đó thường quá. Vùng Lung Tràm thuở đó còn đầu choại, dớn với vây tràm, đất trấp phép phèu, bởi vậy người ta mới kêu nó là Lung Tràm.



Đã quyết đi vào khu vực có nai, nhưng đến mặt trời lên cao mây con sào, tui vẫn chưa hạ được một chú nào. Bị nhiều bạn săn quần tới lui hoài, nên “bẽ” hay “đổ” nhanh như gió. Mỗi khi nghe chó vừa đánh hơi sủa lên, tức thì nghe một tiếng “bét” là chỉ còn cách đứng mà ngó theo.

Đến lúc mặt trời gần đứng bóng, người cùng chó đã mệt mỏi, tui mới rề lại một gốc cây tràm nghỉ mát. Chân bước từ từ, mắt cứ ngó dáo dác theo mây con ong mật đang ăn bông trên đọt tràm, bất thắn tui đạp lên mình một con nai chà đang nằm ngủ. Tui giật mình té ngửa, con nai cũng hoảng hồn nhảy dựng. Nó phóng một cái, đúng nhầm gốc cây to dội lại, té lên mình tui. Săn cầm cây mác trên mình, tui vớ chân sau con nai, khứa một nhát vào nhượng. Còn lại ba chân, con nai chạy giật vào bìa rừng, phóng xuống Lung Tràm. Böyle chó chia làm hai, ven theo hai mé long. Con nai lội qua bên kia thì bị lũ có bên kia ví ép. Nó lúng túng, lội qua lội lại mãi... Tui giục cho, vây chặt và ép lần cho con nai lội về hướng nhà mình.

Ra tới ngã ba lung, thấy thằng em tui đằng kia chống xuống lại. Tui kêu tiếp. Thằng em tui nhán sào chống vọt tới bên con nai. Böyle giờ con nai còn cố lội lờ đờ, cái đầu trên mặt nước. Thằng em tui với nấm láy cái chà gạt con nai, lôi mạnh lên xuống. Nhưng trời ơi! Con nai chỉ còn cái chùm ruột lòng thòng dính ở phía dưới. Té ra nay giờ nó bị cá trê dưới Lung Tràm bu theo

Truyện nói trạng

rỉa sạch troi thịt thà, xương xóc. Bầy cá cứ vây lấy con nai mà rỉa thịt làm cho con nai cứ trồi lui, trồi tới, vậy mà tui cứ tưởng con nai con lội. Thằng em tui kéo luôn lên xuống cùng với xác còn lại của con nai với cả tạ cá trê, và con nào con nấy to bằng cùm tay người lớn.



CÁ NUÔI



– “Nè nè. Anh em đừng chài cá bối: Cá bối ăn không được đâu! Anh em bộ đội thì tui thương lâm, mới nói cho mà biết vậy đó. Cá bối (sặc rắn) tui nuôi trong vuông đất này là 1 cái đặc biệt, chứ không phải loại thường nuôi để bán đâu. Chú em mấy cắt chài đi! Cá bối phết của qua coi lớn bằng cái mo quạt vậy, chứ thịt ăn chất ngầm thôi. Vô nhà biểu mấy đứa nhỏ lấy cho

vài cần câu cá rô với một cần câu cá lóc ra đây. Đứa bắt cào cào, đứa bắt nhái nhót mà câu, mà nhấp một hồi ăn chét mệt không hết. Mấy con cá bối phết lơ chài lên được đó, thả xuống đìa lại đi. Thứ cá rô mề của qua, hai đứa câu một lát có mà khiêng, chớ quân ngũ nào ăn cho hết. Con nào con ấy bằng bàn tay xòe, da đen tray, trứng óc nóc, đuôi đỏ chót, mỡ cứng như mỡ rùa vậy. Còn nói chi đến thứ cá lóc kền kền của qua nuôi. Con nào mà không mọc hai sợi râu dài cỡ lóng tay sấp lên. Chú em mây thử nhấp lên vài con cá lóc thì biết. Tụi nhỏ xóm này thường lấy vảy cá lóc của qua làm đồng xu để đánh đáo đó. Vì cá của qua có cho ăn mỗi đàng hoàng mà. Loại nào cho ăn mỗi nấy. Chú em mây trông thấy đó! Vườn qua trồng rặc có ba thứ cây: xoài, cau với dừa. Suốt năm, cây sai oắn, cứ để trái rụng xuống cho cá ăn. Cá bối thì ăn xoài, bởi vậy cá rô nấu cánh chua không cần bỏ me, dầm me gì đâu. Nè! Ráng nhấp ít con cá lóc mang về tối nấu cháo ăn tấm bổ nghe. Cá vườn dừa của qua vậy đó, dừa khô cứ rụng xuống mương, rụng bao nhiêu thì cá lóc táp ăn hết trọi. Bởi vậy thịt cá lóc nấu cháo khỏi phải vắt nước cốt dừa mà ăn cũng béo ngậy.

BẮT CÁ KÈO

– Bộ ...b...ô... hồi xưa bác cũng có đi bắt cá kèo nữa hả, bác Ba?

Bác Ba đang cùng với những đứa cháu lôi xóm ngồi chuyện trò từ trưa tới giờ dưới gốc bụi tre tàu trước nhà. Gió chuồng thổi xạc xào cành lá. Ngồi thấy bác Ba có vẻ mệt mỏi không muốn kể chuyện thêm nữa, Thằng Truyền cắt cớ, kiếm chuyện thêm:

– Ủ, cá kèo tao bắt dữ lắm. Có hôm lấy ghe mà chở ! Bác Ba trả lời.

– Thiệt vây hả bác? Ủa, mà hồi đấy bác bắt cá kèo ở đâu ?

Thằng Thế Truyền lại hỏi, vẻ mặt nó nửa nghi ngờ, khó hiểu. Mấy đứa trẻ khác thì mở trừng nhìn theo mấy ngón tay đang múa may như “phù phép” của bác.

– Nè, coi tao bắt đây ! Bác Ba đứng dậy trả một ngón tay xuống đất: Tụi con nên nhớ vùng biển Đá Bạc của mình hồi đó nó vô tới tận con kinh Lung Trâm này cá kèo lôi đặc ngừ như bánh canh trong nồi. Nhưng ngày xưa mà, chủ yếu bắt bằng tay thôi. Cũng không phải ai cũng bắt bằng tay giỏi như tao. Tụi con coi đây (bác Ba xòe hai bàn tay ra giờ lên) đơn giản như vầy

chớ mỗi lần tao thò tay xuống sông rồi giở tay lên là bắt được mười con, mỗi kẻ tay một con, năm im không vầy gì được. Cá kèo coi nó trơn lùi vậy chớ không con nào chạy tuột ra khỏi được tay tao.

Mấy đứa nhỏ ngồi nghe chợt thầm ý, bật cười, cái đầu tui nó gục gặc. Chỉ riêng thằng Thế Truyền không nói, cũng không cười. Nó ngồi yên, chỉ đưa hai bàn tay ra trước mặt; cái miệng nó lép nhép nói gì như đếm thầm. Vụt một cái, nó đứng dậy, bước tới nắm tay áo bác Ba Phi lại, hỏi:

– Bác vừa nói mỗi kẻ tay bác bắt được một con. Minh có tám kẻ tay làm sao bắt được mười con một lần???

Không ngờ thằng nhỏ bất ngờ hỏi “treo cảng ngỗng”, bác Ba dở người một lúc rồi đưa tay vỗ vỗ xuống đầu nó như thể nựng nịu rồi Bác xuống giọng:

– Đúng, Thế Truyền mày hỏi đúng. Thông thường làm gì bắt được một lúc mười cá kèo như vậy. Nhưng vì tay tao bắt cá “dính” quá, nên có số cá kèo nịnh lội tơi lội lui, chực sẵn bên ngoài, chờ tao thò bàn tay xuống mỗi lần như vậy, là chúng nó nhào vô hai con một lượt để “dính ké”. Nhờ vậy mà mỗi lần tao giở tay lên thì được đến mười con!

SƠ ĐẦU CÁ TRÊ

Ông Tư khẽ đưa tay vuốt tóc râu bạc đang bung tráng trước ngực. Ông say sưa kể tiếp chuyện "Sơ đầu cá trê" của bác Ba Phi cho con cháu nghe. Tụi nó cứ đốc thúc ông hoài. Cái búi tóc sau ót của ông mỗi lúc cứ như nhúc nhích, nhúc nhích:

– Nè... tụi con ngồi yên, đừng chồm tới nữa, để ông kể nữa cho nghe. Nhà bác Ba hồi trước có nuôi bầy heo nái... ờ... ờ... chuyện này mấy con nghe chưa? Số là hôm nọ tối ngày "gả" đàn heo rồi mà bầy heo đi đâu chẳng thấy héo lánh về. Bà con lối xóm tới bắt heo con, đứng chờ đông nghẹt, chật cả nhà. Sốt ruột quá, bác Ba Phi lội đi lùng kiếm khắp vườn chẳng thấy đâu.

– Chắc là bị cọp ăn hết rồi ! Bác Ba thất vọng than thở vừa lê từng bước nặng nhọc trở về nhà.

Vừa bước tới sân trước, bác giựt mình thấy vật gì cứ làm nhúc nhích, nhúc nhích cái sọ đầu con cá trê, như cái sọ đầu muốn "bò" đi mà "bò" không được. Trời ơi, lại quỷ ma ám ảnh nữa rồi hay là...

Bà con đứng chờ bắt heo trong nhà nghe tiếng bác Ba kêu la liền chạy ra. Rồi một tớp đứng cầm cây dao mác vây quanh chực săn, số bà con còn lại ráp nhau cùng bác Ba ra khiêng lật ngược sọ đầu con cá trên lén.

Hồng ngờ bầy heo con vù chạy ra, con heo nái mẹ vú lòng thòng cùng chạy vụt ra theo.

Mọi người bật ngửa cười ô. Thì ra lúc này heo nái mẹ dẫn đàn heo con đến sàn ủi tìm cái ăn, nhưng nó ủi phá thế nào làm sọ đầu cá trê của bác Ba Phi lật úp lại nhốt gọn lỏn bầy heo, cả mẹ lẫn con.

Kể tới đâu, ông Tư đưa tay lên nắn nắn sửa lại cái búi tóc sau ót. Ông cười hê hè:

– Cái sọ đầu của con cá trê của bác Ba Phi thời đó bự cỡ vậy lận đó, các con !



TRỨNG RỒNG ĂN XÀM XI MÀ HÔI MÙI TRỌ

Số là hồi năm, có một năm hạn hán kéo dài. Hạn gì mà năm bảy tháng liền không có một hột mưa, bao nhiêu lung bàu, đìa ao xứ này khô hết trụi, kinh Lung Tràm phơi đáy khô khốc. Tới tháng tư, tháng năm rồi mà mây trời cứ vân vũ hoài, không chịu mưa.



Nhà tui nhở có hàng trăm cái lu lớn để chứa nước mưa thành ra còn nước xài, heo chuồng của tui mười chín con cùng với mấy trăm gà vịt cũng đều cho ăn, uống bằng nước mưa hết thảy. Thường ngày tôi múc ba thau nước để dưới bóng mát chỗ bụi tre xiêm trước cửa, cho gà vịt uống.

Nhưng có một bữa nọ, đâu lối bảy, tám giờ gì đó, đang ngồi vấn gò thuốc hút, nghĩ mệt, tôi thấy có con rồng cái bay qua, cái bụng “chứa” của nó phê xuống quá cõi. Con rồng ngó thấy thau nước mắc thèm mà bay đi không muốn nỗi, nó cứ rề qua rề lại vừa liếm mép muốn nhào xuống uống trọn thau nước. Rồi nó bay đi, một lát sau lại “rủ” thêm hai ba con rồng đực cùng bay tới. Nhìn thấy, tui liền nghĩ ra ý bắt mồi con rồng này làm thịt ăn chơi.

Tui bước gấp vào nhà dưới lấy ngay mấy sợi dây niết trâu ra nối lại. Xong xuôi đâu đó tui mới buộc chặt một đầu dây vô gốc bụi tre tàu, đầu dây còn lại tui thắt thành cái vòng để khoanh tròn trên miệng thau nước. Tui thay ba thau nước mưa thật trong.

Con rồng cái với hai ba con rồng đực khi đó cứ bay rề qua rề lại trên đầu tui. Tui phải núp vô két cửa ngồi rình, đừng cho nó thấy. Con rồng cái bụng dạ bể xé nó “đáp” xuống, thọc miệng vô thau nước uống liền. Tui để cái vòng vòng dây tròng đúng vô cổ nó, rồi cầm mác chạy raнат: “Rồng!”. Con rồng hoảng hồn bay lên. Nhưng sao bay được! Nó càng giây thì sợ dây niết trâu

càng siết cổ nó lại. Nó lăn lộn, đập đuôi ầm ầm. Bụi tre rung chuyển như bão.

Con rồng cái đang có chửa. Lúc đó, tui thấy sợi dây giàn ra nghe rắn rác, muốn dứt. Sợ dứt, tui liền nhào lại, nám đuôi con rồng thọc mác vào bụng nó. Tui quyết lòng hạ nó, để lấy thịt nhậu một lần cho biết mà. Bị đau quá cõi, nên con rồng nhào một cái thật mạnh, lọt ra bốn cái trắng, và làm dứt luôn sợi dây. Nó lôi tui bay tuốt lên mây. Chóng mặt quá, tui buông tay rớt xuống đất, hai chân lún sâu tới háng.

Đến chừng nhổ được hai chân lên, tui lết lại chỗ bụi tre, lượm bốn trứng rồng đem vô. Trứng nào trứng nấy lớn bằng trái dừa khô vậy. Chiều bữa đó, tui luộc chín bốn trứng rồng, rồi mới chạy kêu lối xóm mời bà con để mỗi người ăn một miếng cho biết. Trứng rồng ăn có ra gì đâu, nó xẩm xịt mà hôi mùi tro thấy mồ. Không tin hôi bả thì biết!

RÙA Ủ MINH

Dáng sau hè thấy khói lèn trong hậu đất, tui bỏ vô nhà. Mời bụng chén trà lên hớp một ngụm, thì thằng Sáu hào hển chạy qua kêu:

– Bác Ba ơi, ai đốt cháy Lung Trà, rùa bò qua hậu đất bác lếnh nghênh. Hai bác cháu mình ra ví bắt ít con, chiểu rang muối nhậu lai rai chơi!



Nghe nói nhậu rùa rang muối, tui chép nước miếng, lật đật vào cái bao bố tới rồi dông theo thằng Sáu liền. Hai bác cháu tui vừa ra khỏi mé vườn thì thấy từ Lung Tràm rùa bo qua thật nhanh. Chúng còn ở xa ngoài kia, nhưng đường như thấy tại tui nên nghersh cổ nhìn. Đi tới chút nữa, bỗng bầy rùa ấy chụm đầu ngay vào phía chúng tui khẹt lửa. Liền đó, mấy trái đạn ĐK.57 nổ ầm ầm trên đầu. Hai bác cháu tui phóng xuống mương, bùn chạy một bùa muốn phờ râu. Biết sao không? Xe lội nước chờ rùa gì!

Sau đó không lâu, cũng thấy lửa cháy ven lung như vậy. Cũng thằng Sáu hào hển qua, kêu:

– Bác Ba ơi! Xe lội nước đốt sậy, càn qua tới hậu đất rồi kìa. Chạy trốn mau đi!

Hai bác cháu tui chạy một mạch qua tới Lung Bùn, chém vè cho tới chiều. Về chưa tới nhà, thì thằng Ba Lùn chặn lại rủ vô nhà nhậu thịt rùa rang muối. Nó bảo là hồi trưa nó đốt giang sậy ven Lung Tràm, bắt được vài chục con rùa. Nó còn nói có mấy con bò qua hậu đất tui, bắt không được. Nghe nói mà tui tiếc hùi hụi. Hồi trưa thấy bầy rùa bò đó mà tưởng đâu xe lội nước, bò chạy trốn. Thiệt túc!

Lại một lần nữa cũng thấy lửa cháy giang sậy, cũng thằng Sáu chạy qua kêu:

– Bác ba ơi! Lần này đón bắt rùa thiệt đó.

Hai bác cháu tui cảnh giác, đứng núp trong bờ chuối nhìn ra. Tui tui thấy từ xa những chấm đen đang động đậy nhích dần về phía mình. Thằng Sáu dợm chạy ra bắt.

Tui nắm tay nó, kéo lại:

- Chết mẹ! Xe lội nước!

Xe lội nước thiệt. Chúng cảng thành hàng ngang chạy ngay qua. Hai bác cháu tui chạy một mạch qua Lung Bùn, chém vè vô đám nga. Hai đứa chia ra hai chỗ. Trốn trong con lung này đầy sinh lầy, xe lội nước khó mà càn vô được.

Tui nắm chờ co ro trong một lùm nga, nghe tiếng xe chạy rù rì êm tai làm cơn buồn ngủ kéo ghị sụp mí mắt xuống. Trong mơ mơ màng màng, tui nghe xa xa có tiếng lửa cháy, sập nổ rốp rốp, gần gần có tiếng rùa bò qua sột soạt. Trước mắt tui, chập chờn hình ảnh những con rùa vừa bò ngang vừa ngóng cổ lên như nòng súng ĐK trên mui xe lội nước. Lại tốp rùa phía sau bò tới nữa, tới nữa. Rùa nhả lửa, khát đạn ầm ầm, rùa rùa... Có một con bò đến bên chân tui, thở phì phò, phì phò... Tui cứ nắm im, nói thầm trong bụng: Kệ cha mầy. Đừng gạt tao chạy ra bắt, để rồi gặp xe lội nước nữa. Nhưng con rùa đó thật là kỳ cục, cứ nhấp chân tui mà bò lên, mà thở phì phò nóng hổi. Hơi thở của nó hôi xăng tanh rình. Người ta nói không thèm bắt rồi mà cứ ủi ủi vào chân mái. Tui nổi xung, tống cho nó một đạp

Truyện nói trang

thật mạnh. Còn rùa văng bỗng lén khỏi đợt nga, rót trái ra giữa lung bùn một cái rùm, nước văng trắng dã. Tui giụt mình tinh dậy, vì bàn chân tui đau điếng. Đang ngồi xoa bóp, bỗng nghe ai bò xột xoạt lại gần. Thằng Sául Nó đến sát bên tai, thì thào:

– Chết rồi bác Ba ơi! Tính sao bao giờ? Có một chiếc xe lội nước đang bò ngay vồ chỗ này, bỗng nhiên nó lại văng bắn, lộn nhào ra giữa lung. Nó còn nằm ngửa bơi bơi hai sợi dây xích lên trời như hai con cuốn chiếu lật ngược vậy đó.

CÁCH BẮT KỲ ĐÀ SÔNG

Nên biết là giống kỳ đà thích ở trong bụng cây. Hễ động động là chúng chun trốn, có trời mà kéo ra. Bốn chân nó giương móng thật sắc, bầu cứng vào bụng câu, nắm đuôi kéo ra chỉ có nước là đứt ngang mà thôi. Cách duy nhất là muôn bắt được kỳ đà chun trong bụng cây thì phải dân khúc đuôi cho nhử ra, rồi lấy gừng thật cay đắp vô, chừng đó nó tự nhiên rú riết gân cốt, tuột ra thôi.



Vùng này có rất nhiều loại cây lớn mà bụng ruột như cây cuối, tràm, tràm ... kỳ đà về bao nhiêu cũng đủ chỗ để chun trốn. May vạn săn Sông Đốc, Đường Ranh thấy đều thúc thủ vô mưu. Riêng tui, đâu có chịu thua

một cách dễ dàng. Thấy kỳ đà mỗi lúc một nhiều, tui đến tận chỗ nghiên cứu mấy ngày nghĩ ra cách bắt chúng.

Đã năm được chỗ yếu của nó rồi, tui về làm bẫy cò ke, gài bắt sống độ vài chục con; loại kỳ đà đực, thứ chạy giỏi nhất. Mỗi con, tui buộc vô chót đuôi một cục gừng thật già, rồi cứ thả cho nó về nhập bầy. Chờ lúc chúng kéo nhau ra đi ăn, tui mới đắt tràn đất rượt, chí tử. Lũ kỳ đà chạy về chỗ trú, chun hết vô bụng cây. Một bụng cây lớn chúng chun vô đến mấy chục con. Mỗi cây còn có một con ló đuôi ra, vì nó chạy sau chót. Tui sai bầy trẻ bắt ong vò vẽ cho chích vào khúc đuôi của con sau chót ló ra ngoài đó. Con kỳ đà bị ong chích đuôi đau quá, nên nghiên răng chịu đựng. Nó nghiên nhầm chót đuôi con trên. Con bị bạn nhai đuôi đau quá, nên cũng nghiên răng chịu, lại nghiên vào chót đuôi con trên nữa. Cứ như vậy, chúng bắt từ dưới nhai đuôi nhau vẫn công dài lên. Lên tới con trên hết, còn kỳ đà đực mà tôi có buộc ở đuôi một cục gừng đó. Nó bị bạn nhai vào cục gừng. Rồi con nhai cục gừng, bị cay quá, nên chảy nước miếng ra. Con kẽ dưới nhấm phải nước miếng cay; cũng bắt đầu chảy nước miếng dài xuống như vậy. Nước miếng có chất gừng cay ấy chảy dài xuống, tự thấm vào đuôi chúng, và chúng tự rụt riết gân cốt mà tuột ra khỏi bụng cây. Chúng đó mình mặc sức bẻ móng, rút gân, trói ké chúng, chờ đem đi chợ bán.

CÁCH BẮT KỲ ĐÀ CHẾT

Giống kỳ đà ở rừng U Minh coi chạy rắn như gà con vậy chớ không dễ gì bắt nó đâu. Có động nó nhảy xuống sông lặn một hòn tới chiều tối mới chịu nổi lên bằng, không thì nó chạy một cái rẹt, lẹ đến nỗi đuôi ngay ra như cây chia. Có một lần con trước dừng lại, con sau ngon trớn lao tới, đuôi con trước đâm vô họng con sau rồi trổ ngay ra lỗ đít.



Biết vậy, tui mới nghĩ ra một cách, rủ dương Tư nó vác ván ngựa ra chặn trong rừng xa xa, ngoài mé ruộng thì kéo xác con trâu chết bỏ đó làm mồi nhử. Lũ kỵ đà xuất rừng, từng bầy bò lợm thơm ra, đến bên xác con trâu chết, chúng chia nhau từng tốp mà ăn quynch quảng. Tụi tui dẫn bầy chó săn phục kích săn ở mấy lúm sậy gần đó, chờ cho chúng ăn thật no nê rồi mới chạy ra. Dương Tư nóнат: "Kỳ đà". Bầy chó mà tới. Bọn kỵ đà chực nhìn thấy, bèn hè nhau mang cái bụng ột ệt đậm đầu chạy vô rừng, chạy đến mửa vãi thịt trâu ra. Tụi tui cứ ở sau đuôi mà rà tới. Bầy kỵ đà chạy ngay hàng như sợi chỉ giăng, đuôi con nào cũng thẳng băng lại sau như cây chĩa. Lúc rượt sâu vô mé rừng, tôi bỗng nghe con chạy trước đậm đầu vô tẩm ván ngựa mình đã chấn săn, nghe một cái bụp. Tức thì nghe một tiếng "rột... rột" kéo dài phía sau. Từng hàng dọc kỵ đà thúc sát nhau như một khúc cây nằm dài, vì đuôi con này đậm vô họng con kia thấu ra đít hết thảy. Một "khúc cây" kỳ đà như vậy có đến mấy chục con. Chừng đó mình mặc sức mà đánh trâu ra cột kỵ đà mang về.

BẮT HEO RỪNG

Hồi ở cắp theo mé rừng U Minh này, có làm ruộng nương, rẫy bái gì được đâu! Heo rừng ngày đêm kéo từng bầy ra phá phách chịu không nổi. Những con heo nọc chiếc lớn như con bò, đi ra tới xóm, rượt nhảy đực heo nái nuôi trong nhà. Heo đẻ ra con nào mình mấy cũng sọc dưa, mỏ nhọn thon thon.

Năm đó, tui có trồng mười công khoai lang với khoai môn. Khoai trúng thôi là trúng. Khoai lang lá muốt mượt như thoa mỡ, đọt bò vượt vượt. Còn khoai môn, tui con nít ngắt mấy lá lớn thả lật ngừa dưới dinh, làm xuồng bơi qua bơi lại. Vậy mà chỉ trong vòng một đêm thôi, tui mắc công chuyện phải đi sông Ông Đốc, mười công khoai bị heo ăn sạch bách. Ra thăm rẫy, tui thấy mà buồn ghê. Heo lớn, heo nhỏ gì cũng ủi lút nửa con xuống đất để ăn củ khoai. Tức bụng quá, tui chạy tuốt về nhà lấy cây mác vót ra. Cây mác của tôi bén như nước. Tui đi nhẹ nhẹ, cưa cho mỗi đứa một mác vào lung, cưa xong, tui vỗ tayнат lớn: "Heo!" Ôi trời ơi! Bầy heo giật mình nhảy dựng lên, định tốc chạy. Nhưng nào có dễ đâu. Giống heo rừng xương sống ngay dơ như cây đòn gánh, hễ con nào phóng mạnh một cái là sụm xuống ngay.

Tui kêu bà này chống xuồng ra, chờ về xé thịt, đem đi bán. Mùa đó tui bán thịt heo rừng lấy tiền lại lời gấp mấy lần mười công khoai bị chúng ăn.

CON TRĂN... RỒNG

Mùa nước năm đó, có một đêm trời mưa bão làm đổ ồ qua ngoài cây tràm mệt. Lũ cò, diệc bị gió đánh rơi lướt khướt, rã cánh té đầy đường. Ở những lùm cây rậm, loài dơi quạ đeo thành đùm bằng cái thùng thiếc, sát vào các nhánh cây. Rừng tràm U Minh đêm đó nổi sóng ầm không thua gì sóng biển. Vợ chồng con cái tui ngủ trên túp chồi sàn gác, bị giông đẩy đưa tự như ngồi xuống nan trên biển.

Độ nửa đêm, tui nghe bên dưới sàn gác có tiếng động ở gần những bụi chung quanh. Chuyện đó thì cũng chẳng có gì là lạ. Thường những đêm mưa giông như vậy, lũ thú rừng bị ướt ố, đậm ra quạnh, cắn lộn với nhau kêu ầm lên.

Đến sáng thiệt mệt, dương Tư nó từ chàng nhà mang một cái giò trên vai đi lượm cờ rót, dài dài lại nhà tui. Tui thì còn ngồi co ro trên sàn gác, chưa chịu dậy. Đang ngồi bập bêp điều thuốc, tui bỗng nghe tiếng dương Tư nó là bài hải bên dưới.

– Trời đất quỉ thần ơi! Cái con gì dị hợm kỳ đời, anh Ba ơi!

Tui lật đật vớ cây mác thông, tuột xuống thang gác, chạy tới xem. Là tay thợ rừng đã từng sành sỏi, nhìn con vật đó, tui cũng phải bí lù, không thể hiểu nổi là giống vật gì. Cái mình là mình con trăn, nhưng trăn

sao đâu lại có sừng? Cái đầu là đầu con rồng, nhưng tại sao rồng gì lại không chân mà tiếng kêu nghe “bét, bét”?

Con vật bắt đầu bò đi. Mình nó láng ngời, suông óng, đầu nó có sừng chà nhôm, cổ nghểnh lên, miệng cứ kêu “bét, bét”. Tui đặt tên đại cho nó là con trăn rồng. Nhưng dượng Tư nó không chịu, dượng bảo là con trăn gáy vừa nuốt một con nai, đầu nai còn ló ra ngoài, nên nhìn thấy nó lạ lùng như vậy.

Con trăn rồng ấy cứ bò tới, nghểnh cổ, quơ sừng kêu bét bét.



ĐẦU MỠ RĂN

Mấy chú coi kỹ lại di, có phải là dầu hôi đâu?
Dầu mỡ rắn đó da! Hồi năm tới giờ tui lấy về
chứa để thắp đèn măng xông, đèn tọa đặng, đèn ống
khói, đèn con cóc, đèn khí đá... Ủa quên, đèn khí đá thì
không phải, tôi thắp toàn bằng dầu mỡ rắn.



Só là vào mùa nước năm đó, tui chống xuồng, chờ bầy chó đi săn. Con chó cái Nô của tôi với tám con, con của nó đã phát thịt, nên rất hăng. Lũ chó ngồi trước mũi xuồng, còn tui đứng chống phía sau, cậy mác thông để cắp bên chân. Vô rừng sâu một đỗi, chín con chó bắt hơi thịt, ngoắt đuôi, tai đảo tới, mũi khít khịt. Rồi cả bầy phóng lên bờ, đuối ào ào vào rừng. Nhưng chỉ lát sau, bầy chó chạy bờ càn trở lại, la oảng oảng, vãi cút vãi đá...

Tui nghe cây rừng bị quật ào ào, gãy rống rống như một cơn bão lùa tới. Trực nhìn lên, tui thấy một con rắn hổ mây lớn thôi là lớn, nó đang rượt đuối, toan nuốt trọn bầy chó. Tui vội chụp cây mác, định nhảy lên cứu bầy chó, và nó đang lé mắt nhìn tui, đầu nghển lên cao hơn đọt cây, hai hàm răng chom chóm, trêu qua trêu lại. Con rắn nhìn tui, nháy nháy cặp mắt nhìn như nó muốn mỉm cười. Hoảng quá, tui vội chụp cái bao bố tới để gần bên, đội lên đầu. Con rắn phóng tới. Tui trích ngang. Nó mổ xuồng, ngoạm nhầm cái bao, nhai nhai. Lợi dụng lúc con rắn còn lo rãy cho cái bao văng ra khỏi miệng, tôi liền nhanh tay lật úp chiếc xuồng lại, nặm gọn bên trong. Tui liền đứng đứng cây mác thông lên, thủ thế. Tui nghe chiếc xuồng rung lên bần bật và chuyển mình lún dần xuồng. Rõ ràng là con rắn chụp hụt tui, nên bò đại lên đáy xuồng. Chiếc xuồng lún mạnh xuồng, mũi mác đâm thấu đáy xuồng, trổ lên trên. Bỗng nghe một tiếng “re ... rẹt”, chiếc xuồng liền

phình lên. Biết là con rắn đã bò qua khỏi, tui chun ra, lật ngửa chiếc xuồng lại. Nghe bầy chó kêu hực hực, ngó lại, tôi thấy còn đủ chín con, nhưng mình mấy chúng dính đầy nhớt nhai, bọt bèo. Và trên mặt nước, thứ gì trắng trắng nổi lều đều như xăng đặc. Nhìn xa gần kia, tui thấy con rắn bò đi cái đầu lắc la lắc lu. Như vậy là lúc mũi mác của tui đâm thủng đáy xuồng thì cũng là lúc con rắn bò ngang, nên bụng nó bị mũi mác rách cho đổ mõ, và tuôn bầy chó ra như vậy.

Tui vội vã kêu bà mang thùng và lu ra vớt hết số mõ rắn nổi lèn bềnh trên mặt nước. Không kể phần cho hàng xóm, tui thằng mõ ấy để dành thấp đèn suốt mấy năm mới hết.

CON KHỈ BIẾT... MẦN RUỘNG

Hồi mới về Lung Tràm khai đất hoang làm ruộng, vợ chồng tui bắt được một con khỉ con. Đem về nhà nuôi được một thời gian thì khỉ lớn la thường lại khôn ngoan. Hễ mình làm cái gì mà lỡ để nó thấy rồi là kể như không sớm thì muộn nó cũng sẽ làm được. Chỉ có điều khỉ ở dơ làm biếng tắm quá mà tui đâm ra không ưa. Bữa nọ, săn có khách đến nhà chơi đông, tui bày tiệc mắn thịt khỉ để chiêu đãi anh em một bữa.

Bạn bè cũng ráp vô, mỗi người làm một việc làm cho mau: dứa thì xắt xôi, nạo dừa, dứa chè cùi, bắc nước sôi... Tới lúc tui chuẩn bị đem con khỉ ra đập đầu nhúng nước sôi cao lồng thì “sự đời” lại đổi khác: Con khỉ khôn gần như người, chỉ khác là nó không biết nói. Biết mình sắp chết nó mới gạt nước mắt qua bên, vừa quỳ xuống, chắp hai tay lạy tôi ba lạy “tạ từ” và xin được mạng sống. Lúc đó, mọi người có mặt xung quanh đầy đủ, ai nấy cũng cảm động. Riêng già Ba Quế thì xúc giựt búa trong tay tui lại, nói:

– Thấy tội quá. Thương cho nó quá. Thôi, đừng giết anh Ba à! Thiếu gì thứ khác để mình ăn !

Ai cũng can ngăn, mỗi người nói một câu gần giống nhau vậy.

Xuôi lòng, tui đành hạ búa xuống, mở dây trói, thả con khỉ ra. Con khỉ mừng quýnh, chùi nước mắt. Từ đó đến sau tui mần cái gì là con khỉ để ý cái nấy, làm theo được cả. Giống khỉ học nghề mau thiệt. Rồi, tui di đâu nó cũng lót tót theo sau và làm như người: Phát đất, cấy, cày, nhổ mạ, vác lúa... Nhờ có nó mà từ đó tui đỡ buồn, đỡ cực. Chẳng hạn như phát đất mần ruộng, hai người ta phát một công là giỏi dữ rồi, vì đất toàn cỏ sặc lẵn cỏ lùn, bò lút đầu lận mà ?! Còn tui với khỉ, "hai người" phát hai công, lại rỗi sớm hơn người ta hết. Khi còn hay hơn tui ở chỗ là "nước" mài phãng của nó bén thấy sơ, không ai mài bằng; thành ra con khỉ phát "lát chém" – không, ngoèo cỏ một lần ngập cù nèo. Tui thì quen phát lát tạ" nên khó theo kịp nó quá. Với lại lúc mệt tôi hay hút thuốc, bà con ai cũng nghĩ hút thuốc. Con khỉ nhà tui đời nào. Có một bữa trời mưa lạnh, già Ba Quế thấy vậy quấn thử điếu thuốc gò, rồi bặp bặp đốt đưa cho nó hút. Con khỉ lắc đầu, xòe bàn tay ra trước mặt ngăn lại. Già Ba Quế thấy "tức" trong bụng lấm nhưng không sao bỏ thuốc phát theo kịp nó được. Còn khi khỉ cầm tay cày đất thì hết chỗ nói. Đường cày của nó thẳng băng, đường nào như đường này, lại lưỡi cày thọc xuống đất "ăn" đều trán, không sâu không cạn, thành thử mấy con trâu của tui rất mê. Nhưng có điều này, nhổ mạ thì khỉ nhổ không bằng tui với già Ba Quế. Bởi lẽ bàn chân của nó nhỏ thó đứng dưới đất bùn không vững lấm, nên mỗi lần giờ mạ lên đập đều té ngửa, sinh bùn dính đầy đầu cổ, mặt mày. Mạ của khỉ nhổ cũng không được sạch, gốc rễ gần như còn dính

nguyên bùn đất. Bởi vậy mà mỗi lần vào mùa, vợ chồng tui rất khó kêu công cấy, ít ai vui vẻ chịu cấy cho tui, dù giá mướn có cao đến cỡ nào. Mà nếu có chịu cấy đi nữa bà con cũng phải hỏi gạn là mạ bác nhổ, hay khỉ nhổ vậy?

Mà nghĩ cho cùng, khỉ hồi đó đâu có đưa tay gãi đầu hay mần mò, ngoèo móc đít khu thường như khỉ bấy giờ. Cũng tại tui thôi! Lần ấy được tổ ong mật đóng ở “kèo giò” đó đem về dựng gần đầy một mái mật mà quên dậy nắp; buổi trưa con khỉ đi cấy vô, mừng quá nó cứ nhảy tốt chuyền qua chuyền lại trên mấy cây xiên nhà rồi trầy tay té xuống nằm lỏn trong mái mật ong, làm cho mật dính đầy cả đít khu, đầu cổ. Từ đó kiến bu vô mình cắn hoài không ngớt, làm cho con khỉ phải mần mò đầu tóc, vừa ngoái móc đít khu riết rồi thành “tật” cho tới bây giờ!

KHI ĐI PHÁT CỎ RUỘNG

Hồi mới khai phá vùng này, khỉ nhiều vô kể. Mỗi bầy đông tới hàng trăm con, con lớn bằng đứa bé lên bốn, lên năm, chúng phá ác lăm. Tui trông được thứ gì, là nó vặt trọi thứ đó. Năm nọ, tui trông khoai rộng lăm. Tới chừng có củ, nó móc ăn sạch sành sanh. Tức mình quá, tui tìm kế trị chúng một trận cho tốn.



Suy nghĩ hoài mà chưa có cách, giống khỉ khôn có hạng, đâu phải dễ dàng gì gạt được nó. Một hôm, nghĩ ra một kế. Cứ mỗi lần đi làm ruộng là nó bu lại ngồi trên đợt tràm dòm ngó. Tui chợt hiểu: À! Đám này là chúa bắt chước. Vậy là tới bờ, tui kéo xuống lén, múa

nước trong xuồng uống, rồi rửa mặt. Nước trong xuồng tui pha mật ong ngọt lịm. Khi về, tui lội bộ, giả bộ bỏ quên xuồng. Vắng người, bọn khỉ xuồng vừa uống vừa tắm đã đời. Cầu dầu bầy có một con khỉ đột, đứng tới ngực. Nó khôn lăm, mấy lần đâu, nó đâu có chịu xuồng. Thấy bầy khỉ con ăn, tắm đã đời, nó bèn mon men xuồng làm thử; thấy êm re hồng có sao hết. Vậy là nó vô khâu. Tui mới làm cái bẫy trong xuồng, con nào nặng tới năm mươi ký mới bị sập. Cho nên mấy khỉ con bò qua đâu có sao, còn nó nhào xuồng thì bãy sập. Bắt được nó về, tui đâu cho ở không, tui bắt nó đi phát ruộng. Cũng phăng, cù nèo đàng hoàng. Nó phát giỏi lăm, tui rồi một công thì nó cũng xong một công.

– Vậy dám khỉ con đâu hết bác Ba? Có người hỏi.

– Ờ, thấy chúa tể bị tao xiềng lại, lại bắt làm ruộng, lũ nhởn nhơn ông tớn cha nó, chừng nào mới dám tới, dám quậy nữa. Nó cho ngay, hồi đó khỉ chỉ có bắt chước thôi, chớ tay chân đâu có khều móc, chụp giựt như bây giờ. Tụi bây biết tại sao không?

Thấy lớp trẻ ngơ ngác, bác Ba phì cười:

– Thì tại nó tắm ba cái mật ong mà tao gạt chúng đó. Lâu ngày dài tháng, mật dính vô lông, đi tới đâu kiến bu theo tới đó, ngồi đâu có yên, chúng quào móc riết thành tật, tới bây giờ làm sao sửa được.

TIẾP CHUYỆN KHI ĐI PHÁT CỎ RUỘNG

Tưởng ngày bác Ba Phi đi phát thì xách theo mớ cơm với đồ ăn và cái ấm đựng nước uống. Bác ăn thứ gì thì cho con khỉ ăn thứ đó. Vậy mà bữa nọ không biết vô tình hay cố ý mà Bác quên phúc chuyện đem cơm ăn làm buổi đúng, thành thử buộc bác gái phải đem cơm ra ruộng.

Cơm nước xong thấy trời nắng gắt hai Bác mới kéo nhau vô lùm cây ngả lưng tránh nắng. Thấy bác trai mồm cực khổ Bác gái thương tình âu yếm. Bác trai nằm trong lòng Bác gái nhổ tóc bạc chơi. Nhó ngoài đồng hoang vắng, gió mát, trời trong, bác trai động lòng phàm tục. Tới chừng ngó lại thì thấy con khỉ dòm lom lom bác gái mặc cỡ rửa yêu:

– Đồ quý, làm ăn gì bất nhơn quá, hổng sợ con cháu nó cười.

– Cười cái con khỉ ! Bác Ba quay qua bỗng thấy con khỉ ngồi nhăn răng cười thiệt.

Chiều về, cơm nước xong, Bác Ba bắt ghế ra sân hóng mát thì con khỉ bỗng biết kêu: Chí ! Chí !

Bác Ba chợt nhớ chuyện hồi trưa, sợ lộ nên đưa đầu cho con khỉ bắt chí. Từ đó, nó truyền nghề cho con cháu sau này.

Ở với người riết rồi con khỉ học được chuyện nói tiếng người. Một hôm nó hỏi Bác Ba:

– Tại sao con sáo báu nuôi mà không nhốt trong lòng, còn nó thì luôn luôn bị xiềng xích ?

Nghe nói hỏi Bác Ba cũng bí rị. Mà thiệt tình là như vậy. Con khỉ thì đi làm đúng buổi yết Bác, còn con sáo thì ở không chơi nhông nhông suốt ngày còn được báu hái ớt hiểm cho ăn, bắt cào cào bỏ vô kẽ chao đem về đút từng con cho nó. Bác Ba suy nghĩ một lúc rồi nói:

– Tại vì nó biết bắt chước ! Mày hổng thấy sao? Mỗi lần đi làm về nó đều nói theo sấp nhỏ “Hoan hô Bác Ba!”. Nó chỉ bắt chước chuyện người ta nói. Còn mày bắt chước chuyện tao làm không sợ sao được, tao phát, mày phát, tao cấy mầy cấy. Ở đời bắt chước người ta nói thì được, nhưng mà bắt chước hoan hô thôi ! Đì làm mệt về nghe nó: “Hoan hô Bác Ba” thì đã còn hơn đi cung trăng nữa mậy ! Còn mầy, lỡ sút xiềng mày bắt chước tao với bả thì có nước đội lục bình!

Nhớ tới chuyện cũ, con khỉ ôm bụng lăn ra cười cho tới đứt ruột. Nó chết nhăn răng mà Bác Ba cứ tưởng nó còn cười. Tới chừng quạu quá, đá cho nó một cái mồi hay nó chết từ hồi nào. Còn con sáo không biết đưa nào cắt cớ dạy nó nói tầm bậy. Đì làm mệt về hổng nghe nói nói “Hoan hô Bác Ba” như mọi bữa mà thay bằng một câu khác: “Bác Ba lấy...” chưa kịp nói hết câu, bỗng đâu con mèo chụp cái rẹt cắn cổ con sáo tha tuột lên nóc nhà. Bác Ba rút khăn lau mồ hôi trán thở phào nhẹ nhõm.

bánh tết. Bữa sau, bọn con trai con gái cũng quây quần đến che rạp, làm heo, làm gà, bửa củi, xách nước... Ai công nào việc này. Chỉ có mấy lão già tui tui không việc làm, ngồi khẽ khà uống trà ăn bánh mà tán dóc.

– Nghe nói nếp của anh dẻo đặc biệt, để ăn hử. Nếu dẻo hơn nếp Nàng Bè của tui, qua năm cho đổi vài giã làm giống anh Ba hả?

Nghe anh bạn già Hai Món nói vậy, tui cười, hất mặt bảo:

– Thì cứ lột một cái bánh ít mà ăn thử!

Già Hai Móm lấy một cái bánh loại mìne ngọt, nhân trắng, lột ra, lùm trọn lòn vô miệng. Tui dòm chừng hoài mà chẳng thấy chả nói gì. Chả cứ cắn cứng, nheo mắt, gục gặc cái đầu mà “ngậm nghe”. Một lúc lâu, tui tức quá, với lấy một cái loại mìne trắng nhân ngọt, rồi cũng lột ra định ăn thử. Nhưng bột nếp dính leo nhẹo trong lá quá chừng, nên gỡ không ra. Tui bức mình, ráy mạnh một cái, chiếc bánh ít văng bổng lên, dính vào cây xiên trong nhà. Con chó Chụp của tôi đứng chực chờ từ nấy giờ, thấy vậy nhảy phóc lên tấp liền. Chẳng ngờ nếp dẻo quá hai hàm răng con chó dính cứng trong cái bánh ít, thân thể nó bị treo tòn ten trên cây xiên nhà.

CĂN BỆNH CỦA TÔI

Coi vậy chớ da cổ tui không phải là lang beng, hay
trổ đồi mồi gì đâu nghe!

Số là hồi đó đất U Minh này còn cao, về mùa mưa, nước rừng đổ ra cuồn cuộn, màu đỏ thẫm như nước trà. Các kinh rạch nhỏ uốn éo tuôn nước ra sông Ông Đốc. Sông Ông Đốc đổ nước ra biển.

Thuở ấy, hai bên bờ sông Ông Đốc là rừng dừa nước ken nhau chạy một mạch tới gần mé biển, rồi như giật mình dừng lại chơi với... Con sông có chỗ rộng tới ba trăm mét. Đã nói con sông nước chảy mạnh như một con rắn năm đập đuôi, nên ban đêm nhìn vào đầu cọc cù nào cũng thấy chất lân tinh ánh lên từng bụng sáng lòi. Con nước ròng xuồng, những hàng cột đáy quật ầm ầm, dây kẽm chằng trên đầu cột đáy bị gió rung kêu o...o... Xuồng đi đường, có dịp thả xuôi nước, qua ngang những rương đáy nghe đánh vèo một cái mà phát chóng mặt.

Lần đó, tui cùng dương Tư nó chèo chiếc ghe cà dom đi chợ Cà Mau mua ít xi măng về xài. Lỡ con nước, tui tui phải về nước ròng đêm. Tui ở phía sau kềm lái, thả theo chiều nước xuôi băng băng. Đêm tối đen như mực, tui cứ nghênh cổ nhìn theo làn sáng sáng trên trời mà lái theo đó.

Ghe đang lao tới vụn vút, tui bỗng nghe giọng Tư nó ngồi trước la: "Coi chừng gạt!". Tức thì tai tui nghe cái "vèo", thân thể nhẹ bỗng, ghe lùi tuốt lên mé bờ. Giọng Tư nó la bài hải, tui tức quá, trả lời:

- Tui không còn thấy đường nữa. Sợi dây dêm chằng cột đáy gạt văng cái đầu tui mất rồi.

Tui nghe tiếng nói mình phát ra chỗ cần cổ chớ không phải chỗ cửa miệng. Nghe vậy, giọng Tư nó lật đật chạy lại mò cái đầu tháp lại cho tui, rồi ống lấy hổ xi măng trét trét quanh cổ. Vì đậm hôm lụp chụp, với nữa không có cái bay nên ống tó xi măng không láng được, đến bây giờ da cổ tui sần sương vậy đó. Ai không tin làn thử coi thì biết.



PHÁI LƯỢT GIÀO THÔNG

Hồi đất rừng mới khai phá, xứ này trồng dưa hấu trúng lấm. Trái lớn từ ba gang tay vòng trở lên. Đố ai ra rẫy dưa mà ôm được ba trái, nhảy quá khỏi mương ống thì tui ở đợ cho tới già! Mỗi năm vào mùa trồng dưa, thích thú làm sao. Gió chuồng thổi hây hây. Dưa mới xây bàn than, lá xòe cánh quạt, dưa bỗ vòi lại phóng đợt trắng phau, cứ sáng ngày ra ruộng, thấy trái lớn lên như thổi.

Từ Rạch Lùm, đến Trùm Thuật, Bãi Ghe vòng qua Kinh Ngang, Đường Ranh, Lung Tràm, một vùng dưa bạt ngàn! Sáng, sáng, con trai con gái, đứa đội nón nỉ, đứa mặc áo bà ba trắng, gánh thùng tươi nước đi hàng dọc trên những bờ mương ống. Thùng thiếc chói nắng lớp chớp, gió chuồng thổi rào rào nghe mát rượi trong lòng.

Rồi đến gần Tết, vào độ mùa dưa chín, lái buôn miệt trên đổ ghe xuống lớp lợp để dọ giá, trả kèo, người trong rẫy cuồn cuộn ra các chợ mua sắm áo là, quạt lụa. Dưa đi Cà Mau, dưa đi Bạc Liêu đều phải chở bằng xuồng, ghe, chở không bằng xe được. Vì đường xe bây giờ rất giăng xít, dưa chở sê bể hết. Cò Tây đã cấm chuyện này từ lâu. Đúng là lộ xe thuở đó cũng gồ ghề thật.

Mặc dù cò Tây cấm ngặt không cho chở dưa bằng xe, nhưng một bữa đó chiếc xe đò Hiệp Thành phá lệ.

Xe chạy từ Cà Mau lên Cầu Sập, thì bỗng có một thằng cò Tây thổi tu huýt khoát tay, chặn xe lại:

– Tại sao chở dưa hấu trên mui xe?

Tên cò Tây 'nỗi. Người tài xế xe Hiệp Thành đáp:

– Dạ, đâu có, ông cò?

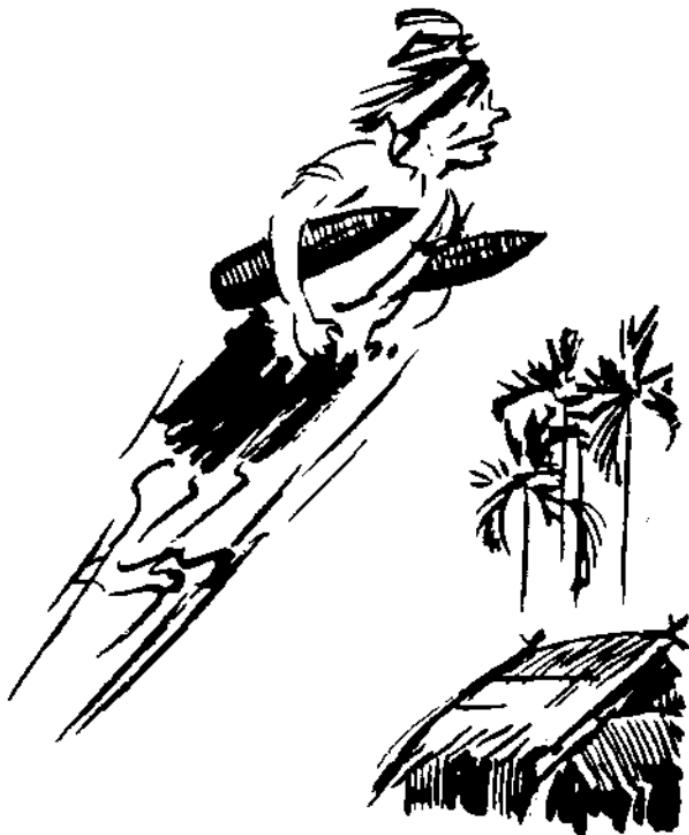
Thấy tên cò Tây hầm hực, người tài xế ngó ngoài lại sau, bỗng anh ta giật mình kinh hãi, trả lời:

– Thưa ông cò, đó là đầu hành khách, đó ông xem kỹ lại đi! Vì đường gồ ghề quá, xe chạy xóc quá làm đầu hành khách thối lủng mui xe, trổ lên phía trên, và mắc kẹt ở đó...



THỰT NÒNG Ô - BUÝT

Mùa hạn năm đó, tôi đi rừng ăn ong. Mang guì, xách mác, lội cá buối vẫn chưa tìm thấy một tổ ong nào. Trong lúc thõi chí, tui định quay về, bỗng gặp một tổ ong bự thõi là bự. Nó đóng trên một cây tràm bằng cổ vế, thân tràm cong xuống như một cần bẫy. Đứng xa nhìn lại, thấy những con ong già chớp cánh tự có ai cầm một tấm vải gấm mà phất.



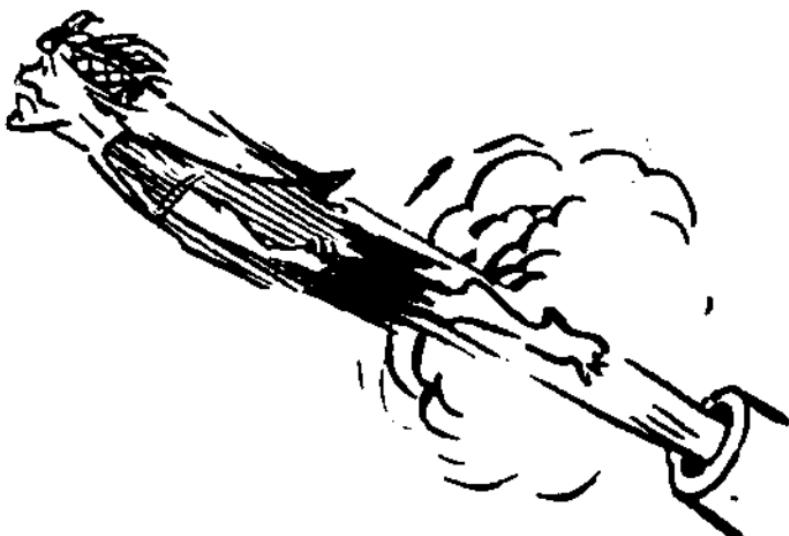
Tui nỗi lửa đốt thuốc, rê vô thổi. Ông đóng quá cao, lúc thổi, tui phải trèo lên ngồi trên đầu kèo. Ông già bay đi hết, tui dùng cây mác mà xeo mệt. Thật cung sơ ý, tôi vừa nạy sút khúc mức với tấm tàn ong, thì cây kèo tràm bỗng bật lên, bắn tui bay đi cái vèo. Ôi trời! Tui nhắm mắt chịu trận. Bay đến mẫn trốn, tui bị rót xuống ngay một đám rãy của ai? Rãy trống bí dao, trúng quá xá kể!

Sau lúc định thần, tui xác định phương hướng, đây là vùng rãy Năm Căn. Và tui nghĩ cách để trở về nhà. Sẵn còn cầm cây mác trên tay, tui cắt một trái bí dao, bổ đôi ra theo chiều dọc, khoét bỏ ruột, làm xuồng. Tui quơ thêm một mớ củi khô, bỏ vô xuồng, đẩy ra sông, theo nước xuôi thả về biển, hướng về vịnh sông Ông Đốc. Xuồng đi đến nửa đêm. Tiết tháng chạp, trời lạnh quá, tui mới nhen lửa, chất củi vô đốt, để hơ cho ấm. Nào ngờ tui lại vô ý để lửa cháy làm chín mất một lô "chiếc xuồng vỏ bí" của tui. Nước xoi mọi, cháy vô ào ào một hồi, chiếc xuồng chìm ngầm. Tui cứ nương theo ngọn sóng mà lội vô bờ. Nào ngờ lội một hồi, tui bị sóng đánh tấp vào một bè hạm đội nổi của bọn Mỹ mới là gay. Bốn bên trống hoang. Tui nó cờ bạc gì ở trống, nói chuyện xí xô, xí xà. Túng quá, tui phải chịu vô họng một cây ô – buýt lớn nhất trên hạm mà nằm cù co chõ ổ cò súng. Nằm một hồi, nghe ấm quá, tui ngủ một giấc.

Tới chừng nghe có người rục rịch bên ngoài, tui giật mình thức dậy thì, trời ơi, bọn lính đã nạp đạn vô súng nghe một cái rốp. Chưa kịp chui ra, tui liền bị

chúng nháć cò cái bẹp. Toàn thân tui bị bắn ra, cọ vào nòng súng kêu cái “có … ét”. Mình mẩy tui nóng phừng. Gió rít hai bên lối tai tui kèo kèo. Đến mân tắm, tui bị rớt xuống đất nghe cái bịch. Thật bọn Mỹ ở hạm đội nổi tại sông Ông Đốc chơi ác quá, chúng lấy tui làm nùi giẻ lau nòng súng cho chúng.

Sáng ra, tui thấy mình được chúng bắn rót nhầm vào vùng đất Khánh Bình Tây, ngay sau hè nhà mình.



CHÉM TRỰC THĂNG

B ũa đó, tui đang phát vườn thì có một chiếc máy bay đầm già từ hướng Cà Mau vè vè bay xuống. Chúng đảo vòng vòng khu vực Lung Tràm, Kinh Ngang. Chuyện đó thường thôi. Tui Mỹ, l iệm không đi coi chô đóng bót thì cũng vẽ họa đồ để lấn đất. Nghĩ vậy, tui cứ yên chí lom khom phát tới.



Không ngờ đảo một lát, chiếc máy bay lại siết vòng nhặt ngay đất tui. Tui nóng mặt, xách phăng ra đứng bờ hậu, chống nách nhìn. Bất thắn, chiếc đầm già bị lệch tay lái, húc vô ngọn cây dừa lão ở bờ ranh đất tui một cái ầm, làm cây dừa gãy lòi củ hú. Tui nổi xung, xách phăng chạy đón đầu, định dứt cho nó một nhát. Nhưng thằng Mỹ tài công thấy tui hầm hầm, liền bẻ lái trịch ngang, ló mặt ra, đưa tay vẫy, cười làm lành:

– Chào mông xù Ba Phi ạ! Xin lỗi lỡ dụng chút thôi!

Tui nạt lại:

– Chém chết mẹ mầy chớ lỡ!

Nhưng nó đã chạy tuốt về Cà Mau.

Bị tui chửa, nó giận, sáng bữa sau đem trực thăng vô đổ quân đánh trả thù. Từ sáng cho tới trưa, nào là “cồng cộc”, phản lực bỏ bom mù trời; nào là “cán gáo” xoáy vo vo khắp bờ liếp. Có chiếc hầm của mẹ con cô Hai Xoài ở cắp ranh đất tui bị “cán gáo” phát hiện, chúng đớp quyết vào. Tám mẹ con cô ta kêu la rùm trời. Tui đang ôm cây phăng chém vè gần đó, nghe con nút la khóc quá chịu không nổi, liền vọt lên tiếp cứu. Hai chiếc “cán gáo” cứ đớp vào một chỗ như cắp chuồn chuồn đá nước. Chúng chơi bộc phá nổ ình ình, đất tung lên có ngọn. Tiếng con nít, tiếng đàn bà khóc la thảm thiết! Ruột gan tui như bị ai vò xé chín khúc. Không còn biết sợ gì nữa, tui vung phăng nhào vô chém ngay đầu một chiếc “cán gáo”. Thằng Mỹ thấy tui liều

mạng, nó hoảng hồn, bẻ tay lái ngang, bê cái đuôi trở lại. Thuận đà, tui vớt trái một phăng nữa. Chiếc “cán gáo” rụng lìa khúc đuôi. Thằng Mỹ cắn răng nhăn mặt, kèm cứng tay lái cho chiếc “cán gáo” cắm đầu xuống Lung Trầm. Ba bữa sau, xác thằng Mỹ nổi lên, cái mặt nó còn nhăn nhó và hai hàm răng của nó như cắn chặt lại.



NÓI ĐÓC CÓ SÁCH

Có lần, thằng cảnh sát Xợn ở trụ sở xã Khánh Bình Tây sai lính dân vệ lên bắt tui về, vì tui ba năm rồi tui không đóng thuế đất, và không chịu làm khé ước cho nó đó. Theo lời thằng Ủy viên tài chánh Mi, là tui phải đóng số tiền là hai mươi bảy ngàn tam trăm sáu mươi ba đồng bốn cắc tư. Hừ! Cái thân già làm không đủ lùm, không có một đồng xu cạo gió, tiền đâu mà đóng cho nó dữ vậy? Thế là chúng giam tui ba ngày liền không thả về.

Đến buổi chiều thứ tư, thấy trời chuyển mưa mù mịt, tui mới nghĩ ra một kế, bèn ngồi khóc. Thằng cảnh sát Xợn thấy vậy hỏi, tui mới nói thiệt với nó:

– Không nó giấu gì cảnh sát, mấy ngày nay tui tính không đóng tiền, nhưng chuyện đó quả là lỗ quá rồi. Số là tui tiếc có hăm mấy ngàn mà giờ chịu bỏ tới mấy trăm ngàn, uổng biết bao nhiêu! Bó bạc tui giấy trên đót dừa, bà nó ở nhà làm sao mà biết để lấy vô. Mưa điệu này chắc là rã tan hết.

– Vậy thôi, ông hãy về rút lấy đi, rồi mai đem tiền xuống đóng!

Thằng Xợn sốt sắng bảo tui như vậy, rồi thả tui về.

Ba bữa sau, rồi mười bữa sau, tui cũng không moi đâu ra tiền mà đem xuống đóng cho nó. Thằng Xọn biết là mắc điểm tui nên bảo ra quận. Thằng Nhung, quận trưởng quận Rạch Ráng sai lính bảo an vò bắt tui nữa.

Ra đến quận, thằng Nhung điểm mặt tui thách:

– Nghe đồn bác nói dốc dữ lắm hả bác Ba Phi? May thằng tè xà mắc điểm bác, chờ tui thì ... còn lâu!

– Tui chỉ nói dốc lai rai để giúp vui cho trẻ lối xóm vậy, chờ đâu dám nói dốc với quận, quận trưởng như ông.

Tên quận Nhung cười ngặt nghẽo:

– Bác mà nói dốc cho tui tin thì tui sẽ thả bác về liền đó.

Tui làm ra vẻ uể oải:

– Quận trưởng là người lớn, có nói dốc thì cũng phải tra sách vở đàng hoàng chờ ai dám nói tay ngang.

– Bác nói dốc cósách à?

– Ba bộ: Thượng, Trung, Hạ đều có đủ cả.

– Vậy bác về lấy bộ nào cho thật tốt, đem xuống tui xem!

Tui xin thằng quận Nhung, ra chợ đón xuống quá giang về nhà. Ba bốn ngày sau, không thấy tui xuống, thằng quận Nhung nhăn bảo tui đem sách xuống cho nó. Tui mới nói lại với người đem tin rằng: “Anh về nói với quận trưởng là cuốn sách dốc nhứt tui đã giao hết cho ổng hồi bữa đó rồi”.

TRUYỆN NGUYỄN KINH

CÁI BỊ LẮC CỦA KÈ ĂN MÀU

Một lần nọ, trong dịp rỗi vụ, làng nơi Nguyễn Kinh ở mời gánh hát bộ về diễn giúp vui. Bà con lâu lăm mới được giải trí nên nô nức đi xem đứng chật cả đình làng, thế nhưng, giờ qui định mở màn đã lâu mà tên lý trưởng, nhà khít rịt đó chẳng thấy tăm hơi. Mà hắn ta lại là người cầm trống châu nên tất nhiên dù nóng lòng mấy bà còn cũng phải chờ. Kinh thấy vậy, tức lầm, liền nhảy lên sân khấu yêu cầu gánh hát cử một vai hề để cùng ông phụ diễn giúp vui cho bà con cô bác trong lúc chờ đợi. Kinh diễn hề rất có duyên nên bà con cười nghiêng ngã. Bỗng nhiên đang diễn, Kinh nói với vai hề:

– Tao đố chú mi một câu, nếu đoán trúng tao chịu làm ngựa cho chú cởi chạy năm vòng sân khấu. Trật, thì ngược lại.

Anh hề đồng ý. Kinh liền đố:

– Ở ngoài bäu, đi sau ngồi trước là cái gì?

Kinh làm bộ ngựa phi, người cười ngựa la hí vang trời, còn anh hề thì gãi đầu gãi tai. Đúng lúc ấy, ông lý tới, vẻ mặt hầm hầm, bệ vệ tiến lại chỗ kê trống sát

chân sân khấu. Kinh nhắc lại câu đố và tinh bơ làm trò. Anh hề đứng ngớ ra một lát, rồi đưa cả hai tay lên đầu, xin thua cuộc.



Kinh thấy thế, cười to lên mà đáp rằng:

- Đó là: Cái bị lác của kẻ ăn mày!
- Vì sao???

Mọi người ở trên cũng như dưới sân khấu nhao lên hối dồn. Họ đoán chừng Kinh muốn chơi xỏ ông lý, nhưng giải thích như thế thì chịu, không tài nào hiểu được.

Kinh lý giải:

– Bởi giống lác vốn mọc ở ven bìa, được người ta cắt về phơi khô, đan thành bì. Người ăn mày dùng bì, khi đi thì mang sau lưng, còn khi ngồi, lại đặt ngửa nó ra phía trước để chờ của bố thí. Như vậy: “Ở ngoài bìa, đi sau ngồi trước”, không phải là “nó”, thì còn cái gì nữa?!!

Ông lý trưởng bị biến thành vật đố, lại là cái vật tồi tệ nhất, nên đỏ mặt tía tai, không làm sao bắt tôi được người đã giêu cợt mình. Còn bà con khi hiểu ra, vỗ tay tán thưởng.

Bây giờ, Kinh cũng nhong nhong ngựa người ra khỏi sân khấu.

CHỚP CHỚP LÂM LÂM... NỔ CÁI ÂM

Tiếp câu chuyện hát bộ về làng, lý trưởng cầm trống chầu thường công đào kép hôm ấy rất đã quạo sẵn nên rất tần tiện, thường chỉ đánh một dùi. Diễn viên gánh hát tức lấm nhưng chỉ biết than thở với nhau. Kinh đến. Những người quen biết ông thuật lại cảnh “bóp chầu” của lý trưởng, Kinh nói:

– Hè Lân với tui lên diễn màn phụ, để tui sửa lúng lão một cái coi chơi.

Gánh sắp xếp lớp hài cho hai người vào sân khấu. Sau phút chọc cười khán giả, Kinh bảo hè Lân:

– Tao đố chú mày nghe: “chớp chớp lâm lâm... nổ cái âm!” là gì?

Làng Xuân Thiên hồi ấy phần đông dân bị toét mắt. Ông lý cũng không thoát khỏi cảnh hấp háy kèm nhem, lại phải cố nhìn, cố nghe mà “nổ” trống, nên ông càng nhèm nhua. Do vậy, câu đố của Kinh là nhằm tả thực cảnh ông lý ngồi chầu. Bà con nghe qua đã hiểu ngay ngụ ý đó và cười nghiêng ngã.

Hè Lân vờ lúng túng để ông lý thám đòn một hồi, mới giải:

– Anh nó đố chi mà dễ ợt, “sấm sét” chứ còn gì nữa?

- Chú nói gần đúng. Vì đây là sấm đất, đất đặc nên nổ ít, chứ sấm trời thì phải nổ cả hồi giòn giã mới vui tai chứ.

Ông lý biết mình bị chê là keo kiệt, từ đấy về sau thường nới châu để bù lại.



NHỮNG NGƯỜI KHÁCH KHÔNG MỜI

Khán Tập ở cùng xóm với Kinh, là một người có thế lực và khá giả. Kinh thường đến nhà Tập nhờ vả khi quan tiền, lúc bát gạo và làm giúp đôi việc vặt, để có thể cậy nhờ. Vì vậy, Khán coi Kinh như hàng loong toong, mỗi khi có việc, sai Kinh chạy quảng quàng. Hôm ấy, Khán Tập chuẩn bị giỗ cha, Kinh vờ ốm không đến. Vì mọi năm, hắn đến ngày này, Kinh ta phải chạy đi mời mọc, mua sắm thứ này thứ nọ đến phà người, mà cuối cùng phải về nhà mình lục tìm con người! Ngay cả vợ con và đám gia nhân nhà Khán cũng nhện miệng đái khách nữa là. Tính Tập vốn thế, đã keo như kẹo lại thích làm hoách. Nhưng lần giỗ năm nay nhộn nhịp khác thường. Nhộn nhịp đến mức chủ nhà cũng phải hoảng lên. Thoạt đầu, Tập nhận ra có rất nhiều khách và bà con, chòm xóm mà y không hề mời, bỗng nhiên đến nườm nượp. Ai cũng khen “thầy Khán” không quên họ như mọi lần. Tập vừa sương sùng, vừa tiêng hào phóng với mọi người, nhưng lòng thì băn khoăn. “Tại sao đám khách khứa quyền quý, hạng ông cần trả nợ miệng, giờ này vẫn chưa thấy tới?”

Xế trưa, khi xôi bánh nhà Khán đã sạch, đột nhiên những vị khách đáng kính kia lại lũ lượt kéo tới, nhiều đến mức nằm mơ. Tập ta cũng không hiểu được. Nhiều vị từ Triêm Ân, Mộc Trụ, Ké Lái cũng kéo

đến. Chao ôi! Thật là vinh hạnh và cũng thật ... nan giải! Nghe tiếng cười nói bỗ bã quen thuộc của họ ngoài cổng. Tập quát vợ:

– Lấy gì mà dọn dây?

– Chết tiệt cái chợ Trường Hà, giờ này còn ai mua bán nữa!

Bà vợ nhà miếng trầu xuống đất, chửa đồng lên, rồi gọi con: Thủy! Mày đi Hà Thanh, mau lên! Còn thằng Cầm, xuống vạn đồ ngừa cá... Nhanh! Ông mời mọc kiểu chi kỳ quặc rứa? Hả??!

Khán tập đưa tay ôm đầu, sửa lại nghiêm chỉnh cái khăn đóng tía để chuẩn bị ngay nụ cười bất đắc dĩ đón khách.

Khi đám vợ con và gia nhân nhà Khán cật lực nấu nướng cho gần ba chục miệng ăn, thì ở nhà trên, Tập gắp giết thì giờ cho khách không biết cơ man là rượu. Rượu vào lời ra, thối ma bởi lầm thầy; Không ai chịu lý ai. Để tránh cuộc xô xát không chỉ xảy ra với đám quan chức trong làng mà còn có thể với cả hàng tổng, Khán Tập phải mượn cớ ngà, hiếu đạo với cha để dàn xếp cho bọn họ lần lượt vào dù ra cổng.

Nhờ tiếp hụt khách, đám người nhà Tập được một bữa no nê.

Sau cái hụt hơi vì khách khứa và bởi áy náy trong lòng, Khán Tập đãm ốm. Ông ta được biết chính Kinh là người trực tiếp đến mời từng người khách một và hẹn giờ giấc chu đáo.

Tập cho gọi Kinh đến:

– Tôi có nhờ chú đi mời đâu? Tập gắt.

– Không nhờ, làm sao tôi biết được những người thân thích và khách bạn của thầy. Hàng năm, thầy chả sai tôi chạy đến sái bánh chè vì họ, rồi mang bụng đói mà về sao? Vả, thầy bảo ai trong số họ là không đáng mời?

Khán Tập lắc đầu. Quả ai cũng là người Kinh trước đây từng mời cả, chỉ có điều dịp này hay dịp khác thôi, còn kỳ giỗ này thì trọn vẹn! Rất hận Kinh, mà Khán tập dành phải làm thịnh.



SƠI ĐẤY LƯNG BẮNG CHÌ

Có người thợ bạc gian lận bằng cách pha thêm chì, đồng để thu lợi cho mình. Nhờ đó, hắn trở nên giàu có, mua được phẩm hàm và lên làm lý trưởng. Gã lý trưởng xuất thân từ anh thợ bạc gian trá này, đã từng bị nhân dân oán ghét. Hôm ấy làng nhóm do hắn chủ trì, bà con khá đông, nhưng các ngũ hương thì đến chưa đủ. Trong lúc chờ đợi, hắn cho mời Kinh vào chiếu trong, nói:



– Thầy là người biết nhiều chuyện trong thiên hạ, xin kể cho các cụ và bà con nghe một chuyện giải buồn.

– Tui chỉ biết rặn chuyện tào lao – Kinh nói – nên có gì sai trái xin các cụ miễn lỗi cho.

Mọi người đồng ý: Nếu Kinh sơ suất, làng không phạt vạ.

Kinh bắt đầu:

“Ngày xưa, có một gia đình sinh được hai người con trai. Người chồng chẳng may mất sớm, vợ phải tảo tần nuôi con cho đến khi thành gia thất. Anh trai cả giàu có, nhưng keo kiệt, lại rước phái chị vợ danh đá, hắt hủi mẹ chồng. Còn người con thứ thì nghèo túng, tuy có lòng hiếu thảo, nhưng khó nuôi nổi mẹ. Để hai con được nhẹ gánh về mình, người mẹ đành phải che riêng mái rạ sống côi cút, hái rau bắt ốc qua ngày. Người mẹ khổn khổ ấy già khụm đi trông thấy, khiến làng xóm lên tiếng chê hai người con bất hiếu. Hai anh em mới bàn với nhau đưa mẹ về nuôi. Ai cũng có lý do muốn mẹ đến ở chỗ mình. Người em vì thương mẹ, còn người anh sợ em nuôi, mình bị mọi người dè bỉu. Cuối cùng nảy ra giải pháp: Mỗi người nuôi mẹ một tháng xem thử ai nuôi lên cân, người ấy có quyền giữ mẹ lại nhà mình. Vợ chồng người anh tính hơn thiệt, đẩy cho người em nuôi trước. Sau một tháng sống với đứa con nghèo, nhưng nhờ chăm sóc chu đáo, người mẹ tăng lên được một cân. Đến người anh nuôi, tuy của nả nhiều mà tỏ ra hờ hững, nên người mẹ sút cân. Điều này, vợ chồng anh ta phát hiện ra trước khi một tháng thứ

thách chấm dứt. Sau khi bàn bạc, họ quyết định may cho mẹ chiếc quần mới, để luồn một sợi dây lưng mà hết nửa băng chì, vừa bù cho số cân hụt, vừa có tăng hơn chút đỉnh. Âm mưu của vợ chồng anh con trai cả được thực hiện lúc đưa mẹ lên cân, có bà con xóm giềng làm chứng. Anh con trai thứ chỉ nhìn thôi, cũng biết mẹ mình sút đi rất nhiều, vậy tại sao có chuyện nặng cân bất thường như thế? Nghi có điều mờ ám, anh ta vờ sửa lại áo quần cho mẹ và nắn trúng sợi dây lưng băng chì! Việc làm xấu xa của vợ chồng người anh bị đưa ra ánh sáng. Những người có mặt đều lên án con người tráo trổ”.

Kinh kể xong, mọi người suýt xoa thông cảm hoàn cảnh người em và lớn tiếng chê bai con người lừa đảo, bất nghĩa. Chỉ riêng lý trưởng là biến sắc mặt. Cơn giận khiến hắn run người, nhưng không nói được một lời nào. Hắn hiểu Kinh muốn lật tẩy thành tích nhơ nhuốc của hắn trong quá khứ với lời cảnh cáo: “Nếu tiếp diễn con đường tráo trở ấy để lừa bịp và ức hiếp dân, thì hãy coi chừng!”.

NHỮNG CON CHÓ TRONG NGÀY CÚNG ĐÌNH

Năm nào cũng vậy, kể đến ngày cúng đình là đàn chó không biết từ xóm nhà nào lũ lượt kéo tới. Chúng xộc vào tận bếp, lảng vảng nơi mái hiên, và đông nhất là ở hàng chiếu ngang, trải la liệt từ đình chính đến nhà hội, nơi dành cho dân các hạng ngồi ăn. Làng tế, dân đình không ăn cơm nhà, nên họ cũng tỏ ra rộng rãi với đám khuyến lang thang này. Hình như lũ chó cũng biết điều đó, chúng cụp đuôi, cúi đầu đến tận đất, chạy tới mé hiên đình chờ đợi.

Còn điều này nữa, cũng thường xuyên lặp đi lặp lại, đó là gian giữa đình trải chiếu hoa một hàng, chén bát kiểu sấp thẳng tắp, rượu tăm đầy bầu, và dĩ nhiên bao nhiêu thứ ngon lành cũng được dọn lên ở đấy. Trên các chiếu ngang dành cho dân các hạng, chỉ dọn cái mâm vun, nửa xôi nửa thịt mỡ với nấm đũa tre vót vội, so le và tua túa những xơ, trông thật thảm hại.

Đám chó cũng tinh ranh để nhận ra phần của chúng nằm ở nơi chiếu xoàng xĩnh kia, vì trên đây có rất nhiều xương. Và chúng cũng sợ mấy ông tuần, không dám bén mảng tới chỗ chiếu hoa, hay chúng nhận ra những thứ hảo hạng ở đó sẽ không bao giờ vào được miệng mình? Dẫu sao thì mọi cái vẫn đâu vào đấy, và Nguyễn Kinh nhà ta cũng chọn cho mình được một chỗ ngồi đúng bậc. Đó là chỗ chiếu dành cho dân

thường; trải ở mé hiên, gần phía các cụ lớn lên trong. Mọi người vào cuộc, hưởng lộc thần ban. Kinh thấy trên mâm mình ngồi ăn rặt thịt mỡ và xương, với lau thau ít lòng tạp. Ông gấp từng cái xương một, gặm qua rồi vứt cho đám chó chực sẵn, cứ một khúc xương lại ném cho chúng miếng lòng già hay tí mỡ. Bọn chó chú ý theo dõi, nên một vài lần sau đó, chúng vồ lại giành nhau và cắn xé dữ dội. Mọi người bỏ dừa cùng ngoái nhìn lũ chó. Kinh đứng lên, vờ xua chúng đi và chửi đồng.

– Tiên sư cha mấy con chó! Thịt thà người ta ăn sạch rồi, chỉ còn mấy cái xương mà cũng tranh nhau ầm cả lên.

Bọn ngù hương ở chiểu trong, rượu thịt vào mặt người nào cũng đỏ kè, nhưng đủ tinh táo để biết Kinh lấy cơ chửi thẳng vào mặt mình. Và tuyệt nhiên không ai hé miệng, vì họ chẳng dại gì để bị coi ngang loài khuyến trong ngày lễ tế đình làng.

Còn Kinh, chửi xong, ông ném thêm cho đám chó mấy cái xương nữa, rồi đường hoàng bước ra khỏi chiểu.

NÓ GIÀU, MẶC CHẮC NÓ

Xóm Nguyễn Kinh có một gã nhà giàu. Chủ nhà này vốn khinh khi người nghèo khó. Mỗi lần có lễ lạc, cúng kỵ, ông ta chỉ mời hạng khách sang và lờ đi những người láng giềng kiết xác. Kinh thuộc số sau, chẳng bao giờ làm được thực khách của người này.



Hôm nọ, Kinh dặn vợ con lo chợ búa, nhóm bếp và gõ dao thớt cành cách y như đang làm cỗ bàn giỗ lớn. Con cái ông, đứa xách chai mua rượu, đứa chạy lạch bạch tìm vòi, khiến không khí chuẩn bị cúng càng náo

nức. Mọi hoạt động của gia đình Kinh thông lọt khỏi tai mắt ông hàng xóm kia. Ông ta xét nét và hơi áy náy. Nhất là về chiêu, thấy vợ con của Kinh liên tục bưng mâm có đầy lồng bàn rất trịnh trọng sang biếu cỗ từng nhà trong xóm. Ông nhà giàu đợi đến lượt mình, nhưng chẳng thấy. Gần tối, bỗng con của Kinh chạy đến chỗ ông: “mời bác qua nhà”.

– Ra nó cũng biết điều và tôn trọng ta hơn người. Gã nhà giàu lầm bầm như vậy, khi bước nhanh đến nhà Kinh.

Tới nơi, ông ta được Kinh đón đã mời mọc. Trên bàn sấp sẵn con gà luộc, đĩa xôi đầy và be rượu đế, dù chỉ có hai người, một chủ một khách thôi. Kinh rót rượu mời ông nhà giàu, hăng giọng nói:

– Bác với tui chỗ gần ngõ xó cươi, tối lửa tắt đèn có nhau. Hôm nay, tôi có giỗ, mời bác sang uống chén rượu nghĩa tình. Bác biết đó, có thằng nhiều của mà ngốc lăm, chỉ biết tí bọn nhà giàu thôi. Nó giàu mặc cha nó, bác nờ!

Ông nọ vừa uống lô ngum rượu, thấy đắng họng, bỏ về ngay.

Còn Kinh, ông gọi vợ con ngồi vào bàn. Bởi ông bày ra thế để cả nhà có dịp bồi dưỡng và chửi xéo ông láng giềng khinh người nọ chơi, chứ có kỵ cúng gì đâu. Chiếc mâm đầy lồng bàn đi quanh trong xóm là mâm không.

PHÚ ÔNG ĐỔI TÊN

Có một người tên Bụi, giàu nứt đố đổ vách nhưng tham lam, bẩn xỉn. Nhờ tiền, ông ta mua được hàm Bát phẩm, nên mọi người gọi là Bát Bụi. Ông Bát rất muốn học làm sang. Hôm nọ, Kinh đến nhà Bát Bụi chơi, thừa lúc trà dư tửu hậu, mới gợi ý:

– Cụ lớn vốn nhà danh giá, làng, tổng đều kính nể, nhưng nói cụ bỏ qua cho, cái tên nó ... xấu quá! Nên đổi lại tên khác mới hợp. Bát Bụi bao giờ cũng chứng tỏ mình nhìn xa thấy rộng, nói:

– Chính tôi cũng có suy nghĩ như thầy. Nay giờ, ruộng cò bay thăng cánh, mà còn “bụi” là không ổn rồi. Thầy chữ nghĩa đầy bụng, tìm được cho tôi một cái tên khác thì quý hóa quá!

Kinh vò vò đầu suy nghĩ và hẹn Bụi vài ngày nữa, đồng thời dặn mua sắm trước lễ vật cúng kiêng khi đặt tên lại.

Đúng hẹn, Kinh trở lại.

– Tui nghĩ ra cho cụ lớn một cái tên rất hay, là Bạch.

Ông Bụi hỏi:

– Bạch nghĩa là gì?

– Là trắng, là sáng sủa, trong sạch...

– Hay quá !!!

Mừng rỡ, chú nhà bày xôi, gà, cua, trứng... ra bàn đặt trước sân, để Kinh làm lễ tâu trời đất, chính thức cải đổi tên.

Kinh đốt nén hương, chắp tay khấn to lên rằng:

"Chư thần liệt thánh

Bắc Đẩu, Nam Tào

Gia cư, thổ trạch

Tất cả lắng tai:

Bụi này thành... Bạch!"

Lê xong, Kinh xin keo một lần là được ngay.

Chủ, khách đều hể hả, xé thịt gà, uống cạn bầu rượu tăm, hết lời chúc tụng nhau. Bấy giờ, Kinh mới xin tâm biệt chủ nhà, đi ra cổng, nơi đám người hiếu kỳ chen nhau xem từ lâu vẫn còn ngấp ngó. Bỗng Kinh cười to như pháp nổ!

Nghe tiếng cười của Kinh, mọi người bên ngoài xúm lại nghe ông giải thích. Nghe xong, họ cười ồ cả lên. Lúc ấy, dường như Bát Bụi (nay là Bạch) cũng giật mình hiểu ra cơ sự.

Bởi vì, vợ ông ta có tên cũng cơm là Tuyết. Lâu nay, quen gọi theo tên chồng, sau đó lên chức "Bà" khiến ngay cả người thân cũng quên băng đi. Nay cái tên Bạch của phú ông, gợi người ta liên hệ đến tên Tuyết của phú bà ngày xưa, đem ghép lại thành Bạch Tuyết. Mà trong bộ bài tới, mọi người đều biết, đó là tên một quân bài mang hình tượng "chiếc rong ba lá" ... của phụ nữ!

Khốn nỗi, chuyện đã lỡ rồi, trời đất đã chứng tri, hàng xóm đều nghe thấy, biết làm sao bây giờ? Bát Bụi, gã trọc phú thích học làm sang, đành ngậm bồ hòn làm ngọt.

HỌC KHÔN, HỌC KHÉO

Làng nọ có người đỗ đạt, không biết là bằng cấp gì, nhưng xem ra, ai cũng hãnh diện nhắc đến người này. Kinh lại chơi, nghe chuyện, biết con người đó thuộc hạng giá áo túi cơm, chẳng giỏi giang gì, mới kể cho mọi người nghe chuyện "Học khôn học khéo" dưới đây:

"Ngày xưa, có một làng kia rất chuộng văn hóa, nhưng chẳng ai chịu bỏ tiền lo ăn học. Các vị đứng đầu làng họp bàn, chọn hai người được coi sáng dạ để cử một người đi "học khôn", một người đi "học khéo" và cấp chi hai mẫu ruộng làng. Người học khéo nhận tiền bán ruộng, la cà ở các quán hàng thịt heo, chả chó, chưa biết được nghề ngỗng gì thì đã gân nhẫn túi. Hôm nọ, anh ta tới nhà người mổ heo, vốn là khách hàng quen biết nên được cho ngồi xem. Anh ngồi miết, nên buồn ngủ, ngáy khò. Khi thức giấc, thịt heo đã chín. Nhìn món đồ lợn, anh ta hỏi:

– Cái gì vậy?

– Ruột lợn. Người chủ hàng trả lời.

Thấy đồ nóng hổi, bốc mùi thơm phức, anh chàng mua một khúc ăn, khen ngon đáo để, rồi phán khởi ra về:

Trong thời gian đó, người được làng cử đi học khôn lại lê la nơi đô hội, này sòng bài, mai túu quán. Có lần,

– “Bạch nhật tiếu thâu, đã cắt lát ra, tau sắp đầy đĩa mà bay còn nói thế!”

Mấy vị chức sắc hoảng hồn, ngỡ thầm Mặt Trời hiện lên ở anh ta, mới van lạy đủ điều và tha bổng cho chàng học khéo kia. Ai cũng cả quyết rằng: làng ta có hai người thông kim bác cổ, đến trời đất, thành hoàng đều cảm thấu!”

Kinh kể xong, dân làng khen hay; người mời trầu, kẻ mang thuốc. Nhưng đến khi con người hùng biện đi khỏi ngõ, mọi người sự nhớ kẻ đỗ đạt ở làng mình, và ngâm ra ngậm đắng nuốt cay... thì sự đã rồi!



VÂNG LỜI BỐ VỢ

Một lần, bố vợ Kinh bất chợt ghé thăm thì đang gặp ông rể quý nằm chõng chân trên phản nghêu ngao hát, bèn quở trách:

– Người ta sinh ra thì phải làm việc, ai cũng làm rầm rầm rộ rộ, còn mày thì cứ nằm ngửa mãi!

Kinh không dám đáp lại bố nửa lời.

Lần khác, chừng tháng sau, Kinh cũng đang luyện giọng cho mấy câu hò mới kiến được, bỗng ông thoáng thấy bóng bố vợ ngoài ngõ, bèn lùa vội ly tách trên phản sang một bên để có chỗ mà nằm, mặt úp xuống, tay chân buông thõng.

Người bố bước vào, thấy rể nằm im im, ngờ có chuyện đau ốm gì, hỏi rồi rít:

– Ôi chao! ... Mày làm sao thế, hở Kinh?

Kinh ngẩng đầu :

– Con có làm sao đâu?

– Không sao mà nằm sấp vậy ư?

Kinh lấy giọng thiểu não đáp:

– Bố chẳng cần rầy con “cứ nằm ngửa mãi ra” là gì? Nay con vâng lời, chỉ có nằm sấp thôi, bố còn cẩn vặn làm chi nữa!?

LỜI XIN

Thấy vợ con chạy đôn chạy đáo, chân không bén đất, sau bữa cơm ăn vội, bà toan đi, Kinh gọi lại:

– Nè! Mẹ mày mần chi mà cuống lên rứa? Hãy từ từ thôi.

Bà Sử vốn bực tính thờ ơ của chồng, được thế nói:

– Ngồi đó mà từ từ! Để chợ tan, quán hết thì bán buôn với ai? Đúng ra, ông phải giúp tui việc bếp núc để tui còn rảnh tay chạy chợ, chứ đằng này ...

– Thôi, Kinh ngắt vợ. Từ nay, tui đảm việc nấu nướng cho.

Bà quay lưng đi, nhưng cũng nói với lại một câu:

– Ăn bữa nay phải nghỉ tối bữa mai. Ăn no lo xa mà!

Người vợ tan chợ về, mang chúng gióng vào nhà, thấy cơm canh đã nấu xong đâu vào đó, định gọi chồng vào cùng ăn, nhưng thấy ông đang ngồi chõ vại nước, mới đến gần xem thử.

– Ông còn mần chi nữa? Bà hỏi.

– Vo gạo chứ làm chi?

– Ông điên rồi à? Cơm canh tôi thấy ông làm xong, còn vo thêm gạo nấu cho ai ăn nữa?

Kinh người mắt nhìn vợ:

– Mạ mày cái chi cũng bắt bẻ tui được. Xong bữa nay phải tính tối bữa mai, ăn no lo xa, mạ mày chẳng vừa giảng giải lúc sáng đó ư?

Bà Sử biết chồng không muốn đánh bạn với bếp núc nên sau đó phải tự mình đảm đang lấy.

TÌM VỢ

Anh Bình, người hàng xóm của Kinh vừa dựng được nhà mới. Ông lăm xăm tới chúc mừng. Bà con, thầy thợ thấy Kinh đến, mời ông uống rượu và nài kể chuyện vui cho bằng được. Ông bước ra sân, ngắm nghĩa cái nhà mới, nói:

– Chuyện thì chẳng thiếu. Nhưng nay anh Bình làm nhà, tạm gác đó, tui nghĩ vài câu gọi chút quà mừng nhà mới.

Chủ nhà từ mái tuột thang xuống, rồi rít:

– Được bác chiếu cố thế, còn chi bằng.

Kinh từ tốn đọc:

– *Cái nhà hai căn không chái*

Phá ra làm lại, rộng rãi ba căn

Vợ chồng anh Bình gắng sức mần ăn

Ngày sau không như cùu Kiếm, cũng bằng câu Thông.

Chủ khách đều hớ trước lời chúc chí tình, và phục tài xuất khẩu thành chương của Kinh. Không thích thú sao được, khi Kinh đem cùu Kiếm với cậu Thông, hai nhà giàu có ở nơi đây, để làm cái hình ảnh ngày mai của đôi vợ chồng xuất thân nghèo khó, đang cố ngoi lên vượt khỏi cảnh bần cùng.

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU.....	5
TRUYỆN TRẠNG QUỲNH	7
TRUYỆN TRẠNG LỢN	71
MỘT VÀI TRUYỆN MÂN NHỤY VÀ PHỦ TUẤN.....	120
TRUYỆN XIẾN BỘT.....	131
TRUYỆN ÔNG Ó	203
ÔNG TUYN	248
TRUYỆN CHÀNG CUỘI	254
TRUYỆN CHÀNG CU.....	300
Y LÓA, CHÀNG NÓI KHOÁT GẶP MAY.....	312
THƠMÊNH CHÂY	330
TRUYỆN BÁC BA PHI	388
TRUYỆN NGUYỄN KINH.....	480

**KHO TÀNG VĂN HỌC DÂN GIAN VIỆT NAM
TRUYỀN NÓI TRẠNG**

PHAN DIÊN VŶ – XUÂN TÙNG (Sưu tầm – Biên soạn)

Chịu trách nhiệm xuất bản :

Giám đốc : **VŨ VĂN ĐÁNG**

Tổng biên tập : **NGUYỄN ĐỨC HÙNG**

- Biên tập **TRÂM MY**
- Trình bày **TUẤN HÙNG**
- Bìa **DUY NGỌC**

In 1000 cuốn. Khổ 13 cm x 19 cm.

In tại: Xí Nghiệp in chi nhánh NXB Giao Thông Vận Tải.

Giấy TNKHXB số 299/1372/XB-QLXB.

Cục Xuất Bản cấp ngày: 19/11/2002.

QĐXB số: 357 /QĐXB do NXB Đà Nẵng

Cấp ngày: 03/06 / 2003

In xong và nộp lưu chiểu tháng 09 năm 2003.

